

TIÊU THI MỸ

Mưu lược ĐẶNG TIỂU BÌNH

(SÁCH THAM KHẢO)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

TRẦN NGỌC THUẬN

Dịch theo bản tiếng Trung Quốc,
Nhà xuất bản Hồng Kỳ
ấn hành tháng 5-1996

TIÊU THI MỸ

Mưu lược ĐẶNG TIỂU BÌNH

(SÁCH THAM KHẢO)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 1996

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Năm 1995, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia đã cho dịch và xuất bản tác phẩm "Đặng Tiểu Bình văn tuyển" tập 3 để giới thiệu rộng rãi với bạn đọc Việt Nam đường lối cải cách và mở cửa của Trung Quốc.

Năm 1996 này, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia lại xuất bản tiếp một cuốn sách mới viết về sự nghiệp của Đặng Tiểu Bình - cuốn "Mưu lược Đặng Tiểu Bình" của tác giả Tiêu Thi Mỹ do Nhà xuất bản Hồng Kỳ Trung Quốc ấn hành vào tháng 5-1996.

Cuốn sách gồm 7 chương nhằm giới thiệu mưu lược của Đặng Tiểu Bình trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc trên các lĩnh vực trị loạn, phát triển, kinh tế, chính trị, quân sự, mặt trận dân tộc thống nhất, ngoại giao...

Cuốn sách đã đề cập và nêu lên những kinh nghiệm phong phú về mọi mặt trong công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc mà "Tổng thiết kế sư" và "Tổng công trình sư" là Đặng Tiểu Bình. Cuốn sách đáng để cho chúng ta nghiên cứu, suy nghĩ, rút ra những bài học cần thiết cho công cuộc đổi mới toàn diện trên đất nước ta do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Tuy nhiên, trên một số vấn đề về quan hệ đối ngoại, đặc biệt là trong vấn đề quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, chúng ta không thể

chấp nhận những quan điểm, cách nhìn, phương pháp tiếp cận không đúng của tác giả cuốn sách này. Song, dù sao đây cũng là một cuốn sách tham khảo bổ ích.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 10-1996

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

TÀI THAO LƯỢC VĨ ĐẠI CỦA TỔNG THIẾT KẾ SƯ (THAY LỜI TỰA)

Bản thân tôi từng nói quả quyết rằng Mao Trạch Đông là mưu lược gia vĩ đại nhất cổ kim, cả trong và ngoài nước, suốt cổ kim trong và ngoài nước không có mưu lược gia nào có thể sánh với Mao Trạch Đông. Lời đánh giá này cho tới nay chưa từng có dị nghị. Nhưng nay lại cần hỏi: Thế còn Đặng Tiểu Bình?

Mưu lược và trí tuệ của Đặng Tiểu Bình có điểm độc đáo của nó. Điểm độc đáo này được thể hiện bằng một danh hiệu duy nhất mà người đời tặng cho ông và ông cũng vui vẻ nhận, đó là: "Tổng thiết kế sư".

"Thiết kế sư" đương nhiên không có cái "thần thánh" như danh hiệu "Người thầy", "Vị thống soái", "Người cầm lái", song lại nổi bật lên cái ý nghĩa mưu lược. Mao Trạch Đông từng gọi Đặng Tiểu Bình là "quân sư" mà ông mời đến, mà "quân sư" xưa nay vốn phụ trách việc bày mưu hiến sách, như hình tượng của Gia Cát Lượng trong Tam Quốc diễn nghĩa. Trong từ điển của người Trung Quốc, chữ "mưu lược" vốn xuất phát từ "kế mưu", mà "thiết kế" hầu như ngang bằng với "mưu hoạch". Người Trung Quốc tin

rằng thành sự là do trời, nhưng mưu sự thì lại do người, nên có thể thấy rằng mưu lược cần phải dựa vào sự thiết kế của con người. Đặng là "tổng thiết kế sư", mưu lược của ông thiết kế ra, đương nhiên không phải là những mưu mẹo lật lật.

Đặng giành được danh hiệu "Tổng thiết kế sư" là từ sau khi ông đã tới tuổi cao niên - 75 tuổi. Đặng đã lãnh đạo "cuộc cách mạng lần thứ hai" của Trung Quốc, đưa Trung Quốc từ hỗn loạn đến đại trị, từ bờ vực sụp đổ tới phồn vinh thịnh vượng. Đất Thần Châu (Trung Quốc - ND) đã thay đổi hẳn bộ mặt, khiến người đời đều quan tâm theo dõi. Những khó khăn mà "cuộc cách mạng thứ hai" phải đương đầu và những thành tựu mà nó giành được không hề thua kém cuộc cách mạng lần thứ nhất, so sánh thành tựu với khó khăn mới thấy được sự thần thông trong mưu lược và trí tuệ của Đặng Tiểu Bình.

Mưu lược của Đặng Tiểu Bình so với Mao Trạch Đông, đương nhiên là chưa bằng được. Cuộc đời Đặng ba lần bị đánh đổ, còn Mao chỉ bị có một lần. Song Đặng lại thực hiện thành công kỳ tích ba lần bị đổ, ba lần vươn lên, và lần sau lại huy hoàng hơn lần trước. Đặng từng nói một cách dí dỏm với một ngôi sao điện ảnh Mỹ: "Nếu có đặt giải thưởng Ôлимпích cho người vùng lên về mặt chính trị thì tôi có tư cách để nhận huy chương vàng". Để đạt được điều đó, ngoài nghị lực và lòng dũng cảm, đương nhiên càng cần phải có mưu lược và trí tuệ.

Giữa Đặng và Mao, không có gì phải nghi ngờ, là có nhiều chỗ giống nhau. Cuộc đời Mao đã ba lần chọn người thừa kế, Đặng cũng đã chọn ba lần. Nhưng lịch sử đã

chứng minh, vấn đề khó khăn mà Mao dốc hết trí tuệ của cả đời mình vẫn không sao giải quyết được, thì Đặng đã giải quyết được một cách thuận lợi. Khi Mao Trạch Đông lui về tuyến hai, đã xảy ra mối nguy hiểm "tuột mất đại quyền". Đặng thì chưa bao giờ đảm đương địa vị người đứng đầu, ngay cả lúc ông ở đỉnh cao quyền lực. Song ông vẫn có biện pháp nắm chắc đường hướng tiến lên của con tàu lớn là Trung Quốc. Do đó, cựu thủ tướng Đức Xmit đã rút ra kết luận: Đặng Tiểu Bình "là chính khách thành công nhất".

"Ông ta thân thể thấp bé, có thể là người thấp bé nhất trong những người lãnh đạo quốc gia vĩ đại này. Nhưng nếu xếp hàng những người lãnh đạo quốc gia, thì có thể khẳng định, ông không đứng sau cùng, mà đứng ở vị trí đầu tiên". Đó là cảm tưởng của đại sứ Đức ở Trung Quốc về Đặng Tiểu Bình. Khó rút sỏp thì có kinh nghiệm thiết thân, ông ta từng nói với Mao Trạch Đông: "Anh chàng thấp bé của các đồng chí đã gây khó khăn áp đảo đối với những người cao lớn của chúng tôi".

Trong số những lãnh tụ của Đảng Cộng sản Trung Quốc, bất kỳ là về đảm lược hay về trí tuệ, chỉ có Đặng Tiểu Bình là có thể sánh với Mao Trạch Đông. Trong thập kỷ 50, Chu Ân Lai khi bàn về anh hùng trong thiên hạ, đã từng thẳng thắn thừa nhận mình không bằng Đặng Tiểu Bình: phương pháp công tác của Tiểu Bình là "cử trọng nhược khinh" (nâng vật nặng dễ như nâng vật nhẹ), còn mình thì "cử khinh nhược trọng" (nâng vật nhẹ khó như nâng vật nặng). Cử khinh nhược trọng, hàng ngày phải giải quyết hàng vạn công việc, đó là đặc điểm cần có của vị

thủ tướng nước Cộng hòa. Còn cử trọng nhọc khinh là phong cách điển hình của vị thống soái. Về điểm này, không có gì khác nhau giữa "tổng thiết kế sư" và "lãnh tụ vĩ đại" chỉ có điều là càng giỏi về "thiết kế" mà thôi.

Rất nhiều "thiết kế" của Đặng Tiểu Bình là đầy tài nghệ. Thí dụ "bạt loạn phản chính, chính bản thanh nguyên" (dẹp loạn, trở lại ổn định; làm ngay gốc trong nguồn), "đối nội cải cách, đối ngoại mở cửa", "tách riêng đảng với chính quyền", "tách riêng chính quyền với xí nghiệp", "nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa", "một trung tâm, hai điểm cơ bản", "một nước hai chế độ, hoà bình thống nhất", "gác bỏ tranh luận, cùng nhau sáng tạo", "che dấu thành tích, giữ vững trận địa"... Những điều đó là những kiệt tác không tìm thấy trong các sách kinh điển của Mác- Lênin và "bốn quyển hùng văn" của Mao Trạch Đông¹.

Mưu lược cần có giả tưởng, nhưng không phải là không tưởng. Đó là những phương châm, chính sách, biện pháp và thủ đoạn để giải quyết vấn đề thực tế, do đó cần đưa vào thực tiễn, giành lấy hiệu quả, dùng cách nói của nông dân Tứ Xuyên, thì tức là phải bắt được "chuột". Hiệu quả của những thiết kế của Đặng Tiểu Bình ra sao? Điểm này không cần luận chứng nhiều, chỉ cần so sánh tình hình Trung Quốc sau những năm 80 với trước kia, những đánh giá của người nước ngoài về Trung Quốc trong công việc quốc tế, sở túi tiền của chúng ta, giỏ thức ăn của chúng ta là có thể rút ra kết luận.

Người ta đều coi sự chuyển biến từ Mao Trạch Đông

1. Chỉ 4 cuốn tuyển tập Mao Trạch Đông- ND.

"chuyển biến" hoà bình đương nhiên không thể "hùng tráng" như việc "khai sáng" nước Trung Hoa mới. Nhưng chính vì vậy, càng cần có mưu lược trí tuệ, càng cần phải giải quyết thoả đáng nhiều loại quan hệ phức tạp trong quá trình chuyển biến, nhất là mối quan hệ giữa kế thừa và phát triển. Về mặt này, cách làm của Đặng Tiểu Bình là rất tốt, ông đã đẩy sự nghiệp khai sáng của Mao Trạch Đông lên một bước lớn. Những kỹ xảo trong đó, không một lãnh tụ nào của "đảng anh em" có thể làm được.

Mao Trạch Đông đã dốc hết tinh lực cả cuộc đời cho chủ nghĩa xã hội, nhưng chính trong vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội như thế nào, ông đã phạm sai lầm nghiêm trọng, làm cho cả nước phải trả giá đau đớn. Còn Đặng Tiểu Bình thì đã thêm vào sau chữ "chủ nghĩa xã hội" mấy chữ "mang màu sắc Trung Quốc", khiến cho Trung Quốc thoát chết, hồi sinh và sống động hẳn ra, từ đó đã giải quyết được vấn đề khó khăn lớn nhất mà Mao Trạch Đông và cũng là toàn bộ phong trào cộng sản phải đương đầu trong thế kỷ 20.

Tiên sinh Hồ Cúc Nhân, một nhân sĩ ở Hương Cảng nói: "Trên một mức độ nhất định, tìm hiểu thời đại Đặng Tiểu Bình, tìm hiểu chính sách và vấn đề của ông, cũng có thể nói là chiếc chìa khoá để tìm hiểu tiền đồ của Trung Quốc và vận mệnh của người Trung Quốc". Chúng ta có lý do để bổ sung thêm: tìm hiểu tư tưởng mưu lược của Đặng Tiểu Bình là then chốt để tìm hiểu Đặng Tiểu Bình và thời đại của ông.

Ngày nay, trong khi toàn đảng, toàn dân đi sâu học tập và lĩnh hội lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc của Đặng Tiểu Bình, chúng tôi xuất

phát từ góc độ mưu lược để triển khai có hệ thống toàn bộ lý luận đó, kết hợp phương pháp trình bày lịch sử và bình luận để nói hết vấn đề, tin rằng có thể giúp ích cho đông đảo cán bộ và quần chúng.

Phần thứ nhất:

MƯU LƯỢC TRỊ LOẠN

**1.1. VIỆC TRỞ LẠI CẨM QUYỀN CỦA ĐẶNG TIỂU BÌNH, DÙ
CÓ LỰC TÌM HẾT TRONG SỬ SÁCH TRUNG QUỐC CŨNG
KHÔNG CÓ CHUYỆN NÀO LY KỲ NHƯ VẬY**

Trong cuốn sách "Những ngôi sao trong Đảng Cộng sản Trung Quốc" của Harison có một ngôi sao đặc biệt sáng chói, ông ta gọi đó là "người lùn không thể bị đánh đổ". Ông ta định chỉ ai, ta không cần đọc tiếp cũng có thể đoán ra được, bởi vì trong số lãnh tụ Đảng Cộng sản Trung Quốc người thấp bé nhất và mấy lần bị đánh mà không đổ thì chỉ có một người, đó là Đặng Tiểu Bình.

Trong cuộc sống mang tính truyền kỳ của Đặng Tiểu Bình, tình tiết khiến người ta quan tâm nhất là ba lần bị ngã lại ba lần vùng lên trên vũ đài chính trị:

Lần thứ nhất: Vào thập kỷ 30, ở khu xô viết trung ương, Đặng và Mao Trạch Đông bị chủ nghĩa mạo hiểm tả khuynh bài xích, bị quy là đầu sỏ của đường lối La Minh ở

Giang Tây, bị buộc kiểm thảo, cách chức và đưa xuống cơ sở rèn luyện lao động. Cho tới khi đường lối Mao Trạch Đông giành được thắng lợi, Đặng mới hoàn toàn ngẩng đầu lên được.

Lần thứ hai: Vào thập kỷ 60, trong cơn giông bão "cách mạng văn hóa" chưa từng có trong lịch sử, Đặng từ địa vị Tổng bí thư bỗng bị chụp cho cái tội danh "tên đầu sỏ số hai đi theo đường lối tư bản", bị Lâm Bưu đuổi xuống "chuồng bò" ở Giang Tây suốt trong hơn ba năm. Không lâu sau khi Lâm Bưu bị đổ, Đặng lại đứng lên từ tro tàn của "cách mạng văn hóa".

Lần thứ ba: Giữa thập kỷ 70, Đặng thay thế Chu Ân Lai chủ trì công tác trung ương chưa được một năm, lại bị trúng tên ngã ngựa, trở thành "kẻ đi theo đường lối tư bản đến chết cũng không chịu hối cải", bị cách hết mọi chức vụ trong và ngoài đảng. Lần này, mọi người đều tưởng rằng thế là hết hoàn toàn. Nhưng, sau khi đập tan "nhóm bốn tên", "Đặng vận dụng mọi kế mưu sách lược trong đời sống chính trị của Trung Quốc, đi đấu tranh, trao đổi, thuyết phục và tranh luận kịch liệt, để rồi lại nắm được quyền".

Tác giả Harison sở trường về viết truyện ký nhân vật, đã hết sức cảm khái trước việc ba lần ngã xuống, ba lần vùng lên của Đặng, đã nói: "Việc trở lại cầm quyền của Đặng Tiểu Bình, dù có lục hết sử sách xưa của Trung Quốc cũng không tìm thấy chuyện nào ly kỳ hơn". Còn có thể bổ sung thêm một câu: Trong lịch sử thế giới cũng khó tìm thấy thí dụ thứ hai.

Việc chìm nổi trên hoạn lộ là chuyện thường thấy. Nhưng không có ai chìm sâu rồi lại lên cao như Đặng Tiểu

Bình, một đời trải qua đến ba lần. Điều khiến người ta kinh ngạc và thần phục là, việc ba lần lên ba lần xuống của Đặng không phải là tuần hoàn. Nó giống như một quả bóng đầy ma lực, mỗi khi rơi xuống lại nảy lên vị trí cao hơn trước. Trong đó có điều gì thần bí?

Bản thân lâm vào nghịch cảnh nhưng vẫn lạc quan tự tin, có lẽ là điều thứ nhất. Mao Mao nói: "Cha tôi là người có tính cách hướng nội, trầm tĩnh ít nói, cuộc đời cách mạng hơn 50 năm khiến ông đã luyện thành tác phong gặp nguy nan không sợ hãi, trước biến cố không lung lay. Đặc biệt là đối với vận mệnh của cá nhân, thì rất lạc quan. Trong nghịch cảnh, ông khéo vận dụng tinh thần lạc quan để đối phó với tất cả, và dùng một số công việc thực tế để điều tiết cuộc sống, chưa bao giờ tỏ ra trống rỗng và ngập ngừng". Đặng không bao giờ như "người nước Kỳ lo trời sập" (ý nói lo nghĩ vô căn cứ-ND) vì nếu trời có sập thì có người to cao hơn chống đỡ. Đó là tố chất đầu tiên giúp ông chiến thắng ách vận, thoát ra khỏi chỗ bế tắc. Nếu không có điều đó thì chẳng cần ai đâm đạp, tự mình cũng đã tiêu ma ý chí. Đừng nói tới ba lần ngã ba lần vùng lên, mà một lần ngã cũng đã không gượng dậy được.

Lạc quan không có nghĩa là buông trôi số phận, mà là kiên nhẫn chờ đợi cơ hội có ngày trở lại nắm quyền. Tính nhiều biến động trên trường chính trị làm cho những người đang đắc thế cũng có lúc lại sa chân và giúp cho người thất thế có cơ hội để lại vươn lên. Điều khác biệt chỉ ở chỗ, người trong nghịch cảnh không có cách nào tự mình sáng tạo cơ hội, chỉ có im lặng quan sát động tĩnh, kiên nhẫn chờ đợi thời vận. Chờ đợi, cũng có khả năng như

quan đại phu Khuất Nguyên, đến phút cuối cùng cũng không thấy Sở Vương hồi tâm chuyển ý, mà triệt để thất vọng. Đặng còn tương đối may mắn, ông trước sau đã chờ được tới lúc đường lối Vương Minh được thanh toán, lúc Lâm Bưu sụp đổ, lúc "nhóm bốn tên" bị bắt. Ba sự kiện đó là cơ hội quan trọng giúp ông ba lần thoát ra khỏi bế tắc.

Cơ hội thường hiếm hoi đối với những người thất thế. Vì vậy, ngoài việc chờ đợi, phải có tính năng động, chủ quan, giữ cho đầu não luôn nhạy bén, nắm được mọi tin tức, kịp thời nắm bắt thời cơ. Sau mỗi lần bị đánh đổ, Đặng thường rất quan tâm đến thời sự chính trị, lưu tâm đến báo chí và đài phát thanh, tìm mọi cách để giữ mối liên hệ với bên ngoài. Khi nghe tin Lâm Bưu bị đổ, "nhóm bốn tên" bị bắt, ông cho rằng thời cơ đã đến và lập tức có phản ứng thích hợp, chủ động viết thư cho Mao Trạch Đông, viết thư cho Hoa Quốc Phong. Một bức thư chưa được, lại viết bức thứ hai. Nếu không chủ động như vậy, ông có thể bị mọi người quên đi, đó là điều có thể xảy ra.

Người đại trượng phu phải biết co, biết duỗi. Khi ở phía dưới, cần phải biết thỏa hiệp ở mức độ cần thiết, làm cho người đang nắm giữ quyền lực được vừa lòng. Đặng vốn không bao giờ nhượng bộ trên những vấn đề có tính nguyên tắc, vì vậy mà mang tội là "không chịu hối cải". Nhưng khi hoàn cảnh đòi hỏi phải thỏa hiệp thì ông tỏ ra hiểu tình thế. Trước khi được ra lần thứ hai, Đặng đã rất khiêm tốn kiểm điểm trước Mao về khuyết điểm của mình, khiến Mao tin rằng ông khác với Lưu Thiếu Kỳ, có thể lại giao cho trọng trách. Trước khi được trở lại lần thứ ba, ông thừa nhận trước Trung ương đảng mới về những thiếu sót

và sai lầm khó tránh khỏi trong thời gian công tác năm 75, tỏ ra chân thành tiếp thu sự phê bình và dạy bảo của lãnh tụ vĩ đại Mao Chủ tịch. Đó là những hành động sáng suốt. Người ta ở trong thế yếu thì không nên quá kỳ kèo đúng sai.

Đúng hay sai cần đợi thời gian sau sẽ nói.

Ngạn ngữ nói: Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên. "Thiên" (trời) có gió mưa bất trắc, nên trong lĩnh vực chính trị, không ai có thể bảo đảm mình sẽ thuận buồm xuôi gió. Vấn đề là sau khi thuyền bị lật, có thể thoát khỏi ách vạ, tìm cách trở lại nắm quyền. Về mặt này, điều then chốt là ở việc mưu sự của người. Từ xưa tới nay, có rất nhiều "lý luận về sự thành công" nghiên cứu về cách làm thế nào để từ thất bại đi tới thành công. Nhưng không có "lý luận về sự thất bại", nghiên cứu việc tại sao lại từ thành công đi tới thất bại, tựa hồ như thất bại đều là do ý trời, không có ai hy vọng thất bại, cũng không có ai nghiên ngẫm con đường đi tới thất bại.

Sự thực, thành và bại, lên và xuống, có mối liên hệ nhân quả nhất định. Cá nhân không có cách gì tránh khỏi thất bại và vấp vấp, nhưng có thể chọn lựa phương thức thất bại và vấp vấp. Có người suốt đời không bị vấp vấp, nhưng chỉ sống bình lặng, không có cống hiến gì lớn; có người bị vấp ngã là vĩnh viễn không dậy được, thậm chí càng ngã càng thụt sâu. Đặng là trường hợp ngược lại hiếm có. Ông không chỉ ba lần ngã ba lần dậy, mà càng ngã lại càng lên cao. Ông có kỹ xảo chính trị đặc biệt gì vậy? Ngoài những điều đã nói trên, ông vốn có trí tuệ mưu lược hơn người, giúp ông chiến thắng ách vạ, thoát ra khỏi bế tắc. Còn một điều kiện tiên quyết nữa, tức là mỗi

lần ngã của ông đều không phải do tính toán được mất cá nhân dẫn tới, mà là do ông kiên trì chân lý, không chịu khuất phục trước sai lầm. Việc ngã vì lý do đó, trở thành căn cứ để ông lại vùng lên. Không có điều đó thì trong nghịch cảnh, ông không thể lạc quan tự tin, dù có bền bỉ chờ đợi cũng không thể có ngày trở lại, và sự thỏa hiệp sẽ chỉ khiến ông càng lún sâu thêm mà thôi.

Paraxi - Tainâysơ đã so sánh tác phong của Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình như sau: "Chu Ân Lai chú ý đến sách lược, làm cho mình có thể đứng trên mặt nước, nhưng không thể thay đổi phương hướng chủ yếu của dòng chảy xiết. Đặng Tiểu Bình thì không chịu xuôi theo dòng chảy xiết đó, mà lập tức đập đập ngăn dòng nước lũ. Lúc đầu thì thành công, nhưng sau vẫn bị dòng nước cuốn đi. Ông muốn đạt được điều mà sách lược do Chu Ân Lai áp dụng đã không đạt được, thì phải cần thời gian 5 năm, thậm chí lâu hơn nữa. Chu Ân Lai trước sau không hoài nghi lời dạy của Mao Trạch Đông, còn Đặng Tiểu Bình thì dám dùng lời dạy của Mao Trạch Đông để chống lại hành động của Mao Trạch Đông".

Người như Đặng Tiểu Bình, có cá tính, dễ bị vấp ngã, nhưng do nắm được chân lý, đi trên đường lớn, mỗi lần bị vấp vấp chỉ giống như dòng chảy bị cát đá cản lại, càng tích trữ xung lực mạnh. Một khi thời cơ chín muồi, liền nhanh chóng vượt lên, mà còn vượt lên vị trí cao hơn. Mỗi lần ngã là một lần tích lũy được nhiều ưu thế, trở thành bậc thang đưa ông lên đỉnh cao. Trong cách mạng văn hóa tại sao Mao lại cho phép Đặng Tiểu Bình ra làm việc lại? Một nguyên nhân quan trọng là trong thập kỷ 30 Đặng đã từng là người chấp hành đường lối đúng đắn của Mao

Trạch Đông mà lại bị đả đảo. Sau khi đập tan "nhóm bốn tên" tại sao Đặng Tiểu Bình lại được trở lại nắm đại quyền? Chủ yếu là do phong trào "phê Đặng, phản kích lại làn gió đòi lật lại bản án" đã tuyên truyền không công cho Đặng, làm cho những người ủng hộ Đặng tăng thêm rất nhiều. Airôthơ từng hỏi một quan chức Trung Quốc rằng tại sao ông ta lại tôn trọng Đặng Tiểu Bình, một con người đã bị lên lên xuống xuống nhiều lần như thế. Vị quan chức này trả lời: "Đó chính là nguyên nhân khiến chúng tôi tín nhiệm ông". Nếu mấy lần lên xuống của Đặng không phải là vì giữ vững điều mà nhân dân mong muốn, mà chỉ thuần túy là sự chìm nổi của cá nhân, thì còn có bao nhiêu người tín nhiệm ông?

1.2. MAO TRẠCH ĐÔNG QUYẾT ĐỊNH DỪNG LẠI ĐẶNG TIỂU BÌNH, NGOÀI LÝ DO ÔNG LÀ "NHÂN TÀI HIẾM CÓ", NGUYÊN NHÂN ÔNG LÀ "KẺ CẤM ĐẤU PHÁI MAO" RÕ RÀNG LÀ CÓ TÍNH THEN CHỐT

Mùa thu năm 1931, Đặng Tiểu Bình mới 27 tuổi, vừa hoàn thành sứ mạng ở Quảng Tây, dẫn quân về với Mao Trạch Đông, mở ra căn cứ địa ở Giang Tây, tây Phúc Kiến. Đảng giao cho ông nhiệm vụ thứ nhất là làm Bí thư huyện ủy Thụy Kim ở khu Xô viết Trung ương. Đặng nhận nhiệm vụ không lâu, thì cơ quan Trung ương của Đảng vốn đặt ở Thượng Hải cũng lục tục kéo về khu Xô viết. Thụy Kim liền trở thành "thủ đô đỏ" - nơi đặt căn cứ của chính phủ lâm thời Xô viết Trung Hoa và Ban chấp hành Trung ương lâm thời. Đặng là một cán bộ cấp giữa, không thể không

nhường lại vị trí cho các đồng chí mới từ Thượng Hải về. Tháng 5-1932, Đặng rời khỏi thủ đô đỏ, về làm Bí thư huyện ủy trung tâm Hội Xương ở biên khu phía nam, nắm công việc ở ba huyện Hội Xương, Tầm Ô, An Viễn. Ba huyện này ở vùng tiếp giáp giữa "khu đỏ" và "khu trắng", là cánh cửa lớn phía nam của khu Xô viết Trung ương, có vị trí chiến lược rất quan trọng, nhưng trình độ "xích hóa" kém xa địa khu trung tâm. Mỗi huyện chỉ có một tiểu đoàn độc lập, súng ống của đội xích vệ cũng rất ít, các cửa hiệu phần nhiều đã đóng cửa, tài chính kinh tế hết sức khó khăn. Đặng Tiểu Bình không thể không làm mọi việc từ đầu, theo biện pháp của Mao Trạch Đông, vật lộn với khó khăn, không lâu đã có thành tích. Mao Trạch Đông đến Hội Xương kiểm tra công tác, đã làm thơ khen ngợi "Phong cảnh nơi đây tuyệt đẹp".

Còn phong cảnh ở khu Xô viết Trung ương thì ra sao? Nhóm Vương Minh, những người "Bôn sê vích một trăm phần trăm" sau khi vào khu Xô viết, đã tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp của họ đối với các căn cứ địa. Họ chấp hành "đường lối tiến công" nhập khẩu từ Matxcova, yêu cầu xây dựng "một triệu hồng quân gang thép", "phát triển về các thành phố trung tâm". Chủ trương thực tế của Mao Trạch Đông triển khai chiến tranh du kích, xây dựng căn cứ địa nông thôn bị bài xích là bảo thủ hữu khuynh, là đường lối chạy dài. Chính sách ôn hòa của Mao Trạch Đông bảo hộ trung nông, cho phú nông một lối thoát về kinh tế bị bài xích và bị quy là "đường lối phú nông". Bản thân Mao Trạch Đông vì "không tôn trọng sự lãnh đạo của Trung ương" nên bị mất chức vụ trong hồng quân, chỉ còn lại hư vị là chủ tịch Xô viết, không có quyền phát ngôn gì.

Cuộc đấu tranh về đường lối ở tầng lớp lãnh đạo bên trên rất nhanh chóng lan tới vùng biên khu của Đảng. Những kẻ mới nổi lên trong Ban chấp hành Trung ương lâm thời tuy được Quốc tế cộng sản nâng đỡ, nhưng muốn triệt hẳn được vị lãnh tụ đã nảy sinh và phát triển gắn liền với phong trào địa phương như Mao Trạch Đông cũng không phải là dễ. Sau khi vô hiệu hóa quyền lực của Mao Trạch Đông, họ toan tính công khai phê phán quan điểm của Mao. Nhưng Matxcôva không đồng ý, sợ làm như thế sẽ dẫn tới chia rẽ. Nhưng nếu không quét sạch ảnh hưởng của Mao Trạch Đông trong tổ chức đảng ở căn cứ địa vũ trang Hồng quân thì họ làm thế nào để nắm được quyền ra mệnh lệnh? Thế là họ áp dụng biện pháp khuấy động rừng để dọa hổ, hướng hỏa lực vào những người đi theo Mao Trạch Đông, còn bản thân Mao thì "để yên chưa xét đến".

Ban chấp hành trung ương lâm thời nhanh chóng phát hiện ra ở La Minh, quyền Bí thư tỉnh ủy Phúc Kiến, một hình bóng của đường lối Mao Trạch Đông. Trong một bản phát biểu ý kiến, La Minh đã nêu ra những điều phàn nàn về kế hoạch mở rộng Hồng quân. La Minh nói: Mở rộng chủ lực Hồng quân phải xuất phát từ thực tế, phân biệt khu du kích ở vùng ven với khu trung tâm đã được củng cố, không thể phân chia nhiệm vụ một cách bình quân. Tại những vùng ven như Thượng Hàng, Vĩnh Định, Long Nham, cần chú trọng tổ chức lực lượng vũ trang địa phương, triển khai chiến tranh du kích, phát triển chủ lực Hồng quân từng đợt, từng phần, chứ không thể điều động và biên chế một cách cứng nhắc. Trong tình hình trước mắt, mà muốn mở rộng chủ lực Hồng quân ở những vùng địch hậu và giáp địch, thì chúng tôi không có cách nào, mà

ngay cả đến những lãnh tụ giỏi giang như Mao Chủ tịch, Hạng Chủ tịch, đồng chí Chu Ân Lai, đồng chí Nhậm Bật Thời, hoặc sang Liên Xô mời đồng chí Xtalin, hoặc giả thủ Lênin có sống lại, tới đây, xuống vùng Khê Nam hoặc các địa phương khác, diễn thuyết với quần chúng suốt ba ngày ba đêm, tăng cường công tác tuyên truyền chính trị thì, theo tôi, cũng không giải quyết được vấn đề. Những người lãnh đạo tả khuynh liền khái quát những ý kiến đó thành "đường lối La Minh" chống lại quốc tế.

Âm hồn của "đường lối La Minh" cứ ám ảnh khu Xô viết Trung ương. Trung ương lâm thời nhanh chóng phát hiện thấy ở ba huyện Hội, Tầm, An thuộc Giang Tây cũng có đường lối cơ hội hữu khuynh không khác gì đường lối La Minh ở ba huyện Hàng, Vinh, Nham thuộc Phúc Kiến. Thế là Đặng Tiểu Bình bị quy vào bè phái Mao Trạch Đông. Không lâu sau, Mao Trạch Đàm, Tạ Duy Tuấn, Cổ Bá cũng lại bị quy vào nhóm này. Thế là hình thành cái gọi là, "đường lối La Minh ở Giang Tây". Bốn người: Đặng, Mao, Tạ, Cổ đều là "những kẻ tạo ra đường lối La Minh ở Giang Tây" và Đặng là người cầm đầu.

Ai cũng biết rằng "đường lối La Minh" tức là "đường lối Mao Trạch Đông". Vương Minh và đồng bọn nghĩ rằng chỉ cần đưa Đặng Tiểu Bình và La Minh vào chỗ chết về chính trị thì có thể trói được "người khổng lồ" Mao Trạch Đông. Lúc này, trời sập xuống không phải là đè lên những người cao lớn, mà là đè xuống thân hình người thấp bé. "Trong lịch sử Đảng ta, cái "tả" thật là đáng sợ!"¹. Sáu mươi năm sau, Đặng đã nói lên lời cảm thán này.

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 375, Trung văn.

Những cuộc đấu tranh tàn khốc, đả kích không thương tiếc dồn dập tới với Đặng. Trước hết, ông bị công khai chỉ tên phê phán và bị cách chức bí thư huyện ủy trung tâm Hội Xương, điều về tỉnh ủy Giang Tây để kiểm tra, kiểm điểm. May mắn là ở đây lại gặp được ba bạn học cũ thời ở Paris: bí thư tỉnh ủy Giang Tây, Lý Phú Xuân, tư lệnh quân khu cấp tỉnh, Trần Nghị và trưởng ban tổ chức tỉnh, Thái Xương. Phái học ở Pháp có khác với phái học ở Liên Xô, họ không cho rằng anh hạn "khẩu pháo thép" hồi nào lại có thể phạm tội tày đình gì. Vì vậy, sau khi Đặng mất chức bí thư huyện ủy, lại lặng lẽ nhận chức Trưởng ban tuyên truyền tỉnh ủy. Theo sự xếp loại cấp bậc bấy giờ, như vậy chỉ là sự điều động ngang cấp, chứ không phải là kỷ luật giáng cấp.

Điều này làm Trung ương lâm thời của Vương Minh nổi giận. Thế là cuộc đấu tranh càng đi sâu. "Đường lối La Minh" ở Hội, Tâm, An được mở rộng thành "đường lối La Minh ở Giang Tây" do Đặng, Mao, Tạ, Cổ làm đại biểu, bị phê phán, vây đánh ác liệt. Trong hội nghị phê đấu, Đặng, Mao, Tạ, Cổ dùng lý lẽ để biện luận, lại bị quy thành "công khai tiến hành hoạt động chống Đảng trước hội trường", tội lại càng nặng, trở thành "lãnh tụ của phái và tổ chức nhỏ chống Đảng", bị tước vũ khí trước công chúng. Cuối cùng, cả bốn người đều bị cách chức. Đặng mất chức trưởng ban tuyên truyền tỉnh ủy và bị kỷ luật cảnh cáo.

Đặng Tiểu Bình bị cách chức và bị cảnh cáo, đồng thời còn phải kiểm thảo, tự phê bình về những "sai lầm" của mình. Ông bất đắc dĩ phải miễn cưỡng nhận là mình hiểu không đầy đủ về "đường lối tiến công" nghĩ là làm như vậy

cho qua. Nhưng đối thủ của ông rất không hài lòng trước sự tự phê bình sơ sài đó, liền phái ông xuống khu Nam Thôn thuộc huyện Lạc An ở tiền tuyến biên khu làm nhân viên thị sát.

Đặng đã bị đả kích về chính trị, lại gặp một biến cố trong đời sống gia đình. Kim Duy ánh, người vợ mới kết hôn khi ông làm Bí thư huyện ủy Thụy Kim đã bỏ ông đi lấy La Mai (tức Lý Duy Hán), Trưởng ban tổ chức trung ương, người cầm đầu cuộc đấu ông.

Người ở Nam Thôn chưa từng nghe nói có chức vụ thị sát viên của khu ủy, thế thì Đặng Tiểu Bình đến đây làm gì? Mọi người nghi hoặc không hiểu. Những người quen biết ông vẫn gọi ông là thủ trưởng. Đặng vẫn chẳng chút buồn bã lúng túng gì. Đáp lại lời chào "Thủ trưởng có khỏe mạnh không?", ông trả lời: "Chào các đồng chí. Tôi nào có là thủ trưởng gì đâu". Rồi thẳng thắn nói rõ: "Trung ương và tỉnh ủy đã họp, quy tôi thành người đề xướng và chấp hành đường lối La Minh ở Giang Tây. Tại hội nghị, tôi đã dùng lý lẽ trình bày quan điểm của mình, dù họ có đấu tranh tàn khốc với tôi thế nào tôi vẫn kiên quyết chấp hành đường lối đúng đắn của chủ nghĩa Mác, đã đúng đắn thì phải giữ vững". Giữ vững đường lối đúng đắn thì tại sao lại mất chức? Đặng trả lời: "Cách mạng đâu có thể thuận buồm xuôi gió được?" Mọi người mới hiểu tại sao ông bị dồn dập đả kích mà vẫn thản nhiên như vậy.

Thị sát ở Nam Thôn không tới 10 ngày, Trung ương lâm thời lại lệnh cho Đặng vác ba lô trở về Ninh Đô, nơi đóng trụ sở của tỉnh ủy Giang Tây. Nghe nói, vì Nam Thôn thuộc Vĩnh An là vùng biên khu, sợ xảy ra vấn đề.

Những người chinh Đặng không phải sợ xảy ra vấn đề gì thì sẽ mất an toàn cho ông. Chỉ có một khả năng: họ sợ Đặng đem theo những cơ mật của Đảng chạy sang phía địch; hoặc sợ rằng ở xa trung ương, Đặng sẽ kích động quần chúng ở đây mưu phản.

Mức độ tín nhiệm đã thấp như vậy, thì về Ninh Đô không thể dễ sống. Những người lãnh đạo tả khuynh muốn ông phải chịu một thử thách nghiêm khắc: Đến một ngọn núi trọc ở gần Ninh Đô làm nhiệm vụ khai hoang. Đặng không sợ gì việc cuốc đất khai hoang, thời còn ở nhà máy Renault tại Paris, ông đã rèn luyện được một thân thể cứng cáp. Nhưng thân thể dù có là thép là gang, ăn không no cũng không sống nổi. Trời muốn trao việc lớn cho người, thì trước hết phải thử thách, làm mệt tâm trí anh ta, làm mỏi xương cốt anh ta, bắt anh ta chịu đói khát. Đặng cứ lặng lẽ cuốc đất không ngừng.

Chị Thái (tức Thái Xướng - ND) thấy Đặng bị đói khát, lại phải cuốc đất, liền cho người đi mua hai cân thịt lợn, hai bó hành và một số ớt, rượu, làm ba món ăn, nấu một nồi cơm, chuẩn bị mời Đặng về ăn một bữa no nê. Đã mấy tháng, Đặng chưa hề thấy mùi rượu, biết vị thịt, nghe nói có món ăn ngon thì rất mừng rỡ. Nhưng ông lại sợ liên lụy đến bạn học cũ, khi đến, kéo xup mũ xuống tối tận mắt. Anh "phạm nhân cải tạo lao động" đó nhân lúc giờ nghỉ trưa vắng vẻ, đi lên lối cổng sau tỉnh ủy vào nhà Thái Xướng, ăn một bữa no nê. Khi từ biệt, chị Thái còn đùm cho một gói thức ăn, dặn dò Đặng phải chú ý giữ gìn thân thể, cố gắng kiên trì. Vì Lý Phú Xuân đi hội báo công tác ở Thụy Kim, đợi thời cơ sẽ phản ánh tình hình Đặng với lãnh đạo, để cho Đặng đỡ bị oan uổng.

Phó chủ tịch quân ủy kiêm chủ nhiệm Tổng cục chính trị Hồng quân Vương Gia Tường cũng thuộc phái ở Liên Xô về, nhưng ông tương đối tôn trọng thực tế, lại quý nhân tài. Khi được biết tình cảnh Đặng Tiểu Bình do Lý Phú Xuân nói lại, liền kêu lên: "Trung ương lâm thời không dùng Đặng Tiểu Bình, thật là thiên kiến, làm mai một nhân tài!". Hiện nay đang đứng trước tình hình quân địch áp sát khu Xô viết, sao có thể để một nhân tài như Đặng Tiểu Bình đi khai hoang được? Để cứu vớt nhân tài này, Vương Gia Tường nghĩ ra một biện pháp, ông lấy lý do là chánh văn phòng Tổng cục chính trị Dương Thượng Côn ra tiền tuyến, ở đây thiếu người, liền điều Đặng Tiểu Bình về làm quyền chánh văn phòng. Do Vương cố gắng thu xếp, Đặng mới kết thúc cuộc sống cải tạo lao động, trở lại thủ đô đỏ Thụy Kim.

Đến cơ quan Tổng cục chính trị, Đặng vẫn chưa gỡ bỏ được chiếc mũ "hữu khuynh" trên đầu. Đặng không quan tâm đến vấn đề đó, nắm ngay cơ hội quý báu mà Vương Gia Tường đã tạo cho, đưa tờ báo Sao Đỏ (Hồng Tinh báo) nổi bật hẳn lên, còn đặt Mao Trạch Đông viết cho một bài. Do trách nhiệm làm chủ biên báo Sao Đỏ, nên sau thất bại của cuộc chống vây quét lần thứ năm, Đặng mới được theo Hồng quân trường chinh. Giả thử, nếu Đặng bị lưu lại khu Xô viết đấu tranh ở hậu địch, thì con đường đời của ông sẽ ra sao? Mao Trạch Đàm và Cổ Bá, những người cùng bị đánh đổ một lần với Đặng, là những nhân viên phải ở lại. Sau khi đại quân rút đi, hai sinh mạng trẻ tuổi đó đều bị vùi thây nơi rừng xanh núi biếc phương nam.

Trường chinh bắt đầu có nghĩa là đường lối Vương Minh đã thất bại, Mao Trạch Đông bắt đầu có quyền phát ngôn. Dưới ảnh hưởng của Mao, tháng 1-1935, Đặng làm

chánh văn phòng trung ương. Trong tư liệu lịch sử Đảng không có ghi chép nào về sự sửa sai với Đặng, nhưng khi ông tham gia Hội nghị Tuân Nghĩa với tư cách chánh văn phòng trung ương thì chiếc mũ "hữu khuynh", "chống Đảng" rõ ràng đã bị thủ tiêu, mà không chỉ là thủ tiêu mà thôi. Hoạn nạn lần thứ nhất từ lúc bắt đầu tới khi kết thúc mất đúng ba năm. Đặng nhớ lại, thời Hội nghị Tuân Nghĩa, ông ở cùng chỗ với Mao Trạch Đông. Hai nhân vật quyết định số mệnh của Trung Quốc, cuối cùng đã gặp gỡ nhau trong lịch sử.

Lão Tử nói: Trong họa có phúc, trong phúc có họa. Năm 30, Đặng bị chính ở khu Xô viết Trung ương, đó là họa, không phải là phúc. Nhưng 40 năm sau, cái "họa" đó lại biến thành "phúc". Ngày 4-8-1972, trong quyết định phục hồi Đặng Tiểu Bình, Mao viết: "Sai lầm mà đồng chí Đặng Tiểu Bình phạm phải là nghiêm trọng, nhưng cần phân biệt với Lưu Thiếu Kỳ: 1) Đồng chí ấy đã từng bị chính ở khu Xô viết trung ương, là một trong bốn tội nhân Đặng, Mao, Tạ, Cổ, mà lại là kẻ đứng đầu phái Mao. Còn những điểm 2), 3), 4) nữa. Mao Trạch Đông quyết định dùng lại Đặng Tiểu Bình, ngoài lý do "nhân tài hiếm có" còn có nguyên nhân quan trọng, là "kẻ đứng đầu phái Mao" nữa.

Dương nhiên, đó là điều Đặng cũng không ngờ tới. Lịch sử đã chứng minh lôgic của Đặng: kiên trì chân lý, thì sẽ có lợi cho cách mạng và cho cả bản thân.

1.3. "MƯA RỪNG CHUA TỐI, GIÓ ĐÃ ĐẦY LẬU. ANH XEM GIÓ TỪ HƯỚNG NÀO THỐI TỐI?"

Tác giả "Truyện Đặng Tiểu Bình" Mari Phơranxơ cho rằng: "Cuộc đời chính trị của Đặng Tiểu Bình hoàn toàn

được quyết định bởi việc giải quyết vấn đề Cao Cương - Nhiêu Thấu Thạch".

Bản thân Đặng cũng thừa nhận, ông biết rất rõ sự kiện Cao-Nhiêu. Sau ngày dựng nước, ba người hầu như đồng thời được điều lên trung ương. Trước đó, Cao ở cục Đông Bắc, Nhiêu ở cục Hoa Đông, Đặng ở cục Tây Nam, đều phụ trách công tác đảng và chính quyền ở một địa phương. Nhìn bề ngoài, chức vụ của Cao và Đặng như nhau, đều là bí thư thứ nhất của một cục địa phương. Nhưng trên thực tế, địa vị của Cao quan trọng hơn, vì vùng Đông Bắc nơi Cao phụ trách, xét về ba mặt đều có ý nghĩa chiến lược quan trọng đối với toàn quốc: ở đây tập trung nền công nghiệp chủ yếu của toàn quốc, là hậu phương của chiến tranh Triều Tiên, lại là chiếc cầu nối sang Liên Xô. Bản thân Cao là bạn thân lâu năm của Xtalin, nắm quyền cao nhất ở Đông Tam tỉnh, được gọi là "Thái thượng hoàng" vùng Đông Bắc. Ngày 1-10-1952, khi Cao tiến hành duyệt binh ở đất thánh của mình, thì quần chúng hô "Cao Cương muôn năm" chứ không hô "Mao Trạch Đông muôn năm"! Không lâu sau, Cao bị điều về Bắc Kinh, được bổ nhiệm làm Phó chủ tịch nước và chủ nhiệm ủy ban kế hoạch Nhà nước.

Là con người quen đề cao mình là người độc nhất vô nhị, Cao Cương căn bản không biết rằng lần "thăng cấp" này của Trung ương là tách ông ta khỏi quyền lực ở căn cứ địa. Tới Bắc Kinh, ông ta muốn mở rộng quyền lực thay thế vị trí của Lưu Thiếu Kỳ và Chu Ân Lai, làm phó chủ tịch Đảng và thủ tướng chính phủ. Ông ta gieo rắc trong đảng thuyết "đảng của quân đội", phân Đảng Cộng sản Trung Quốc thành "Đảng của căn cứ địa và quân đội", và "Đảng của khu trắng", nói quả quyết: "Đảng là do quân

đội sáng tạo ra" và tự xếp mình là nhân vật đại biểu của "đảng Quân đội", cho rằng trung ương đảng và cơ quan lãnh đạo nhà nước hiện nay nằm trong tay "đảng của khu trắng" tức trong tay Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, do đó cần phải cải tổ trung ương. Để đạt tới mục đích đánh đổ Lưu và Chu, Cao đã tiến hành nhiều hoạt động "phi tổ chức". Trước hết, ông ta được sự phối hợp của Nhiều Thấu Thạch. Theo Đặng nói, Cao còn được sự ủng hộ của Lâm Bưu ở cục Trung Nam. Với cục Tây Nam, Cao dùng biện pháp lôi kéo, tìm gặp Đặng Tiểu Bình để đàm phán, nói Lưu Thiếu Kỳ chưa thành thực, muốn tranh thủ Đặng tiếp tay với ông ta để đánh đổ Lưu. Đặng cảnh giác nói, địa vị của đồng chí Lưu Thiếu Kỳ ở trong đảng là do lịch sử đã hình thành, thay đổi một địa vị đã được hình thành trong lịch sử là không thích đáng. Cao còn tìm gặp Trần Vân để đàm phán. Cao nói: Cần lập mấy phó chủ tịch, tôi và đồng chí đều là phó chủ tịch (đảng-ND). Đặng thấy vấn đề nghiêm trọng, lập tức báo cáo với chủ tịch Mao Trạch Đông về âm mưu quỷ kế của Cao Cương.

Mao Trạch Đông nghe xong, hỏi lại Đặng: "Mưa rừng chưa tới, gió đã đầy lâu. Theo anh, gió từ hướng nào thổi tới?".

Dương nhiên Đặng ủng hộ Lưu và Chu, nhưng ông suy nghĩ rồi trả lời rất khéo: "ở địa vị mà mưu tính công việc thì là đúng phận sự; không ở địa vị mà lại muốn mưu tính công việc, thì là bệnh ham muốn quyền lực đang hoành hành!".

"Ham muốn quyền lực" là một vấn đề rất nhạy cảm. Một lời nói của Đặng đi đúng vào điểm quan trọng, đã làm rung động sợi thần kinh rất nhạy cảm của Mao Trạch

Đông. Mao nghe xong, suy nghĩ, rồi bừng tỉnh: Nếu cứ dung túng trong đảng sự tồn tại lòng ham muốn quyền lực "không ở địa vị mà lại muốn mưu tính công việc" thì sẽ không có ngày nào yên ổn.

Rất nhanh chóng, trong đầu óc Mao hình thành khái niệm về hai Bộ tư lệnh. Trong hội nghị Bộ Chính trị ngày 3-12-1953, Mao nói: "Bắc Kinh có hai bộ tư lệnh, một là bộ tư lệnh do tôi đứng đầu, thổi gió dương, nổi lửa dương; một bộ tư lệnh nữa do người khác đứng đầu, thổi gió âm, nổi lửa âm, làm việc xấu".

Sau đó, triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ 4, khóa 7, vạch trần và phê phán Cao Cương, Nhiêu Thấu Thạch. Mao không tham gia hội nghị, hội nghị do Lưu Thiếu Kỳ chủ trì, thông qua "Nghị quyết về tăng cường đoàn kết trong đảng". Sau hội nghị, Đặng Tiểu Bình phụ trách tổ chức các cuộc tọa đàm của Ban bí thư Trung ương bàn về vấn đề Cao - Nhiêu, tiếp tục vạch trần và đối chứng những hoạt động âm mưu chống đảng của họ. Cao Cương cự tuyệt giáo dục, trong một cuộc hội nghị, đã rút súng tự sát tại chỗ.

Tháng 4-1954, Đặng Tiểu Bình tiếp nhận nhiệm vụ trưởng ban tổ chức Trung ương của Nhiêu Thấu Thạch, không ai có ý kiến dị nghị gì. Một năm sau, Đặng bước vào đội ngũ 17 người là ủy viên Bộ chính trị. Đồng thời được bổ sung vào Bộ chính trị lần này có Lâm Bưu (Điều này hình như mâu thuẫn với ý kiến cho rằng Lâm Bưu đã ủng hộ Cao Cương). Lại một năm sau, tại Đại hội tám, Đặng được

bầu làm Tổng bí thư Ban bí thư trung ương, trở thành một trong 6 ủy viên thường vụ Bộ Chính trị. Thường vụ ra quyết định, ban bí thư phụ trách chấp hành. Đặng lãnh đạo cơ cấu quan trọng này suốt tới năm 1966.

Đấu tranh đường lối trong đảng gay gắt như sóng to gió lớn, lần nào cũng có người chìm, người nổi. Trong thập kỷ 50, cuộc đấu tranh như thế trong Đảng xảy ra hai lần. Trong cuộc đấu tranh với liên minh chống đảng Cao - Nhiêu, Đặng lên liền ba cấp, tham gia vào trung tâm quyền lực tối cao. Lần thành công này chủ yếu là do ông quang minh chính đại, không tham gia âm mưu quỷ kế, không tham gia bè cánh nào, nên trước ông, Cao Cương không tìm được thị trường. Trong thập kỷ 80, khi ra nghị quyết về những vấn đề lịch sử, Đặng vẫn cho rằng cuộc đấu tranh chống Cao - Nhiêu là đúng. Nhưng lần khác, vào năm 1959 việc chống lại Bành Đức Hoài ở hội nghị Lư Sơn là sai. Trong hội nghị Lư Sơn, dưới sức ép mạnh mẽ của Mao Trạch Đông, những người dự họp chỉ có hai cách chọn lựa: hoặc là vứt bỏ nguyên tắc, thậm chí không tiếc nhân cách, đi ngược lại chân lý, đứng về phía Mao Trạch Đông, dùng mọi lời lẽ đả kích để vạch trần, phê phán, nguyên rủa hành vi chống đảng của Bành Đức Hoài; hoặc là, như Trương Văn Thiên, kiên trì chân lý, trọng nghĩa giữ lời, trở thành một thành viên trong tập đoàn chống đảng của Bành Đức Hoài. Đặng có may mắn thoát được cả hai số phận đáng thương đó, không phải vì lý do gì khác, mà chỉ vì trước hội nghị, ông đánh bóng bàn ngã gãy chân, không lên núi dự họp được. Trời đã giúp ông!

**1.4. DO TRONG TAY CHU ÂN LAI CÓ ĐƯỢC THANH BẢO
KIỂM THƯỢNG PHƯỜNG CỦA MAO TRẠCH ĐÔNG, NÊN ĐẶNG
TIỂU BÌNH MỚI THOÁT RA KHỎI CÁCH MẠNG VĂN HÓA VÀ
ĐƯỢC PHỤC HỒI**

Ngày 20-10-1969, "kẻ số hai đi đường lối tư bản" là Đặng Tiểu Bình bị Lâm Bưu dùng danh nghĩa sơ tán chiến lược, phát văng đến một nơi hẻo lánh ở ngoại ô Nam Xương - Giang Tây, từ đó, ông đã trải qua ba năm bốn tháng trong cuộc sống ở "chuồng bò". Đó là lần thứ hai ông bị đánh đổ.

Ba năm bốn tháng là thời gian khá dài với một ông già đã 65 tuổi, huống chi ông lại không biết chắc lúc nào mình sẽ được giải phóng. Tính từ khi sang Pháp cầu học lúc 15 tuổi, ông đã hoạt động trên vũ đài chính trị Trung Quốc gần nửa thế kỷ. Thế mà ngày nay, cách xa trung tâm chính trị, bị đày tới miền Giang Nam này, ông sẽ sống cuộc đời lưu đày không kỳ hạn như thế nào đây?

Theo lời cô con gái út Mao Mao (Đặng Dung): "Trong thời gian ở Giang tây, cha tôi có một thói quen, mỗi buổi chiều trước lúc mặt trời lặn, bao giờ cũng đi bộ vòng quanh mảnh sân nhỏ. Ông bước rất nhanh, trầm tư không nói, cứ đi hết vòng này đến vòng khác... Tôi thường nhìn cha tôi, nhìn tinh thần ông lúc nào cũng chăm chú, trầm tĩnh nhìn những bước đi nhanh nhẹn và vững chắc của ông. Tôi nghĩ, trong từng bước chân đó, tư tưởng của ông, niềm tin của ông, ý chí của ông càng rõ ràng thêm theo từng bước chân càng trở nên kiên định hơn". Mao Mao còn phản ánh việc

cha cô dùng lao động và đọc sách để làm phong phú thêm cuộc sống, không bao giờ cảm thấy trống rỗng và do dự. Hàng ngày, buổi sáng tới nhà máy làm việc, buổi chiều nuôi gà trồng rau trong vườn, buổi tối đọc sách xem báo, mùa đông vẫn kiên trì tắm nước lạnh hàng ngày¹. Xem ra, Đặng Tiểu Bình không vì bị đánh đổ mà buồn nản, tiêu trầm.

Niềm tin mà Mao Mao nói là nhân tố quan trọng. Sau khi có niềm tin, thì điều then chốt là biết chờ đợi, chờ đợi thời cơ thích hợp. Mà thời cơ thì nhất định sẽ có, bởi vì trên đời này không có bàn tiệc nào không có lúc tàn. Quy luật biện chứng này có tác dụng đối với bất kỳ ai. Và cuối cùng thời cơ đã đến.

Ngày 13-9-1971, Lâm Bưu, kẻ ngoi lên nhờ đánh đổ các nguyên lão của nước Cộng hòa, trở thành người kế tục thân thiết của Mao Trạch Đông, đã vì âm mưu đoạt quyền bại lộ mà bị toi mạng.

Tin tức làm nức lòng người đó, 50 ngày sau mới truyền đến tai Đặng Tiểu Bình. "Cha tôi tỏ ra vui mừng và xúc động", Mao Mao nói: "Ông chỉ nói một câu: "Lâm Bưu không chết, lẽ trời không dung"².

Kỳ thực, hoạt động nội tâm của Đặng Tiểu Bình lúc đó sao có thể dùng một câu nói để biểu đạt được. Trong các cuộc "đấu tranh đường lối" trong lịch sử đảng, ông luôn đứng về phía Mao Trạch Đông. Chỉ tới thập kỷ 60, Mao Trạch Đông phát giác những người lãnh đạo tuyến một

1, 2. "Lịch sử tại nơi đây suy ngẫm", quyển 1, tr.98. tr.97.

như Đặng Tiểu Bình và Lưu Thiệu Kỳ không nghe theo lời ông, thực hiện sau lưng ông kiểu "mèo trắng, mèo đen", "kích thích vật chất", căn bản không đề cập tới cương lĩnh "đấu tranh giai cấp" tới mức khiến ông không còn điều khiển được tình hình nữa. Thế là Mao Trạch Đông dựa vào Lâm Bưu, phát động đại cách mạng văn hóa, đánh đổ cái gọi là "bộ tư lệnh tư sản" theo cách nhìn của ông. Lâm Bưu thì rất nghe lời Mao Trạch Đông, không lúc nào rời quyển Ngũ lục (tập sách trích dẫn lời Mao-ND), luôn mồm hô muôn năm, tâng bốc Mao Trạch Đông tới mức còn cao hơn Các Mác, Lênin. Mao Trạch Đông sung sướng vì sự tâng bốc của Lâm Bưu, và không nghe nổi những lời can gián thẳng thắn của người khác. Kết quả ra sao? Kẻ thực sự ôm ấp mưu đồ xấu xa với ông lại chính là "người bạn chiến đấu thân thiết" luôn mồm nói trung thành vô hạn với ông. Bây giờ, bộ mặt lừa bịp của Lâm Bưu đã bị xé toang, rút cục ai trung ai gian, nhất định Mao Trạch Đông phải suy nghĩ và tỉnh ngộ. Thêm nữa, sau khi Lâm Bưu chết, người thực sự có tài trị quốc an bang bên cạnh Mao Trạch Đông chỉ có Chu Ân Lai là có thể tin cậy được. Chu Ân Lai là vị nguyên lão duy nhất trong đảng và chính quyền không bị dả đáp trong "cách mạng văn hóa", ông muốn đảm đương gánh nặng thu xếp mọi rối loạn do "cách mạng văn hóa" gây ra, thì cần dựa vào ai? Đặng Tiểu Bình đã nhận rõ, cái chết của Lâm Bưu đối với vận mệnh chính trị của ông là một cơ hội hiếm có, ông không thể bỏ qua cơ hội này.

Thế là, ngay chiều hôm đó, Đặng Tiểu Bình viết cho Mao Trạch Đông một bức thư dài hơn bốn ngàn chữ.

Một là: Ông vạch ra với Mao tội phản cách mạng của Lâm Bưu, Trần Bá Đạt mà ông được biết.

Hai là: Ông vô cùng khiêm tốn trình bày với Mao những khuyết điểm và sai lầm trong công tác của mình trước kia.

Ba là: Ông đề đạt với Mao nguyện vọng thiết tha của mình muốn tiếp tục công tác vì Tổ quốc và nhân dân.

Vạch tội Lâm Bưu không chỉ là xuất phát từ lòng phân nộ, mà còn là sự biểu hiện thái độ chính trị. Mỗi lần đấu tranh lớn trong Đảng Cộng sản Trung Quốc, đều cần dùng biện pháp đó để vạch rõ ranh giới.

Tại sao lại còn phải tự phê bình? Dù Lâm Bưu xấu thế nào cũng không có nghĩa là mình không hề có khuyết điểm sai lầm. Việc đánh đổ Lưu - Đặng dù sao cũng do Mao đồng ý. Dù việc đó có sai nữa, cũng phải để cho Chủ tịch đảng có chỗ để xoay trở. Vả lại Đặng Tiểu Bình dự tính Mao không thể vì sự kiện Lâm Bưu mà cho qua vấn đề của Lưu - Đặng, vì Mao xưa nay không bao giờ bỏ qua vấn đề đường lối. Nhưng điều đó cũng không hề gì, vì ông biết Mao Trạch Đông có một đặc điểm: "Ai không nghe lời ông ta, ông ta sẽ chinh cho một trận, nhưng chinh tới mức độ nào, ông đều có suy xét"¹. Mao Trạch Đông không cho phép bất kỳ ai chống lại mình, đó là sự thực, nhưng ông cũng không chủ trương đánh cho người phạm sai lầm một đòn chết tươi. Đánh thì có đánh, nhưng sau mấy gậy, chỉ cần anh nhận sai lầm và xin sửa chữa, thì ông ta vẫn khoan dung giữ lại bên mình. ở bên Mao Trạch Đông, phạm sai lầm cũng không sao, vấn đề then chốt là biết thừa nhận sai lầm của mình. Vì vậy, dù mình có sai hay không, việc khiêm tốn kiểm điểm là tuyệt đối cần thiết.

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 256.

Khi nói tới công tác của mình, lời lẽ của Đặng rất uyển chuyển thiết tha: Ông đã hoàn toàn xa rời công tác, không tiếp xúc với xã hội năm năm rồi, tuy đã 68 tuổi nhưng thấy sức khỏe của mình còn tốt, còn có thể làm một số công việc cụ thể, như công tác điều tra nghiên cứu. Ông không có mong muốn gì khác, chỉ xin được làm một số việc cho đảng để bù đắp cho những thiếu sót đã qua. Và đó chỉ là lời cầu xin, còn được hay không, xin chờ chỉ thị của Mao Chủ tịch và Trung ương Đảng.

Bức thư của Đặng Tiểu Bình nhanh chóng được chuyển tới tay Mao. Nhìn thấy nét chữ của người bạn cũ, đã cùng nhau trải qua mấy chục năm đấu tranh gian khổ, Mao Trạch Đông quả nhiên rất xúc động. Sau khi Lâm Bưu sụp đổ, ông đã coi "dòng nước ngược tháng hai" chống lại cách mạng văn hóa do một số tướng soái cũ bất mãn với Lâm Bưu gây nên, và đặc biệt nhắc tới, đó là những lời nói công khai trong hội nghị, hàm ý là không nói một đảng, làm một nẻo như Lâm Bưu. Ông cảm thấy khoảng cách với các tướng soái cũ đã gần lại: "Nếu âm mưu của Lâm Bưu thực hiện được, thì tất cả những người cũ đó của chúng ta đều bị thanh toán hết"¹. Ngày 6-1-1972, nguyên soái Trần Nghị qua đời. Mao Trạch Đông vô cùng than tiếc, đã phá lệ, mặc quần áo ngủ và đến dự lễ truy điệu Trần Nghị khi đang ốm. Trong lễ truy điệu, Mao nói nhiều câu tốt đẹp về Trần Nghị, như cho tới tận lúc đó, mới phát hiện ra Trần Nghị là người tốt. Kỳ thực, Trần Nghị đã nhiều lần phản đối Mao Trạch Đông, có điều Trần Nghị "phản đối Mao Chủ tịch có một đặc điểm là công khai, chứ không dùng âm

1. "Những năm tháng đại động loạn", NXB Nhân Dân Hà Nam, 1988, tr. 440.

mưu quỷ kế như Lâm Bưu. Sự thẳng thắn cương trực của Trần Nghị hình thành sự khác biệt rõ rệt với trò hai mặt của Lâm Bưu, hiện ra trước mặt Mao Trạch Đông. Sự so sánh đó tự nhiên liên hệ tới Đặng Tiểu Bình, vì Đặng cũng như Trần, thường nổi tiếng là trực tính.

Những biến đổi tinh tế đó không lọt qua mắt Chu Ân Lai. Sau khi Lâm Bưu chết, bên cạnh Mao Trạch Đông chỉ còn hai thế lực là Chu Ân Lai và Tổ cách mạng văn hóa trung ương, mà những người như Giang Thanh chỉ biết hô hét suông về cách mạng, không biết gì việc trị nước và xây dựng kinh tế. Trong tình hình đó, Mao chỉ có cách là giao việc chủ trì công việc hàng ngày của Trung ương cho Chu Ân Lai. Trước hết, Chu đề nghị Mao triệt tiêu tổ công tác quân ủy, giao cho Diệp Kiếm Anh chủ trì công tác hàng ngày của quân ủy, lặng lẽ thu lại quân quyền. Còn lại hai gánh nặng về đảng và chính quyền, Chu bức thiết cần một nhân tài như Đặng Tiểu Bình hiệp trợ. Vì vậy Chu Ân Lai luôn chờ cơ hội triệu Đặng Tiểu Bình trở lại. Ngày nay, quan hệ đã bớt căng, nhưng vẫn còn một vấn đề quan trọng, là bản thân Mao sẽ chuyển biến thế nào. Vấn đề then chốt là làm sao phân biệt được Lưu Thiếu Kỳ với Đặng Tiểu Bình. Chu Ân Lai biết rằng còn cần một thời gian nữa.

Vương Chấn, người cùng bị cải tạo với Đặng Tiểu Bình ở Giang Tây đã được về Bắc Kinh trước Đặng. Khi được biết trong lễ truy điệu Trần Nghị, Mao có nhắc tới Đặng Tiểu Bình, có triệu chứng thay đổi thái độ, liền lợi dụng một dịp hội báo công tác, giới thiệu kỹ với Mao về tình hình lao động ở Giang Tây của Đặng Tiểu Bình, ra sức kiến nghị Mao Trạch Đông nhanh chóng sử dụng Đặng Tiểu Bình. Sau khi thăm dò được ý của Mao, Vương Chấn

cho người tìm Đặng Dung vừa về Bắc Kinh, nói cô trở về Giang tây nói với cha là Mao Trạch Đông đã nghĩ tới việc phân biệt Lưu Thiếu Kỳ với Đặng Tiểu Bình.

Sau khi nhận được tin đó, Đặng Tiểu Bình từ Giang Tây không để lỡ cơ hội, liền viết bức thư thứ hai cho Mao, tiếp tục tự kiểm điểm bản thân, mong lại được ra phục vụ, tỏ ý sẵn sàng tuân theo sự xếp sắp của Đảng. "Sự từng trải trước kia của Đặng Tiểu Bình và sự tự phê bình khôn khéo của ông đã giành được sự tán đồng của Mao, cho phép ông trở lại vũ đài chính trị"¹. Mao Trạch Đông nhận được bức thư đó, sau khi cân nhắc, đã phê như sau: "Sai lầm mà đồng chí Đặng Tiểu Bình đã phạm phải là nghiêm trọng, nhưng cần được phân biệt với Lưu Thiếu Kỳ.

1) Đồng chí ấy đã bị chính ở khu Xô viết.....mà bị chính là do cầm đầu phái Mao.

2) Đồng chí ấy không có vấn đề lịch sử, tức là chưa bao giờ đầu hàng địch.

3) Đồng chí ấy hiệp trợ đắc lực cho Lưu Bá Thừa trong chiến đấu, có chiến công. Ngoài ra, từ khi về Bắc Kinh, không phải không làm được việc gì tốt, như đã dẫn đầu đoàn đại biểu đi Matxcơva đàm phán, không chịu khuất phục trước chủ nghĩa xét lại Liên Xô".

Mao Trạch Đông

Ngày 14-8-1972

Lời phê trên của Mao Trạch Đông có ý nói rằng Lưu Thiếu Kỳ thuộc về trường hợp mâu thuẫn địch ta, còn Đặng Tiểu Bình là thuộc trường hợp mâu thuẫn trong nội

1. Trương Đại Vệ: "Cột chống giữa dòng, công lao muôn thuở - Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình", tr. 122.

bộ nhân dân, là đối tượng phải đoàn kết. Nghệ thuật chính trị của Mao Trạch Đông là vừa giữ vững sự kết án với đường lối sai lầm của Lưu Thiệu Kỳ để tỏ rõ ông ta phát động cách mạng văn hóa là cần thiết, đồng thời lại tỏ ra có lượng khoan dung, muốn đoàn kết với tất cả những ai có thể đoàn kết được, ngay cả với những người "đã phạm sai lầm nghiêm trọng" như Đặng Tiểu Bình, chỉ cần tình nguyện sửa chữa thì đảng vẫn hoan nghênh. Đồng thời, có bản án "sai lầm về đường lối" của Lưu Thiệu Kỳ trước mắt, thì Đặng Tiểu Bình sẽ dễ sử dụng hơn. Kỳ thực, đối với Lưu Thiệu Kỳ thì ba điều Mao phê về Đặng cũng thích hợp với ông. Nhưng dù lúc ấy Mao có biết rằng lời phê phán Lưu "phản bội, làm đặc vụ" là oan uổng, thì ông cũng không phê như vậy. Vì nếu làm như vậy, thì coi như ông đã tự lật đổ chủ trương tiến hành cách mạng văn hóa của mình. Về điểm này, Đặng Tiểu Bình vô cùng may mắn. Sở dĩ ông có cơ hội "sửa chữa lỗi lầm", là nhờ trước ông đã có "tên đầu sỏ số một đi theo đường lối tư bản chủ nghĩa" đóng vai trò đại biểu của "sự sai lầm về đường lối lần thứ 9". Nếu không như vậy, thì dù Đặng Tiểu Bình có tới 30 (chứ không phải 3) thành tích, cũng không lọt khỏi sự trừng phạt của Mao Trạch Đông.

Dù thế nào, đã có lời phê của Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai sẽ dễ giải quyết. Ngày 10-3-1973, căn cứ vào lời phê và chỉ thị của Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai chủ trì hội nghị Bộ Chính trị thảo luận vấn đề đưa Đặng Tiểu Bình trở lại làm việc. Phái cách mạng văn hóa trong Bộ Chính trị, tức "nhóm bốn tên" sau này, hết sức sợ việc trở lại của Đặng Tiểu Bình. Họ đối phó một mình Chu Ân Lai đã khó, nay lại thêm Đặng Tiểu Bình nữa thì càng bất lợi, vì họ biết Đặng Tiểu Bình càng khó đối phó hơn. Nhưng vì trong

tay Chu Ân Lai có thanh bảo kiếm Thượng Phương của Mao Trạch Đông, nên bọn Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên đành phải tạm lùi một bước, đồng ý để Đặng Tiểu Bình trở lại. Hội nghị quyết định khôi phục sinh hoạt Đảng và chức vụ Phó thủ tướng cho Đặng. Năm tháng sau, Đặng được vào trung ương. Bước đầu tiên khi được trở lại của Đặng là bước đi rất gian nan, nhưng không phải là bước mang tính quyết định.

1.5. TRONG HAI NĂM TỪ KHI ĐƯỢC PHỤC HỒI, ĐẶNG TIỂU BÌNH NHIỀU LẦN GIAO PHONG VỚI "NHÓM BỐN TÊN", LẦN NÀO CŨNG CHIẾM THẾ ÁP ĐẢO

Ngày 12-12-1973, Mao Trạch Đông triệu tập tại phòng đọc sách của mình cuộc họp Bộ Chính trị rất có ý nghĩa đối với Đặng Tiểu Bình, người vừa được phục hồi. Trong hội nghị, Mao Trạch Đông tuyên bố một quyết định quan trọng: Điều chuyển vị trí của tư lệnh 8 đại quân khu. Tiếp sau đó, Mao đề nghị các ủy viên Bộ Chính trị có mặt cùng hát bài "Ba điều kỷ luật, tám điều chú ý" Mao dựa vào bài hát này để điều khiển quân đội và đảng. Sau sự kiện Lâm Bưu, Mao không chỉ một lần hiệu triệu cấp dưới đồng ca bài này. Xem ra, ông rất mong muốn thống nhất lại bước đi của toàn đảng, toàn quân, giải quyết tốt một loạt vấn đề còn lại sau khi Lâm Bưu chết. Trong những vấn đề đó có việc "Bộ Chính trị không bàn việc chính trị, quân ủy không bàn việc quân sự". Mao Trạch Đông ngay từ đầu năm đã đề xuất vấn đề này, nay lại nhắc lại, tỏ rằng ông đã cảm thấy đến lúc không giải quyết không được.

Vậy giải quyết thế nào? Mao Trạch Đông đưa mắt nhìn Đặng Tiểu Bình ngồi bên cạnh:

"Nay tôi mời đến một quân sư, tên là Đặng Tiểu Bình". Mao giới thiệu Đặng như một vị khách đặc biệt, "Ông này có nhiều người sợ, nhưng làm việc tương đối quả đoán", "bên ngoài thì hòa nhã, nhưng bên trong là một công ty gang thép". Tiếp đó, ông công khai đánh giá về Đặng: "Cuộc đời của anh ta có thể nói là có bảy phần ưu, ba phần khuyết", hy vọng Đặng "dần dần sửa chữa những khuyết điểm trước kia". Trước mọi người, Mao đề nghị Đặng Tiểu Bình làm ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên quân ủy, còn chuẩn bị giao cho Đặng làm Bí thư trưởng Bộ Chính trị, Đặng không muốn làm chức đó, Mao liền giao cho Đặng làm Tham mưu trưởng quân đội. Mao nghĩ rằng với sự quả đoán và nghị lực của Đặng Tiểu Bình, vấn đề không bàn chính trị, không bàn quân sự sẽ mau chóng được giải quyết.

Sự coi trọng của Mao với Đặng Tiểu Bình, chủ yếu vì Đặng là một nhân tài hiếm có, làm việc quả đoán, ngày nay ông cần loại nhân tài đó, để bổ sung vào khoảng trống quyền lực sau Chu Ân Lai. Xu thế phát triển đó làm "nhóm bốn tên" rất lo sợ. Kẻ đầu tiên đứng ra phản đối việc dùng lại Đặng Tiểu Bình là Giang Thanh. Tháng 3-1974, Bộ Chính trị thảo luận việc cử ai đi dự hội nghị đặc biệt của Đại hội đồng liên hiệp quốc lần thứ 6. Mao Trạch Đông nhớ lại thành tích của Đặng Tiểu Bình trong cuộc độ sức với Khrushchov ở Matxcova những năm 60, liền đề nghị Đặng đi. Giang Thanh sợ Đặng Tiểu Bình nâng cao uy tín trên trường quốc tế, liền cực lực phản đối. Mao Trạch Đông không nghe theo ý kiến bà vợ, ngược lại còn nghiêm khắc cảnh cáo Giang Thanh không được chống lại ý kiến của

mình. Cuộc độ sức đầu tiên sau khi được phục hồi giữa Đặng với "nhóm bốn tên", do được Mao ủng hộ nên đã giành được thắng lợi.

"Nhóm bốn tên" bài xích Đặng Tiểu Bình vì Đặng liên kết chặt với Chu Ân Lai. Đến năm 1974, thân thể Chu ngày càng yếu. Nếu Đặng cứ từng bước tiến lên thì người kế tục Chu sẽ không còn là ai ngoài Đặng nữa. Đó là kết quả mà "nhóm bốn tên" không muốn nhìn thấy. Mấy người trong bọn họ đều biết là Đặng cứng hơn Chu, do đó khó đối phó hơn, nên cần nhân lúc ông chưa đủ lông cánh mà tăng cường đả kích. Tháng 7-1974, Mao chủ trì một hội nghị Bộ Chính trị, "nhóm bốn tên" nhân lúc Chu Ân Lai vắng mặt liền do Giang Thanh dẫn đầu, ba người kia phối hợp theo, công kích Chu về nhiều mặt, mong qua việc tiến công Chu để đạt tới mục đích bài xích Đặng. Mao Trạch Đông nổi nóng, cảnh cáo họ "không được tạo thành nhóm nhỏ bốn người", yêu cầu Giang Thanh không được xây dựng hai nhà máy (ý Mao muốn nói: nhà máy gang thép để làm gậy đánh người, nhà máy làm mũ để chụp mũ cho người). Bọn Giang Thanh không lượng sức, mang hết bản lĩnh để công kích Chu, kết quả khiến Mao có phản cảm. Đây là lần đầu tiên Mao dùng khái niệm "nhóm Thượng Hải" và "phe nhóm nhỏ bốn người" khiến trong những lần độ sức sau, nhóm Giang Thanh càng bị động.

Tính cách Mao Trạch Đông là với những việc ông thấy là đúng, người khác càng phản đối, ông càng kiên quyết. "Nhóm bốn tên" công kích Chu, bài xích Đặng chính là nhằm vào chiếc ghế thủ tướng của Chu sau này. Mao làm ngược lại, vào tháng 10-1974, đề nghị Đặng làm Phó thủ tướng thứ nhất, sắp xếp trước vị trí thủ tướng thay Chu sau này. Như vậy, càng làm "nhóm bốn tên" lo cuống chân

tay. Hội nghị quốc hội khóa 4 sắp họp, nếu sau cuộc họp, hình thành thể chế Chu, Đặng thì mộng tưởng của họ tan thành mây khói. Bất kỳ thế nào, họ cũng phải ngăn trở sự xuất hiện tình hình này. Lần này, họ xếp đặt mưu kế, quyết định đưa "vấn đề tàu Phụng Khánh" để đột kích bất ngờ vào Đặng. 17-10, Đặng chủ trì Hội nghị Bộ Chính trị, Giang Thanh trước hết gây khó khăn, đề xuất vấn đề sùng bái phương Tây, làm tổn thất cho quốc gia qua sự kiện tàu Phụng Khánh và chất vấn Đặng Tiểu Bình: Đồng chí nhìn nhận thế nào về vấn đề này? Đặng đứng trước việc lựa chọn khó khăn: Ông không thể đồng ý với cách đề xuất của Giang Thanh, nhưng nếu ông phản bác thì tất nổ ra một cuộc tranh luận vô vị về ý thức hệ, trong tranh luận lại rất dễ để lộ ra sơ hở, vì nhóm này rất giỏi nắm sơ hở của người khác. Thế là Đặng Tiểu Bình trả lời: Tôi cần điều tra. Nhóm Giang Thanh không buông tha, cứ làm loạn lên trong hội nghị, Đặng nổi giận: Thảo luận trong Bộ Chính trị cần bình đẳng, các đồng chí không thể cư xử với thái độ đó. "Nhóm bốn tên" ủa tôi một lượt: đã biết thế nào anh cũng phải phản ứng mà, hôm nay quả nhiên anh phải phản ứng. Đặng không nhịn được, chọn ngay cách trả lời dứt khoát với sự khiêu khích của "nhóm bốn tên", ông đứng dậy rời khỏi hội nghị, phát áo đi ra. Sau này Mao khen Đặng lần ấy không chịu nhượng bộ "nhóm bốn tên", đã có cách đối phó tốt.

Cuộc đột kích bất ngờ của "nhóm bốn tên" lần ấy chẳng những không giành được gì, ngược lại còn có khả năng phải chịu trách nhiệm về việc gây rối Hội nghị Bộ Chính trị. Vì vậy, họ càng bối rối. Để tranh thủ chủ động, họ quyết định đi kiện trước, phân binh làm hai cánh đi tranh thủ sự ủng hộ của Mao Trạch Đông. Một cánh do

Vương Hồng Văn, người được đích thân Mao Trạch Đông đề bạt lên làm người kế tục, đi Trường Sa gặp Mao Trạch Đông, công khai tố cáo Chu Ân Lai. Cánh khác do Giang Thanh đảm nhiệm, đi tìm hai phiên dịch trẻ được Mao Trạch Đông tín nhiệm là Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh, yêu cầu họ trong khi dẫn khách nước ngoài đến Trường Sa, phản ánh riêng với Mao Trạch Đông về việc Đặng Tiểu Bình đại náo Hội nghị Bộ Chính trị, tính chất giống như "dòng nước ngược tháng hai" (là sự kiện tháng 2-1967, trong Hội nghị Bộ Chính trị và quân ủy do Chu Ân Lai chủ trì, các tướng soái Trần Nghị, Diệp Kiếm Anh, Từ Hướng Tiền, Nhiếp Vinh Trăn, Lý Tiên Niệm, Đàm Chấn Lâm đã kịch liệt phê phán những cách làm sai lầm trong cách mạng văn hoá. Vì Mao Trạch Đông bác bỏ những ý kiến ấy nên sự kiện này được gọi là "dòng nước ngược tháng hai"-ND) và việc Chu Ân Lai trong khi nằm bệnh viện vẫn mượn cố công tác, thường xuyên tiếp xúc với một số ít người đến liên lạc. Nhưng họ đã tính nhầm. Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh lập tức đem ý kiến của Giang Thanh nói lại đầy đủ cho Chu Ân Lai. Chu và Đặng đường hoàng và vững vàng, không vội trình bày với Mao. Kết quả sự việc phát triển lại ra ngoài tính toán của "nhóm bốn tên", sự vây đánh bằng hai cánh quân không giúp họ giành được chủ động mà càng lâm vào bị động.

Vương Hồng Văn báo cáo với Mao Trạch Đông là Chu Ân Lai nằm bệnh viện không phải chỉ có dưỡng bệnh mà đêm nào cũng tiếp khách đến khuya. Những người thường đến có Đặng Tiểu Bình, Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm... Việc họ đồn dập đến với nhau có quan hệ đến việc sắp xếp

nhân sự trong kỳ họp quốc hội khoá 4. Vương Hồng Văn còn đặc biệt nhắc nhở Mao Trạch Đông là ở Bắc Kinh hiện nay có nhiều dấu hiệu như trước hội nghị Lư Sơn. Mao Trạch Đông chỉ im lặng nghe, không tỏ thái độ ủng hộ hay phản đối, vì ông biết rằng nội bộ Bộ Chính trị có hai phái, không thể nghiêng về nghe bên nào mà cần nghe cả hai bên. Hai hôm sau, Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh đến Trường Sa, phản ánh sự thật của tình hình, Mao nắm được thực chất vấn đề, liền bảo Vương, Đường về Bắc Kinh truyền đạt chỉ thị của ông: Công tác trù bị và sắp xếp nhân sự cho kỳ họp quốc hội khoá 4 do thủ tướng và Vương Hồng Văn cùng quản; đề nghị Đặng Tiểu Bình làm Phó chủ tịch đảng, Phó Thủ tướng thứ nhất, Phó Chủ tịch quân ủy và Tổng tham mưu trưởng.

Thái độ của Mao làm cho âm mưu của nhóm Giang Thanh về việc sắp xếp Chính phủ trong kỳ họp quốc hội khoá 4 hoàn toàn phá sản. Hạ tuần tháng 12, Chu Ân Lai và Vương Hồng Văn cùng đến Trường Sa gặp Mao Trạch Đông. Trước mặt Vương Hồng Văn, Mao nhắc lại lời cảnh cáo là không được tổ chức "nhóm bốn người", và nói thẳng không kiêng nể là tư tưởng chính trị của Đặng mạnh hơn Vương. Sau đó, Mao vạch ra rành rọt sự sắp xếp nhân sự của kỳ họp quốc hội khoá 4. Chu Ân Lai vốn dự định để Đặng Tiểu Bình làm Phó Thủ tướng thứ nhất kiêm Tổng Tham mưu trưởng, Mao chữa lại là: Phó Chủ tịch quân ủy, Phó Thủ tướng thứ nhất kiêm Tổng tham mưu trưởng. Lý do là Đặng có tài năng hiếm có. Trung tuần tháng 11, Đặng đã một lần tới Trường Sa. Khi ông phát biểu với Mao là trao cho ông ba chức đó, ông không có ý kiến gì, chỉ cảm thấy trách nhiệm quá nặng, sợ không đảm đương nổi. Mao đã khuyến khích ông cố gắng gánh vác. Ba chức vụ đó, "nhóm

bốn tên" đã chia tay xin từ lâu, nhưng Mao Trạch Đông không cho. Với Đặng, thì thấy nhiệm vụ quá nặng, nhưng Mao lại khuyến khích ông gánh vác. Điều này ít nhất cũng nói rõ quan hệ chuyển hóa biện chứng giữa chủ động và bị động trong đấu tranh chính trị; quá chủ động lại hóa ra bị động, bị động một cách thích đáng lại trở nên chủ động.

Trong hai năm được phục hồi, Đặng Tiểu Bình nhiều lần giao phong với "nhóm bốn tên", kết quả lần nào Đặng cũng chiếm thế áp đảo, "nhóm bốn tên" càng ngày càng bị động. Mùa hạ năm 1975, thậm chí Mao Trạch Đông hai lần ủy nhiệm cho Đặng Tiểu Bình chủ trì Hội nghị Bộ Chính trị phê bình "nhóm bốn tên", buộc Giang Thanh và Vương Hồng Văn phải công khai kiểm thảo nhận sai lầm. Đặng giành được thành công như vậy, ngoài việc được những cán bộ cũ như Chu Ân Lai ủng hộ, "nhóm bốn tên" không được lòng người, tài năng bản thân của Đặng khiến Mao Trạch Đông tín nhiệm, còn một nguyên nhân quan trọng nữa là Đặng nắm vững phương pháp cư xử với Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông phát động "cách mạng văn hóa", đánh đổ Lưu-Đặng rõ ràng là vì cảm thấy đại quyền tuột khỏi tay, có người không nghe theo ông, tiến hành một đường lối mà ông không đồng ý. Sau khi được phục hồi, Đặng Tiểu Bình đã làm như Mao Trạch Đông mong muốn, sửa chữa khuyết điểm trước kia, gặp việc gì đều thỉnh thị báo cáo với Mao. Dương nhiên vẫn không khúm núm, vừa tôn trọng, vừa giữ cá tính thẳng thắn vô tư. Mao Trạch Đông rất ghét những người lồi kéo bè cánh, tổ chức tập đoàn nhỏ sau lưng ông. Sau khi Lâm Bưu sụp đổ, ông tổng kết bài học kinh nghiệm, nhiều lần nhấn mạnh "ba điều nên, ba điều không nên": nên theo chủ nghĩa Mác, không nên theo chủ nghĩa xét lại; nên đoàn kết, không nên

chia rẽ; nên quang minh chính đại, không nên dùng âm mưu quỷ kế. Trong con mắt của Mao Trạch Đông, "nhóm bốn tên" tuy có khá về chủ nghĩa Mác, nhưng hai điều sau là đáng nghi, nên ông nhiều lần phê bình họ là không nên thành lập "nhóm bốn tên". Đặc điểm lớn nhất của Đặng Tiểu Bình là quang minh chính đại, thẳng thắn rõ ràng. Qua kinh nghiệm về Lâm Bưu, Mao rất tán thưởng đặc điểm đó. Mà có được điều đó, thì đoàn kết không thành vấn đề nữa. Trong Đảng Cộng sản Trung Quốc, phe nhóm là những thứ bị tuyệt đối cấm chỉ, nhưng khái niệm về "phe" và "nhóm" lại khó mà nêu cho rõ ràng, vấn đề then chốt là anh thực hiện "âm mưu" hay "dương mưu". "Dương mưu" tức là công khai, không giấu giếm người có quyền lực cao nhất. Sự công khai hóa đó có nghĩa là đứng về phía người có quyền lực cao nhất, và như thế là hợp pháp, không coi là phe nhóm, không thuộc về hành động chia rẽ đảng. Cần nói là Đặng vốn có tính khuynh hướng, đối với phái Giang Thanh, Đặng cũng có phái của mình, tức Đặng, Chu, Diệp, Lý. Nhưng Đặng và Chu không như Giang Thanh bó chặt vào mấy người trong nhóm của mình, và vì vậy không thể hiện thành nhóm một cách rõ ràng mà có thể dung nạp đại đa số, nên không thể gọi là phe nhóm. Và lại trong mọi việc, Đặng đều báo cáo công khai với Mao, đoàn kết chặt chẽ xung quanh Mao, đứng hẳn về "phe" của Mao. Như vậy, có rất nhiều ưu thế để đối phó với "nhóm bốn tên".

Trong cuộc đấu tranh giữa Đặng Tiểu Bình với "nhóm bốn tên", Mao Trạch Đông đứng là luôn nâng đỡ Đặng. Đó là lý do vì sao khi đánh giá Mao Trạch Đông sau này, Đặng kiên trì đòi tách rời những sai lầm cuối đời của Mao Trạch Đông ra khỏi những tội ác của "nhóm bốn tên".

Trong khi phủ định toàn diện cách mạng văn hóa của Mao, Đặng vẫn gọi Mao Trạch Đông là người mácxít vĩ đại, còn Giang Thanh trong con mắt của Đặng, chỉ đáng "được điểm dưới không". Mặt khác, Mao Trạch Đông nhiều lần phê bình hành động của "nhóm bốn tên", thậm chí còn nói là "năm nay chưa giải quyết thì sang năm sẽ giải quyết". Nhưng khi còn sống ông không bao giờ giải quyết. Điều đó, ngoài lý do ông cho là "nhóm bốn tên" đã có công trong việc phê Lưu Thiếu Kỳ và Lâm Bưu, phải chăng ông còn cảm thấy con bài "nhóm bốn tên" có lúc còn có ích? Sau này, khi Đặng bị đánh đổ lần thứ ba, "nhóm bốn tên" vẫn được coi là có công lớn.

1.6. CUỘC THÍ NGHIỆM CẢI CÁCH LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẶNG BỊ THẤT BẠI, NHƯNG KHI ĐƯA LÝ LUẬN CỦA ÔNG RA PHÊ PHÁN, NHÂN DÂN PHÁT HIỆN THẤY NHỮNG ĐIỀU ÔNG NÓI CHÍNH LÀ ĐIỀU HỌ NGHĨ

Ngày 13-10-1989, Đặng nói với Tổng bí thư Đảng Cộng sản Hungari Cada rằng: Cuộc cải cách của Trung Quốc vào thập kỷ 80 "kỳ thực đã được chúng tôi thí nghiệm một phần từ năm 1974-1975... Cuộc cải cách lúc đó, được gọi là chỉnh đốn"¹.

Sau khi từ "chuồng bò" ở Giang Tây trở về, thời gian đầu, Đặng giúp Chu Ân Lai quản lý một phần công việc của Quốc vụ viện. Đầu năm 1975, bệnh tình của Chu nặng

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 255.

thêm, trong trường hợp nguy nan, Đặng được lệnh thay Chu chủ trì công việc hàng ngày của trung ương. Điều này là một thử thách nghiêm trọng đối với Đặng. Dù lúc đó Đặng được Mao trao cho ba quyền lớn: Phó Chủ tịch Đảng, Phó Thủ tướng thứ nhất, Phó Chủ tịch quân ủy kiêm Tổng tham mưu trưởng, nhưng đối thủ chính trị của ông là "nhóm bốn tên" cũng có thực lực không nhỏ: chức vụ của Vương Hồng Văn trong Bộ Chính trị không thấp hơn so với Đặng, chức vụ của Trương Xuân Kiêu trong Bộ Chính trị và quân đội chỉ kém có Đặng, Diêu Văn Nguyên vẫn nắm quyền thao túng dư luận, Giang Thanh sau khi thất bại trong ý đồ lập nội các càng điên cuồng công kích. Sách lược của Mao Trạch Đông đối với Đặng Tiểu Bình và phái cách mạng văn hóa là giữ thế thăng bằng, kìm giữ cả hai bên. Ưu thế chủ yếu của Đặng là có sự ủng hộ của Chu Ân Lai, cộng với kinh nghiệm và uy tín nhiều năm trong việc chủ trì công tác đảng. Trong kết cấu quyền lực ba chân đó, Đặng tiến hành được việc chỉnh đốn chủ yếu là dựa vào việc giải quyết quan hệ với Mao như thế nào, và quyết định trước hết là cán cân của Mao nghiêng về bên nào.

Đặng hiểu rõ rằng trong khi làm mạnh mẽ, lúc nào cũng phải hành động với danh nghĩa của Mao. Đó không phải là phong cách của Đặng, mà chỉ vì đối thủ của ông là chuyên gia về lĩnh vực đó, ông phải "học tập" đối thủ, mới không bị đối thủ giành mất tính hợp pháp. Vì vậy, trong mỗi cuộc nói chuyện về chỉnh đốn, ông đều không quên nói rằng mình căn cứ vào một chỉ thị nào đó của Mao hoặc được Mao đồng ý. Thí dụ ông nói: "Đồng chí Mao Trạch Đông nói quân đội cần chỉnh đốn, trong toàn đảng cũng có

vấn đề đó"¹. "Tôi nói trong Bộ Chính trị về sự chinh đồn trong mấy mặt, đã báo cáo với đồng chí Mao Trạch Đông, đồng chí Mao Trạch Đông đã tán thành"².

Vũ khí chủ yếu để Đặng đối phó với "nhóm bốn tên", đẩy mạnh toàn diện việc chinh đồn là ba chỉ thị của Mao Trạch Đông. Đặng khôn khéo lợi dụng hai trong ba điều đó, là "chú trọng đến an định đoàn kết", "đẩy kinh tế quốc dân lên". Đặng nắm vững hai thanh Thượng Phương bảo kiếm đó, triển khai thế tiến công mạnh mẽ từ các lĩnh vực vào "nhóm bốn tên" cùng cơ sở xã hội của nó và vào những "thành quả" của "cách mạng văn hóa".

Điều đầu tiên, Đặng muốn dẹp là tính bè phái. Thanh bảo kiếm "an định đoàn kết" phát huy tác dụng tốt ở mặt này. Nhưng Đặng biết rõ chỉ gào sưông "an định đoàn kết" thì không đủ để trị chứng bệnh ngoan cố của "cách mạng văn hóa". Thực tiễn nhiều năm công tác đảng cho ông biết rằng, phương pháp mạnh mẽ để đối phó với tính bè phái là tính đảng. Nước cờ cao thủ nhất của Đặng là dùng đảng tính để thủ tiêu tính bè phái. Ông nói: "Muốn an định đoàn kết, thì cần phải thủ tiêu tính bè phái, tăng cường tính đảng, đặt tính đảng lên hàng đầu"³. "Hiện nay, giải quyết mọi vấn đề trong các địa phương, các ngành đều cần bắt đầu từ việc chống tính bè phái, tăng cường tính đảng"⁴. Đặng phân tích hoạt động bè phái lúc đó "có khi là do kẻ địch lợi dụng bè phái để gây rối, có khi là một số người lôi kéo bè phái để giành danh lợi cá nhân; có người đã hoạt động bè phái trong nhiều năm, bị tính bè phái làm mê muội"⁵. Ông không giống như Mao, với cái gì cũng phân tích giai cấp; bất kể là anh

1, 2, 3, 4, 5. Đặng tuyển. Quyển 11, tr. 12, 32, 2, 14, 10.

thuộc phái nào, ông đều đem nó đối lập với tính đảng và liên hệ cuộc đấu tranh với những cuộc đấu tranh chống bè phái trong lịch sử Đảng Cộng sản Trung Quốc, với nguyên tắc "nên đoàn kết, không nên chia rẽ" do Mao Trạch Đông đề ra. Như vậy, là tước đi quyền phát ngôn của những phần tử bè phái, khiến những kẻ tự xưng là "phái cách mạng" không cựa quậy được.

Bước thứ hai, là xây dựng một đội ngũ lãnh đạo dũng cảm. Đặng nhấn mạnh "Hạt nhân của chính đốn là chính đốn đảng. Chỉ cần nắm khâu trung tâm là chính đảng, thì việc chính đốn các mặt sẽ không khó". Điều đặc biệt sáng suốt là ông coi "việc chính đảng chủ yếu là chính đốn ban lãnh đạo các cấp"¹. Ông nói: "Muốn đấu tranh với tính bè phái, không có một ban lãnh đạo dũng cảm thì không được"². Đặng phân tích, trong các ban lãnh đạo lúc đó tồn tại ba vấn đề: Yếu đuối, lười biếng, tản mạn. "Yếu đuối" là sợ đấu tranh, không dám phụ trách, nhất là không dám đấu tranh với tính bè phái. Kết quả của yếu đuối là lười biếng trong công việc, đi đến tiêu cực bị động. "Tản mạn" có quan hệ đến hoạt động bè phái, là biểu hiện sự tồn tại bè phái trong nội bộ ban lãnh đạo. Biện pháp chính đốn: Một là, nâng đỡ khuyến khích ban lãnh đạo cũ đã bị phái tạo phản đánh đổ, không dám phụ trách, cổ vũ họ mạnh dạn đứng lên, không sợ mó dái ngựa. Hai là, "tìm một số người không sợ bị dả đảo đưa vào ban lãnh đạo, do trung ương và tỉnh ủy ủng hộ"³. Qua sự cố gắng về hai mặt đó phối hợp cả hai tay, xây dựng nên một ban lãnh đạo vững mạnh dũng cảm. Làm như vậy, Đặng rất nhanh chóng nắm lại được quyền trong hệ thống đảng và chính quyền mà ông

1, 2, 3. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 32, 25, 8.

đã nắm trước "cách mạng văn hóa", giải quyết được vấn đề "không có sự lãnh đạo của Đảng", và "lời nói của Đảng không có hiệu lực".

Thứ ba, sau khi có các ban lãnh đạo mạnh, Đặng bắt đầu những biện pháp tổ chức quả đoán, điều những kẻ đứng đầu các phe nhóm ở các bộ phận đi nơi khác. "Sau khi điều động lại nảy ra những kẻ cầm đầu mới thì làm thế nào? Lại điều đi. Điều hai lần, ba lần, cuối cùng chẳng giải quyết được vấn đề sao?... Những kẻ cầm đầu phe nhóm không phục tùng lệnh điều động thì không phát lương. "Nghề" của các anh là lập phe nhóm, thì đến lĩnh lương ở chỗ chúng tôi làm gì?"¹. Mục đích của việc điều người là để giải quyết hiện tượng "chiếm chỗ mà không làm việc". Lúc đó chưa làm gì được những người đó, đẩy được họ đi đã là tốt rồi. Thí dụ: Văn phòng bộ quốc phòng lúc đó đã dùng kẻ "điều hổ ly sơn", gọi các người cầm đầu phái tạo phản về Bắc Kinh họp, tham gia lớp học, khiến họ không còn gây trở ngại được cho người khác.

Sau cùng, phát động quần chúng đứng lên chống bệnh bè phái. Đặng vốn không thích phong trào quần chúng, nhưng để đối phó với bệnh bè phái thì đó vẫn là cần thiết. Bởi vì những kẻ bè phái bao giờ cũng xuất hiện dưới hình thức quần chúng, không sợ cả trung ương và tỉnh ủy, càng không coi lãnh đạo cơ sở ra gì. "Nhưng chúng rất sợ quần chúng, sợ quần chúng đứng lên. Vì vậy biện pháp trị loại người này, là phải phát động quần chúng đấu chúng, không buông tha một bước, mà phải có thanh thế, không thể lèo tèo

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 7.

lặng lẽ"¹. Cách làm đó khiến bọn bè phái mất cơ sở quần chúng, mất đi màu sắc bảo vệ của "quần chúng cách mạng", tự nhiên rất có hiệu quả.

Bọn bè phái sợ đi có thể tạo nên không khí, một trong những nguyên nhân là nhờ có "pháp bảo" "đấu tranh giai cấp". Đặng dùng "an định đoàn kết" để khống chế hoạt động bè phái, trên thực tế là làm yếu địa vị của "đấu tranh giai cấp". "Đưa kinh tế phát triển lên" là một biện pháp hiệu quả khác của Đặng để khống chế "đấu tranh giai cấp".

Công thức của Mao là "nắm khâu cách mạng, đẩy mạnh sản xuất", nhìn qua thì hình như là coi trọng cả đấu tranh giai cấp và xây dựng kinh tế, nhưng trên thực tế là đặt cách mạng lên trên, không cho phép bất kỳ ai dùng sản xuất để cản trở cách mạng. Vì vậy, cán bộ các cấp dưới sự lãnh đạo của Mao đều hiểu quy luật là "nắm cách mạng thì an toàn, nắm sản xuất thì nguy hiểm". Rất nhiều người vì nắm sản xuất mà mang tội, trở thành phần tử xét lại theo thuyết duy sản xuất. Đặng đương nhiên không thể thay đổi công thức đó của Mao, ông chỉ có thể lặng lẽ chuyển trọng tâm sang phía sản xuất. Ông nói: "Mao Chủ tịch nói: 'Phải nắm khâu cách mạng, đẩy mạnh sản xuất',... nay có đồng chí chỉ dám nắm khâu cách mạng, không dám nắm sản xuất, như thế là hết sức sai lầm"². Sau đó ông đối chiếu tình trạng sản xuất "đáng được đặc biệt chú ý" với đại cục của toàn dân là mục tiêu hiện đại hóa do kỳ họp quốc hội thứ 4 nêu ra, kêu gọi toàn đảng nắm đại cục, đẩy sản xuất phát triển lên. Hiện đại hóa và xây dựng kinh tế đã là đại cục của toàn đảng thì

1, 2. Đặng tuyển. Quyển II, tr.9, 4.

cách mạng và đấu tranh giai cấp tự nhiên bị lui xuống hàng thứ hai.

Đặng lấy việc vận chuyển đường sắt làm đột phá khẩu của chính đốn kinh tế, bởi vì đường sắt là mạch máu chính chi phối toàn bộ nền kinh tế quốc dân vừa là khu vực chịu nhiều tai họa nhất của tệ bè phái. Hệ thống đường sắt sau hai tháng chỉnh đốn lập tức có hiệu quả. Đặng lấy đó làm căn cứ đầu tiên, lần lượt chỉnh đốn công nghiệp gang thép, công nghiệp quốc phòng và những ngành quan trọng trong hệ thống quân đội. Đến tháng 9 năm đó, công tác chỉnh đốn đã triển khai toàn diện trong công nghiệp, giao thông, nông nghiệp, nghiên cứu khoa học. Nội dung chỉnh đốn bao gồm khôi phục trật tự trên mọi mặt, giữ nghiêm kỷ luật các mặt, khôi phục, kiện toàn mọi quy định, chế độ, quán triệt thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, điều chỉnh phương châm văn nghệ và chính sách với phần tử trí thức v.v..

Hiệu quả chỉnh đốn là rõ ràng, nghe nói có 9 hạng mục sản xuất tới tháng 6 năm đó đã đạt mức cao nhất trong lịch sử. Việc chỉnh đốn trong quân đội đã kịp thời chặn đứng "nhóm bốn tên" nhúng tay vào công việc của quân đội. Các mặt nghiên cứu khoa học và văn hóa giáo dục chưa đạt hiệu quả lớn vì hậu quả cũ khá nặng nề, chưa thanh toán kịp, nhưng đã sơ bộ đề xuất một số ý kiến rất tốt, thí dụ nếu nghiên cứu khoa học không tiến lên thì sẽ kéo lùi toàn bộ việc xây dựng kinh tế, khoa học kỹ thuật không thể đóng cửa, phải lãnh đạo nghiệp vụ, làm hùng hậu đội ngũ chuyên môn, tăng cường nghiên cứu lý luận, chú trọng chuyên môn còn tốt hơn "chiếm chỗ mà không làm việc" nhiều. Loại trường đại học 21.7 không phải là

hình thức duy nhất... Những ý kiến đó đã có tác dụng giải phóng tư tưởng.

Chỉnh đốn không chỉ giải phóng sức sản xuất, giải phóng tư tưởng, mà còn giải phóng được rất nhiều người. Đặng căn cứ vào ý kiến "phải nhanh chóng kết thúc việc thẩm tra chuyên án để thả người ra" của Mao để tha một lúc hơn 300 cán bộ cao cấp bị giam giữ lâu năm. Đặng còn đưa bức thư của con gái Hà Thành viết cho ông yêu cầu phân công tác cho Hà Thành để Mao Trạch Đông xem, được lời phê "Hà Thành vô tội" của Mao Trạch Đông. Đặng thừa cơ thúc đẩy chính sách sử dụng cán bộ. Những cán bộ được giải phóng lần này là cơ sở quan trọng để Đặng được phục hồi lần thứ ba.

Nhưng trong khi Đặng Tiểu Bình tiến hành chỉnh đốn toàn diện với khẩu hiệu "an định đoàn kết" và "kinh tế quốc dân" thì điều thứ 3 trong chỉ thị của Mao là "học tập lý luận, phòng và chống xét lại" bị "nhóm bốn tên" nắm lấy và phát huy lên. Trước hết, bọn bồi bút đó đẩy lên cuộc học tập lý luận chuyên chính vô sản và phong trào bình "Thủy Hử", toan thông qua việc chống chủ nghĩa kinh nghiệm và phê phán chủ nghĩa đầu hàng để đánh đổ Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình. Song, chúng đã không thành công. Nguyên nhân vì mấy chiếc mũ đỏ bị Mao Trạch Đông gạt đi. Mao cho rằng những điều đó không nên nêu ra. Điều thực sự mà Mao coi trọng là một vấn đề khác.

Từ cuối tháng 9 tới đầu tháng 11, cháu Mao Trạch Đông là Mao Viễn Tân đã mấy lần báo cáo với Mao về những động hướng đấu tranh giai cấp mới mà anh ta nghĩ thấy ở cơ sở. Mấy điểm dưới đây đặc biệt khiến Mao cảm

thấy không yên tâm: Trong năm nay đã có một làn gió nhằm vào đại cách mạng văn hóa, làn gió này còn mạnh hơn làn gió phê phán cực tả năm 1972. Trong những bài nói chuyện của đồng chí Tiểu Bình rất ít đề cập tới thành tích của cách mạng văn hóa, rất ít phê bình đường lối xét lại của Lưu Thiếu Kỳ; có còn cần kiên trì những điều phê phán của cách mạng văn hóa về đường lối xét lại trong 17 năm ở các mặt trận hay không; ba chỉ thị lớn là cương lĩnh, kỳ thực chỉ còn lại một điều là phát triển sản xuất.

Mao Trạch Đông rất nhanh chóng tỏ ra cảnh giác: Thì ra việc chỉnh đốn trong nửa năm nay của Đặng Tiểu Bình là nhằm vào cách mạng văn hóa. Đó chẳng phải là muốn lật bản án 17 năm, muốn tính sổ với cách mạng văn hóa, muốn quay lại con đường cũ hay sao? Mao tuyệt đối không cho phép xảy ra tình hình đó, vì cách mạng văn hóa là một trong hai việc lớn nhất trong suốt cuộc đời ông. Nếu để Đặng Tiểu Bình tiếp tục chỉnh đốn theo hướng đó thì một loạt thành tựu của cách mạng văn hóa sẽ bị xóa bỏ hết. Ông cần phải xoay lại hướng đi. Vì vậy, ông nhanh chóng thay đổi lập trường ủng hộ Đặng Tiểu Bình, và phát động một phong trào phản kích việc lật án, hữu khuynh nhằm bảo vệ thành quả cách mạng văn hóa. Đặng Tiểu Bình tiếp đó bị "nhóm bốn tên" gọi là tên đi đường lối tư bản "chết cũng không chịu hối cải", là "tên đầu sỏ góc đầu dây đòi lật án".

Cuộc thí nghiệm cải cách lần thứ nhất của Đặng Tiểu Bình thất bại, nhưng ông lại thu được lợi lớn. Vì chỉnh đốn mà ông bị va vấp, nhưng cũng vì chỉnh đốn mà ông được đi sâu vào lòng người. Ba văn kiện mà ông vạch ra trong khi

chỉnh đốn¹, sau này bị "nhóm bốn tên" phê phán là "ba cây cỏ độc lớn". Nhưng khi "ba cây cỏ độc lớn" ấy cùng với một số "ngôn luận đòi vùng lên lật án" được đưa ra trước nhân dân, thì nhân dân lại phát hiện thấy những điều mà ông nói đúng là những điều mà họ nghĩ. Những lời nói và việc làm của Đặng đặt ra trước nhân dân vấn đề khẳng định hay phủ định đại cách mạng văn hóa. Qua bản thân Đặng, nhân dân thấy Trung Quốc có hai tiền đồ có thể chọn lựa: Ngoài chủ nghĩa cộng sản kiểu Mao ra, còn có một phương thức sinh hoạt hấp dẫn người ta hơn. Nếu không có cuộc chỉnh đốn toàn diện năm 1975, thì quảng đại nhân dân có lẽ không biết Trung Quốc còn có một vị cứu tinh mới có thể trông cậy. "Trong phong trào ngày 5-4-1976, nhân dân tưởng nhớ Chu Ân Lai, và nhiều người ủng hộ tôi. Điều đó chứng minh, việc cải cách năm 1974 tôi. Điều đó chứng minh, việc cải cách năm 1974 và 1975 rất được lòng người, đã phản ánh đúng nguyện vọng của nhân dân"². Tại sao Đặng sau khi được phục hồi lần thứ ba, dám vận dụng biện pháp mạnh đàn chống lại phái "phàm là" để triệt để phủ định đại cách mạng văn hóa, đẩy mạnh việc cải cách và mở cửa? Chính là vì qua cuộc thí nghiệm năm 1975, ông tin tưởng sâu sắc rằng nhân dân sẽ ủng hộ ông.

1. Tức "Mấy vấn đề đẩy nhanh phát triển công nghiệp", "Đề cương báo cáo công tác của Viện khoa học" và "Bàn về cương lĩnh chung của các công tác của toàn đảng, toàn dân".

2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 255.

1.7. "SAO LAI: "BA CHỈ THỊ ĐỀU LÀ THEN CHÓT"! AN ĐỊNH ĐOÀN KẾT KHÔNG PHẢI LÀ KHÔNG CẦN ĐẤU TRANH GIAI CẤP. ĐẤU TRANH GIAI CẤP LÀ ĐIỂM THEN CHÓT, MỌI ĐIỀU KHÁC ĐỀU LÀ PHỤ THUỘC" MAO TRẠCH ĐÔNG VẠCH TRẦN "ÂM MƯU" CỦA ĐẶNG DÙNG ĐIỂM PHỤ THUỘC ĐỂ LÀM RỜI ĐIỂM THEN CHÓT

Sau khi Chu Ân Lai mắc bệnh phải nằm viện, Đặng Tiểu Bình nhận nhiệm vụ trong lúc nguy nan, thay thế Chu chủ trì công việc hàng ngày của Trung ương. Đó là thời cơ tốt để Đặng thực hiện lý tưởng đứng ra cứu nước, đồng thời cũng là một thử thách nghiêm trọng đối với ông. Vấn đề không phải là năng lực và khí phách mà là ở chỗ chiếc nút buộc "cách mạng văn hóa" vẫn chưa được cởi ra. Đặng đứng trước hai vấn đề: Một là, vấn đề ai thắng ai giữa ông và "nhóm bốn tên" vẫn chưa được giải quyết. Hai là, mức độ ủng hộ của Mao với ông tới đâu còn là điều chưa biết. Chìa khoá để giải quyết hai vấn đề đó chỉ có một: đó là nắm ngọn cờ Mao trong tay.

Đặng hiểu rõ rằng, trong khi mạnh dạn tiến hành chỉnh đốn, ông phải chú ý đến sách lược đấu tranh, ở đâu cũng làm việc với danh nghĩa Mao. Điều này không phải là phong cách cố hữu của ông. Nhưng không còn cách nào khác, đối thủ của ông là "chuyên gia" về mặt này, ông phải học tập cách làm này của đối thủ, mới giữ cho tính hợp pháp của mình không bị mất. Vì vậy, trong mỗi cuộc nói chuyện về chỉnh đốn, Đặng đều không quên nói là mình

căn cứ vào một chỉ thị nào đó của Mao và đã được Mao gật đầu đồng ý.

Trong một cuộc nói chuyện vào tháng 7-1975, Đặng nói: "Thời kỳ trước đây, đồng chí Mao Trạch Đông có ba chỉ thị quan trọng: Một là, phải học tập lý luận, phòng và chống chủ nghĩa xét lại. Hai là, phải an định đoàn kết. Ba là, phải đẩy kinh tế quốc dân lên".

Ba chỉ thị đó phản ánh tâm lý mâu thuẫn của Mao Trạch Đông trong thời kỳ sau cách mạng văn hóa: Ông hy vọng kết thúc được sự hỗn loạn của cách mạng văn hóa, nhưng không muốn sửa chữa sai lầm của cách mạng văn hóa. Mục đích phát động cách mạng văn hóa là để phòng và chống xét lại, nay cần nắm an định đoàn kết và kinh tế quốc dân để củng cố những thành quả và biện pháp phòng chống xét lại của cách mạng văn hóa và giữ vững nó. Dùng cách nói quen thuộc của Mao thì trong 3 điều, điều thứ nhất là chủ yếu, hai điều sau là phụ thuộc, điều chủ yếu kéo theo điều phụ thuộc, điều phụ thuộc phục vụ cho điều chủ yếu.

Nhưng đối với Đặng, 3 chỉ thị của Mao thì ông hưởng ứng hai điều sau một trăm phần trăm. Sự thực, cương lĩnh cơ sở của Trung Quốc trong thập kỷ 80 vẫn là hai điều đó. Còn điều thứ nhất, dù Đặng không hoàn toàn phản đối, nhưng cũng không tán thành đặt nó ở vị trí chủ yếu. Sự bất đồng chính là ở mối quan hệ giữa 3 chỉ thị trên. Lấy điều nào làm chủ yếu là vấn đề nguyên tắc quan hệ đến toàn cục, Đặng rất khó thỏa hiệp nhượng bộ trên vấn đề nguyên tắc. Nhưng ông biết mình không thể cưỡng lại Mao

Trạch Đông. Điều này không thể không dùng đến trí tuệ mưu lược.

May mà Mao Trạch Đông không quy định rõ điều nào là điều chủ yếu. Đặng lợi dụng "sơ hở" đó, liền gọi cả ba điều trong chỉ thị là chủ yếu. Ông nhấn mạnh: "Ba chỉ thị đó có quan hệ với nhau, là một chỉnh thể, không thể để mất điều nào. Đó là những điều chủ yếu trong công tác của chúng ta thời kỳ này". Trong khẩu hiệu "ba chỉ thị đều là chủ yếu" này, thì điều chủ yếu đối với Mao và điều chủ yếu" đối với Đặng đều được thỏa mãn.

Tiếp sau đó, khi nhấn mạnh đến sự vận dụng cụ thể, Đặng nói: "Năm ngoái, đồng chí Mao Trạch Đông đã nói, đại cách mạng văn hóa đã tám năm rồi, nên an định là tốt. Nay thêm một năm nữa, là chín năm, cần phải đoàn kết lại, an định lại. Chúng ta có rất nhiều việc phải làm. Cuộc đấu tranh trên quốc tế có rất nhiều việc, trong nước cũng có nhiều việc phải làm, đặc biệt là phải đẩy kinh tế quốc dân lên"¹. Còn việc học tập lý luận, Đặng không phản đối, cũng không nhấn mạnh. Đặng cố ý loại bỏ điều đó trong chỉnh thể.

Nhưng không thể nói an định đoàn kết và kinh tế quốc dân là hai điều "của riêng" Đặng, bởi vì đó cũng là chỉ thị tối cao của Mao. Đặng nắm chặt hai thanh bảo kiếm Thượng Phương có lợi cho mình đó, để thúc đẩy việc chinh đồn trên các mặt, khôi phục sản xuất và phát triển kinh tế, dùng để đối phó với mọi đòn công kích công khai và ngầm ngấm của "nhóm bốn tên".

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 12.

"An định đoàn kết", thanh bảo kiếm đó dùng rất thích hợp vào việc dẹp bỏ bệnh bè phái do cách mạng văn hóa để lại. Đặng ra sức dọn dẹp, liền thu được hiệu quả rất tốt. Trật tự mà ông cần có đã được khôi phục rất nhanh. Nhưng bản thân việc thực hiện an định đoàn kết không phải là mục đích, mục đích chính là phải dẹp bỏ mọi sự quấy rối để chuyên tâm vào việc đẩy kinh tế quốc dân lên. Đó là điều sau nhất trong ba chỉ thị của Mao, nhưng đối với Đặng lại là điều quan trọng nhất.

Đến đây, thì Đặng hoàn toàn đảo ngược lại quan hệ giữa ba chỉ thị của Mao. Nhưng ông không thể chỉ đơn độc làm điều chủ yếu là kinh tế quốc dân. Nếu không, thì sẽ chọi lại điều chủ yếu của Mao là đấu tranh giai cấp. Thế là Đặng dùng một từ khác: đại cục. "Hiện nay có một đại cục, toàn đảng phải chú ý nhiều". Đại cục là thế nào? Đặng nói: Thực hiện mục tiêu bốn hiện đại hóa do khóa họp thứ 3 và thứ 4 của Quốc hội đề ra; "đó là đại cục"¹. Ông tiến hành đối chiếu mục tiêu bốn hiện đại hóa với tình hình sản xuất "rất đáng được nghiêm chỉnh chú ý" lúc đó, hiệu triệu toàn đảng chú trọng đại cục, đẩy kinh tế quốc dân lên.

Công thức của Mao là "nắm khâu cách mạng, đẩy mạnh sản xuất", xem qua thì thấy như là coi trọng cả cách mạng và sản xuất, nhưng thực tế là Mao luôn đặt cách mạng lên hàng đầu, không cho phép bất kỳ ai dùng sản xuất để ngăn trở cách mạng. Cho nên những cán bộ các cấp dưới quyền Mao đều hiểu một quy luật: "Nắm cách mạng thì bảo đảm, nắm sản xuất thì nguy hiểm. Rất nhiều người đã vì nắm sản xuất mà mắc tội, bị quy thành kẻ

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 4.

"duy lực lượng sản xuất", thành phần tử xét lại. Đặng đương nhiên không thể thay đổi được công thức của Mao, chỉ có thể lặng lẽ chuyển trọng tâm trên thực tế sang sản xuất kinh tế. Ông nói: "Mao Chủ tịch nói, phải nắm khâu cách mạng, đẩy mạnh sản xuất, nay có đồng chí chỉ dám nắm khâu cách mạng, không dám nắm sản xuất... như thế là hết sức sai lầm"¹. Không lâu sau, "nhóm bốn tên" gọi bài nói chuyện đó là "cương lĩnh phục hồi".

Phòng nghiên cứu chính trị của Đặng còn soạn riêng một văn kiện "Bàn về cương lĩnh chung của mọi công tác của toàn đảng, toàn quốc". Gọi là "cương lĩnh chung" đương nhiên là chỉ ba chỉ thị của Mao Trạch Đông mà không phải riêng một điều nào. Nhưng trên thực tế, văn kiện đó lại lấy xây dựng kinh tế làm chủ yếu. Văn kiện dẫn lời Mao trong những năm 40: "Tách rời công tác kinh tế mà nói chuyện giáo dục hoặc học tập, thì chẳng qua chỉ là nói suông vô ích. Tách rời công tác kinh tế mà nói cách mạng, thì chỉ là cách cái mạng của sở tài chính, cách cái mạng của bản thân mình, còn kẻ địch thì không bị tổn hại gì". Tiếp đó, văn kiện bác bỏ một cách sắc bén khuynh hướng sai lầm coi nhẹ sản xuất: "Một địa phương, một đơn vị sản xuất rất kém mà cứ nói là cách mạng rất tốt thì chỉ là lời nói lừa bịp. Cách nhìn nhận cho rằng cứ nắm cách mạng là sản xuất tự nhiên đi lên, không cần phải tốn công nắm sản xuất thì chỉ có những người say mê chuyện đồng thoại về phép biến đá thành vàng tin được mà thôi". Sau này khi phê Đặng, văn kiện đó và hai văn kiện khác bị gọi là "ba cây cỏ độc lớn".

Những lời nói của Đặng về phương pháp phát triển sản xuất chủ yếu là xây dựng và kiện toàn quy định chế

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 4.

độ; nâng cao trách nhiệm trong sản xuất và kỷ luật trong lao động, thực hiện chính sách phân phối theo lao động v.v.. không phải là cái gì mới, chẳng qua chỉ là khôi phục lại những trật tự và quy tắc đã bị cách mạng văn hoá phá hoại, vì vậy mới gọi là chỉnh đốn.

Việc chỉnh đốn kinh tế của Đặng lấy ngành vận tải đường sắt làm đột phá khẩu, vì ngành đường sắt vừa là nơi chịu nhiều tai họa của bệnh bè phái, lại vừa là mạch máu chi phối toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Ngành đường sắt sau hai tháng chỉnh đốn đã có hiệu quả, Đặng lấy đó làm khởi điểm, lần lượt chỉnh đốn các ngành công nghiệp gang thép, công nghiệp quốc phòng và một số ngành quan trọng trong quân đội. Đến tháng 9, công tác chỉnh đốn được mở rộng sang tất cả các ngành.

Thành tích chỉnh đốn là khả quan. Nghe nói ít nhất có 9 chỉ tiêu sản xuất đến tháng 6 đã đạt được mức cao nhất trong lịch sử. Các ngành nghiên cứu khoa học, văn hóa giáo dục thu được hiệu quả không lớn vì tích lũy nhiều vấn đề khó thanh toán được nhanh nhưng bước đầu đã nêu ra được một số ý kiến tốt, giải phóng được tư tưởng cho mọi người.

Nhưng chính trong lúc Đặng Tiểu Bình đang nắm an định đoàn kết và kinh tế quốc dân để tiến hành chỉnh đốn, phục hưng đại nghiệp, thì "nhóm bốn tên" đã nắm lấy chỉ thị "học tập lý luận, phòng và chống xét lại" của Mao để làm to chuyện. Nhưng cũng không làm nên chuyện gì. Giang Thanh lại tìm thấy lời Mao trong khi phê phán chuyện Thủy Hử để làm vũ khí. Bà ta nói : "Tống Giang vô hiệu hóa Triệu Cái, hiện nay có kẻ nào vô hiệu hóa Chủ tịch không? Tôi thấy là có". "Tống Giang" đó, tất nhiên là

Đặng Tiểu Bình. Nhưng, mũi tên đó không bắn trúng đích. "Triều Cái" hầu như tình nguyện để "Tống Giang" vô hiệu hóa mình vì tin rằng "Tống Giang" không hề có ác ý.

Anh có thể vô hiệu hóa, ta lại không thể vô hiệu hóa sao? Qua việc bàn định kỹ lưỡng, "nhóm bốn tên" tìm ra được một ý tuyệt diệu: đưa Mao Viễn Tân, cháu của Mao vào làm "liên lạc viên" ở cạnh giường bệnh của Mao. Sau khi vào Trung Nam Hải từ tháng 9, Mao Viễn Tân được đặt một máy điện thoại ở cạnh giường ngủ của Mao, một đầu nối với Mao Trạch Đông, một đầu nối với Bộ Chính trị. Những gì nói tới Mao và từ Mao nói đi đều phải qua máy này. Như thế, Mao Trạch Đông hầu như đã bị "nhóm bốn tên" lũng đoạn.

Một ngày đầu tháng 11, Mao Viễn Tân theo lệnh Giang Thanh, rỉ tai với Mao một tin: có người muốn chống lại đại cách mạng văn hóa. Liên lạc viên nói: Làn gió này, khi công tác ở tỉnh tôi đã cảm thấy, hình như còn dữ dội hơn việc phê phán cực tả năm 1972 nữa. Trong những bài nói chuyện của đồng chí Đặng Tiểu Bình, rất ít nói đến thành tích của đại cách mạng văn hóa, rất ít phê phán đường lối xét lại của Lưu Thiếu Kỳ. Việc phê phán đường lối xét lại trong các mặt suốt 17 năm mà đại cách mạng văn hóa nêu ra có cần kiên trì nữa không. Ba chỉ thị lớn là chủ yếu, kỳ thực chỉ còn lại một điều, là đẩy mạnh sản xuất...

Mũi tên về sự "nổi dậy lật án" do "nhóm bốn tên" nêu ra đã bắn trúng đích. Suốt đời Mao Trạch Đông chỉ làm hai việc lớn, trong đó một việc là cuộc đại cách mạng văn hóa. Đó là việc đặc ý cuối đời của Mao, sao có thể cho phép người khác phủ định? Cán cân của Mao lập tức nghiêng sang một bên. Từ 10-1975 đến 1-1976, nhiều chỉ thị tối cao

bất lợi cho Đặng do Mao Viễn Tân ghi lại được chuyển sang Bộ Chính trị.

"Sao lại: "3 chỉ thị đều là chủ yếu", an định đoàn kết không thể không cần đấu tranh giai cấp, đấu tranh giai cấp là chủ yếu, các điều khác đều là phụ thuộc". Mao Trạch Đông vạch trần "âm mưu" của Đặng Tiểu Bình lấy điều phụ thuộc làm loạn điều chủ yếu. "Đại cách mạng văn hóa là để làm gì, là để đấu tranh giai cấp". "Tiểu Bình không nắm đấu tranh giai cấp, không đề ra điều chủ yếu này, vẫn cứ "mèo trắng mèo đen", không phân biệt chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa Mác". "Nói là vĩnh viễn không đòi lật án, không tin được".

Ban đầu, Mao còn nuôi hy vọng là Đặng Tiểu Bình sẽ hồi tâm chuyển ý, trở lại với "đường lối đúng đắn". Mao đề xuất ý kiến là Đặng Tiểu Bình chủ trì thảo một nghị quyết khẳng định thành tích của đại cách mạng văn hóa. Đặng xưa nay vẫn không nhượng bộ về vấn đề nguyên tắc. Ông nói: Tôi là người trong tuổi hoa đào, "không biết đến triều Hán, không biết thời Ngụy Tấn" tỏ rõ là để ông viết nghị quyết đó là không thích hợp, ông khéo léo từ chối. Tiếp theo đó là cuộc phê phán Đặng Tiểu Bình, phản kích làn gió hữu khuynh đòi lật án, Đặng Tiểu Bình bị đánh đổ lần thứ ba.

Parasi Dainâysơ so sánh Đặng Tiểu Bình với Chu Ân Lai. Ông ta nói "Đặng Tiểu Bình không giống Chu Ân Lai, tác phong của ông ta khác. Chu Ân Lai chú ý sách lược, làm cho mình có thể nổi trên mặt nước, nhưng không làm thay đổi được phương hướng chủ yếu của dòng nước xiết. Đặng Tiểu Bình thì không chịu xuôi theo dòng nước xiết,

mà lập tức dập dập để ngăn dòng chảy. Lúc đầu thành công, nhưng sau vẫn bị nước cuốn đi. Muốn đạt tới mục đích mà sách lược của Chu Ân Lai không đạt được, ông cần có thời gian là năm năm, thậm chí lâu hơn nữa.

1.8. HOA QUỐC PHONG ĐÁNH GIÁ THẤP THỰC LỰC CỦA NHỮNG NGƯỜI ỦNG HỘ ĐẶNG TIỂU BÌNH. NGƯỜI THẤP BÉ "ĐÁNH KHÔNG ĐỔ" LẠI VÙNG LÊN TRÊN VŨ ĐÀI CHÍNH TRI TRUNG QUỐC. TỪ ĐÂY BẮT ĐẦU MỘT THỜI ĐẠI MỚI

Mao Trạch Đông vì phát hiện thấy trong cuộc chinh đồn năm 1975, Đặng Tiểu Bình muốn sửa chữa một cách có hệ thống những sai lầm trong đại cách mạng văn hóa, và không chịu nhượng bộ trên vấn đề khẳng định hoặc phủ định đại cách mạng văn hóa, nên đã quyết định thay ngựa, dùng Hoa Quốc Phong thay Đặng Tiểu Bình chủ trì công việc hàng ngày của trung ương. Ban đầu, Mao còn cho rằng Đặng là vấn đề mâu thuẫn nội bộ, tuy cần phê phán nhưng vẫn không muốn đánh một đòn chết tươi, vừa phê phán vừa bảo vệ, để Đặng "chuyên quản việc bên ngoài". Máy văn kiện của "nhóm bốn tên" phê phán, phản kích làn gió hữu khuynh đòi lật án cũng đành chỉ nói là họ phê phán "đường lối xét lại của đồng chí Đặng Tiểu Bình". Hai chữ "đồng chí" tỏ rằng Đặng Tiểu Bình vẫn không phải là kẻ thù giai cấp. Nhưng sau này, vào tháng 4-1976, Mao Trạch Đông tin vào sự phản ánh sai tình hình của Mao Viễn Tân, rằng hoạt động kỷ niệm Chu Ân Lai trong "tiết thanh minh", chống lại "nhóm bốn tên" là "sự kiện phản cách mạng" và cho Đặng Tiểu Bình là người đứng sau sự

kiện đó. Căn cứ vào đó, Mao Trạch Đông quyết định triệt tiêu mọi chức vụ trong và ngoài đảng của Đặng Tiểu Bình, bảo lưu đảng tịch để xem xét thêm. Đặng vẫn là đảng viên, và trước tên ông không có hai chữ "đồng chí" nữa, như vậy vấn đề Đặng Tiểu Bình đã chuyển hóa thành tính chất mâu thuẫn đối kháng rồi. Đặng chính thức bị đánh đổ, đây là lần bị đánh đổ thứ hai từ sau khi thành lập nước, và lần thứ ba trong cả cuộc đời ông. Đối thủ của ông hy vọng là lần này ông vĩnh viễn không thể vùng dậy được.

Song việc trúng tên ngà ngựa lần này của Đặng Tiểu Bình không làm ông tỏ ra buồn rầu nản chí và tuyệt vọng. Giống như lần ở trong "chuồng bò" Giang Tây, ông vẫn cứ đi tản bộ vòng quanh sân, vẫn hút thuốc lá điếu này tiếp điếu khác, vẫn kiên trì tắm nước lạnh hàng ngày mặc dù lúc đó ông đã 72 tuổi. Những nhân viên cảnh vệ hồi đó nhớ lại dáng điệu của ông lúc đi tản bộ: "Mỗi khi bước chậm lại, đồng chí Tiểu Bình lại ngẩng đầu, bắt đầu thở sâu, đôi mắt trở nên trầm tĩnh, ánh mắt vẫn như tôi thường thấy, trong sự trang nghiêm lộ ra sự mạnh mẽ, trong sự ôn hòa có dấu vẻ sắc bén¹."

Sự trầm tĩnh tự tin của Đặng xuất phát từ hai điểm: Một là, sự ủng hộ của nhân dân. Điều này đã được tỏ rõ trong ngày 5-4; hai là, sự ủng hộ của các vị nguyên lão. Sau khi Chu Ân Lai qua đời không lâu, Đặng đã có lần trao đổi với nguyên soái Diệp Kiếm Anh. Lúc đó Đặng đã chuẩn bị đầy đủ cho việc bị đánh đổ, nhưng ông tin rằng

1. "Đặng Tiểu Bình ba lần vào ra Trung Nam Hải", NXB Đại Địa Trung Quốc, 1993, tr. 305.

miễn là còn các lão nguyên soái, còn các lão đồng chí khác thì ông không sợ gì bọn xấu nhãi nhép quấy phá! Diệp Kiếm Anh tỏ ý, chỉ cần còn một hơi thở, là còn đấu tranh.

Quy luật đấu tranh chính trị là: khi hai đối thủ độ sức, thắng lợi lại thường rơi vào kẻ thứ ba. Cuộc đấu tranh giữa Đặng Tiểu Bình và "nhóm bốn tên" rõ ràng có lợi cho Hoa Quốc Phong. Mao Trạch Đông đã không tin nhiệm kẻ muốn lật án là Đặng Tiểu Bình, lại cũng không tin vào "nhóm bốn tên" có dã tâm, thế là ông đưa ra một quyết sách sáng suốt cuối cùng: trao quyền lực cho Hoa Quốc Phong, người không thuộc phái nào. Mao mong muốn Hoa có tác dụng giữ thăng bằng và trung hòa, đồng thời cũng được hai thế lực tiếp nhận. Do tính toán rằng mình không lâu nữa sẽ đi gặp Các Mác, để dự phòng bất trắc, Mao còn có ý xếp đặt sẵn. Ông không những giao rõ ràng chức quyền thủ tướng thay Chu Ân Lai cho Hoa Quốc Phong, mà còn phá lệ, xếp Hoa vào vị trí phó chủ tịch thứ nhất. Nhưng "nhóm bốn tên" không chịu phục sự sắp xếp đó của Mao. Họ dồn hết sức đánh đổ Đặng Tiểu Bình không phải để dọn đường cho người ngoài cuộc là Hoa Quốc Phong lên nắm quyền. "Quả thực thắng lợi" của việc đánh đổ Đặng đáng ra phải thuộc về họ, sao có thể để rơi vào tay Hoa Quốc Phong được? Vì vậy, sau khi Đặng bị đổ, trong tập đoàn lãnh đạo tối cao có sự biến đổi mới, Hoa thay Đặng trở thành đối tượng tranh đoạt quyền lực của "nhóm bốn tên". Mâu thuẫn đó càng nổi bật sau khi Mao chết. Một trong những chứng cứ là bộ máy tuyên truyền trong khi tiếp tục phê phán "tên đi theo đường lối tư bản không chịu hối cải" còn thêm cả "phái đang đi theo đường lối tư bản". Đặng thì không còn có thể "đi" nữa, thì ai là người đang "đi"? Ai cũng rõ đó là chỉ Hoa. Điều kiện có lợi của Hoa là

ông ở vị trí phó chủ tịch và có ba câu nói của Mao bảo đảm tính hợp pháp của ông. Ba câu nói đó là: "Không vội vàng, cứ thông thả", "Đồng chí làm việc, tôi yên tâm" và "Làm theo phương châm trước kia". Trương Xuân Kiều trong "nhóm bốn tên" thấy tính hàm hồ trong ba chỉ thị tối cao đó có rất nhiều điều có thể bàn luận, thế là ông ta đưa ra lời dận dò trước lúc lâm chung của Mao: "Làm theo phương châm đã định" và ra sức tuyên truyền sau lưng Hoa. "Làm theo phương châm trước kia" và "làm theo phương châm đã định", về hàm nghĩa vốn không có gì khác nhau. Nhưng trong sáu chữ đó lại có ba chữ khác nhau (Nguyên văn: "Chiếu quá khứ phương châm biện" và "án dĩ đình phương châm biện", khác nhau ba chữ đầu-ND). Những người chú ý đến điểm này lập tức nảy sinh nghi vấn: Di chúc của Mao Chủ tịch lại có hai câu gần giống nhau. Vậy câu nào là đúng? Đặc điểm của việc khống chế dư luận là cái gì đưa ra trước là có ưu thế. Nếu Hoa Quốc Phong có ý đồ sửa ba chữ thì có thể bị coi là sửa chữa chỉ thị tối cao. Lúc này ai thật ai giả lại được quyết định ở chỗ ai nắm được dư luận. Điều quan trọng hơn nữa là, mọi người chỉ biết Mao Chủ tịch dặn họ phải làm theo phương châm đã định, nhưng phương châm đã định rút cục là thế nào? Mao Chủ tịch lại không nói. Như thế có nghĩa là "nhóm bốn tên" muốn nói cái gì thì cái đó là lời dặn của Mao Chủ tịch lúc lâm chung. Điều này tỏ rõ địa vị của Hoa đang bị "nhóm bốn tên" uy hiếp.

Sự đấu đá giữa Hoa Quốc Phong với "nhóm bốn tên" ngược lại, lại có lợi cho phái nguyên lão là Đặng và Diệp. Hiện nay đối với cả Hoa và "nhóm bốn tên", việc phê Đặng hầu như không có gì quan trọng nữa, vì Đặng đã trở thành con hổ bị đánh gục. Như vậy Đặng có khả năng tổ chức lại lực lượng. Theo nói lại, một hôm sau khi Mao chết, Đặng

đang đi dạo trong sân thì có tướng Vương Chấn đến thăm. Đặng gặp Vương liền hỏi xem hiện Diệp Kiếm Anh đang ở đâu. Vương cho Đặng biết Diệp đang ở Tiểu Tường Phụng. Hôm sau, Đặng lấy cớ "đi dạo phố", lặng lẽ đến chỗ Diệp. Đặng và Diệp đều là người gặp nạn, khi Đặng bị cách chức, Diệp cũng bị nghỉ việc vì "tật bệnh", chỉ có điều chưa bị chính thức bãi quan và đó có thể là nguyên nhân để Đặng tìm gặp Diệp. Lần đó Đặng và Diệp bàn luận những gì không ai biết, nhưng có thể khẳng định một điều, là việc trao đổi không thể thiếu đề tài là làm thế nào để đối phó với "nhóm bốn tên". Đặng đương nhiên tin tưởng Diệp có năng lực thanh toán toàn cục. Theo hồi ức của bí thư của Diệp vào năm 1979: "Trong thời kỳ Mao Trạch Đông ốm nặng, Vương Chấn nhiều lần đến bàn bạc bí mật với Diệp. Một lần bàn đến vấn đề, "Vương, Trương, Giang, Diêu", Vương Chấn hỏi Diệp Kiếm Anh: "Tại sao lại để chúng càn rỡ như thế? Tóm chúng nó lại có phải là giải quyết được vấn đề không?" Diệp Kiếm Anh đưa ra nắm đấm tay phải, chia ngón cái ra, vòng trên không hai vòng rồi đảo ngược ngón cái xuống, ấn xuống dưới. Vương Chấn nghĩ một chút, cuối cùng hiểu ý: Mao Chủ tịch còn sống, không thể làm liều, để ông ấy chết đi rồi sẽ tính toán, phải chờ thời cơ"¹. Bây giờ Mao đi rồi, thời cơ đã đến. Vấn đề còn lại chỉ là làm sao được sự ủng hộ của Hoa Quốc Phong, Uông Đông Hưng. Do từ ngày Mao mất, xung đột giữa Hoa với "nhóm bốn tên" ngày càng gay gắt, tuy Hoa đối với Giang Thanh có nghĩ đến thể diện của Cố Chủ tịch, nhưng đứng trước cảnh "nhóm bốn tên" ngày càng lấn lướt, ông ta

1. Xem "Dương Thành văn báo", 10-2-1989.

không thể không lo nghĩ tới việc củng cố quyền lực của mình. Như vậy là Hoa, Uông nhanh chóng thống nhất về vấn đề giải quyết "nhóm bốn tên". Kết quả như mọi người đã rõ, ngày 6-10, "nhóm bốn tên" bó tay chịu trời. Ngày 7-10, xuất hiện trung ương mới do Hoa, Diệp, Uông làm chủ.

Bốn ngày sau, khi đang điều trị bệnh viêm tiểu liệt tuyến tại bệnh viện 301, Đặng Tiểu Bình nhận được tin này. Nỗi vui mừng của ông không kém gì khi được tin Lâm Bưu bị diệt vong trước đây năm năm. Điều cần nói là có sự khác nhau ở chỗ đối với việc năm năm trước đây ông có phần hơi kinh ngạc, còn lần này thì ít nhiều cũng đã dự tính tới. Đặng thấy rằng lại một thời cơ xuất hiện trước mắt ông. Thế là, giống như năm năm trước đây, việc đầu tiên là ông viết thư cho trung ương để biểu đạt "cảm thụ sâu sắc nhất" trong lúc này. Trong bức thư ngắn gọn này, ngoài việc tỏ rõ "niềm phấn khởi từ nội tâm" trước việc trung ương đảng đứng đầu là Hoa Chủ tịch đã giành được thắng lợi vĩ đại trong việc dẹp tan "nhóm bốn tên", còn tỏ rõ thái độ chính trị không thể thiếu đối với Hoa: "Tôi thành tâm ủng hộ nghị quyết của trung ương, cử đồng chí Hoa Quốc Phong làm chủ tịch Ban chấp hành trung ương và Chủ tịch quân ủy. Tôi hết sức phấn khởi trước nghị quyết đó, nó có ý nghĩa quan trọng không chỉ với Đảng mà với cả sự nghiệp xã hội chủ nghĩa. Về chính trị và tư tưởng, đồng chí Hoa Quốc Phong là người thừa kế thích hợp nhất của Mao Chủ tịch. Tuổi của đồng chí bảo đảm cho sự lãnh đạo của giai cấp vô sản ổn định được trong 15 hoặc 20 năm. Đó là một quyết định sáng suốt

đối với Đảng và nhân dân. Lẽ nào đó không phải là niềm vui chung cho tất cả mọi người?".

Bức thư đó của Đặng Tiểu Bình khiến thế lực yêu cầu phục hồi cho ông ở khắp nơi có được căn cứ. Nhưng trước bức thư tràn đầy nhiệt tình đó, thái độ của Hoa rất lạnh nhạt. Theo ông ta, việc đập tan "nhóm bốn tên" là thắng lợi của ông ta - Hoa chủ tịch, chứ không phải là thắng lợi của Đặng Tiểu Bình, "tội lỗi" của "nhóm bốn tên" không có nghĩa là xóa bỏ được "sai lầm" của Đặng Tiểu Bình. Đương nhiên, hai kẻ đối địch hiện nay đều đã bị đánh đổ, vấn đề có phần trở nên phức tạp. Ngày 26-10, sau khi nghe báo cáo về công tác tuyên truyền, Hoa đề xuất 4 ý kiến, sơ bộ tỏ rõ suy nghĩ của ông về cách giải quyết mối quan hệ giữa Đặng Tiểu Bình, "nhóm bốn tên" và Mao Chủ tịch. Một là, tập trung phê phán "nhóm bốn tên", kèm theo phê phán Đặng. Hai là, đường lối của "nhóm bốn tên" là đường lối cực hữu. Ba là, phạm những việc được Mao Chủ tịch đồng ý, đều không được phê bình. Bốn là, không nói về sự kiện Thiên An Môn. Trong hội nghị tháng 12, Hoa tiến thêm, nhấn mạnh sự cần thiết phải phê phán Đặng.

Hoa nắm chặt không buông việc phê Đặng là vì Đặng có uy tín cao hơn Hoa rất nhiều trong các cơ sở đảng, chính quyền và trong giới nhân sĩ khắp nơi. Về mặt năng lực thì sự hơn kém lại càng dễ nhận thấy. Nếu để Đặng được phục hồi thì Hoa sẽ đứng trước vấn đề rất khó giải quyết, tức là sẽ đặt Đặng vào vị trí nào trong chính phủ của Hoa, nếu không khéo xử trí, sẽ gây uy hiếp cho địa vị lãnh đạo mà Hoa vừa giành được. Ngoài ra, Hoa còn lo lắng tới một vấn đề khác: Ông ta nhận chức vụ là theo di chúc của Mao Trạch Đông, mà việc phê Đặng là do Mao

định ra lúc còn sống, nếu ngày nay thay đổi đi thì chẳng phải là làm trái với lời dạy của Mao Chủ tịch hay sao? Dù sau khi được phục hồi, Đặng không có gì uy hiếp tới Hoa thì Hoa cũng không thể làm như vậy. Trong hai sự cân nhắc thì sự cân nhắc sau càng có tính thuyết phục, vì vậy, trong các trường hợp công khai nêu vấn đề phê Đặng, nguyên nhân chủ yếu mà Hoa nêu ra là "hai phạm là", tức là "phạm những quyết sách của Mao Chủ tịch, chúng ta đều kiên quyết ủng hộ; phạm những chỉ thị của Mao Chủ tịch, chúng ta đều triệt để tuân theo". Có hai điều đó, không những có thể ngăn trở việc phục hồi Đặng Tiểu Bình một cách danh chính ngôn thuận, mà còn tỏ rõ cho mọi người thấy rằng ông ta đã chấp hành trung thành ý chí của Mao Chủ tịch. Thực tế đã cho thấy rõ, Hoa đối với Mao không phải cái gì cũng "phạm là" và cũng không thể đối với việc gì cũng "phạm là". Thí dụ có người đã bắt bẻ: Vào thập kỷ 50, Mao Chủ tịch đã dẫn đầu ký vào bản quy định hỏa thiêu và không xây lăng mộ những người lãnh đạo sau khi chết, nhưng Hoa lại không hề do dự trong việc bảo tồn di thể và xây nhà kỷ niệm Mao. Thêm nữa, lúc còn sống Mao không hề nói phải bắt "nhóm bốn tên", nhưng Hoa lại đồng ý bắt chúng. Thuyết "phạm là" không đứng vững được trước những bắt bẻ đó, đã làm lộ tính yếu ớt về địa vị của Hoa.

Rất nhiều dấu hiệu tỏ rõ, sau khi "nhóm bốn tên" không còn thì mâu thuẫn giữa Hoa với các nhân vật phái Đặng lại nổi bật lên. Sự xung đột giữa hai thế lực đã được công khai hóa trong cuộc Hội nghị công tác Trung ương vào tháng 3-1977. Khi dự thảo báo cáo trước cuộc họp, Diệp Kiếm Anh đã nhiều lần nói rằng phần viết về Đặng Tiểu Bình cần

nêu tốt hơn một chút để tạo điều kiện cho Đặng sớm ra công tác trở lại. Nhưng Hoa Quốc Phong lại phát biểu trong hội nghị: Việc phê phán Đặng, phản kích lại làn gió hữu khuynh đòi lật án là do Mao Chủ tịch quyết định, phê là cần thiết, "tội lỗi" của "nhóm bốn tên" chỉ là ở chỗ trong khi phê Đặng, chúng lại có ý đồ khác. Việc tiếp tục phê Đặng sau khi đã đập tan "nhóm bốn tên" là nhằm phá tan về căn bản "nhóm bốn tên" và dư đảng cùng với các thế lực phản cách mạng khác, không cho chúng lợi dụng vấn đề này làm cái cớ để tiến hành xúi giục phản cách mạng. ở đây, rõ ràng là Hoa muốn trói cả Đặng Tiểu Bình và "nhóm bốn tên" vào một buộc. Cái gọi là "xúi giục phản cách mạng" là chỉ nhóm Lý Đông Dân gồm hơn 10 thanh niên Bắc Kinh đã viết biểu ngữ lớn ở đường Trường An, yêu cầu sửa sai cho Đặng Tiểu Bình, sửa sai với sự kiện Thiên An Môn. Lúc đó, bí thư thị ủy Bắc Kinh Ngô Đức gọi vụ này là "Đề cao Đặng, chống Hoa, bảo vệ Vương Hồng Văn lên đài". Hoa còn nhân đó tăng cường đàn áp, trước sau ban bố ba văn kiện đối phó với sự kiện này. Nhân đó, Hoa nói trong hội nghị: Hiện đã điều tra rõ, có một nhóm nhỏ phản cách mạng, sách lược của chúng là, trước hết giương ngọn cờ yêu cầu đồng chí Đặng Tiểu Bình trở lại công tác, buộc Trung ương phải tỏ thái độ, sau đó công kích chúng ta đi ngược lại di chúc của Mao Chủ tịch, để xúi giục lật đổ Trung ương đảng, bảo vệ cho Vương Hồng Văn lên đài, lật lại bản án "nhóm bốn tên". Vì vậy, nếu chúng ta vội vã để đồng chí Đặng Tiểu Bình trở lại công tác thì sẽ mắc lừa kẻ thù giai cấp. Hoa lại đưa ra bảo bối là "hai phàm là". Để tăng thêm sức nặng, Hoa đổi "phàm là" thứ hai sang dạng phủ định: Phàm là những ngôn luận gây tổn hại đến hình tượng Mao Chủ tịch, đều cần phải ngăn chặn".

Nhưng Hoa Quốc Phong đã đánh giá thấp dũng khí của những người ủng hộ Đặng Tiểu Bình. Ngay trong cuộc thảo luận tiểu tổ trong hội nghị đó, Trần Vân, Vương Chấn đã đối chọi lại, công khai đề xuất việc phải sửa sai cho Đặng Tiểu Bình. Trần Vân nói: Tôi cho rằng lúc đó tuyệt đại đa số quần chúng đến Thiên An Môn là để tưởng niệm Thủ tướng Chu Ân Lai, cần phải điều tra xem "nhóm bốn tên" có nhúng tay vào vụ Thiên An Môn không, có quỷ kế gì không. Đặng Tiểu Bình không liên quan gì đến sự kiện Thiên An Môn. Vì nhu cầu của cách mạng Trung Quốc và Đảng cộng sản Trung Quốc, để đồng chí Đặng Tiểu Bình trở lại công tác là hoàn toàn đúng đắn và cần thiết. Vương Chấn nói: Đặng Tiểu Bình có tư tưởng chính trị vững vàng, là nhân tài hiếm có, đó là lời nhận xét của Mao Chủ tịch, được Chu tổng lý truyền đạt. Năm 1975, đồng chí ấy chủ trì công tác của Trung ương và Quốc vụ viện, giành được thành tích rất lớn, đồng chí ấy đã đi tiên phong trong cuộc đấu tranh với "nhóm bốn tên". "Nhóm bốn tên" đã dùng trăm phương ngàn kế để hãm hại đồng chí ấy một cách xấu xa. Sự kiện Thiên An Môn là phong trào chống trả mạnh mẽ của quảng đại quần chúng chống lại "nhóm bốn tên", là niềm tự hào của dân tộc chúng ta. Ai không thừa nhận bản chất và dòng chính của sự kiện Thiên An Môn thì thực tế là biện hộ cho "nhóm bốn tên". Sức mạnh chinh phục của những lời lẽ đó mạnh mẽ hơn thuyết "phàm là" của Hoa rất nhiều, vì vậy, tuy không được đăng lên bản tin tóm tắt của Hội nghị, nhưng vẫn được hưởng ứng rộng rãi, mạnh mẽ trong toàn hội nghị. Sau hội nghị, lời kêu gọi mời Đặng trở lại làm việc càng mạnh. Vì vậy, Hoa Quốc Phong không thể không

nhượng bộ, hứa sẽ để Đặng Tiểu Bình trở lại làm việc vào thời cơ thích hợp, đồng thời nói rằng việc quần chúng đến Thiên An Môn vào dịp Thanh Minh để tỏ tình cảm tưởng nhớ Chu Ân Lai là hợp tình hợp lý.

Sự đấu tranh của các cán bộ cũ đã giúp cho Đặng rất nhiều. Nhưng ông không chỉ ngồi chờ người khác đến mời mình ra. Ngày 10-4, ông lại chủ động viết một bức thư nữa cho Hoa. Trong thư, Đặng tỏ sự ủng hộ hoàn toàn với lời phát biểu và những hành động gần đây của Hoa. Ông cảm ơn Trung ương đã chứng minh là ông không có liên hệ gì với sự kiện Thiên An Môn và tỏ lòng phấn khởi trước ý kiến của Hoa cho hành động của quần chúng trong ngày lễ Thanh minh là chính đáng. Điều đó là sự an ủi lớn đối với Hoa, ít nhiều có thể xoa tan mối lo lắng trong Hoa trước sự quay trở lại của Đặng. Nhưng tiếp ngay sau đó, ông lại đề xuất việc dùng tư tưởng Mao Trạch Đông hoàn chỉnh, chuẩn xác để chỉ đạo cho mọi thế hệ. Đó rõ ràng muốn nói tới lá bùa hộ mệnh "hai phạm là" của Hoa. Đặng còn đưa ra sự tự phê bình cần thiết, thừa nhận trong công tác năm 1975 khó tránh khỏi có thiếu sót và sai lầm. Ông chân thành tiếp thu sự phê bình và dạy bảo của lãnh tụ vĩ đại Mao Chủ tịch.

C. Dác-xơ cho rằng: Sự tự phê bình đó là cần thiết để làm yên lòng những người phản đối ông và những người cho rằng cần phải bảo vệ thích đáng thanh danh của Mao Chủ tịch. Sau cùng Đặng đề nghị cho in bức thư này cùng với bức thư trước để phổ biến trong đảng. Đặng tin rằng sẽ nhận được sự ủng hộ rộng rãi trong đảng. Khi vấn đề của ông đã được công khai trước mọi người thì một thiểu số sẽ không thể lung lạc dân tâm được nữa.

Ngày 3-5. Trung ương phân phát bức thư của Đặng. Vấn đề Đặng Tiểu Bình trở thành trọng điểm chú ý của toàn đảng. Bây giờ mà còn ngăn trở việc Đặng Tiểu Bình trở lại thì sẽ thành một thiếu sót bị cô lập. Hoa Quốc Phong bắt đầu nghĩ tới việc tiếp xúc với Đặng. Mấy hôm sau, ông ta phái Uông Đông Hưng và Lý Hâm đi gặp Đặng. Đặng bắt đầu chủ động phản kích. Trước hết, ông nhằm mục tiêu là bùa hộ mệnh "hai phạm là" của Hoa và Uông, vũ khí mà ông sử dụng là chính hai câu nói của Hoa. Đặng nói: "Hai phạm là" không đúng, nếu theo "hai phạm là" thì không thể nói cho xuôi việc phục hồi cho tôi, cũng không thể nói cho xuôi hành động của quần chúng ở quảng trường Thiên An Môn là hợp tình hợp lý¹. Hoa không ngờ rằng hai câu nói mà ông buộc phải nói trước hội nghị Trung ương mấy hôm trước lại bị Đặng tóm lấy để chứng minh rằng "hai phạm là" có mâu thuẫn. Bây giờ Hoa chỉ giữ thế thủ và trên tay chỉ còn một con bài là sự kiện Thiên An Môn. Ông ta cử người đi gặp Đặng Tiểu Bình nêu điều kiện, yêu cầu Đặng Tiểu Bình làm kiểm thảo, thừa nhận sai lầm, khẳng định sự kiện Thiên An Môn là sự kiện phản cách mạng, thì có thể để Đặng trở lại công tác. Hoa nghĩ rằng có chiếc gông là sự kiện Thiên An Môn thì việc Đặng trở lại sẽ không có gì đáng sợ nữa. Song, câu trả lời của Đặng là: "Việc tôi có trở lại hay không không quan hệ, nhưng sự kiện Thiên An Môn là hành động cách mạng". Sở dĩ Đặng bị đánh đổ là do sự kiện Thiên An Môn, bây giờ ông không chú ý đến vận mệnh của mình mà

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 35.

kháng khái giữ sự đánh giá trước hành động của quân chúng bị bức hại trong sự kiện Thiên An Môn, như vậy càng làm tăng thêm số người ủng hộ ông. Hoa đã mất trận địa cuối cùng, thì không còn sự lựa chọn nào khác là phục hồi vô điều kiện cho Đặng.

Tháng 7-1977, Hội nghị toàn thể lần thứ ba Trung ương khóa X chính thức quyết định khôi phục lại chức vụ mà Đặng Tiểu Bình đã bị mất 15 tháng trước: ủy viên Trung ương, ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên thường vụ Bộ Chính trị, Phó chủ tịch Trung ương đảng, Phó Chủ tịch Quân ủy, Phó Thủ tướng chính phủ, Tổng tham mưu trưởng quân đội. Người thấp bé không thể bị đánh đổ lại một lần nữa vùng lên trên vũ đài chính trị Trung Quốc, một thời đại mới đã bắt đầu.

1.9. CUỘC ĐẤU TRANH GIỮA PHÁI THỰC TIỄN DO ĐẶNG TIỂU BÌNH - HỒ DIỆU BANG ĐỨNG ĐẦU VỚI PHÁI "PHÀM LÀ" DO HOA QUỐC PHONG - UÔNG ĐÔNG HUNG ĐỨNG ĐẦU, LÀ CHỦ ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC TRONG NĂM 1978

Ông già Đặng Tiểu Bình 73 tuổi, sau khi được phục hồi, không thỏa mãn với việc được khôi phục quan chức, yên hưởng tuổi già. Ông đem hết dũng khí và trí tuệ to lớn vào việc gạt bỏ mọi chướng ngại, để thực hiện đại kế phục hưng đất nước đã ấp ủ từ lâu vào những năm cuối đời. Nhưng, đối thủ lần này của ông không phải là "nhóm bốn tên" nữa mà là Hoa Quốc Phong, người được lợi trong cuộc

đấu tranh giữa ông với "nhóm bốn tên", và Uông Đông Hưng, người đã lập công lớn trong việc đập tan "nhóm bốn tên", những người vẫn tiếp tục theo đuổi đường lối của cách mạng văn hóa.

Có lẽ vì tác dụng quán tính của mô thức cách mạng văn hóa, nên hiệp đấu mới cũng áp dụng phương thức đặc thù, tức là tranh luận một vấn đề thuần túy triết học - Tiêu chuẩn của chân lý rút cục là cái gì. Hai câu trả lời khác nhau với vấn đề này đã hình thành phái thực tiễn do Đặng Tiểu Bình - Hồ Diệu Bang đứng đầu và phái "phàm là" do Hoa Quốc Phong - Uông Đông Hưng đứng đầu. Cuộc đấu tranh giữa phái thực tiễn với phái "phàm là" đã trở thành chủ đề của đời sống chính trị Trung Quốc trong hai năm đầu sau khi đập tan "nhóm bốn tên", đặc biệt là năm 1978.

Cương lĩnh của phái "phàm là" được đưa ra trong bài xã luận "học tốt văn kiện, nắm vững khâu chủ yếu" của "hai báo và một tạp chí", được các báo lớn trong toàn quốc đăng vào 7-2-1977. Bài xã luận do Uông Đông Hưng chủ trì biên soạn đại biểu cho chỉ thị rõ ràng của Trung ương đảng lúc bấy giờ là "Phàm những quyết sách do Mao Chủ tịch đưa ra, chúng ta đều kiên quyết ủng hộ; phàm những chỉ thị của Mao Chủ tịch, chúng ta đều triệt để tuân theo".

Điều "nắm vững khâu chủ yếu", mà bài xã luận nêu ra là đi sâu phê phán "nhóm bốn tên". Nhưng theo thuyết "hai phàm là" thì khi vạch trần "nhóm bốn tên", đầu tiên lại gặp phải vấn đề: Trương Xuân Kiều và Diêu Văn Nguyên trong "nhóm bốn tên" đã viết hai bài văn nổi tiếng: "Bàn về sự chuyên chính toàn diện đối với giai cấp tư sản" và "Bàn về cơ sở xã hội của tập đoàn chống đảng

Lâm Bưu". Vạch trần và phê phán "nhóm bốn tên" có cần phê phán hai bài đó không? Uông Đông Hưng nói: Hai bài đó Mao Chủ tịch đã xem, không được phê. Muốn phê cũng chỉ có thể phê phán không nêu tên một số quan điểm sai lầm trong đó.

Vạch trần, phê phán "nhóm bốn tên" tất nhiên khiến người ta liên tưởng đến cuộc đấu tranh giữa Đặng Tiểu Bình với "nhóm bốn tên". Cần đánh giá thế nào việc chinh đồn toàn diện vào năm 1975. Uông Đông Hưng nói, Đặng Tiểu Bình không nghe lời Mao Chủ tịch, vẫn cứ làm theo kiểu của mình. Theo lôgích của họ, đã không nghe lời Mao Chủ tịch thì có đấu tranh với "nhóm bốn tên" thế nào cũng không thể kể là anh hùng, công tác chinh đồn dù có thành tích thế nào cũng là sai lầm.

Lúc đó, Đặng Tiểu Bình chưa được phục hồi danh dự. Mọi người hết sức mong mỏi ông được sớm trở lại, trông mong Trung ương Đảng có sự đánh giá công bằng với sự kiện Thiên An Môn. Nhưng theo thuyết "hai phạm là" thì việc phê phán Đặng, phản kích lại làn gió hữu khuynh đòi lật án vẫn phải tiếp tục tiến hành, "sự kiện phản cách mạng" Thiên An Môn không thể được đánh giá lại bởi vì đó là những bản án đã được Mao Chủ tịch xác định.

Mọi người rưng rưng nước mắt hát xong bài "Tú kim biển", lại bắt đầu hát bài "Núi Giao Thành, sông Giao Thành, núi Giao Thành xuất hiện chính ủy Hoa". Việc sùng bái cá nhân với "lãnh tụ anh minh Hoa Chủ tịch" không hề kém sự sùng bái Mao Trạch Đông. Nếu không

giải quyết vấn đề "hai phạm là" thì coi như chỉ đổi thang mà không đổi thuốc.

Mọi người cảm thấy con đường khắc phục rối loạn, trở lại an định chồng chất khó khăn. Bất luận là phần tử trí thức muốn phát huy tài năng, thoát khỏi sức ép nặng nề của đường lối cũ, hay cán bộ các cấp muốn suy nghĩ về mọi chính sách đều cảm thấy e ngại, sợ phạm phải khuyết điểm chống lại tư tưởng Mao Trạch Đông, phủ định đại cách mạng văn hóa, phủ định sự vật mới, bị chụp cho chiếc mũ muốn lật lại bản án 17 năm.

Còn những vấn đề cụ thể hơn, như mùa xuân năm 1978, hai tỉnh Tứ Xuyên, An Huy truyền về tin tức nông dân khoán sản phẩm đến từng hộ, những nông dân đói khát muốn từ thực tiễn để đột phá vào "hai phạm là". Nhưng Trần Vĩnh Quý, chủ quản về nông nghiệp vội đứng ra ngăn cản, cho rằng nói như vậy là hữu khuynh, là đi ngược lại bài học Đại Trại.

Còn đội quân hàng triệu người về thành phố đợi công ăn việc làm, hàng vạn người có án oan, án giả cần được minh oan, hàng vạn xí nghiệp chờ được khôi phục, hàng chục vạn cán bộ cần được đưa lên hoặc kéo xuống... Tóm lại, là bách phế đãi hưng, bách nghiệp đãi cử. Nếu cứ dựa theo "hai phạm là" thì chỉ có thể "đợi" vĩnh viễn.

Đúng như Cảnh Tiêu, người chủ trì công tác tuyên truyền đã nói: Đăng bài văn đó, coi như "nhóm bốn tên" chưa bị đập tan. Nếu theo "hai phạm là" trong bài văn đó mà thực hiện, thì không làm nổi việc gì.

Cảm tưởng của một nhà báo già là: Giống như lời hoan hô nồng nhiệt về "thắng lợi tháng 10" chưa hô xong,

thì đã bị "hai phạm là" chặn đứng. Ông lo những năm cuối đời của mình sẽ tiếp tục bị "phạm là" làm tiêu tan.

Đại biểu cho hàng vạn con tim lo lắng, Đặng Tiểu Bình là người đầu tiên đứng ra nói chuyện.

Từ tháng 5-1977, khi chưa được phục chức, Đặng Tiểu Bình đã chỉ rõ "hai phạm là" là không đúng. Bởi vì, một là, Hoa Quốc Phong đã nói sẽ khôi phục Đặng vào thời cơ thích hợp và còn nói hành động của quần chúng trong tiết thanh minh là hợp tình hợp lý, nếu theo "hai phạm là" thì những điều đó không xuôi. Hai là, mỗi người đều có thể phạm sai lầm, Mác, Ăngghen, Lênin, Xtalin đều không nói "phạm là" bao giờ, bản thân Mao Trạch Đông cũng không nói "phạm là". Phương pháp bác bỏ của Đặng ở đây là "dùng cái mâu của anh để đâm vào cái thuẫn của anh". Điều phản bác thứ nhất nhằm vào mâu thuẫn trong lời nói của Hoa Quốc Phong, làm cho phái "phạm là" không trả lời được. Điều phản bác thứ hai tồn tại một điều giống như là lối lập luận vòng quanh. Nếu phái "phạm là" có đủ tri thức lôgích, họ có thể sẽ hỏi vặn lại: Các anh chẳng đã "phạm là" là gì? Mao Chủ tịch không nói "phạm là", thì tại sao chúng tôi lại không được nói? Mao không nói "phạm là", họ nói "phạm là" như thế là họ nói điều mà Mao Chủ tịch không nói, do đó họ không thuộc phái "phạm là". Mà anh nói là Mao không nói "phạm là" do đó chúng tôi cũng không được nói "phạm là" thì xem ra lại có cái giống với thuyết "phạm là". Điều này tỏ rằng thuyết "phạm là" không dễ bị đánh đổ về mặt lôgích. Không lâu sau, Đặng được phục chức, không có nghĩa là phái "phạm là" bị bác bỏ, mà là kết quả của tác dụng lòng người trong đảng và trong dân.

Trước đó (10-4), Đặng còn đề xuất phải lấy tư tưởng Mao Trạch Đông hoàn chỉnh, chuẩn xác để chỉ đạo, ngầm có ý là phái "phàm là" chỉ lấy từng câu từng đoạn vụn vặt. Sau này, trong hội nghị toàn thể trung ương (21-7) Đặng lại tiến một bước, thay "tư tưởng hoàn chỉnh, chuẩn xác" bằng hệ thống tư tưởng Mao Trạch Đông, muốn dùng "toàn bộ hệ thống" để đối phó với "câu chữ cá biệt" của phái "phàm là". Ý của Đặng muốn nói: Toàn bộ hệ thống tư tưởng Mao Trạch Đông là đúng đắn, nhưng không phải câu chữ nào cũng là đúng đắn. Sai lầm của phái "phàm là" là không căn cứ vào điều kiện cụ thể, chỉ khư khư nắm lấy một vài câu chữ với tiền đề cho rằng câu nào của Mao cũng là chân lý. Đặng còn đặc biệt chỉ ra rằng, việc dùng những câu chữ riêng lẻ của Mao để lừa người, dọa người là thủ pháp quen dùng của "nhóm bốn tên". Cách phê phán đó nhằm vạch trần sai lầm của phái "phàm là" đối với hệ thống tư tưởng Mao Trạch Đông rõ ràng là rất có sức mạnh. Nhưng nếu như gặp phải câu "tiếp tục làm cách mạng dưới nền chuyên chính vô sản" thì sẽ gặp khó khăn vì bản thân lý luận đó là một hệ thống hoàn chỉnh, nhưng dù lý giải thế nào cũng không thấy được sự chính xác của nó. Huống chi, "hệ thống" cũng phải được biểu đạt bằng các câu chữ cá biệt, rút cục câu chữ cá biệt nào đại biểu cho hệ thống tư tưởng Mao Trạch Đông? Xem ra, phân chia hệ thống và câu chữ cá biệt cũng không đánh đổ được "hai phàm là".

Đồng thời với việc phân biệt hệ thống với câu chữ cá biệt, Đặng Tiểu Bình còn nêu ra thực sự câu thị "là cái căn bản nhất"¹. "là tinh túy trong tư tưởng chỉ đạo của Mao

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 42.

Trạch Đông"¹. Cần phải nói là điều này đã chạm tới chỗ cốt yếu của "hai phạm là", bởi vì áp dụng thái độ "phạm là" với tư tưởng Mao Trạch Đông rõ ràng là đi ngược lại điểm căn bản của tư tưởng Mao Trạch Đông là thực sự cầu thị. Vấn đề là dù "thực sự cầu thị" có căn bản đến thế nào cũng vẫn chỉ là "câu chữ cá biệt" của Mao Trạch Đông. Nếu phái "phạm là" tìm một câu chữ cá biệt khác, ví dụ "đấu tranh giai cấp" và nói đó là điểm căn bản của tư tưởng Mao Trạch Đông thì làm thế nào? Có thể là vì ý thức được điểm đó, trước khi đề xuất vấn đề tiêu chuẩn chân lý, Đặng không nói nhiều về "thực sự cầu thị".

Trong Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba khóa X, Đặng Tiểu Bình còn dùng hình thức đưa ví dụ để nói tới vấn đề giới trí thức, một vấn đề mà lúc đó chưa nhạy cảm lắm. Trước hết, ông khẳng định ý kiến đúng đắn của Mao Trạch Đông về vấn đề này, như nhấn mạnh tác dụng của giới trí thức, dùng để làm chỗ dựa cho quan điểm của mình, đồng thời sửa lại cách hiểu một vài quan điểm của Mao, như nói rằng Mao nhấn mạnh việc cải tạo thế giới quan của trí thức là xuất phát từ ái mộ trí thức; đồng thời còn phát huy quan điểm của mình như nói phần tử trí thức là người lao động trí óc. Ngoài ra, Đặng chỉ ra rằng lời Mao Trạch Đông nói giới trí thức ý nói giới trí thức là tư sản, những lời đó hiện nay không thể tiếp tục nói. Phương pháp của Đặng Tiểu Bình dùng ở đây là phân biệt lời của Mao thành loại đúng đắn và loại sai lầm, cho rằng đúng đắn thì phải khẳng định, sai lầm thì phải phủ định. Đặng còn chú ý tới mức

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 64.

độ, tức là mặt đúng đắn của Mao Trạch Đông là chủ yếu, mặt sai lầm là cục bộ. Điều này rõ ràng là sự đột phá lớn vào phái "phàm là" cho rằng câu nào cũng là chân lý. Nhưng nếu về một vấn đề nào đó lời của Mao là sai lầm hoặc đại bộ phận là sai lầm, thì cách "một chia làm hai" đó của Đặng không giải quyết được vấn đề.

Tháng 8 và 9 năm 1977, Đặng Tiểu Bình bắt đầu chia mũi nhọn phê phán vào một vấn đề có tính bùng nổ khác, tức là "hai sự đánh giá", cho rằng 17 năm trước cách mạng văn hóa, mặt trận giáo dục bị đường lối đen của giai cấp tư sản chi phối, đại đa số phần tử trí thức là trí thức tư sản. Hai sự đánh giá đó là do Mao đưa ra, theo "hai phàm là" thì không được động tới. Nhưng Đặng nói "Đồng chí Mao Trạch Đông đã nói không có nghĩa là trong đó không có chuyện đúng sai"¹. Vấn đề nằm ở đâu? "Kỷ yếu" có dẫn rất nhiều lời Mao Trạch Đông, nhưng "có rất nhiều điều là cát xén"². Hai là, "Kỷ yếu" được nhét vào rất nhiều lời của "nhóm bốn tên"³. Câu thứ nhất muốn nói lời của Mao ở đây là sai, vì đã bị người khác lý giải một cách cát xén. Câu thứ hai chỉ rõ có sai lầm không thuộc bản thân Mao Trạch Đông. Đây là vấn đề quan hệ giữa "toàn bộ hệ thống" và "câu chữ cá biệt". Thế thì 17 năm rút cục là sợi chỉ đỏ hay sợi chỉ đen? Đặng Tiểu Bình trả lời quả quyết: "Mặt chủ đạo là sợi chỉ đỏ"⁴. Cần nói rằng: Đánh giá lại 17 năm vào lúc đó là rất dững cãm, nhưng Đặng "cũng chiếu cố một chút tình hình hiện thực"⁵. Ông chỉ nói sợi chỉ đỏ là chủ đạo, nhưng không nói có tồn tại sợi chỉ đen không. Đặng cho rằng chỉ cần sợi chỉ đỏ là chủ đạo thì bản án đã được lật lại rồi. Ngờ đâu sự "chiếu cố" đó lập tức được phái

1,2,3,4,5. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 63, 64, 64, 46, 64.

"phàm là" lợi dụng. Cuối năm 1977, đầu năm 1978, Quang Minh nhật báo và tạp chí Hồng Kỳ đều đăng bài nhắc lại thuyết về sợi chỉ đen, nhưng phương pháp đề cập rất khôn khéo. Họ không phủ nhận đường lối chiếm địa vị chủ đạo trong 17 năm là đường lối cách mạng đúng đắn của Mao Chủ tịch, nhưng sau khi khẳng định điểm đó, họ lại nói như danh đồng cột "Sợi chỉ đen là có. Đó là đường lối xét lại phản cách mạng của Lưu Thiếu Kỳ. Mười bảy năm không còn là do đường lối đen chi phối nữa, mà biến thành đường lối đúng đắn của Mao Chủ tịch đấu tranh với đường lối đen của Lưu Thiếu Kỳ. Phái "phàm là" ở đây cũng dùng phương pháp "một chia làm hai", kết quả là làm cho phương pháp một chia làm hai của Đặng Tiểu Bình mất hiệu lực: Đường lối đen vẫn là đường lối đen, còn đường lối đỏ bản thân vĩnh viễn vẫn không bao giờ sai lầm.

Việc phê phán "hai phàm là" trong suốt năm 1977 vẫn xoay quanh những câu chữ cá biệt, hoặc dùng "câu chữ cá biệt" đúng đắn để phủ định "câu chữ cá biệt" sai lầm, hoặc chứng minh "câu chữ cá biệt" nào đó vốn không phải là của Mao Chủ tịch. Những thành quả về mặt này cũng không ít. Thí dụ, Nhân Dân nhật báo hồi tháng 5 đã vạch ra: bài văn do "hai tờ báo và một tạp chí" phát biểu về lý luận của Mao Trạch Đông "tiếp tục làm cách mạng dưới nền chuyên chính vô sản", đăng ngày 6-11-1976, sau khi đối chiếu với bản thảo gốc, thấy cách nói "chuyên chính toàn diện" không phải là lời của Mao Trạch Đông mà là do Trần Bá Đạt, Diêu Văn Nguyên viết thêm vào, xếp chữ đậm trở thành "ngũ lực của Mao Chủ tịch". Người ta liền cho rằng, thế là cơ sở lý luận của cách mạng văn hóa bị lung lay rồi. Nhưng điểm đó cũng không làm phương hại đến "hai phàm

là", ngược lại, còn chứng minh là lời của Mao Chủ tịch là không thể sai, nếu có sai thì nhất định không phải là lời Mao Chủ tịch. Điều quan trọng hơn là, Mao Trạch Đông nói nhiều như vậy, nếu cứ giám định thật giả từng câu một thì đến tháng nào năm nào mới xong.

Tháng 11-1977 Nhân Dân nhật báo và tạp chí Hồng Kỳ lại đưa ra một tin rung động: Trong sổ ghi chép của Trì Quần có tìm thấy một câu nói của Mao Trạch Đông đánh giá về 17 năm: Đánh giá về 17 năm không nên nói quá mức, chấp hành đường lối sai lầm chỉ là một số nhỏ; đa số phần tử trí thức vẫn ủng hộ chủ nghĩa xã hội; người ta là những giáo sư, vẫn cần được tôn trọng... Câu nói này bị "nhóm bốn tên" phong tỏa suốt 6 năm trời, bây giờ mới tìm ra, đa số phần tử trí thức mới thoát ra khỏi sự đè nặng của hai sự đánh giá. Nhưng người ta có thể hỏi: Nếu "nhóm bốn tên" giấu kín hơn câu nói đó, hoặc nếu Trì Quần dứt khoát đốt bỏ cuốn sổ đi, làm cho người đời sau vĩnh viễn không thấy được ánh sáng của chân lý, thì sẽ như thế nào?

Bất kỳ là dùng "câu chữ cá biệt" đúng đắn, hoặc nhấn mạnh "toàn bộ hệ thống", hoặc phân biệt "mặt chủ đạo", đều không buộc được phái "phàm là" nộp súng đầu hàng. Dù rằng nêu ra điểm căn bản "thực sự cầu thị" thì vẫn chưa giải quyết được vấn đề. Đó chủ yếu là vì phía phê phán vẫn chưa vượt ra khỏi phạm vi của bản thân lý luận. Muốn đề bẹp "hai phạm là" về căn bản, cần phải vượt ra khỏi lý luận từ bên ngoài lý luận để bàn về lý luận, tức là đưa vấn đề chuyển sang tiêu chuẩn của chân lý để bàn.

Người đầu tiên mở ra bước đó không phải là Đặng Tiểu Bình, mà là một người dân thường có cùng cách nghĩ với Đặng Tiểu Bình: Giảng sư Hồ Phúc Minh ở khoa triết học Trường đại học Nam Kinh.

Hồ Phúc Minh từ lâu đã ý thức được rằng phê phán "hai phạm là", mục đích là nhằm phủ định đại cách mạng văn hóa, phê phán sai lầm cuối đời của Mao, nói trắng ra là nhằm phê phán hai chủ tịch, vì vậy tiến công từ chính diện khó thu được kết quả. Ông ta suy nghĩ lao lung, thấy rằng viết từ chính diện, bàn về thực sự cầu thị thì khó trực tiếp tác động được tới "hai phạm là". Phê phán luận điệu "Lời Mao Chủ tịch, câu nào cũng là chân lý do Lâm Bưu nêu ra có phần tác động gần nhưng vẫn chưa nhằm đúng vào điểm cốt tử của "hai phạm là". Điểm cốt tử của "hai phạm là" là: 1) lời Mao Chủ tịch là thiên kinh địa nghĩa, câu nào cũng là chân lý, không cần phải kiểm nghiệm bằng thực tiễn. 2) Những chỉ thị, lời nói chuyện, lời phê, lời khuyên, lời tán thành của Mao Trạch Đông đều tuyệt đối chính xác, không những không cần chứng minh bằng thực tiễn mà còn là công cụ để chứng minh, là tiêu chuẩn của chân lý. Qua một số ngày nghiền ngẫm, cuối cùng Hồ tìm ra được một đột phá khẩu - đó là vấn đề tiêu chuẩn của chân lý. Sự đề xuất này nhằm trúng vào điểm cốt tử của "hai phạm là", mà lại không cần công khai nêu ra "hai phạm là". Vì tìm được cách đề xuất đó, nên Hồ hết sức phấn khởi.

Một ngày tháng 4-1978, bài văn bàn về tiêu chuẩn của chân lý của Hồ Phúc Minh được gửi tới Quang Minh nhật báo, tới tay tổng biên tập mới, Dương Tây Quang. Dương vừa tốt nghiệp Trường Đảng trung ương, được phó hiệu trưởng Hồ Diệu Bang phái tới Quang Minh nhật báo làm việc. Ngay từ tháng 12-1977, Hồ Diệu Bang đã nêu lên hai nguyên tắc nghiên cứu lịch sử đảng: Một là, vận dụng tư tưởng Mao Trạch Đông một cách hoàn chỉnh, đúng

đắn. Hai là, thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý. Dưới sự chủ trì của Hồ Diệu Bang, Trường Đảng còn tổ chức cuộc thảo luận sôi nổi về một loạt vấn đề nhằm dẹp bỏ rối loạn, trở lại ổn định. Dương Tây Quang cũng tham gia các cuộc thảo luận đó, nên khi nhận được bài báo bàn về tiêu chuẩn thực tiễn của Hồ Phúc Minh, liền thấy ngay rằng đây là cái mình đang cần. Ông quyết định không xếp bài báo vào chuyên mục triết học, mà tổ chức lực lượng hiệu đính, tăng cường tính nhằm vào hiện thực, đề cập tới những nội dung cấm kỵ ảnh hưởng tới việc dẹp bỏ rối loạn, trở lại an định, rồi cho đăng trên trang nhất.

Trong khi tổ chức lực lượng để hiệu đính, sửa chữa, thấy Tôn Trường Giang và Ngô Giang ở phòng nghiên cứu lý luận Trường Đảng trung ương cũng đang viết về đề tài này, liền triệu tập đến để cùng sửa chữa. Bài văn sau khi sửa, đã tập trung phê phán chủ nghĩa giáo điều cho rằng "những điều ghi trong thánh kinh mới là đúng", phê phán khuynh hướng sai lầm chỉ nhằm vào mấy câu chữ trong chủ nghĩa Mác và tư tưởng Mao Trạch Đông, thậm chí dùng mấy câu chữ có sẵn đó để hạn chế, cắt gọt, tước bỏ thực tiễn cách mạng vô cùng phong phú và phát triển rất nhanh chóng, đặt tiêu đề là "Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý".

Bài văn sau khi sửa chữa xong, được gửi tới Hồ Diệu Bang để thẩm định. Để mở rộng ảnh hưởng, những người biên tập quyết định, trước hết cho đăng trên tạp chí nội bộ của Trường Đảng trung ương là tờ "Động thái lý luận", hôm sau mới đăng công khai trên Quang Minh nhật báo. Vì mọi bài báo đăng trên "Động thái lý luận" đều phải qua

Hồ Diệu Bang duyệt. Hồ Diệu Bang hoàn toàn đồng ý với phương án này.

Bài báo được sửa đổi mười lần trong 7 tháng, cuối cùng đã được đăng trên Quang Minh nhật báo ngày 11-5-1978, ở vị trí nổi bật trên trang nhất với danh nghĩa bình luận viên đặc biệt. "Bình luận viên đặc biệt", danh nghĩa đó dễ khiến người ta nghĩ đến một bàn tay đầy quyền uy. Kỳ thực, các biên tập viên nghĩ ra cái tên đó là có sự suy xét: Lúc đó, phàm các bài quan trọng trên báo chí trung ương được phát biểu dưới hình thức xã luận hoặc danh nghĩa bình luận viên bản báo, thì đều phải đưa sang cho Uông Đông Hưng, người chủ quản công tác tuyên truyền thẩm duyệt, nếu lấy danh nghĩa bình luận viên đặc biệt thì được miễn.

Qua việc bàn bạc trước, sau khi Quang Minh nhật báo đăng tải, Tân Hoa xã sẽ chuyển phát toàn văn, và hôm sau 12-5-1978, Nhân Dân nhật báo và Giải phóng quân báo sẽ đăng lại toàn văn và có chú rõ "theo tin điện ngày 11-5 của Tân Hoa xã". Trên thực tế, ở các địa phương cũng có hơn 10 tờ báo như "Liêu Ninh nhật báo" đồng thời đăng toàn văn. Như vậy, trái bom nguyên tử xuất phát từ Trường Đảng trung ương và Quang Minh nhật báo đã nhanh chóng phóng tia bức xạ từ Bắc Kinh tỏa đi các nơi. Khi phái "phàm là" chú ý tới thì đã quá muộn.

Theo tin của Chiaxơ Burai: "Trước khi phái thực tiễn phát động cuộc đại biện luận, để bảo đảm bất ngờ, giành thắng lợi, công tác bảo mật đã được tiến hành rất tốt, phái "phàm là" hoàn toàn không hay biết gì. Trong khi Quang

Minh nhật báo phát bài đó, Hoa Quốc Phong đang đi thăm Triều Tiên, nên phái "phàm là" không có được phản ứng kịp thời, có hiệu lực. Sau khi bài báo ra mắt công chúng, Uông Đông Hưng và Kỷ Đăng Khuê liên danh đánh điện cho Hoa Quốc Phong báo cáo tình hình, cho rằng việc này có ảnh hưởng rất rộng, hậu quả rất lớn, xin Hoa Quốc Phong cho phương châm đối phó. Hoa nhận được báo cáo, chủ trương giữ thái độ thận trọng"¹.

Điểm cốt tử của "hai phàm là" bị đánh trúng. Không ai phủ nhận được "thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý". Đó là nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác. Mệnh đề này hay ở chỗ nó bác bỏ được từ căn bản mọi khả năng lấy bất kỳ lý luận nào để thay cho chân lý. Thần thoại của phái "phàm là" bị đả phá. Lời Mao Trạch Đông không thể coi là tiêu chuẩn để kiểm nghiệm chân lý. Bản thân nó có là chân lý hay không còn cần được thực tiễn hôm nay phán đoán. Như vậy thì câu nói "phàm là" lời Mao Chủ tịch thì đều không thể thay đổi, là không đứng vững nữa. Từ đó suy rộng ra, Mao Trạch Đông cũng không tránh khỏi có sai lầm, thế thì các án oan, án giả cần được sửa sai. Dẹp bỏ rối loạn, trở lại ổn định là cần thiết. Sự suy rộng đó hoàn toàn đáp ứng tâm lý của đông đảo cán bộ bị oan trong thời kỳ cách mạng văn hóa, nên tất nhiên khiến phái "phàm là" lo sợ.

Ngay hôm bài báo xuất hiện, mấy người trong phái "phàm là" phát hiện vấn đề lý luận nêu ra trong đó không phải là mới, nhưng lại rất quan trọng đối với

1. "Những ngôi sao trong Đảng Cộng sản Trung Quốc dưới con mắt người nước ngoài", NXB Nhân Dân Tứ Xuyên, 1991, tr. 311.

tình hình lúc bấy giờ. Tối hôm đó, họ gửi cho Tổng biên tập Nhân Dân nhật báo một bức điện nghiêm khắc, nói bài đó xúi giục người ta sửa chữa lại tư tưởng Mao Trạch Đông, là phản động về mặt chính trị.

Uông Đông Hưng định thần lại, vào ngày 17-5 nói trong một cuộc hội nghị là, bài báo đó "trên thực tế là chia mũ nhón vào tư tưởng Mao Trạch Đông" và trách cứ: "Đó là ý kiến của đồng chí trung ương nào?". Uông khiển trách những người đăng bài báo đó là "không có tính đảng". Hôm sau, Uông lại tìm người thân tín của Hoa Quốc Phong là bộ trưởng tuyên truyền trung ương Trương Bình Hóa. Trương được lệnh nói với các trưởng đoàn đại biểu tham gia hội nghị giáo dục toàn quốc, yêu cầu họ không nên vì thấy Nhân Dân nhật báo đã đăng, Tân Hoa xã đã phát mà cho là vấn đề đã được xác định, phải nâng cao năng lực phân biệt, không nên chuyển theo chiều gió, và yêu cầu họ trở về báo cáo lại với Thường vụ các tỉnh ủy.

Ngô Giang nói rất đúng: Cuộc thảo luận này nếu không có sự ủng hộ của Đặng Tiểu Bình vừa ra làm việc lại, thì không thể triển khai thắng lợi được. Ngày 19-5, Đặng Tiểu Bình bắt đầu tỏ thái độ. Theo nói lại, khi Quang Minh nhật báo đăng bài này, ông chưa chú ý lắm. Sau nghe nói có người phản đối rất kịch liệt, ông mới tìm xem. Xem xong, Đặng nói thẳng với người phụ trách tiểu tổ lãnh đạo hạt nhân trong bộ Văn hóa cách nhìn nhận của mình: Bài báo phù hợp với chủ nghĩa Mác - Lênin, không thể bác bỏ được. Ngày 30-5, khi nói chuyện với mấy người phụ trách, ông lại nhằm thẳng vào phái "phàm là": chỉ cần anh nói không giống với Mao Chủ tịch, không giống với Hoa Quốc Phong thì là không được. Đây không phải là một

hiện tượng cô lập, đây là sự phản ánh một tư trào hiện nay.

Cuộc thảo luận về tiêu chuẩn thực tiễn chính là nhằm chống lại tư trào đó. Từ một năm nay, Đặng Tiểu Bình đang đi tìm vũ khí. Một năm trước, ông đã nhằm vào "hai phạm là" mà hai lần nêu ý kiến rằng "thực sự cầu thị" là điều căn bản và tinh túy của tư tưởng Mao Trạch Đông, nhưng ông chưa triển khai đầy đủ, cũng chưa tạo nên sự uy hiếp với phái "phạm là", là vì thực sự cầu thị vẫn chưa đề cập tới tiêu chuẩn thực tiễn, chưa liên hệ với tiêu chuẩn thực tiễn. Nay từ trí tuệ của nhân dân, Đặng đã phát hiện ra mối liên hệ đó. Do đó, trong hội nghị công tác chính trị toàn quân ngày 2-6, Đặng đã nói về ba vấn đề, dành thời gian dài nói về thực sự cầu thị. Ông chỉ thẳng ra: "Có một số đồng chí ngày nào cũng nói tư tưởng Mao Trạch Đông, nhưng luôn quên mất, vứt bỏ, thậm chí phản đối lại thực sự cầu thị, xuất phát từ thực tế, lý luận kết hợp với thực tiễn là những quan điểm căn bản, phương pháp căn bản của chủ nghĩa Mác. Không những thế, một số người còn cho rằng ai kiên trì thực sự cầu thị, xuất phát từ thực tế, kết hợp lý luận với thực tiễn thì người đó phạm tội lỗi tày trời. Quan điểm của họ, về thực chất là chủ trương chỉ cần sao chép nguyên xi lời của Mác-Lênin, Mao Trạch Đông rồi truyền đi, theo thế mà làm là được. Nếu không như vậy, thì nói là đi ngược lại chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, đi ngược lại tinh thần của Trung ương"¹ Văn phong của Đặng là phản đối việc dẫn kinh

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 109.

Nhưng lần này, để luận chứng thực sự cầu thị là điểm xuất phát, điểm căn bản của tư tưởng Mao Trạch Đông, ông đã phá lệ, làm như một nhà khảo chứng nghiêm túc, đã trưng dẫn nguyên lời của Mao Trạch Đông phản đối chủ nghĩa sách vở trong những năm 30, và nhấn mạnh đến thực tiễn xã hội trong những năm 60, trong 3 trang của bài nói, đã dẫn tới 17 đoạn. Đây là lần duy nhất thấy trong toàn bộ trước tác và nói chuyện của Đặng Tiểu Bình. Việc trích dẫn của Đặng được làm một cách rất có nghệ thuật, ông hầu như đưa ra hết những lời sắc bén và nổi bật của Mao Trạch Đông về chống chủ nghĩa giáo điều, như chủ nghĩa giáo điều là anh lười biếng, là kẻ thù của Đảng Cộng sản, là biểu hiện tính đảng không trong sáng, là phương pháp khéo léo để không thi hành chỉ thị cấp trên, là coi chủ nghĩa Mác là thần đan tiên dược trị bách bệnh. Những cái đó đem ra chỉ đạo cách mạng thì nếu không phạm cơ hội chủ nghĩa, cũng phạm manh động chủ nghĩa, vừa làm hại mình, vừa làm hại đồng chí. Dẫn chứng của Đặng còn đặc biệt chú ý mở rộng từ thực sự cầu thị sang tiêu chuẩn thực tiễn, như "chỉ có thực tiễn xã hội của người ta mới là tiêu chuẩn chân lý để người ta nhận thức thế giới bên ngoài"; chỉ có qua sự khảo nghiệm của thực tiễn mới chứng minh được tư tưởng "rút cục là đúng đắn hay là sai lầm, ngoài ra không có phương pháp kiểm nghiệm chân lý nào khác"; tư tưởng cần được "kiểm nghiệm trong thực tế khách quan, chứng minh là chân lý, như vậy mới được tính là chân lý, không như vậy, không được tính là chân lý"¹, cuối cùng Đặng đi vào vận dụng thực tế, nhắc nhở cán bộ lãnh đạo các cấp, đối với chỉ thị của trung ương hoặc cấp trên "không nên coi như pháp bảo, sao chép và truyền đi một cách giản đơn"². Theo thống kê, trong cuộc thảo luận lớn về tiêu chuẩn chân lý

1, 2. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 110, 112, 113.

năm 1978, trong toàn quốc có tới 650 bài văn. Bài này của Đặng Tiểu Bình là một trong số đó, và là bài xuất sắc nhất, có trọng lượng nhất.

Bài nói chuyện ngày 2-6 của Đặng Tiểu Bình đã ủng hộ tích cực cho cuộc thảo luận về tiêu chuẩn chân lý, nhưng phái "phàm là" vẫn không chịu thua. Ngày 15-6, Uông Đông Hưng triệu tập cuộc họp người phụ trách các đơn vị tuyên truyền, vẫn phê phán những bài về tiêu chuẩn thực tiễn. Lúc đó, ngoài xã hội truyền lan tin đồn là Nhân Dân nhật báo phạm sai lầm, đã bị cải tổ. Có người còn công kích tờ "Động thái lý luận", nói: thời "nhóm bốn tên" có "hai trường", nay có Trường Đảng trung ương, giờ thì hết. Một số nhà lý luận phe tả ra sức phản công. Họ nói nhấn mạnh thực tiễn là tiêu chuẩn chân lý tức là phủ nhận tác dụng chỉ đạo của lý luận. Họ chất vấn, nói chủ nghĩa cộng sản đến tương lai mới thực hiện được, hiện nay vẫn chưa được thực tiễn chứng minh, chẳng lẽ không được tính là chân lý hay sao? Để trả lời những sự thách thức đó, Hồ Diệu Bang lại tổ chức cho Ngô Giang và một số người nữa viết bài báo trọng điểm thứ hai "Nguyên tắc căn bản nhất của chủ nghĩa Mác". Bài này không thể đăng trên Quang Minh nhật báo và Nhân Dân nhật báo mà dùng phương thức quanh co, trước hết đăng trên Giải phóng quân báo với hình thức bình luận viên đặc biệt. Phương án này được La Thụy Khanh, bí thư quân ủy ủng hộ và giúp đỡ, vì bài báo này, La đã 6 lần trao đổi qua điện thoại với Hồ Diệu Bang. Ông còn nói rằng nếu bài báo này bị đánh, ông sẽ đứng ra chịu trách nhiệm. Bài này ngoài việc luận chứng rằng quá trình lý luận chỉ đạo thực tiễn cũng là quá trình kiểm nghiệm chân lý phát triển lý luận, còn chỉ rõ

một số người sở dĩ muốn kiên trì "hai phạm là" bởi vì lợi ích của họ ít nhiều có liên hệ với khẩu hiệu cũ đó.

Việc công bố bài báo thứ hai khiến cho cao trào thảo luận về vấn đề tiêu chuẩn chân lý lại dâng lên. Trong tháng 7, giới khoa học và giới lý luận triệu tập hai cuộc thảo luận sôi nổi về vấn đề quan hệ giữa lý luận với thực tiễn, đưa cuộc thảo luận về tiêu chuẩn chân lý mở rộng ra toàn quốc. Lúc này Uông Đông Hưng cuống quýt, ông ta giao ước với tỉnh ủy Sơn Đông ba điều: Một là, không được hạ cờ; hai là, không được rút bỏ vũ khí; ba là, không được quay ngoắt 180°. Đặng Tiểu Bình tìm Trương Bình Hóa, nói thẳng thắn: anh đừng có "ra lệnh cấm", "vạch khu cấm" nữa, đừng có kéo lùi phong trào chính trị vừa mới bắt đầu được sức nổi sống động trở lại. Trung tuần tháng 9, Đặng Tiểu Bình thị sát vùng Đông Bắc, nhằm vào thuyết "hạ cờ", nói làm thế nào giương cao ngọn cờ tư tưởng Mao Trạch Đông. Ông nói rõ: "hai phạm là" không phải là giương cao thật, mà là giương cao giả, giương cao một cách hình thức. Giương cao một cách thực sự là thực hiện di nguyện của Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, nhằm mục tiêu bốn hiện đại hóa. Chủ bài của phái "phạm là" là "giương cao", Đặng dùng giương cao thật và giương cao giả để phân biệt và giành lại lá cờ.

Phái thực tiễn hầu như khống chế được trận địa dư luận, phái "phạm là" chỉ còn lại trong tay tờ tạp chí Hồng Kỳ. Uông Đông Hưng trao phương châm cho tờ Hồng Kỳ là đứng một mình, không tham gia vào cuộc thảo luận. Với sự khống chế của Uông, Hồng Kỳ im lặng mất 5 tháng, không hề đăng bài về tiêu chuẩn thực tiễn. Sau không thể im

lặng mãi được, liền tổ chức đăng một bài về "thực tiễn luận". Ngay trong bài này, Uông cũng yêu cầu chỉ hạn chế trong việc thảo luận học thuật. Điều này hoàn toàn ngược với cách làm của "nhóm bốn tên" quen đi từ vấn đề học thuật tiến sang vấn đề chính trị. Điều đó tỏ rằng phái "phàm là" ở vào địa vị thế thủ, Uông hy vọng giữ vững được trận địa cuối cùng là tờ Hồng Kỳ, nhưng sau lại bị Đàm Chấn Lâm tiến công nên không giữ vững được. Nguyên là Hồng Kỳ dự định viết mấy bài nhân dịp kỷ niệm 85 năm ngày sinh Mao Trạch Đông, hẹn Đàm Chấn Lâm viết về việc Mao Trạch Đông lãnh đạo cuộc đấu tranh ở Tỉnh Cương Sơn như thế nào. Ngờ đâu, Đàm viết thành bài về tiêu chuẩn thực tiễn. Ban biên tập yêu cầu ông sửa lại, ông không những không sửa, còn đề ra hai cái "phàm là" mới: phàm thực tiễn đã chứng minh là đúng, thì phải kiên trì; phàm thực tiễn đã chứng minh là sai, thì phải sửa chữa. Đàm nói hai câu đó cũng là kết quả suy nghĩ trong hai tháng. Sau đó việc kiện cáo đưa lên tới Bộ Chính trị, Đặng Tiểu Bình phê như sau: Tôi thấy bài này tốt, ít nhất là không có sai lầm. Sửa đi một chút, nếu Hồng Kỳ không chịu đăng thì chuyển sang Nhân Dân nhật báo đăng. Tại sao Hồng Kỳ lại không tham gia vào cuộc thảo luận? Nên tham gia. Xem ra bản thân việc không tham gia, lại là một cách tham gia. Việc tham gia này khiến phái "phàm là" mất đi trận địa cuối cùng. Chỉ thị của Hoa Quốc Phong cho người lãnh đạo các tỉnh, thành phố cũng là không tham gia, không tổ thái độ. Ông ta còn phê bình các tỉnh, thành phố đã tổ thái độ. Nhưng ông ta cũng không có cách nào dập tắt đám lửa. Từ tháng 8, các tỉnh, thành phố, khu tự trị sôi nổi tổ thái độ ủng hộ cuộc thảo luận về tiêu chuẩn thực tiễn. Chỉ có tỉnh Hồ Nam là nghe lời Hoa, nhưng cuối cùng cũng

phải tổ thái độ. Đây là một loại tổ thái độ chính trị đặc biệt. Tán thành tiêu chuẩn thực tiễn thực chất là tán thành phái thực tiễn của Đặng Tiểu Bình. Vì vậy việc tổ thái độ của các tỉnh có nghĩa là phái "phàm là" rơi vào cô lập, phái thực tiễn thừa thắng truy kích. Trong hội nghị công tác trung ương kéo dài 36 ngày từ 10-11 đến 15-12, phái thực tiễn hoàn toàn nắm vững quyền chủ động, làm đảo lộn hết chương trình nghị sự đã định của Hoa Quốc Phong, hình thành một loạt 8 quyết định quan trọng: 1) Sửa sai cho sự kiện Thiên An Môn; 2) Hủy bỏ văn kiện phê phán làn gió lật án hữu khuynh của Đặng Tiểu Bình; 3) Sửa sai cho vụ án oan tập đoàn Bạc Nhất Ba gồm 61 người; 4) Sửa sai cho "dòng nước ngược tháng hai"; 5) Sửa đổi những kết luận sai lầm về Bành Đức Hoài, Đào Chú, Dương Thượng Côn; 6) Bỏ tổ chuyên án trung ương; 7) Thẩm tra các tội ác của Khang Sinh, Tạ Phú Trị; 8) Chỉ thị cho các tỉnh, thành phố, khu tự trị căn cứ vào nguyên tắc thực sự cầu thị, xử lý một số việc quan trọng nảy sinh trong cách mạng văn hóa. Những người và việc nêu ra trong 8 quyết định này đều là những vụ án quan trọng do Mao Trạch Đông nêu ra hoặc đồng ý. Nay đã lật lại toàn bộ, tỏ rằng phái "phàm là" thất bại hoàn toàn.

Ngày 13-12, Hoa Quốc Phong bị buộc phải kiểm thảo trong phiên họp bế mạc về "hai phàm là". Ông ta nói: cách đề xuất "hai phàm là" là quá tuyệt đối, nó đã trói buộc tư tưởng mọi người ở các trình độ khác nhau, không có lợi cho việc vận dụng các chính sách của đảng một cách thực sự cầu thị, không có lợi cho việc làm sống động tư tưởng trong đảng. Lúc đó chưa suy xét được chu đáo về hai câu nói đó, ngày nay nhìn lại, không đề ra "hai phàm là" thì tốt hơn. Uông Đông Hưng cũng phải nói mấy câu kiểm thảo và

thuyết minh qua quýt. Dù thế nào, phái "phàm là" đã chịu thua, phái thực tiễn giành được thắng lợi có tính quyết định.

Trong buổi bế mạc, Đặng Tiểu Bình đã đọc bài nói "Giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, đoàn kết nhất trí nhìn về phía trước". Bài nói này thực tế là báo cáo chủ đề cho Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khoá XI sau này. Hội nghị Trung ương lần thứ ba đã xác lập toàn diện đường lối tư tưởng, đường lối chính trị và đường lối tổ chức của phái thực tiễn, đánh dấu sự bắt đầu của thời đại Đặng Tiểu Bình. Hội nghị miễn trừ các chức vụ kiêm nhiệm của Ung Đông Hưng, khiến ông ta không có cách nào can thiệp vào công tác tuyên truyền, đồng thời bổ nhiệm Hồ Diệu Bang làm Bí thư trưởng trung ương kiêm trưởng ban tuyên truyền trung ương. Vị trí đó sẽ nhanh chóng phát triển sang thay thế chức vụ của Hoa Quốc Phong.

Trong lúc thành công, Đặng Tiểu Bình không quên vấn đề then chốt là cuộc đại thảo luận về tiêu chuẩn thực tiễn. Ông nói: Ý nghĩa của cuộc tranh luận này rất lớn, càng xem xét càng thấy quan trọng, bởi vì nó giải quyết vấn đề đường lối tư tưởng, là một việc "xây dựng cơ bản, không giải quyết vấn đề đường lối tư tưởng, không giải quyết tư tưởng thì không thể định ra được đường lối chính trị đúng đắn, dù có định ra được cũng không thể quán triệt được"¹. Rõ ràng cuộc thảo luận này khiến Đặng Tiểu Bình thu được lòng đảng, lòng dân, chuẩn bị về tư tưởng và lý luận cho việc chuyển biến của Hội nghị toàn thể Trung

1. Đặng Tuyền. Quyển II, tr. 176.

ương lần thứ ba, mở đường cho Đặng Tiểu Bình triệt để sửa chữa sai lầm của cách mạng văn hóa, tiến hành đường lối đổi mới, cải cách.

1.10. MỤC TIÊU CỦA ĐẶNG KHÔNG NHỮNG CHỈ LÀ ĐẢO NGƯỢC LẠI SỰ ĐÁNH GIÁ "BA SAI BẢY ĐÚNG" CỦA MAO, MÀ CÒN PHỦ ĐỊNH VỀ CĂN BẢN "CÁCH MẠNG VĂN HÓA", PHỦ ĐỊNH MỘT LOẠT SAI LẦM VỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Đặng Tiểu Bình vì muốn phủ định "đại cách mạng văn hóa" mà bị Mao Trạch Đông cách chức lần thứ hai. Bất đồng căn bản giữa Đặng và Mao là ở đâu? ở sự nhìn nhận cách mạng văn hóa. Mao giữ vững ý kiến cho là cách mạng văn hoá có 7 phần thành tích, 3 phần sai lầm. Ba phần sai lầm, theo Mao là "đả đảo tất cả, nội chiến toàn diện". Đặng nói: "Tám chữ đó làm sao phù hợp được với bảy phần thành tích?"¹. Theo ông, đả đảo tất cả, toàn diện nội chiến là một sai lầm rất lớn. Mà trên thực tế, cái mà ông muốn phủ định không chỉ là tám chữ đó. Mục tiêu của ông không chỉ là muốn đảo ngược lại sự đánh giá ba phần sai lầm bảy phần thành tích của Mao, mà căn bản phủ định cách mạng văn hóa, phủ định một loạt lý luận và thực tiễn sai lầm của cách mạng văn hóa, phủ định việc lớn thứ hai trong cuộc đời Mao Trạch Đông.

Năm 1977, sau khi được trở lại làm việc, việc thứ nhất mà Đặng Tiểu Bình muốn làm là thanh trừ hậu quả của cách mạng văn hóa. Điều đó không phải xuất phát từ

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr.265.

ý chí cá nhân, và cũng không thể giải thích bằng tính cách quật cường của Đặng. Nguyên nhân căn bản là Đặng có cả một hệ thống phương lược từ trước hoàn toàn khác với Mao, từ mục tiêu "bốn hiện đại hóa" đến phương pháp cải cách mở cửa, Đặng hiểu rõ rằng, nếu cứ kế thừa nguyên xi toàn bộ hậu quả của cách mạng văn hóa mà Mao Trạch Đông để lại thì sẽ là chướng ngại không thể vượt qua được để ông thực hiện lý tưởng của mình. Ngược lại, nếu ông bắt tay vào việc thanh trừ những hậu quả đó thì trở ngại sẽ biến thành động lực to lớn.

Đặng Tiểu Bình quyết tâm sửa chữa sai lầm của cách mạng văn hóa, là chủ đề xung đột giữa ông với phái "phàm là". Toàn bộ công việc của Hoa Quốc Phong, thủ lĩnh phái "phàm là" sau khi đập tan "nhóm bốn tên" là tuyên bố "cuộc đại cách mạng văn hóa vĩ đại" đã kết thúc "thắng lợi". Phương châm "năm khâu chủ yếu, trị lý quốc gia" tiếp sau của ông ta là: 1) Tập trung phê phán "nhóm bốn tên", 2) Tiếp tục phê Đặng, 3) Yêu cầu cán bộ và quần chúng đông đảo đối xử đúng đắn với "cách mạng văn hóa". Khi bàn về vấn đề Đặng Tiểu Bình, cách nói của Uông Đông Hưng là Đặng không hiểu cách mạng văn hóa, không đối xử đúng đắn với ba việc (đối xử đúng đắn với cách mạng văn hóa, đối xử đúng đắn với phong trào quần chúng, đối xử đúng đắn với sự vật mới). Thậm chí còn có người coi ngang bằng giữa Đặng Tiểu Bình và "nhóm bốn tên". Phái "phàm là" không biết rằng việc họ vừa phê phán "nhóm bốn tên", vừa phê phán Đặng Tiểu Bình có chứa đựng một mâu thuẫn không thể khắc phục nổi, và rất nhiều người bị hại trong cách mạng văn hóa, bao gồm cả Đặng Tiểu Bình

liên lợi dụng chính ngay mâu thuẫn đó để đưa Trung Quốc sang một hướng khác.

Đặng Tiểu Bình và các chiến hữu của ông dự tính bắt đầu từ việc vạch trần phê phán "nhóm bốn tên". Dù thế nào, thì đó cũng là điểm chung giữa họ với phái "phàm là" lúc đó đang giữ vị trí chủ đạo. Nhưng việc vạch trần, phê phán "nhóm bốn tên" của những người lãnh đạo phái "phàm là", lại có điểm khiến người ta thất vọng. Trước hết họ gọi đường lối của "nhóm bốn tên" là cực hữu mà không phải là cực tả. Theo tiêu chuẩn định tính đó, ba tài liệu phê phán được liên tiếp đưa ra không đủ động đến thực chất cực tả của "nhóm bốn tên". Mục đích làm như vậy của phái "phàm là" là buộc lẫn Đặng Tiểu Bình với "nhóm bốn tên" làm một, hai là bảo vệ đường lối cách mạng văn hóa của Mao Trạch Đông. Bởi vì họ biết rằng hễ phê phán cực tả thì sẽ chạm tới sai lầm của Mao Trạch Đông. Nếu như cách mạng văn hóa do Mao Trạch Đông phát động là sai thì địa vị của họ, những người được lợi nhờ cách mạng văn hóa và là những người kế thừa hợp pháp của Mao Trạch Đông sẽ bị lung lay.

Để đánh bại chiến thuật của phái "phàm là", Đặng Tiểu Bình nghĩ ra một diệu kế: liên hệ "nhóm bốn tên" với Lâm Bưu. Tháng 6-1978, ông chỉ rõ: "Muốn vạch trần sâu sắc, phê phán thấu triệt "nhóm bốn tên", thì không thể không vạch trần, phê phán Lâm Bưu"¹. Mối liên hệ giữa "nhóm bốn tên" với Lâm Bưu là sự thực mà ai cũng biết, đặc biệt là trong "Kỷ yếu tọa đàm về công tác văn nghệ trong quân đội do đồng chí Lâm Bưu ủy nhiệm cho đồng

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 117.

chí Giang Thanh triệu tập" năm 1966. Khi còn sống, Mao Trạch Đông luôn cho rằng "nhóm bốn tên" có công phê phán Lưu Thiếu Kỳ và Lâm Bưu. Phê Lưu Thiếu Kỳ "có công" là đúng, phê Lâm Bưu có công thì rất thành vấn đề. Một là vì, lúc Lâm Bưu bị phê thì đã thân bại danh liệt, không cần phê cũng đã xấu xa. "Nhóm bốn tên" phê Lâm là có dụng ý, là phê Lâm và phê Chu Ân Lai. Còn phê bản thân Lâm, chúng chỉ hạn chế vào việc phê hai đầu mà không phê đoạn giữa, tức là chỉ phê lịch sử của Lâm Bưu trước kia và cuộc chính biến phản cách mạng "Kỷ yếu công trình 571", mà để nguyên không phê phán đường lối cực tả của Lâm Bưu, sợ phê cái cực tả của Lâm thì lại lộ ra cái thực chất của họ. Năm 1972, Mao đã từng có chỉ thị về việc phê cái cực tả của Lâm, nhưng sau đó lại bị Mao dùng chủ trương "phản hồi trào" để ngăn lại. Trong vấn đề phê cực tả, Mao Trạch Đông và "nhóm bốn tên" đều có sự lo lắng giống nhau, chỉ khác nhau về tính chất và trình độ. Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" chính đã lợi dụng sai lầm tá khuynh của Mao Trạch Đông mà hoành hành 10 năm trong cách mạng văn hóa, đất trời, và lòng người đều oán giận, làm đủ việc xấu xa. Do đó Đặng nói: "Vạch trần phê phán "nhóm bốn tên" liên hệ với vạch trần phê phán Lâm Bưu là việc hết sức hợp tình hợp lý, không có vấn đề vướng mắc không rõ ràng về lịch sử"¹. Nhìn trở lại, dù đó là chuyện cũ, cũng không thể không gỡ ra. Vì khi "gỡ", thế tất sẽ động chạm tới thực chất cực tả của "nhóm bốn tên", động chạm tới toàn bộ lịch sử mười năm cách mạng văn hoá, và do đó động chạm tới sai lầm phát động cách mạng văn hóa trong những năm cuối đời của Mao Trạch Đông.

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr.117, 209,

Việc "gỡ" như thế sẽ hoàn toàn làm rối loạn sự bố trí của phái "phàm là", làm cho cuộc phê phán "nhóm bốn tên" chuyển sang chủ đề mà Đặng mong muốn: Trong thời kỳ "đại cách mạng văn hóa", sự hoành hành của Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" đã làm cho tất cả đều rối loạn. "Ngày nay chúng ta dẹp yên rối loạn khôi phục an định, chính là dẹp yên cái rối loạn do Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" gây ra, phê bình sai lầm cuối đời của đồng chí Mao Trạch Đông, trở lại con đường đúng đắn của tư tưởng Mao Trạch Đông"¹.

Đặng Tiểu Bình biết rằng muốn phủ định cách mạng văn hóa mà chỉ phê phán Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" thì không đủ, còn cần phải phê bình sai lầm cuối đời của Mao Trạch Đông nữa. Điều cuối cùng này rất khó thông qua trước mặt phái "phàm là". Nhưng cuộc thảo luận lớn về tiêu chuẩn chân lý được triển khai rộng rãi từ trên xuống dưới trong toàn quốc vào nửa cuối năm 1978 đã mở đường cho Đặng Tiểu Bình. Chính cuộc thảo luận lớn đó đã cung cấp vũ khí sắc bén để đánh giá lại những đúng sai của mười năm cách mạng văn hóa, đó là: Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý. Theo tiêu chuẩn đó, mọi quyết sách mà Mao Trạch Đông đưa ra trong cách mạng văn hóa rút cục là đúng hay sai, cũng phải được kết quả thực tiễn là hậu quả của cách mạng văn hóa kiểm nghiệm. Vũ khí đó đã đưa lại kết quả trong Hội nghị công tác Trung ương cuối năm 1978 và trong Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khoá XI.

Hội nghị công tác Trung ương đã đưa ra tám quyết định quan trọng: 1) Sửa sai cho sự kiện Thiên An Môn;

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 264.

2) Hủy bỏ văn kiện do trung ương thông qua trước kia về "phê phán làn gió hữu khuynh lật án của Đặng"; 3) Sửa sai đối với cái gọi là tập đoàn chống Đảng Bạc Nhất Ba gồm 61 người; 4) Sửa sai cho cái gọi là "dòng nước ngược tháng hai"; 5) Sửa lại những kết luận sai lầm với các đồng chí Bành Đức Hoài, Đào Chú, Dương Thượng Côn; 6) Triệt tiêu tổ chuyên án Trung ương, toàn bộ án kiện chuyển giao cho Ban tổ chức trung ương; 7) Vạch tội lỗi của các "công thần" trong cách mạng văn hóa là Khang Sinh, Tạ Phú Tri; 8) Một số việc quan trọng trong cách mạng văn hóa, giao cho các tỉnh, thành phố, khu tự trị giải quyết theo tình hình thực tế. Những quyết định đó, tuy chưa phải là toàn bộ, nhưng đã lật lại nhiều vụ án quan trọng trong cách mạng văn hóa. Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba đã ra quyết sách quan trọng di chuyển trọng điểm chiến lược, tức là chuyển trọng tâm công tác của toàn đảng toàn dân sang công cuộc xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa. Đó là việc lập lại trật tự căn bản nhất, vì đó có ý nghĩa là triệt để vứt bỏ tư tưởng chỉ đạo cách mạng văn hóa "lấy đấu tranh giai cấp làm chủ yếu" của Mao Trạch Đông.

Lúc đó, Đặng Tiểu Bình đã nắm vững quyền chủ động ra quyết sách, ông hoàn toàn có thể làm như Khrútsốp đánh giá thời đại Xtalin, thả sức chửi rủa Mao Trạch Đông, vạch mọi tội trạng của cách mạng văn hóa. Nhưng Đặng đã không làm thế. Ông biết rằng việc phủ định trù tượng trên lý luận không những không thể thực sự đạt tới mục đích triệt để thanh trừ hậu quả của cách mạng văn hóa, mà lại còn tạo ra nhiều phiền phức mới không cần thiết, do đó sẽ gây ra trở lực trên đường tiến lên. Vì vậy, Đặng đặt trọng điểm chú ý vào việc phủ định cụ thể, dốc sức vào việc sửa chữa những sai lầm cụ thể của cách mạng

văn hóa, từng việc từng việc một, mà không vội đưa ra những kết luận chính trị, tranh cãi về sai đúng. Đảng chỉ coi đấu tranh giai cấp là chủ yếu, chuyển trọng điểm công tác sang xây dựng kinh tế, đã là một việc phủ định cụ thể có sức mạnh nhất. Còn sự đánh giá tổng thể giai đoạn lịch sử cách mạng văn hóa, trong hội nghị toàn thể trung ương, Đảng vẫn giữ một thái độ tương đối thận trọng, chủ trương "không cần vội vã tiến hành", "cần tiến hành công tác nghiên cứu nghiêm túc", "cần qua một thời gian dài hơn mới có thể hiểu đầy đủ và đưa ra lời đánh giá"¹. Sau này, việc đánh giá đó trải qua ba năm, sáu tháng, đến Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 6, mới đưa ra dưới hình thức "Nghị quyết về một vài vấn đề lịch sử của đảng từ ngày lập nước đến nay". Khi đề cập đến tính hợp pháp của Đại hội lần thứ IX, Đảng cũng có sự khẳng định trừu tượng để nói rõ "Trong đại cách mạng văn hóa vẫn có sự tồn tại của Đảng"². Trong Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, Đảng thậm chí còn khẳng định Mao Trạch Đông phát động cách mạng văn hóa với động cơ "phòng và chống xét lại", tựa hồ như Mao làm việc xấu với "dụng ý tốt". "Dụng ý tốt" có thể an ủi được nhiều người, còn "việc xấu" (sau khi sửa chữa) có thể cứu được nhiều người.

Khi phủ định cụ thể cách mạng văn hóa, ngoài việc nắm vững việc di chuyển trọng điểm công tác, Đảng còn chọn việc bình phản án oan, án giả cho hàng chục triệu người đã chịu đau khổ làm đột phá khẩu. Đặc điểm của chiếc cửa mở này là khi đã đột phá thì không thể ngăn cản nổi, nên đã nhanh chóng làm trôi con đê của phái "phàm là", giúp Đảng giành được sự ủng hộ rộng rãi trong xã hội,

1, 2. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 139, 269.

khuyến chò sai lầm của Mao Trạch Đông, tội lỗi của "nhóm bốn tên" biến thành thành tích của Đặng Tiểu Bình, hậu quả tai nạn của cách mạng văn hóa biến thành động lực cho cuộc trường chinh mới. Đó là sự phủ định thực tế nhất, cụ thể nhất, có sức mạnh nhất đối với lý luận và thực tiễn của cách mạng văn hóa.

Đặng nhằm vào các bước đi cụ thể của việc sửa sai, án oan, án giả trong cách mạng văn hóa, vận dụng phương pháp lật lại từ gần đến xa. Trước hết tiến hành sửa sai cho sự kiện Thiên An Môn và "làn gió lật án hữu khuynh" sau cách mạng văn hóa, sau đó thâm nhập vào những vấn đề quan trọng trong 10 năm cách mạng văn hóa, lật lại các bản án mà Mao Trạch Đông đã định đối với một số nhân vật, một số ngành, một số sự kiện, một số văn kiện. Thí dụ như lật lại bản án cho Bộ liên lạc đối ngoại là "tam hòa nhất thiểu", "tam hàng nhất diệt"¹, cho Bộ mặt trận thống nhất là chấp hành đường lối đầu hàng, cho Bộ tuyên truyền trung ương là điện Diêm Vương, cho Bộ văn hóa là Bộ đế vương khanh tướng, tài tử giai nhân v.v.; sửa sai cho cái gọi là "dòng nước ngược tháng hai" và cho "thôn ba nhà"; hủy bỏ "kỷ yếu tọa đàm về công tác văn nghệ quân đội" năm 1966, "kỷ yếu tọa đàm về công tác giáo dục toàn quốc" năm 1971; lật lại "hai sự đánh giá" về mặt trận giáo dục và phân tử trí thức trong 17 năm v.v..

Mục tiêu chủ yếu và thành tựu chủ yếu của cuộc cách mạng văn hóa do Mao Trạch Đông phát động là phê phán

1. Tam hòa nhất thiểu: tức hòa hoãn với đế quốc, chủ nghĩa xét lại và thế lực phản động các nước; giảm bớt sự ủng hộ với phong trào giải phóng dân tộc. Tam hàng nhất diệt: Đầu hàng 3 lực lượng trên, tiêu diệt phong trào giải phóng dân tộc.

đường lối xét lại do Lưu Thiếu Kỳ làm đại biểu, đánh đổ bộ tư lệnh tư sản do Lưu Thiếu Kỳ làm thủ lĩnh. Nếu sửa sai và minh oan cho Lưu Thiếu Kỳ thì có nghĩa là toàn bộ bản án của cách mạng văn hóa đã được lật lại. Nhưng Đặng Tiểu Bình không vội đi bước đó. Trước hết, ông lợi dụng thắng lợi của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, sửa sai cho nhóm Bạc Nhất Ba gồm 61 người có trực tiếp ảnh hưởng tới Lưu Thiếu Kỳ. Trong "phái đi theo con đường tư bản" Lưu, Đặng, Đào, Vương, trước hết ông minh oan cho ba người có vai trò thứ yếu đã. Đợi tới khi mọi công tác ngoại vi đã làm xong, đến 2-1980, Đặng cho rằng thời cơ đã thành thực, mới quyết định sửa sai cho Lưu Thiếu Kỳ.

19-9-1980, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra thông tri: nhất luật sửa sai cho những người bị nhận lầm và bị phê phán trong cách mạng văn hóa, bỏ hết những lời lẽ không đúng với họ. Như vậy, cách mạng văn hóa còn lại cái gì? Một loạt các "sự vật mới" nảy sinh trong cách mạng văn hóa dần dần biến mất trong làn sóng cải cách của Đặng. Biện pháp mang tính chiến lược của Mao Trạch Đông để phòng và chống xét lại là đưa thanh niên trí thức lên vùng núi và về nông thôn cũng bị đình chỉ vào năm 1979, hàng chục triệu thanh niên trí thức từ nông thôn ồ ạt về thành phố. Phong trào quần chúng, hình thức chủ yếu để Mao Trạch Đông phát động cách mạng văn hóa đã bị Đặng Tiểu Bình dùng hình thức hiến pháp để cấm chỉ. Cuối cùng, cơ sở lý luận của cách mạng văn hóa "tiếp tục làm cách mạng dưới nền chuyên chính vô sản" cũng được bản "nghị quyết lịch sử" chấn chỉnh làm rõ. Theo cách nhìn của Mác Phaxiơ, cách mạng văn hóa bắt nguồn từ năm 1957, có lẽ Đặng cũng đồng ý với cách nhìn nhận này,

nên ông đã đưa việc phủ định cách mạng văn hóa tới phong trào "tứ thanh"¹ trước cách mạng văn hóa, phong trào chống hữu khuynh mấy lần vào năm 1959, phong trào đại nhảy vọt năm 1958, phong trào chống phái hữu năm 1957. Tóm lại, suốt cuộc đời Mao Trạch Đông làm hai việc lớn, thì việc thứ hai đã bị Đặng phủ nhận sạch trơn. Mặc dù như vậy, Đặng vẫn đồng ý để cho Mao danh hiệu "nhà cách mạng vô sản vĩ đại", "nhà mác xít vĩ đại".

Kết thúc việc phủ định đại cách mạng văn hóa trên thực tế là kết thúc thời đại Mao Trạch Đông và mở đầu thời đại Đặng Tiểu Bình. Đặng thường coi Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khoá XI là điểm ngoặt của hai thời đại, bởi vì "Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 3 không những đã giải quyết vấn đề của 10 năm cách mạng văn hóa, mà ở trình độ rất lớn, cũng giải quyết những vấn đề của hơn 20 năm"².

1.11. MỌI NGƯỜI TRẦN ĐẦY LÒNG TIẾC THƯƠNG, LIÊN TIẾP TỔ CHỨC ĐẠI HỘI TRUY ĐIỀU NHỮNG TINH ANH DÂN TỘC ĐÃ BỊ LÂM BƯU VÀ "NHÓM BỐN TÊN" BỨC HẠI. ĐIỀU NHẠC CỬ AI ĐÃ NHIỀU LẦN CẤT LÊN TRÊN ĐẤT NƯỚC TRUNG HOA

Trong lịch sử, phàm những người có tài năng trị thế, buổi mở đầu lập quốc bao giờ cũng đại xá thiên hạ, lấy đó làm nhân chính để cố kết lòng dân.

1. Tứ thanh: thanh lý công điểm, nợ nần, tài sản và kho tàng của công xã nhân dân. Đề ra vào năm 1963.

2. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 206

Giáo sư khoa lịch sử Trường đại học bang Wisconsin của Mỹ là Morixơ Maixna đã bình luận về cơ sở chính trị của Đặng Tiểu Bình như sau:

"Cái đem lại động lực mạnh mẽ cho liên minh chính trị của Đặng Tiểu Bình là hậu quả của cách mạng văn hóa, là những nạn nhân của cách mạng văn hóa, là nguyện vọng mạnh mẽ yêu cầu làm rõ chính nghĩa, trừng trị gian ác. Ông đã giành được sự đồng tình và ủng hộ của hàng chục triệu người bị bức hại trong 10 năm động loạn. Những cán bộ đảng bị thanh trừ và làm nhục trong cách mạng văn hóa, những trí thức bị phê phán và bức hại, 17 triệu thanh niên trí thức bị đuổi về nông thôn, những Hồng vệ binh trước đó đã cảm thấy bị Mao bán rẻ, và hàng triệu người dân bình thường bị phê phán về chính trị do đó mà bị chà đạp về thể xác và tinh thần. Tất cả những người đó đều gửi gắm hy vọng, mong Đặng Tiểu Bình dẹp bỏ rối loạn, trở lại an định". Hành động cụ thể cho việc đó là sửa sai án oan, án giả cho hàng chục triệu người.

Khẩu hiệu "đánh đổ tất cả", "toàn diện chuyên chính" mà Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" thi hành trong thời kỳ cách mạng văn hóa làm cho oan ngục đầy rẫy, khủng khiếp đau thương. Theo thống kê chưa đầy đủ, trong toàn quốc có hơn hai triệu vụ án oan, án lầm; mấy triệu người bị xử lý sai, cộng thêm những người liên đới ở những mức độ khác nhau có tới 100 triệu người. Trong hệ thống văn hóa có 11 ngàn người, đã có 2900 vụ án oan, án sai, xấp xỉ 4 người có một vụ. Tỉnh Quảng Đông có 28.000 vụ án phản cách mạng, tỉnh Hà Bắc có vụ án "Quốc dân đảng mới" ở một huyện, trong 12 vạn nhân khẩu của huyện có 4.400 người bị quy là Quốc dân đảng, hơn 2.200 người bị giam giữ lâu dài, có hơn 400 người bị bức hại đến chết, 530

người bị tàn tật, 1.500 người phải bỏ đi nơi khác. Ngoài ra, trong mấy cuộc vận động trước cách mạng văn hóa còn có hơn 1 triệu người bị đả kích bức hại.

Muốn sửa sai, khôi phục danh dự cho một số lớn người như thế thì lực lượng xã hội cần động viên quyết không ít hơn khi Mao Trạch Đông đánh thổ hào chia ruộng đất năm nào. Khó khăn và trở ngại trong việc đó là có thể thấy được. Trước hết, khó khăn đến từ phái "phàm là" và tư trào cực tả. Trong tình hình phái "phàm là" chiếm địa vị chủ đạo, Đặng chỉ có thể lợi dụng khẩu hiệu chống "nhóm bốn tên" để bắt đầu việc sửa sai và minh oan. Do sự thúc đẩy của ông, cuối năm 1971, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra thông tri: "Phàm những ai chống lại "nhóm bốn tên" bị bắt, cần được thả ra; đã lập án, cần được hủy bỏ; đang thẩm tra, cần đình chỉ; đã thi hành án, cần thủ tiêu hình phạt và thả ra; đã bị xử lý về đảng tịch, đoàn tịch, cần xoá bỏ".

Những người đó sở dĩ được giải thoát trước vì họ chỉ thuần túy phản đối "nhóm bốn tên". Nếu liên quan đến phản đối những người khác, đặc biệt là phản đối lãnh tụ vĩ đại Mao Chủ tịch, thì muốn giải thoát rất khó khăn, vì bị "hai phàm là" cản đường. Để vượt khỏi vật cản "hai phàm là", Đặng Tiểu Bình ra sức thúc đẩy cuộc đại thảo luận về tiêu chuẩn chân lý trong phạm vi cả nước, làm cho tư tưởng người ta được giải phóng từng bước. Ngày 20-9-1978, người phụ trách công tác sửa sai cụ thể là Hồ Diệu Bang đã đề ra "hai mặc dù" để đối chọi với "hai phàm là". Tức là căn cứ vào nguyên tắc thực sự cầu thị, có sai là sửa, tiến hành điều tra, xem xét những vụ án trong lịch sử, nếu có những lời quy kết không đúng, những kết luận và xử lý không chính xác thì mặc dù xảy ra vào lúc nào, trong tình

huống nào, mặc dù tổ chức nào, cá nhân nào định ra hoặc phê duyệt cũng đều phải sửa lại. Dưới sự thúc đẩy của Hồ Diệu Bang, cuối năm 1978, cùng với sự đi sâu thảo luận tiêu chuẩn thực tiễn, việc sửa án oan, án giả, án sai đã thu được ba thành quả quan trọng: Một là, với những vụ án được gọi là "công kích độc ác", tức được coi là công kích vào chủ nghĩa xã hội, công kích Mao Trạch Đông và tư tưởng Mao Trạch Đông thì xem xét nghiêm túc, căn cứ vào sự thực mà sửa sai. Hai là, trong phong trào "tứ thanh", địa phương và đơn vị nào có sự quy kết sai lầm và xử lý sai lầm đối với cán bộ thì căn cứ vào sự thực mà sửa sai. Ba là, đối với những người bị quy là phần tử phái hữu trong phong trào chống phái hữu năm 1957, thì bỏ toàn bộ chiếc mũ phái hữu, sửa sai hết những xử trí sai lầm.

Hội nghị công tác Trung ương cuối năm 1978 và Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khóa XI là thắng lợi quan trọng của cuộc thảo luận về tiêu chuẩn thực tiễn, đồng thời cũng là sự đột phá quan trọng về việc sửa sai án oan, án giả, án sai. Hội nghị đã "giải quyết một số vấn đề do quá khứ để lại, làm rõ công lao và sai lầm của một số người, sửa lại một số vụ án oan, án giả, án sai quan trọng¹. Thí dụ, đã sửa sai cho những người bị bức hại trong sự kiện Thiên An Môn, trong số 388 người bị bắt đã kiểm tra thấy không có một người phản cách mạng nào và đã thả ra và khôi phục danh dự cho toàn bộ; còn sửa sai cho những người bị xử lý sai trong cái gọi là "làn gió đòi lật án hữu khuynh", cho cái gọi là "tập đoàn chống đảng" Bạc Nhất Ba gồm 61 người, cho "dòng nước ngược tháng hai, cho Bành Đức Hoài, Đào Chú, Dương Thượng Côn.

1, Đặng tuyển. Quyển II, tr. 137.

Trong Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, Đảng Tiểu Bình kêu gọi: "Nguyên tắc của chúng ta là có sai thì sửa. Phàm những điều trước đây đã làm sai, đều phải sửa lại hết, có những vấn đề không thể giải quyết ngay thì để sau hội nghị sẽ tiếp tục giải quyết. Nhưng cần phải nhanh chóng giải quyết một cách thực sự cầu thị, phải giải quyết dứt khoát gọn gàng, không được lề mề chậm chạp"¹. Dưới sự đôn đốc mạnh mẽ của Đảng Tiểu Bình, việc sửa án oan, án giả, án sai sau hội nghị được làm rầm rộ, chỉ trong một năm, đã sửa sai minh oan cho hai triệu 90 vạn người, những người chưa bị định án mà được sửa sai còn nhiều hơn rất nhiều. Những nhân vật quan trọng được sửa sai trong năm đó gồm có Bành Chân, Tập Trọng Huân, Vương Nhậm Trọng, Hoàng Khắc Thành, Lục Đình Nhất, Chu Dương. Những vụ án lớn được sửa sai gồm: Những người bị quy là phần tử hữu khuynh cơ hội chủ nghĩa hoặc phạm sai lầm hữu khuynh trong mấy cuộc chống hữu khuynh năm 1959 đều nhất loạt được sửa sai; năm sáu trăm người được gọi là học sinh phản động ở các trường cao đẳng năm 1963 đến 1965 đều được phúc tra và sửa sai; hàng vạn vụ bị giết oan vì mang tội phản cách mạng trong 10 năm cách mạng văn hóa cũng được phúc tra và sửa sai.

Tháng 2-1980, Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ năm, khóa XI đã sửa sai minh oan cho vụ án lớn nhất trong cách mạng văn hóa - vụ án Lưu Thiếu Kỳ, hủy bỏ lời kết án của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 12, khóa VIII với Lưu Thiếu Kỳ là "phản bội, nội gian, công đoàn vàng, đi đường lối tư bản", khôi phục danh dự cho ông là "nhà mác xít và cách mạng vô sản vĩ đại, một trong những

1, Đặng tuyển. Quyển II, tr. 137.

người lãnh đạo đảng và nhà nước". Đến đây, những vụ án trong cách mạng văn hóa đã được lật lại hết, nhưng nguyên tắc có sai là sửa do Đảng đề ra chưa phải đã ngừng lại, mà còn áp dụng ngược lên các vụ án trước cách mạng văn hóa, thậm chí trước thời kỳ giải phóng. Ông lần lượt sửa sai cho các vụ án tập đoàn phản cách mạng Hồ Phong, cho các vụ án sai ở Diên An những năm 40, cho các vụ án thanh trừ phản cách mạng ở khu căn cứ những năm 1930, còn đánh giá lại công lao và sai lầm của những người lãnh đạo thời kỳ đầu như Cù Thu Bạch, Trương Văn Thiên, Lý Lập Tam và khôi phục danh dự cho họ. Tóm lại, hầu như Đảng đã viết lại toàn bộ lịch sử Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Đến tháng 9-1982, trước Đại hội lần thứ 12, công tác sửa sai cho các án oan, án giả, án sai trong toàn quốc đã kết thúc về cơ bản, tất cả những người và việc cần được sửa sai và minh oan đều đã làm xong.

Trong những ngày đó, với tấm lòng tiếc thương vô hạn, người ta đã lần lượt tiến hành lễ truy điệu cho những tinh anh của dân tộc đã bị Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" bức hại. Điệu nhạc cử ai đã nhiều lần cất lên trên đất nước Trung Hoa. Những người đã ngậm oan lìa đời đó đã đổ mồ hôi và máu cho sự ra đời của nước Trung Hoa mới. Họ là những cán bộ cao cấp của Trung ương và một số nhân sĩ ngoài đảng. Bình tro thi hài của họ đã được đưa vào nghĩa trang cách mạng Bát Bảo Sơn, Vong linh người chết được an ủi, những người sống hân hoan đón mừng lần được giải phóng thứ hai trong đời họ. Những điều đó đã nói với mọi người là, chính nghĩa do Đặng Tiểu Bình làm tiêu biểu đã

chiến thắng tà ác. Chỉ sau ba năm Đặng được phục chức, đã khiến cho mấy chục triệu người được rửa sạch nỗi oan, khôi phục danh dự. Những người may mắn còn sống lại được nhận công tác, có người còn được đền bù về kinh tế. Những tội ác của Lâm Bưu và "nhóm bốn tên", kể cả những sai lầm của Mao Trạch Đông đều biến thành việc tốt với Đặng Tiểu Bình, biến thành động lực thúc đẩy mọi người tiến theo Đặng Tiểu Bình. Do đó, không có gì là khó hiểu đối với việc Đặng Tiểu Bình, sau hai lần bị Mao Trạch Đông cách chức, trở lại thay thế địa vị lãnh đạo của Mao Trạch Đông.

Người Trung Quốc xưa nay vẫn tin tưởng là lịch sử rất công bằng. Việc những người sau sửa lại án oan, án giả, án sai đã có từ thời cổ. Theo quy luật đó, những án oan, án giả, án sai từ thời Mao Trạch Đông để lại, sao cũng có ngày được sửa sai, minh oan, chỉ còn vấn đề thời gian và phương thức mà thôi. Nếu Đặng Tiểu Bình không chủ động sửa sai cho những người đó, thì sẽ có người khác, lực lượng chính trị khác đứng ra sửa sai, hoặc do nhân dân tự sửa sai về tâm lý, theo cách của mình, nhưng việc sửa sai như vậy sẽ hết sức bất lợi đối với Đảng Cộng sản. Việc sửa sai của Đặng cũng có thể không dùng danh nghĩa Đảng mà dùng một danh nghĩa khác, ví dụ như danh nghĩa cá nhân. Như vậy thì Đảng sẽ đứng về phía đối lập với công việc sửa sai. Đặng tránh kết quả đó, và đã lấy danh nghĩa Đảng để tiến hành công việc sửa sai, minh oan cho những người bị hại. Làm như vậy thì tuy vạch ra những sai lầm mà Đảng đã phạm, nhưng đồng thời chứng minh rằng Đảng có dũng khí nhận khuyết điểm và có năng lực sửa chữa

sai lầm. Đảng đã có năng lực sửa chữa sai lầm lớn trong cách mạng văn hóa, thì sai lầm giống như sai lầm đã phạm trong cách mạng văn hóa có gì đáng sợ đâu? Từ ý nghĩa đó, hành động sửa sai cho các án oan, án giả, án sai không những chỉ cứu vớt cho hàng triệu người mà còn cứu cho một Đảng đã có 60 năm lịch sử, khiến nó tránh khỏi số phận như Đảng Cộng sản Liên Xô và các Đảng Cộng sản ở các nước Đông Âu.

1.12. ĐẢNG ĐÃ DỰA VÀO NHỮNG CÁN BỘ TỪNG CHỊU ĐẦY ẢI TRONG "CHUÔNG BÒ" THỜI CÁCH MẠNG VĂN HÓA ĐỂ CHỐNG LẠI PHÁI "PHẠM LÃ"

Cán bộ trong thời đại Mao Trạch Đông tuy được ưu đãi, nhưng rất dễ phạm sai lầm. Cán bộ không phải là những người quản lý làm việc theo pháp luật, mà là công cụ chấp hành đường lối đúng đắn của Mao. Mà đường lối đúng đắn tồn tại trong sự so sánh với đường lối sai lầm, cùng đấu tranh để phát triển lên. Vì vậy, vĩnh viễn đứng về phía đúng đắn trong cuộc đấu tranh đường lối vô cùng phức tạp, không bao giờ phạm sai lầm hầu như là việc không thể làm được. Nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị cấp trên để làm việc cũng không giải quyết được vấn đề, vì "đường lối sai lầm" bao giờ cũng từ cấp trên đưa xuống. Mỗi cuộc "đấu tranh đường lối" trong nội bộ tập đoàn lãnh đạo tối cao, thậm chí mỗi cuộc suy nghĩ biện chứng trong đầu óc Mao đều có thể ảnh hưởng đến số phận của mấy chục triệu cán bộ lớn nhỏ. Cán bộ có quyền lợi phục vụ nhân dân suốt đời, họ không phải lo lắng về trình độ chuyên môn không phù hợp với chức vụ, cũng không phải

lo lúc nào về hưu, mà chỉ sợ phạm sai lầm, đặc biệt là các loại sai lầm về chính trị, bởi vì loại sai lầm này không thể tránh được bằng cách giữ nghiêm kỷ luật. May mắn là chính sách của Mao Trạch Đông với những người phạm sai lầm là sử dụng cách phê bình, đoàn kết. Mỗi cuộc vận động chính trị đều không tránh khỏi việc chỉnh một loạt cán bộ phạm sai lầm. Việc chỉnh này tất nhiên do những cán bộ không phạm sai lầm tiến hành. Việc chỉnh của cán bộ tốt với cán bộ xấu cũng khó tránh khỏi sai lầm, vì vậy ít lâu sau lại cần sửa chữa những sai lầm đó. Điều đó đã hình thành quy luật dưới thời Mao Trạch Đông là lần lượt chỉnh cán bộ và giải phóng cán bộ. Mao Trạch Đông hy vọng những người đã phạm sai lầm sau khi bị chỉnh, dù rằng chỉnh sai, có thể rút ra bài học, sau khi được giải phóng, sẽ ít có khả năng tái phạm sai lầm.

Đặng Tiểu Bình không chủ trương dùng phong trào chỉnh trị để chỉnh cán bộ, nhưng khi Mao Trạch Đông còn cầm quyền, ông chỉ có thể phát huy tác dụng trong trình tự giải phóng cán bộ. Năm 1962, với tư cách là Tổng bí thư Ban bí thư Trung ương, Đặng Tiểu Bình đã căn cứ vào tình thần phân biệt để sửa sai cho cán bộ của Mao Trạch Đông, chủ trì một cuộc giải phóng cán bộ đại quy mô lần thứ nhất kể từ khi lập nước. Tháng 4 năm đó, Ban bí thư Trung ương ra thông tri: "Phạm những cán bộ đảng viên bị nhận xét và xử lý hoàn toàn sai hoặc cơ bản là sai trong các phong trào nhốt cò trắng, chống hữu khuynh, chỉnh phong chỉnh xã, học tập cách mạng dân chủ v.v.. phải dùng phương pháp gọn nhẹ, nghiêm túc, nhanh chóng phân biệt và sửa sai". Gọi là "phương pháp gọn nhẹ" tức là do cấp trên một cấp đứng ra tổ chức đại hội cán bộ hoặc đại hội đảng viên, quần chúng, công khai tuyên bố nhất

loạt sửa sai. Đặng yêu cầu với cán bộ từ huyện trở xuống "thì giải quyết cả gói tức là trước kia đã làm sai hoặc cơ bản là sai, thì đều bỏ mũ đã chụp, không bảo lưu gì, giải quyết một lần cho xong. "Lý do là, cán bộ từ cấp huyện trở xuống đều là cán bộ cơ sở, vấn đề không lớn, trình độ hữu khuynh cũng có hạn, tả khuynh cũng có hạn"¹. Lúc đó, sự đánh giá và sửa sai có tới 10 triệu người. Ông dự tính sau khi giải quyết cho các cán bộ từ cấp huyện trở xuống, sẽ giải quyết cho cán bộ trên cấp huyện. Nào ngờ, tháng 8,9 năm đó, tại Hội nghị Bắc Đới Hà và Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 10, khóa VIII, Chủ tịch Đảng Mao Trạch Đông lại thay đổi giọng điệu, phê bình việc sửa sai gần đây không đúng, nói việc chống hữu khuynh năm 1959 không thể cho qua. Mao nhắc lại phải nắm đấu tranh giai cấp. Vì vậy, công tác giải phóng cán bộ của Đặng phải dừng lại.

Năm 1975, Đặng Tiểu Bình thay thế Chu Ân Lai đang nằm viện chủ trì công việc hàng ngày của Trung ương và Quốc vụ viện, bắt tay vào việc chỉnh đốn các mặt công tác, lại có dịp động chạm tới vấn đề cán bộ. Nhưng lần này khó khăn lớn hơn nhiều. Có người nói, trong cách mạng văn hóa, số cán bộ cao cấp từ thứ trưởng trở lên có tới 75% bị lập hồ sơ thẩm tra, chỉ riêng cán bộ cấp trung ương và bộ đã có gần 3 vạn người bị thẩm tra. Số cán bộ nhà nước trong toàn quốc bị thẩm tra lên tới hơn hai triệu. Con số này là chưa kể tới đông đảo cán bộ cơ sở bị thẩm tra và những cán bộ chưa bị lập án và bị xử lý sai. Lúc này, Mao Trạch Đông còn sống, Đặng muốn giải quyết cả gói cho

1. Đặng tuyển. Quyển I, tr. 301.

xong vấn đề này, rõ ràng là không thể được. Ông chỉ có thể tùy cơ hội mà hành động, tiến hành đột phá trọng điểm. Tháng 4 năm đó, Đặng căn cứ vào ý kiến của Mao Trạch Đông là cần nhanh chóng kết thúc việc thẩm tra chuyên án để thả người ra, đã lấy danh nghĩa Trung ương ra quyết định: Trừ những đối tượng thẩm tra có liên quan đến tập đoàn Lâm Bưu và một số rất ít khác, còn đều thả hết tuyệt đa số người bị giam giữ thẩm tra. Đặng không thể phủ nhận là trong số những người được thả ra, có người thuộc mâu thuẫn địch ta, nhưng ông chủ trương với loại người đó, ai có năng lực lao động thì cần phân phối công tác hoặc lao động, ai mất sức lao động thì cần được nuôi dưỡng, ai có bệnh thì cần cho đi y viện điều trị. Đối với những trường hợp thuộc mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân càng phải được sắp xếp thỏa đáng, phát bù tiền lương, phân phối công tác, khôi phục sinh hoạt trong tổ chức, những người bị xử trí sai cần được sửa sai, những người chưa kết luận được thì gác vấn đề lại. Với sự nỗ lực của Đặng, có hơn 300 cán bộ cao cấp bị giam giữ lâu ngày được thả ra, có một số lần lượt được phân phối công tác. Đặng còn đưa bức thư của con gái Hà Thành gửi cho ông, yêu cầu phân phối công tác cho Hà Thành chuyển cho Mao Trạch Đông xem. Mao Trạch Đông xem xong liền phê: "Hà Thành vô tội, đương nhiên cần được phân phối công tác, những lời vu cáo không đúng trước kia, cần được xóa bỏ". "Phó Liên Chương bị bức hại đến chết, cần được minh oan". Đặng căn cứ lời phê đó, lại đẩy mạnh một bước chính sách cán bộ. Nhưng không lâu, Mao Trạch Đông phát hiện cách làm của Đặng là muốn xóa bỏ cách mạng văn hóa nên

còn nhiều cán bộ chưa được giải phóng thì bản thân Đặng đã bị Mao Trạch Đông cách chức.

Sau khi được phục chức, Đặng Tiểu Bình quyết tâm tiến hành việc giải phóng cán bộ tới cùng. Ông dùng hơn ba năm để làm việc sửa án oan, án giả, án sai trong toàn quốc, trong đó đại bộ phận là dẹp bỏ rối loạn, trở lại đúng đắn trong chính sách cán bộ. Vì trong cách mạng văn hóa có tới mấy triệu án oan, án giả, án sai, rất ít vụ án được xử lý theo trình tự pháp luật, tuyệt đại bộ phận là các vụ án chính trị ngoài pháp luật. Loại án này có rất ít rơi vào công nhân nông dân bình thường mà tuyệt đại đa số rơi vào cán bộ ăn lương nhà nước, trong đó phần nhiều là các cán bộ dễ phạm sai lầm về đường lối. Vì vậy, trong đa số tình huống nội dung cụ thể của việc sửa án oan, án giả, án sai là việc áp dụng chính sách cán bộ, giải phóng cán bộ.

Lần nỗ lực giải phóng cán bộ này của Đặng được Hồ Diệu Bang tích cực phối hợp. Cuối năm 1977, đầu năm 1978, Hồ liên tiếp cho đăng bốn bài trên "Nhân Dân nhật báo, ra sức tạo dư luận cho việc vận dụng đúng đắn chính sách cán bộ. Dư luận đó làm cho những người bị hại phải trào nước mắt, nhưng lại bị một số người phản đối. Nguyên Trưởng ban tổ chức trung ương coi những bài của Hồ là cây cỏ độc lớn và nói đó là ý kiến của một đồng chí lãnh đạo trung ương. Rất rõ ràng biết được đồng chí lãnh đạo trung ương đó là ai. Trờ lực đã xuất hiện từ Ban tổ chức trung ương thì chỉ có dùng thủ đoạn tổ chức để giải quyết. Ngày 10-12-1977, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc bổ nhiệm Hồ Diệu Bang làm Trưởng ban tổ chức trung ương, triệt tiêu chức vụ của vị Trưởng ban cũ đó. Cải tổ Ban tổ chức trung ương đương nhiên cũng là ý kiến của đồng chí lãnh đạo trung ương. Mới được phục

chức một nửa năm, Đặng Tiểu Bình biết rõ muốn đổi phò với phái "phàm là" thì trước hết phải bắt tay vào đường lối tổ chức, cơ quan tổ chức.

Hồ Diệu Bang không phụ lòng mong đợi, sau khi nhậm chức đã làm thay đổi Ban tổ chức trung ương. Nhưng công tác thực sự của Hồ vẫn chưa triển khai được vì có tổ chuyên án trung ương từ trên cao ngăn trở. Ba văn phòng của Tổ chuyên án nắm hết các hồ sơ thẩm tra và tố cáo của các vụ án, không cho phép sửa sai, minh oan.

Có người còn nói "Làn gió lật án của Hồ Diệu Bang dữ dội thế này, có thể động chạm tới bản thân ta nữa!". Tổ chuyên án này là một quái thai của cách mạng văn hóa, nó gạt bỏ các ngành chức năng của đảng và chính quyền sang một bên, có quyền lực siêu pháp luật trong việc lập án, thẩm tra cán bộ; những án oan, án giả, án sai của các cán bộ trong cách mạng văn hóa đều là kiệt tác của nó. Trong thời kỳ chủ trì công tác trung ương năm 1975, Đặng Tiểu Bình đã muốn triệt tiêu tổ chuyên án trung ương, nhưng chưa thực hiện được. Nay Đặng lại trở lại trung ương, nhất thời chưa nhớ được cái đỉnh đó, chỉ có dùng Ban tổ chức trung ương để kiểm chế nó. Với sự ủng hộ của Đặng, Hồ Diệu Bang quyết định vượt qua tổ chuyên án, trực tiếp phụ trách với trung ương, trực tiếp thỉnh thị báo cáo công tác. Ban tổ chức trung ương đã có tác dụng xung phong hăm trận trong việc sửa lại án oan, án giả, án sai, vận dụng chính sách cán bộ, giải phóng, xếp sắp công tác cho cán bộ.

Hồ Diệu Bang đề ra tiêu chuẩn của việc vận dụng chính sách cán bộ là: 1) Nếu chưa có kết luận thì cần nhanh chóng đi tới kết luận, kết luận không chính xác thì

phải sửa chữa lại trên tinh thần thực sự cầu thị; 2) Nếu chưa phân phối công tác thì phải phân phối công tác phù hợp, tuổi già sức yếu không làm việc được bình thường thì có sự sắp xếp thỏa đáng; 3) Những người đã chết, cần có kết luận đúng đắn, làm tốt việc giải quyết những vấn đề còn để lại; 4) Phải giải quyết tốt những gia đình, con cái liên quan.

Dưới sự đốc thúc của Hồ, từ tháng 1-1978, Ban tổ chức trung ương liên tiếp mở các cuộc họp nghiên cứu vấn đề sửa sai và sắp xếp công tác. Đến tháng 7, đã xếp sắp công tác cho 5344 người. Nửa cuối năm, theo sự thâm nhập của cuộc đại thảo luận về tiêu chuẩn thực tiễn, chính sách cán bộ đã được vận dụng với khí thế mạnh mẽ, đến cuối năm đã có số lớn cán bộ bị bức hại được sửa sai minh oan, khôi phục công tác hoặc danh dự. Trong hội nghị công tác trung ương hồi cuối năm đã giành được thắng lợi lớn làm nức lòng người, tức chính thức triệt tiêu tổ chuyên án, toàn bộ văn kiện các vụ án được chuyển giao cho Ban tổ chức trung ương, đồng thời quyết định từ sau không tổ chức tổ chuyên án để thẩm tra cán bộ nữa.

Từ sau Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khóa XI, công tác giải phóng cán bộ được đẩy mạnh, lần lượt áp dụng những biện pháp quan trọng, như nhất loạt sửa sai cho những ai đã bị quy là phần tử cơ hội hữu khuynh hoặc phạm sai lầm cơ hội hữu khuynh trong các cuộc vận động chống hữu khuynh từ 1959 đến nay; tiến hành thanh lý và tiêu hủy hồ sơ cho hai triệu cán bộ bị lập án trong cách mạng văn hóa; nhất loạt sửa sai cho những cán bộ đã bị báo chí, đài truyền thanh chỉ tên phê phán. Đến cuối năm 1982, toàn quốc đã sửa sai cho 3 triệu cán bộ bị kết án oan, án giả, án sai, những người còn sống

được khôi phục hoặc xếp sắp lại công tác, khôi phục đãi ngộ, trả bù tiền lương. Những người đã chết được truy điệu, khôi phục danh dự, giải quyết công việc cho con cái. Công việc giải phóng cán bộ trên quy mô lớn tới đây đã hoàn thành về cơ bản.

Những cán bộ này đã chịu oan khuất trong vài chục năm. Họ cũng giống như Đặng Tiểu Bình, từng bị ném quả đấm của cách mạng văn hóa trong các loại "chuồng bò". Do đó, khi may mắn được giải phóng lần thứ hai, lại được trở lại cương vị lãnh đạo, đã phát huy tinh thần tích cực tiến hành công tác dẹp bỏ rối loạn, trở lại ổn định do Đặng Tiểu Bình đề xướng. Điều đáng tiếc là những cán bộ đó đã ở những năm xế chiều, khi Đặng Tiểu Bình phát hiện tuổi tác và trình độ chuyên môn của họ không thích ứng với yêu cầu hiện đại hóa, liền thuyết phục họ rút khỏi các cương vị công tác với điều kiện giữ nguyên đãi ngộ. Việc trở lại và rút lui tuy chỉ trong mấy năm, nhưng rất cần thiết cho việc khai sáng thời đại Đặng Tiểu Bình. Đặng Tiểu Bình chính là đã dựa vào lực lượng cán bộ đó để đối phó với phái "phàm là", để thay thế "ba loại người" trong cách mạng văn hoá, để thanh toán có hệ thống những hậu quả của cách mạng văn hóa.

1.13. "CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG PHÁI HỮU TƯ SẢN NĂM 1957, CÓ CHỖ THÁI QUÁ, CẦN SỬA SAI. NHƯNG CHÚNG TA KHÔNG PHỦ ĐỊNH TOÀN BỘ CUỘC ĐẤU TRANH ĐÓ"

Trong một loạt hành động của Đặng Tiểu Bình khi sửa các vụ án oan, án giả, án sai, giải quyết những vấn đề do lịch sử để lại, điều biểu hiện nổi bật nhất về mưu lược

của một chính khách là phương pháp xử lý với các phần tử phái hữu.

Vào năm 1957, Mao Trạch Đông đã quy khoảng 55 vạn người là phái hữu. Căn cứ định nghĩa của Mao, phái hữu về hình thức thuộc nội bộ nhân dân, nhưng thực tế là kẻ địch. Trong "cách mạng văn hóa", họ được xếp sau địa chủ, phú nông, phản động, phần tử xấu, thành một trong "hắc ngũ loại", như vậy đội chiếc mũ đỏ thật không dễ chịu chút nào.

Từ 1959 đến 1964, qua việc tranh thủ của Chu Ân Lai, Lưu Thiệu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, lần lượt trong năm đợt, đã bỏ mũ cho 30 vạn người. Nhưng 30 vạn người đó cũng không được hưởng niềm sung sướng được bỏ mũ, trong những tháng năm sau đó, họ vẫn phải mang một chiếc mũ vô hình, với danh hiệu "phái hữu đã bỏ mũ".

Tại sao sau khi được bỏ mũ lại vẫn phải mang chiếc mũ vô hình? Có thể giải thích như sau: Việc bỏ mũ không có ý nghĩa phủ nhận việc đội mũ trước đó là sai. Anh vốn đã bị đội chiếc mũ đó, nay bỏ mũ, cho anh trở về hàng ngũ nhân dân, đó là sự khoan hồng của đảng và nhân dân. Nếu anh không thấy sự khoan dung đó mà lại cong đuôi lên thì chiếc mũ đó lại có khả năng đội lại lên đầu anh.

Vì vậy, Đặng Tiểu Bình không những đứng trước vấn đề bỏ mũ, mà còn có vấn đề cải chính, tức là xét lại việc đội mũ lúc đầu là đúng hay sai. Chỉ khi nói rằng chiếc mũ đó vốn được đội sai thì chiếc mũ mới thực sự được gỡ bỏ.

Ngày 5-4-1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc phê chuẩn báo cáo của Bộ Mật trận thống nhất và Bộ Công an "về việc bỏ hết mũ phái hữu". Ngày 19-7, lại có phương án hướng dẫn thực hiện việc bỏ mũ. Việc làm này

có hai điểm khác với trước kia: Một là, bỏ hoàn toàn không kể là trước đã chụp đúng hay chụp sai. Hai là, cải chính. Phàm những người không đáng vạch là phái hữu mà đã vạch sai thì đều cải chính, khôi phục danh dự chính trị, phân phối công tác thích đáng, khôi phục lương bổng. Còn nếu không vạch sai, thì không cải chính.

Đặng hết sức coi trọng công việc này, góc độ là "một biện pháp chính trị rất cần thiết và rất quan trọng"¹. Vì trong số người đó có nhiều nhân tài, theo thống kê của hai ngành công nghiệp và văn giáo, trong số những người bị quy là phái hữu, số trí thức, nhân viên kỹ thuật và chuyên gia chiếm trên 60% ở một số đơn vị đạt 80%. Đặng đánh giá tác dụng của trí thức có phần cao hơn Mao Trạch Đông. Mao tuy cũng biết phần tử trí thức là quý báu đối với nước Trung Hoa mới còn lạc hậu về kinh tế, văn hóa, nhưng khi ông phát hiện thấy những người đó còn cong cái đuôi tư sản lên, muốn độ sức với giai cấp vô sản, thì ông liền đánh không thương tiếc, và định sẽ thay thế bằng đội ngũ trí thức của giai cấp vô sản. Đặng thì cảm thấy có chút tiếc nuối: "Họ đã phải chịu oan khuất bao nhiêu năm, không được đem tài trí thông minh ra cống hiến cho nhân dân, đây không chỉ là tổn thất của cá nhân họ, mà còn là tổn thất của cả quốc gia"². Dù thấy Đặng quyết tâm giải phóng những người đó, không phải chỉ là trả cho họ sự công bằng, hoặc không chỉ nghĩ đến sinh kế của họ, mà chủ yếu hơn là vì toàn bộ kế hoạch hiện đại hóa của ông bức thiết cần có những nhân tài đó. Những người đó đã bị o ép suốt hai mươi năm, hầu như đã hoàn toàn mất hết hy vọng, nay lại được giải phóng, tự nhiên sẽ biết cái ơn tri

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 208, 207.

ngộ của Đặng, tuy họ không còn tham gia được lâu vào cuộc trường chinh mới, nhưng hoàn toàn không có gì phải nghi ngờ, là họ hết lòng ủng hộ chính quyền của Đặng.

Nhưng giải phóng những người đó, lại liên quan đến việc đánh giá phong trào chống phái hữu năm 1957. Lời đánh giá của Đặng nằm trong hai câu: "Đó là cần thiết. Nhưng đã mở rộng quá"¹. Nói cách khác là: Đấu tranh chống phái hữu không phải là sai. Sai là ở chỗ đã mở rộng quá.

Đặng nhiều lần nhắc lại: Sau khi hoàn thành ba cái tạo lớn, chế độ xã hội chủ nghĩa vừa được xây dựng, lúc đó xuất hiện một thế lực, một tư trào mang tính chất tư sản. Có một số người đảng đảng sát khí muốn phủ định sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, xoay chuyển lại phương hướng xã hội chủ nghĩa. Ông nói: "Lúc đó không thể không phản kích lại tư trào đó". "Không phản kích, thì chúng ta không thể tiến lên"².

Không sai mà tuyên bố bỏ mũ toàn bộ, điều đó không khó giải thích, bởi vì bỏ mũ và có nên đội mũ không là hai vấn đề khác nhau, giống như tội phạm đã hết hạn tù thì được thả, không còn là phạm nhân nữa. Nhưng, không sai, sao lại nói "sửa chữa"? Đặng trả lời: Vấn đề là theo sự phát triển của phong trào, đã mở rộng ra, nói rộng diện đã kích ra, mức độ đã kích cũng quá nặng"³. Như vậy, "sửa chữa" là sửa những bộ phận đã làm quá, đã mở rộng. Đã mở rộng bao nhiêu? Con số công bố năm 1980 về số lượng sửa chữa là gần 55 vạn người, còn chỉ bỏ mũ, giữ nguyên án phái hữu, không "sửa chữa" chỉ có không tới 100 người.

1, 2, 3. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 335, 207-208, 207.

Như vậy, trong một vạn người bị dội mũ, không tới 2 người không bị chụp sai, cuộc đấu tranh chống phái hữu đã mở rộng sai lầm tới 5 ngàn lần. Kết luận của Đặng Tiểu Bình là bản thân việc chống phái hữu không sai là căn cứ vào tỷ lệ một phần năm ngàn "không sai" đó.

Người ta còn nhớ tiến trình của công tác bỏ mũ và sửa sai là: 17-9 ban bố văn kiện, trung tuần tháng 11, tức là chỉ hai tháng sau, đã hoàn thành việc bỏ mũ cho 55 vạn người trong toàn quốc. Còn việc sửa sai đã vạch lầm phái hữu thì tốn nhiều thời gian, đến tháng 5-1980 tức sau hơn 20 tháng mới cơ bản kết thúc. Sửa sai cần có tài liệu thẩm tra, nhưng quan trọng hơn là xác định có bao nhiêu người, những người nào cần duy trì nguyên án. Điều đó cần cân nhắc tỉ mỉ hai ba lần. Sau cùng, tìm ra năm người trong số nhân sĩ yêu nước ở cấp trung ương là phái hữu không bị vạch sai, nên không sửa sai. Năm người đó là: Chương Bá Quân, La Long Cơ, Bành Văn ứng, Chủ An Bình, Trần Nhân Bình. Đối với năm người phái hữu không được sửa sai đó, Đặng cũng rất đồng tình, ông yêu cầu: "Khi kết luận về những người đó, cũng cần nói mấy câu: Trước khi đấu tranh chống phái hữu, đặc biệt là trong thời kỳ cách mạng dân chủ, họ đã từng làm việc tốt. Với gia đình họ, cần coi như mọi người, có chiều cố thỏa đáng về đời sống, công tác và chính trị"¹. Theo nói lại trong số năm nhân vật phái hữu thực sự đó, thì vào mùa thu năm 1982, bình tro thi hài của "đồng chí Chương Bá Quân" đã được trịnh trọng chuyển vào nghĩa trang liệt sĩ cách mạng Bát Bảo Sơn. Còn "đồng chí La Long Cơ" thì vào dịp sinh nhật lần thứ 90 vào năm 1987, đã được nhà nước đứng ra tổ chức lễ sinh nhật.

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 258.

Đặng Tiểu Bình đối đãi với hơn 50 vạn người phải hữu đó không giống như biện pháp chỉ bỏ mũ chứ không sửa sai như với địa chủ phú nông, vì làm như thế không phù hợp với nguyên tắc thực sự cầu thị, có sai là sửa. Thế thì tại sao không làm như phương pháp giải phóng cán bộ một cách dứt khoát triệt để. Lại chỉ sửa sai cho 99,98% phải hữu, còn để lại cái đuôi 0,02% (Kỳ thực cái đuôi nhỏ xíu đó chỉ cần sơ sài một chút là cho qua) không sửa? Nói giản đơn, là để chứng minh việc chống phải hữu không phải là sai. Nhưng lại hỏi thêm nữa, tại sao ông lại tốn công để giữ vững kết luận là chống phải hữu không phải là sai? Có phải để chiếu cố đến hình ảnh Mao không? Không phải. Bởi vì Đặng đã phủ định hoàn toàn "bản án tập đoàn phản cách mạng Hồ Phong" vào trước đó. Có phải để tránh trách nhiệm bản thân không? Cũng không phải. Vì Đặng không phải là con người sợ trách nhiệm. Ông từng nói công khai: "Việc chống phải hữu năm 1957, chúng tôi là những người chấp hành tích cực, tôi có trách nhiệm với việc mở rộng cuộc đấu tranh, vì tôi là Tổng bí thư mà"¹. Nếu phủ định hoàn toàn cuộc đấu tranh chống phải hữu, thì sẽ tạo thành một ấn tượng trong giới trí thức: Đảng Cộng sản sẽ không vạch phải hữu nữa, sau này muốn làm gì cũng chẳng sao. Như thế thì chẳng phải là tự do hóa sao?

Cuối năm 1986, phát sinh sự kiện học sinh gây rối, Đặng đã phát biểu bài nói "Phải có lập trường rõ ràng chống lại tự do hóa tư sản", chỉ tên phê phán Vương Lệ Chi, Lưu Tân Nhận, Vương Nhược Vọng. Ba người này năm 1957 đã từng là phải hữu, đã từng được sửa sai mấy năm trước. Lần này "họ cuồng vọng đến cực điểm muốn

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 241.

biến đổi Đảng Cộng sản". Đặng nhắc lại quan điểm của mình: "Cuộc đấu tranh chống phái hữu năm 1957, có chỗ thái quá, cần sửa sai. Nhưng chúng ta không phủ định hoàn toàn cuộc đấu tranh đó". "Không dùng thủ đoạn chuyên chính là không được. Với thủ đoạn chuyên chính, không những cần nói, mà khi cần, phải sử dụng"¹. Có thể thấy, trong việc sửa sai với phái hữu, Đặng còn giữ lại cái đuôi là rất có viên kiến².

1.14. ĐỊA CHỦ, PHÚ NÔNG XƯA NAY VẪN ĐƯỢC COI LÀ MÂU THUẤN ĐỊCH TA CHÍNH THỨC. NHƯNG ĐẶNG VẪN DỨT KHOÁT, QUẢ QUYẾT CHO BỎ NHỮNG CÁI MŨ ĐÓ

Thời đại Mao Trạch Đông có rất nhiều mũ. Người ta chia mũ đó lần lượt làm chín loại: Địa chủ, phú nông, phản cách mạng, phần tử xấu, phái hữu, phản bội, đặc vụ, đi theo đường lối tư bản, lão chín thối (phần tử trí thức). Sau khi nắm quyền, Đặng Tiểu Bình lần lượt bỏ năm loại mũ sau, chủ yếu là những mũ chụp trên đầu cán bộ và giới trí thức, tức mũ "kẻ đi theo đường lối tư bản", "chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh" cho cán bộ, mũ "phái hữu", "lão chín thối" cho giới trí thức, làm cho hai bộ phận tinh anh của xã hội có thể thấy được ánh mặt trời, ngóc được đầu lên, phát huy tính tích cực của họ trong xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa. Còn bốn loại mũ địa chủ, phú nông, phản cách mạng, phần tử xấu đã có từ trước cách mạng văn hóa và

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 196.

2. Viên kiến: tâm nhìn xa.

được cho là mâu thuẫn địch ta chính thức. Đặng Tiểu Bình không có ý thay đổi tính chất mâu thuẫn đó, nhưng ông vẫn dứt khoát, quả quyết bỏ những cái mũ đó.

Ngày 11-1-1979, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra quyết định: Phàm những địa chủ, phú nông, phần tử phản cách mạng và phần tử xấu trong nhiều năm vẫn tuân thủ pháp luật, thật thà lao động, không làm việc xấu, thì nhất loạt cho bỏ mũ, đãi ngộ như xã viên công xã nhân dân ở nông thôn. Theo tin tức, toàn quốc trước sau có 4,4 triệu người do đó mà được bỏ mũ địa chủ, phú nông.

Mũ còn được gọi là thành phần, thực tế là một dấu hiệu phân loại mang tính chính trị. Trong cách mạng văn hóa, để làm nổi bật dấu hiệu đó, nhiều địa phương còn đeo cho mỗi người thuộc bốn loại đó một phù hiệu màu trắng trên vai phải, trên đó có ghi bằng chữ đen thành phần của mỗi người. Có sự tồn tại rõ ràng của kẻ thù giai cấp đó, có lúc giúp ích cho các cán bộ cơ sở. Mỗi khi cấp trên có chỉ thị về nắm đấu tranh giai cấp, nếu họ không tìm thấy kẻ thù giai cấp mới thì họ liền gọi những phần tử thuộc bốn loại trên ra đấu một trận, để tỏ rằng họ vẫn nắm chắc sợi dây đấu tranh giai cấp. Khi gặp công việc sai dịch nặng nề, không tiện gọi bản nông và trung nông lớp dưới đi làm, các cán bộ liền gọi "4 loại phần tử" đi lập công chuộc tội. Những người đó rất dễ sai bảo, muốn bắt họ làm gì cũng được. Nếu thôn nào không có "bốn loại phần tử" lại cảm thấy có những công việc khó thực hiện. Những người đó chỉ cho phép tuân theo khuôn phép, không cho phép nói năng bừa bãi, trước sự chuyên chính không thương tiếc của quần chúng, không nói tới chuyện làm chuyện phi pháp,

ngay đến lời của đại đội trưởng dân quân cũng không hề dám coi thường. Những người đó là đối tượng của cách mạng dân chủ. Nhưng cách mạng của Mao Trạch Đông khác với các cuộc cách mạng khác trong lịch sử, sau khi đã tước đoạt những phương tiện tước đoạt của giai cấp bóc lột - là tư liệu sản xuất, vẫn không buông tha phần xác thịt của giai cấp bóc lột để tránh một ngày nào đó họ lại vùng lên. Qua hơn 20 năm chuyên chính vô sản, những người đó chỉ còn có việc than thở cho số phận kiếp trước, còn những người muốn tiếp tục làm việc xấu, mang ý định ngóc đầu dậy, nếu có thì cũng chẳng có mấy người nữa. Đặng cảm thấy cuộc đấu tranh giai cấp trong lịch sử này nên sớm kết thúc và bây giờ chính là lúc nên kết thúc. Kết thúc nó không có hại gì cho giai cấp vô sản, chẳng cần phải thẩm tra tài liệu, khôi phục danh dự, phát bù tiền lương, phân phối công tác, chỉ cần tuyên bố không còn mũ nữa, để họ có tư cách của xã viên công xã là được. Nhưng đối với những người đó, thì như thế đã là một ân huệ lớn. Vì họ cho rằng chiếc phù hiệu đeo trên thân thể họ sẽ theo họ suốt đời cho tới lúc xuống mồ, mà còn truyền lại tới con cháu đời sau, nay bỗng nhiên được ông Đặng vứt bỏ đi, thì có cảm giác được vươn mình giải phóng, mà việc vươn mình giải phóng của họ không hề phủ định việc vươn mình giải phóng của bản nông và trung nông lớp dưới đi theo Đảng Cộng sản vừa giành được trước đây.

Bỏ chiếc mũ "địa chủ, phú nông, phản cách mạng, phần tử xấu", được giải phóng không chỉ có "bốn loại phần tử" mà còn đời con họ, đời cháu họ. Con cái địa chủ, phú

nông đều vốn có "thành phần xuất thân" là địa chủ, phú nông. Tuy không ai nói rằng con cái có "thành phần xuất thân" là địa chủ, phú nông, thì "thành phần bản thân" cũng là địa chủ, phú nông, nhưng trong xã hội đã phổ biến tin rằng: "Rồng sinh ra rồng, phượng sinh ra phượng, còn chuột vẫn cứ sinh ra giống đào hang". Trong con mắt mọi người "thành phần xuất thân" vẫn là một loại "thành phần giai cấp". Vấn đề xuất thân khiến con cái địa chủ, phú nông không có các quyền lợi chính trị vào Đoàn, vào Đảng, vào quân đội, không được vào đại học, vào nhà máy; điều nguy hiểm chết người đối với họ là không tìm được đối tượng yêu đương, kết hôn, đứng trước nguy cơ "tuyệt chủng". Con cái bản nông và trung nông lớp dưới dù có không tìm được chồng là đảng viên, cán bộ, quân nhân, cũng quyết không chịu đến làm dâu nhà phú nông, địa chủ. Con cái phú nông, địa chủ cũng đành vợ bèo vật tép, bởi vì mọi người sợ lây dòng máu giai cấp phản động, lập trường giai cấp không vững vàng. Đảng viên, cán bộ nếu lấy con gái địa chủ, phú nông làm vợ thì coi như kết liễu tiền đồ chính trị. Thành phần giai cấp xuất thân không tốt không những chỉ là tai họa cho con cái, mà là tai họa cho cả đời sau nữa. Con cái địa chủ phú nông có may mắn được sinh con đẻ cái, thì con cái do họ sinh ra, do có cha mẹ xuất thân địa chủ phú nông, nhiễm phải dòng máu phản động nên thành phần xuất thân của chúng vẫn là địa chủ phú nông. Đặng Tiểu Bình khi tuyên bố nhất loạt bỏ mũ cho địa chủ phú nông cũng đã sửa đổi về căn bản thành phần xuất thân của con và cháu địa chủ, phú nông. Điều đó có nghĩa là ít nhất cũng kết thúc cuộc sống bị phân biệt

đối xử của 10 triệu người, cho họ được hưởng quyền lợi công dân, bắt đầu cuộc sống mới về chính trị, bắt đầu được xã hội thừa nhận là người. Vì họ đã từng không được là người, mà Đặng Tiểu Bình đã biến họ thành người nên họ không thể không cảm ơn ông Đặng đã cho họ cuộc sống thứ hai.

Sau khi địa chủ, phú nông ở nông thôn được bỏ mũ không lâu, tháng 11-1979, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc lại ra một quyết định: Phân biệt những người lao động trong giới công thương nghiệp chủ. Điều đó thực tế là bỏ mũ, sửa sai cho một số nhà tư bản. Năm 1956, khi tiến hành công tư hợp doanh theo từng ngành nghề có một số lớn tiểu thương, tiểu chủ, tiểu thủ công nghiệp và một số người lao động khác bị đưa vào xí nghiệp công tư hợp doanh. Tất cả họ đều bị gọi là nhân viên tư doanh, bị đối đãi như những nhà tư sản công thương nghiệp, tức là những nhà tư bản hoặc lớn, hoặc nhỏ, nằm trong phạm trù giai cấp tư sản. Trên thực tế, có một số "nhà tư bản" đáng thương tới mức mỗi tháng nhận được lợi tức "bóc lột" chỉ mua nổi một, hai bao thuốc lá. Trong số họ từ lâu đã có người đề xuất không nhận phần "thu nhập bóc lột" đó nữa, xin ra khỏi hàng ngũ giai cấp tư sản. Không hiểu tại sao, yêu cầu đó vẫn không được thực hiện, để đến lượt Đặng Tiểu Bình phải xử lý. Chính phủ của Đặng qua hơn một năm công tác, đến năm 1981, đã đưa hơn 70 vạn tiểu thương tiểu chủ và tiểu thủ công nghiệp từ vị trí nhà công thương nghiệp, tức giai cấp tư sản, khôi phục lại bộ mặt vốn có là thành phần lao động. Sự chuyển biến từ tiểu thương tiểu chủ đến người lao động đã phải trải qua thời gian hơn 20 năm. May mà nhờ có Đặng Tiểu Bình.

Trong thời gian này, Đặng Tiểu Bình đã sửa sai cho những án oan, án giả trong số những người Quốc dân đảng đầu hàng Quân giải phóng.

Học giả Đài Loan Đinh Vọng đã gọi biện pháp bỏ mũ cho phái hữu, địa chủ, phú nông của Đặng Tiểu Bình là "chính sách giai cấp mềm dẻo"¹. Chính sách giai cấp của chủ nghĩa Mác chia xã hội thành các giai cấp khác nhau để xác định đối tượng và động lực cách mạng. Mao Trạch Đông dựa vào pháp bảo đó, giành được thắng lợi trên toàn quốc. Sau khi giành được chính quyền, vì lo sợ giai cấp bóc lột bị đánh đổ chưa chịu thôi, Mao Trạch Đông lại xiết chặt sợi dây đấu tranh giai cấp gần 30 năm nữa. Qua 30 năm đó, dù các phần tử thuộc giai cấp bóc lột cũ có chưa chịu, thì cũng sắp chết cả rồi. Đặng không đợi những phần tử thuộc giai cấp bóc lột bị tiêu diệt toàn bộ về thể xác, liền cắt toàn bộ mũ đi cho họ. Hành động đó, như Đinh Vọng đã nói: Làm hòa dịu hận thù giai cấp trong xã hội, dần dần hướng sức mạnh của dân chúng vào phát triển sản xuất.

Bỏ mũ là việc "chính danh". Danh không chính thì lời nói không thuận, lời nói không thuận thì việc không thành. Đặng Tiểu Bình vứt bỏ hết các mũ từ thời Mao Trạch Đông lưu lại. Làm như vậy khiến cho, ngoài những phần tử phạm pháp được trừng trị theo pháp luật, mọi người đều là các công dân bình đẳng. Đó là điều vô cùng cần thiết để huy động mọi nhân tố tích cực vào công cuộc bốn hiện đại hóa, xây dựng dân chủ và pháp chế xã hội chủ nghĩa.

1. "Đặng Tiểu Bình" trong lòng các nhân sĩ hải ngoại, Nhà xuất bản Hồng Kỳ, 1993, tr. 235.

1.15. NHỮNG THANH NIÊN TRÍ THỨC TỪ ĐỒNG RUỘNG TRỞ VỀ ĐÃ BỔ SUNG VÀO SỰ THIẾU HỤT NHÂN TÀI GIỮA BUỔI GIAO THỜI, KHI ĐẶNG TIẾN HÀNH SỰ NGHIỆP CẢI CÁCH

Trong cách mạng văn hóa, Mao Trạch Đông đã nghĩ ra một "bách niên đại kế" để phòng và chống xét lại: Cho những học sinh tốt nghiệp trung học mới mười mấy tuổi ở các thành phố lên vùng rừng núi và về nông thôn, tổ chức thành đội thành hộ, tiếp thu sự tái giáo dục của bản nông và trung nông lớp dưới. Trải qua việc đấu tranh nhổ rễ và cấm rễ, chỉ trong mấy năm đã có mấy chục triệu thanh niên trí thức phân bố khắp nông thôn và biên giới, không ít người quyết tâm lăn lộn trong trời cao đất rộng để rèn luyện một trái tim hồng. Nhưng từ năm 1977 khôi phục chế độ thi tuyển vào đại học, thực hiện chính sách tuyển chọn trực tiếp học sinh tốt nghiệp trung học vào đại học, thì quyết tâm cấm rễ ở nông thôn của họ bắt đầu lung lay. Họ sôi nổi tìm cách trở lại thành phố. Người thi vào đại học, người xin vào nhà máy. Nếu không vào được đại học và nhà máy thì họ ở lại thành phố để chờ đợi. Những người lãnh đạo nước cộng hòa mới không ra sức ngăn cản "phong trào về thành phố" như trước kia, mà để cho nó diễn ra tự nhiên. Những học sinh tốt nghiệp trung học mười mấy tuổi vào học tập ở Trường đại học thì có ý nghĩa hơn là về nông thôn. Năm 1979 Đặng Tiểu Bình dứt khoát đình chỉ việc đưa học sinh tốt nghiệp trung học về nông thôn và đặt dấu chấm hết cho "sự vật mới": Đưa thanh niên trí thức lên

miền núi, về nông thôn, một việc làm thất nhân tâm, làm lỗ dở con cái người ta.

Nhưng ngay mùa xuân năm đó, Đặng đứng trước một thử thách mới: Máy chục triệu thanh niên xuống nông thôn trước kia ùa về thành phố, đòi công tác, đòi đi học, hình thành một sức ép xã hội rất lớn. Một số thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải còn có hiện tượng thanh niên xuống đường tuần hành, thậm chí xông vào cơ quan, làm gián đoạn giao thông. Việc tuần hành đó đương nhiên không nhằm đánh đổ ai, mà chỉ là đòi lợi ích, đòi những cái đã bị mất của một thời đã qua. Nhưng nếu cứ để hiện tượng đó phát triển, rất có thể gây nguy hại cho cục diện an định đoàn kết vừa hình thành, thậm chí gây uy hiếp cho chính quyền quá độ mà Đặng vừa khôi phục. May mắn là Đặng không xử lý theo cách của cách mạng văn hóa, giản đơn coi đó là "động hướng mới của đấu tranh giai cấp", mà bình tĩnh phân tích tình hình, áp dụng phương châm hướng dẫn tích cực. Một mặt lắng nghe tìm hiểu mọi khó khăn của thanh niên, bên bĩ thuyết phục giáo dục, khẳng định yêu cầu hợp lý của họ, và phê bình cách làm không thích đáng của họ, làm cho thanh niên được cảm hóa, thông cảm lại với những khó khăn của nhà nước. Mặt khác, áp dụng những biện pháp quả đoán, tích cực giải quyết những vấn đề trong quản lý thanh niên, giải quyết những khó khăn cụ thể trong đời sống thanh niên, đối với những vấn đề không có cách nào giải quyết được thì đưa ra lời giải thích thỏa đáng.

Việc gây rối của thanh niên trí thức cuối cùng đã dẹp yên được. Nhưng muốn giải quyết về căn bản đội quân thất nghiệp to lớn ở thành thị thì phải tìm được con đường sinh tồn và phát triển cho họ. Vào đại học là một con

đường, nhưng không thể giải quyết cho cả mấy chục triệu người. Muốn giải quyết cho một số người đông như thế, cộng thêm việc vận dụng chính sách cán bộ, chính sách đối với trí thức, đối với những người mới được giải phóng thì phải bắt tay vào việc tạo công ăn việc làm. Để làm việc đó, giữa mùa hè 1980, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập hội nghị chuyên đề về giải quyết công ăn việc làm, định ra phương châm mới là "giải phóng tư tưởng", nói rộng chính sách, phát triển sản xuất, tạo nhiều công việc làm, thực hiện việc giới thiệu công việc, tự nguyện tổ chức lại tìm công việc và tự tổ chức ngành nghề làm việc.

Đó là phương châm phát triển kinh tế, giải quyết vấn đề xã hội bằng biện pháp kinh tế. Mà phương châm đó lại tương hỗ tác dụng với chính sách xây dựng hiện đại hóa và cải cách mở cửa do Đặng Tiểu Bình đề xướng. Vấn đề thanh niên trí thức thất nghiệp xuất hiện trong việc cải cách chế độ chiêu sinh của nhà trường lại được giải quyết thông qua con đường cải cách chế độ tìm công việc làm. Nói theo cách nói sau này, đó là dùng biện pháp cải cách để giải quyết những vấn đề xuất hiện trong cải cách. Vấn đề thanh niên trí thức thất nghiệp trong một trình độ nhất định, lại thúc đẩy Đảng Cộng sản mở rộng chính sách kinh tế và chính sách giải quyết việc làm, trong đó chính sách tự nguyện tổ chức lại để tìm việc và tự tìm ra công việc, trên thực tế là đã gieo hạt giống cho lớp kinh tế cá thể đầu tiên trong nền kinh tế thành thị.

Căn cứ vào phương châm giải quyết công ăn việc làm mới, các địa phương trong toàn quốc đã giải phóng tư tưởng, mở ra nhiều con đường giải quyết công ăn việc làm. Đến cuối năm 1981, toàn quốc đã xếp sắp cho 26 triệu

người đi làm việc, cơ bản giải quyết vấn đề thanh niên trí thức thất nghiệp do cách mạng văn hóa để lại.

Đặng Tiểu Bình giải quyết vấn đề cho thanh niên trí thức đi học và làm việc coi như đồng thời giải quyết một lúc hai vấn đề hết sức quan trọng. Một là, giải quyết xong việc lên miền núi và về nông thôn của thanh niên trí thức mà cách mạng văn hóa đã đưa lên rất cao. Việc làm đó được đánh giá là đã làm lãng phí tuổi thanh xuân và làm lỡ dở việc học hành. Nay kịp thời chấm dứt việc đó, coi như đã kịp thời cứu vớt một thế hệ. Hai là, đã tìm ra con đường lý tưởng để phát huy tác dụng của cả một thế hệ thanh niên trí thức. Hơn mười năm sau, người ta thấy những con người năng động trong đời sống kinh tế thành thị, đại bộ phận là những người từng xuống nông thôn năm xưa. Những thanh niên có cơ hội vào học đại học, sau này đã lần lượt trở thành lực lượng trung kiên trong các lĩnh vực khoa học, nhất là lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Chỉ nói về mặt văn học nghệ thuật, những tác giả ưu tú trên văn đàn những năm 80, có mấy người chưa từng xuống nông thôn? Những người có cơ hội tiến vào tầng lớp lãnh đạo, cũng đã dần dần làm chủ được trên các lĩnh vực. Thế hệ đó từng than tiếc về việc lỡ dở tuổi thanh xuân vì phải lên núi, xuống nông thôn, nhưng chính vì họ đã từng xuống nông thôn, nên có được cảm nhận sâu sắc khi so sánh hai thời đại cũ mới, vì vậy rất dễ nhận thức và tiếp thu tư tưởng mới về cải cách và mở cửa của Đặng Tiểu Bình. Trên thực tế, họ đã dần trở thành quân chủ lực trên các mặt trận cải cách và mở cửa.

Cuộc trường chinh mới của Đặng Tiểu Bình tiến hành đến giữa những năm 80 thì bắt đầu xuất hiện sự hẫng hụt, gián đoạn về nhân tài trong các mặt, Cách mạng văn hóa đã làm lỡ làng cả một thế hệ. Những cán bộ cũ và phần tử trí thức từ

"chuồng bò" trở về (họ đều là tinh anh của xã hội trước thời cách mạng văn hóa) đã lần lượt đến tuổi về hưu. Nếu không có những thanh niên trí thức từ "đồng ruộng" trở về bù đắp vào thì tình hình đó sẽ nghiêm trọng lên rất nhiều. Đến lúc đó, người ta mới thấy việc các thanh niên trí thức trở về thành phố là tốt nhường nào. Trên một ý nghĩa nhất định, sự nghiệp cách mạng lớn lao mà Đặng Tiểu Bình khai thác, đã phải dựa vào thế hệ đó để truyền tới thế hệ thứ ba.

1.16. BA KIM ĐỀ NGHỊ LẬP "NHÀ BẢO TÀNG VỀ CÁCH MẠNG VĂN HÓA". ĐẶNG RÕ RÀNG LÀ KHÔNG TÁN THÀNH, BỒI VÌ NÓ QUÁ ĐI VÀO CHI TIẾT. VÌ VẬY, ÔNG NHIỀU LẦN NHẮC LẠI LÀ XỬ LÝ VẤN ĐỀ LỊCH SỬ NÊN KHÁI LƯỢC MÀ KHÔNG NÊN ĐI VÀO CHI TIẾT

Benedetto Croce (nhà triết học Italia, 1866-1952 - ND) từng nói: Mọi lịch sử chân chính đều là lịch sử hiện đại.

Những người hiện đại muốn sáng tạo tương lai, đều phải xem xét lại, thậm chí phải viết lại lịch sử quá khứ. Chỉ có như thế, người hiện đại mới không thấy khoảng cách về không gian giữa mình với thế hệ trước: ở nguyên vị trí cũ hay đã tiến lên một bước? Đã đi một bước nhỏ hay tiến một bước lớn?

Người ta có thể sáng tạo lịch sử, nhưng không người nào có thể vượt khỏi lịch sử. Một cá nhân càng muốn sáng tạo những trang sử mới, thì càng đứng trước nhiều vấn đề lịch sử.

Khi Đặng Tiểu Bình xuất hiện trên vũ đài lịch sử Trung Quốc với tư thế người cải cách, mở cửa, điều trước

hết ông gặp phải không phải là cái cách như thế nào và phân tích việc mở cửa như thế nào mà là một đồng những vấn đề lịch sử do thời đại Mao Trạch Đông để lại, đòi hỏi ông phải giải quyết, phải thanh lý.

Những vấn đề lịch sử mà Đặng gặp phải có thể phân làm hai loại: Một loại là sự đúng sai, công tội của những sự kiện lịch sử lớn và những nhân vật lịch sử quan trọng, cần được đánh giá lại theo những tiêu chuẩn giá trị hiện tại, thí dụ vấn đề đúng sai của đại cách mạng văn hóa, vấn đề công lao và sai lầm của Mao Trạch Đông. Loại thứ hai là việc sửa chữa lại những việc mà thực tiễn đã chứng minh là trước kia làm sai, thí dụ, một số án oan, án giả, án sai trong cách mạng văn hóa, thậm chí trước cách mạng văn hóa và trước giải phóng còn để lại.

Đặng ý thức đầy đủ rằng, không giải quyết những vấn đề đó thì Trung Quốc sẽ không thể nào tiến lên được. Không làm rõ những việc đúng sai lớn trong lịch sử, thì không thể tổng kết đúng đắn kinh nghiệm lịch sử, học được bài học lịch sử, không thể biết được Trung Quốc nên đi theo hướng nào. Một số lớn án oan, án giả, án sai, nếu không kịp thời sửa chữa thì không thuận lòng dân, thông suốt ý dân, không phát huy được mọi nhân tố tích cực, thực hiện được cục diện chính trị ổn định đoàn kết, sinh động sôi nổi. Đặng Tiểu Bình muốn đưa Trung Quốc tiến sang thời đại lịch sử mới thì trước hết phải giải quyết những vấn đề do lịch sử để lại đặt ra trước mắt ông.

Nhưng khi người ta lật giở các trang lịch sử nặng trĩu, những người lãnh đạo mới đứng trước vấn đề: Biết bao chuyện ân oán, đúng sai, thật giả do lịch sử để lại, biết đến năm tháng nào mới làm cho rõ hết được. Đặng Tiểu

Bình tỉnh táo nhận ra rằng: Nếu lật giở những món nợ cũ của lịch sử thì có thể dẫn tới hai hậu quả: Một là, giải phóng được một năng lượng to lớn, đưa Trung Quốc tới phần vinh thịnh vượng; hai là, bới ra rất nhiều chuyện phiền phức, đưa nhân dân tới những cuộc tranh cãi không bao giờ dứt.

Do đó, khi Đặng Tiểu Bình bắt tay vào việc giải quyết những vấn đề do lịch sử để lại, ngoài việc đề ra nguyên tắc thực sự cầu thị, có sai thì sửa, còn nhiều lần nhắc lại vấn đề mức độ, giải quyết vấn đề lịch sử nên khái lược chứ không nên quá chi tiết.

Theo nguyên tắc thực sự cầu thị để giải quyết vấn đề do lịch sử để lại, cái gì nên khái lược thì khái lược, nên chi tiết thì chi tiết. Đặng lại thêm là nên khái lược, không nên chi tiết, có nghĩa là, với những vấn đề có khái lược, có chi tiết thì nên chọn thái độ nên khái lược mà không nên chi tiết. Khái lược tốt hơn là chi tiết, quá chi tiết thì không thỏa đáng.

Sự phân biệt khái lược, chi tiết thể hiện cá tính độc đáo của ông Đặng và tầm nhìn chiến lược của một chính khách. Khái lược không phải là giản đơn, qua loa, mà là yêu cầu nắm những vấn đề đúng sai lớn có quan hệ rộng và ảnh hưởng lớn, chứ không đi sâu vào những vấn đề chi tiết về những món nợ cũ trong lịch sử. Đồng thời, giải quyết những vấn đề lịch sử lớn đó, cần khái quát một chút, chú trọng đến cái lớn, làm rõ cái đúng sai lớn chứ không cần làm rõ mọi chi tiết, cũng không nên yêu cầu vấn đề nào cũng phải giải quyết thật trọn vẹn.

Tại sao khái lược lại tốt hơn chi tiết? Đặng nói rất rõ ràng: Giải quyết những vấn đề do lịch sử để lại, mục đích là để kết thúc quá khứ, mở ra tương lai, dẫn mọi người

đoàn kết nhất trí nhìn về phía trước. Với vấn đề lịch sử, cần chú ý vào điểm lớn, cũng có nghĩa là chú ý vào hiện tại, chú ý tới tương lai. Ngược lại, với món nợ cũ lâu năm, tính toán quá chi tiết, chỉ dẫn sức chú ý của người ta về phía sau, quanh quẩn mãi với món nợ cũ trong lịch sử. Như vậy, không những không có lợi cho xây dựng bốn hiện đại hóa mà còn ảnh hưởng đến an định đoàn kết, hoàn toàn đi ngược lại mong muốn đoàn kết nhất trí nhìn về phía trước.

Nên khái lược, không nên chi tiết còn có một lý do nữa. Những vấn đề lịch sử mà Đặng muốn bắt tay vào giải quyết, đều là những vấn đề phát sinh trong bản thân Đảng Cộng sản Trung Quốc. Những vấn đề đó nếu không giải quyết thì không có cách nào tiến lên; nếu giải quyết quá chi tiết, lại không có lợi cho hình tượng vẻ vang của Đảng. Bởi vậy, chỉ nên giải quyết khái lược, khái quát một chút. Thí dụ như đối với sai lầm có tính toàn cục của cách mạng văn hóa, Đặng chủ trương nhất định phải sửa, nhất định phải phân rõ đúng sai lớn, không làm như vậy thì không thể có cục diện mới cải cách mở cửa như sau Hội nghị toàn thể Trung ương ba. Nhưng, nếu làm như đề nghị của Ba Kim, lập một "nhà bảo tàng cách mạng văn hóa" thì rõ ràng là Đặng không tán thành. Bởi vì, trong cách mạng văn hóa, rút cục vẫn tồn tại một đảng, phương thức trưng bày trong nhà bảo tàng, cố nhiên có lợi cho con cháu đời sau rút ra bài học, nhưng nó không tránh khỏi quá đi vào chi tiết, không thỏa đáng.

1.17. ĐỊNH LUẬN VỀ MAO TRẠCH ĐÔNG SAU KHI CHẾT

Người Trung Quốc xưa nay vẫn cho rằng, một con người chỉ sau khi chết mới có thể đưa ra lời đánh giá thật

công bằng. Lời nói đó không phải là không có lý. Bởi vì con người còn sống thì còn thay đổi, khó có thể có kết luận ổn định. Sau khi chết, không còn thay đổi nữa, thì mới có thể "định luận" được. Song đối với nhân vật có ảnh hưởng to lớn trong lịch sử như Mao Trạch Đông, thì đây nắp áo quan rồi cũng chưa hẳn đã "định luận" được.

Sau khi Mao Trạch Đông mất, mọi việc làm của Đặng Tiểu Bình nhằm dẹp yên rối loạn, trở lại ổn định có thể khái quát thành một câu: Thông qua những sai lầm cuối đời Mao để cứu vớt cuộc cách mạng Trung Quốc mà Mao đã khai sáng. Song quá trình biện chứng phủ định cái phủ định ấy lại phải thông qua sự vận động có quan hệ tương hỗ giữa Đặng Tiểu Bình, Hoa Quốc Phong, Mao Trạch Đông. Mỗi thay đổi nhỏ nhất trong quan hệ giữa Đặng và Hoa đều liên quan đến sự đánh giá người đã mất là Mao Trạch Đông. Linh hồn của Mao Trạch Đông vẫn tác động tới mỗi bước lịch sử của thời đại hậu Mao Trạch Đông.

Tiên sinh Lỗ Phàm Chi đã chỉ ra: "Trung Quốc muốn chấm dứt (cái "chấm dứt" này bao hàm sự vứt bỏ và phát triển một cách biện chứng chứ không có nghĩa phủ định toàn bộ) "thời đại Mao Trạch Đông" thì lại phải thông qua tiến trình có thể gọi là "phi Mao hóa" để phối hợp"¹. Cái gọi là "phi Mao hóa" không có gì khác hơn là phá bỏ thần thoại về Mao Trạch Đông, phê phán những sai lầm cuối đời của Mao, không gì khác hơn là xác lập tính hợp pháp của chính quyền mới do Đặng Tiểu Bình lãnh đạo và chứng minh tính không hợp lý của sự lãnh đạo cứng nhắc của Hoa Quốc Phong, đều cần được hoàn thành với sự làm

1. Lỗ Phàm Chi "Luận Trung Quốc - Thân Châu cực biến", NXB Quảng Giác kính Hương Cảng, 1984, tr.29.

yếu hình tượng hoàn mỹ của lãnh tụ vĩ đại, phê phán những sai lầm cuối đời của Mao. Nhưng ai nấy đều biết rằng "trước khi xóa bỏ ảnh hưởng của những kẻ theo đuôi Mao và "bọn bốn tên" về mặt chính trị và trong tầng lớp lãnh đạo, thì bất kỳ ai muốn phê phán Mao một cách dứt khoát và thiếu nghệ thuật, coi như là tự sát về chính trị hoặc ít nhất cũng là rất nguy hiểm"¹.

Đặng Tiểu Bình thấy được sự nguy hiểm đó, nên trong cuộc độ sức với các đối thủ chính trị, ban đầu bao giờ ông cũng thận trọng, gắng hết sức tránh đề cập tới đúng sai công tội của Mao Trạch Đông và nỗ lực áp dụng những cái đúng đắn của Mao để biện hộ cho mình. Ví dụ, khi phản bác "hai phạm là" Đặng chỉ nhấn mạnh việc phải "phạm là" chỉ biết nắm mấy câu chữ cá biệt mà không suy nghĩ tìm hiểu đúng đắn tư tưởng Mao Trạch Đông; khi thanh toán sai lầm trong "cách mạng văn hóa", ông ra sức quy trách nhiệm vào sự phá hoại của hai tập đoàn phản cách mạng là Lâm Bưu và "nhóm bốn tên". Đến Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khóa XI, Đặng đã nắm được chính quyền trên thực tế, nhưng ông vẫn dồn sức vào sửa chữa từng sai lầm một trong "cách mạng văn hóa", thí dụ như sửa sai từng bước cho các vụ án oan, án giả, án sai, chứ không vội kết luận về toàn bộ cách mạng văn hóa, đặc biệt là về Mao Trạch Đông.

Nhưng đến năm 1980, khi Đặng quyết định sửa sai cho án oan lớn nhất - án của Lưu Thiếu Kỳ, thì đã không thể tránh được việc đánh giá công khai toàn diện về Mao Trạch Đông. Mục đích phát động cách mạng văn hoá của

2. (Mỹ)Đavít.W. Trương "Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình", NXB Pháp Luật, 1991, tr. 59.

Mao Trạch Đông là nhằm phê phán "đường lối xét lại phản cách mạng" do Lưu Thiếu Kỳ làm đại biểu, mà việc đánh đổ Lưu Thiếu Kỳ là cái móc chủ yếu của "thắng lợi vĩ đại" có tính lịch sử của cách mạng văn hóa. Nếu Lưu Thiếu Kỳ là đúng đắn, bị oan, thì đủ chứng minh rằng đại cách mạng văn hóa từ điểm xuất phát tới tư tưởng chỉ đạo căn bản đều là sai lầm, chứng minh rằng trong hai việc lớn của cuộc đời Mao Trạch Đông thì một việc là sai lầm.

Đặng bình tĩnh phân tích tình hình lúc đó: "Sau khi nghị quyết của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ năm về sửa sai cho đồng chí Lưu Thiếu Kỳ được truyền đạt xuống dưới, tư tưởng trong một số người khá hỗn loạn. Có người phản đối việc sửa sai cho Lưu Thiếu Kỳ, cho rằng làm như thế là đi ngược lại tư tưởng Mao Trạch Đông; một số người khác cho rằng đã sửa sai cho đồng chí Lưu Thiếu Kỳ thì tức là tư tưởng Mao Trạch Đông đã sai"¹. Đặng cho rằng "cả hai cách nhìn nhận đó đều sai". Rõ ràng, muốn khắc phục sự hỗn loạn tư tưởng đó, cần phải có cách nói có quyền uy đối với một số vấn đề lịch sử quan trọng, đặc biệt là đối với đại cách mạng văn hóa và tư tưởng Mao Trạch Đông. Đó là nguyên nhân vì sao Đặng quyết tâm viết "Nghị quyết về một số vấn đề lịch sử của Đảng từ ngày lập nước đến nay".

Thấy sự phức tạp của việc phê phán Mao lúc đó có người đề xuất: Nghị quyết này đã vội đưa ra chưa? Đặng nói: "Không nên để chậm nữa. Để chậm không có lợi cho chúng ta. Bởi vì trong đảng ngoài đảng "đều đang viết", "đều đang chú ý xem chúng ta nói thế nào". Anh không đưa ra một nhận định gì thì những vấn đề quan trọng sẽ

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 255-256.

không có cách nhìn nhận thống nhất"¹. Đúng như vậy, không có cách nhìn nhận thống nhất, thì sẽ có các kiểu nói khác nhau. Như vậy, ở mức độ nhẹ thì gây nên hỗn loạn tư tưởng, ở mức độ nặng thì ảnh hưởng tới an định đoàn kết. Và lại, lúc đó Đặng đã giành được thắng lợi quyết định đối với Hoa, cũng tức là đã giành được quyền tuyệt đối trong việc giải thích tư tưởng Mao Trạch Đông, còn cần thiết gì phải né tránh vấn đề phê phán Mao nữa?

Công việc phê phán Mao của Đặng Tiểu Bình gồm hai ý cơ bản không dễ nhất trí với nhau: Vừa kiên trì tư tưởng Mao Trạch Đông, lại vừa phê phán sai lầm cuối đời của Mao. Đặng hy vọng thông qua sự biện luận tổng hợp về hai mặt đó để tỏ rõ cho người đời biết tư tưởng Mao Trạch Đông mà người lãnh đạo mới kiên trì là cái gì. Trên thực tế, đó là dùng hình thức nghị quyết của Đảng để trình trọng cáo biệt một thời đại cũ, trang nghiêm tuyên cáo về sự ra đời của một thời đại mới. Đó đương nhiên là một nhiệm vụ chính trị hết sức nghiêm túc và cũng hết sức khó khăn, chỉ được phép làm tốt, không được làm hỏng.

Văn kiện sắp ra đời, về nhiều mặt có thể được coi là đỉnh cao nhất trong lịch sử văn chương thế giới. Đặng tự cầm đầu, Hồ Diệu Bang chủ trì, Hồ Kiêu Mộc chủ bút, bên dưới có ủy ban khởi thảo gồm hơn hai mươi thành viên. Trong quá trình khởi thảo văn kiện, qua việc thảo luận trong bốn người, cuối cùng là thảo luận trong mấy chục người, trong Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng, trong Hội nghị trụ bị của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 6, khóa XI, riêng việc thảo luận quy mô đã có bốn lần như vậy. Văn kiện viết xong chỉ có hơn hai vạn chữ, mà khởi

1, Đặng tuyển. Quyển II, tr. 256-268.

thảo mất 15 tháng (từ 3-1980 đến 6-1981), qua không biết bao nhiêu lần dự thảo. Trình độ thận trọng đó vượt hơn việc khởi thảo hiến pháp của nhà nước.

Đặng quan tâm đến mỗi chi tiết nhỏ trong bài văn như quan tâm đến một chiến dịch lớn quyết định việc mất còn sống chết. Ít nhất ông đã 9 lần nói chuyện về công việc khởi thảo văn kiện, tự mình nêu ra sự đánh giá và mức độ cần nắm vững cho từng sự kiện lịch sử, từng nhân vật lịch sử quan trọng. Đặng đã chỉ đạo tỉ mỉ về tư tưởng chỉ đạo của toàn văn, về nguyên tắc cơ bản, thậm chí cả đặc sắc ngữ khí của văn chương và sự dài ngắn của từng đoạn. Trong cuộc đời, Đặng đã viết nhiều văn kiện, song văn kiện này có thể là văn kiện được viết nghiêm túc, tỉ mỉ nhất.

Tại sao lại coi trọng như vậy? Bởi vì Đặng mong muốn văn kiện này "có thể có tác dụng như Nghị quyết lịch sử năm 1945"¹. Năm 1945, Mao Trạch Đông chủ trì khởi thảo "Nghị quyết về một số vấn đề lịch sử trong đảng", khiến tư tưởng của toàn đảng thống nhất với tư tưởng Mao Trạch Đông, từ đó đã đặt nền móng cho thời đại Mao Trạch Đông. Nghị quyết lịch sử do Đặng Tiểu Bình chủ trì lần này thêm vào bản Nghị quyết 35 năm trước mấy chữ "từ ngày lập nước đến nay". Mục đích của nó là nhằm thống nhất tư tưởng toàn đảng với tư tưởng Đặng Tiểu Bình, hoặc thống nhất với tư tưởng Mao Trạch Đông đã được Đặng Tiểu Bình giải thích lại, để xác định phương vị của thời đại hậu Mao Trạch Đông tức là thời đại Đặng Tiểu Bình.

Tháng 6-1981, Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 6, khóa XI, đồng

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 217.

thời hoàn thành bốn nhiệm vụ. Một là, thông qua "nghị quyết lịch sử", hoàn thành việc đánh giá lịch sử với Mao Trạch Đông. Hai là, bầu Hồ Diệu Bang làm chủ tịch Đảng, Hoa Quốc Phong chính thức rút khỏi vũ đài lịch sử. Đây là mốc đánh dấu ngọn cờ tư tưởng Mao Trạch Đông đã chuyển từ tay Hoa Quốc Phong sang tay Đặng Tiểu Bình.

Trong phiên họp bế mạc, Đặng nhấn mạnh, bản nghị quyết lịch sử "có tác dụng rất quan trọng đối với việc thống nhất tư tưởng trong đảng ta", "Từ nay, với tư cách một đảng viên cộng sản, phải phát biểu trong tinh thần thống nhất đó, dù tư tưởng không thông cũng phải phục tùng tổ chức"¹.

Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 6 họp đúng trước dịp kỷ niệm 60 năm thành lập Đảng. Đặng cảm thấy vào dịp kỷ niệm 60 năm này, không cần làm cái gì thêm, có bản nghị quyết này là quá đủ rồi. Ông hy vọng sau khi nghị quyết công bố "Tư tưởng trong đảng và trong nhân dân được rõ ràng, nhận thức đạt tới nhất trí, việc tranh luận về các vấn đề lịch sử quan trọng tới đây kết thúc"² Công việc còn lại là một lòng một dạ xây dựng bốn hiện đại hóa, đoàn kết nhất trí nhìn về phía trước, dưới sự lãnh đạo của Trung ương mới.

1.18. "MUỐN TIẾN HÀNH SỰ ĐÁNH GIÁ LỊCH SỬ NGHIÊM TÚC VỚI MAO TRẠCH ĐÔNG, LÀ MỘT VIỆC LÀM CHÍNH TRỊ VÔ CÙNG NGUY HIỂM"

"Muốn tiến hành sự đánh giá lịch sử nghiêm túc với

1, 2 . Đặng tuyển. Quyển II, tr. 338, 256.

Mao Trạch Đông, là một việc làm chính trị vô cùng nguy hiểm"¹. Nguy hiểm lớn nhất là phải gánh lấy trách nhiệm "làm gãy cờ".

Năm 1978, khi phái thực tiễn muốn "thông qua việc xác nhận tiêu chuẩn thực tiễn của chân lý để phá bỏ thần thoại về Mao Trạch Đông, thì Uông Đông Hưng đã uy hiếp bằng tội danh "làm gãy cờ" và "vứt bỏ kiếm". Phái thực tiễn chỉ có thể đối phó bằng chiến thuật anh giương cao, tôi cũng giương cao. Đặng Tiểu Bình đã nhắm vào thuyết "làm gãy cờ", đề ra vấn đề "thế nào là giương cao", "làm thế nào để giương cao"². Ông không bàn tới việc có cần giương cao ngọn cờ đỏ vĩ đại là tư tưởng Mao Trạch Đông không, mà chia vấn đề giương cao thành hai loại, là giương cao thật một cách thực sự cầu thị, giương cao giả một cách hình thức chủ nghĩa? để kịp thời hất cái mũ mà phái "phàm là" chụp cho mình. Lúc đó phái "phàm là" chiếm ưu thế, nên việc "bảo vệ cờ" của Đặng mang tính sách lược, để đáp lại sự khiêu chiến chứ không phải là sự đề xuất vấn đề xuất phát từ nhu cầu tự thân của chính quyền mới.

Đến khi Đặng Tiểu Bình không bị sự kiểm chế của phái "phàm là", có quyền cái quan định luận với Mao Trạch Đông, liền tự giác nhận thấy rằng không thể để mất ngọn cờ tư tưởng Mao Trạch Đông. Đương nhiên đây là một sự suy xét về chiến lược. Người cộng sản lão luyện này không quên bài học trong lịch sử phong trào cộng sản quốc tế: Những năm 50, Khrushchê hoàn toàn phủ định Xtalin,

1. (Mỹ). Môrixơ Maixơna: " Trung Quốc thời Mao Trạch Đông và Trung Quốc sau thời Mao Trạch Đông ", NXB Nhân Dân Tự Xuyến, 1990, tr. 565.

2. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 121.

kết quả có gì tốt đâu? Bất kỳ đối với Đảng Cộng sản Liên Xô, với phong trào cộng sản quốc tế hay với bản thân Khrushchốp, đều không có gì tốt. Đặng công khai tuyên bố: "Tôi sẽ không đối xử với Mao Trạch Đông như Khrushchốp đã đối xử với Xtalin"¹. Điều đó không chỉ do giữa Mao Trạch Đông và Xtalin có nhiều mặt khác nhau, mà chủ yếu hơn là cách làm đó của Khrushchốp rất không khôn ngoan. Khẳng định Xtalin là có sai lầm. Đặng đã từng phê phán nghiêm khắc trong Đại hội VIII Đảng Cộng sản Trung Quốc rằng việc sùng bái cá nhân do Xtalin gây ra đã đưa tới "hậu quả xấu nghiêm trọng"². Nhưng, muốn phê phán sai lầm của Xtalin, cần gì phải phủ định toàn bộ Xtalin? Dù có phủ định toàn bộ đối với Xtalin thì cũng không cần thiết phải kêu gào theo tình cảm kiểu Khrushchốp.

Năm 1980, căn cứ nhu cầu phát triển của tình hình, Đặng quyết định chính thức đưa ra lời đánh giá lịch sử với Mao Trạch Đông. Sự đánh giá này đương nhiên không phải nhằm đưa Mao Trạch Đông đã xuống khỏi thần đàn trở lại thần vị, mà mục đích cuối cùng là Đặng muốn thông qua việc đánh giá Mao Trạch Đông để tỏ cho người đời biết rằng thế hệ lãnh đạo mới có cách làm khác Mao Trạch Đông ở những mặt nào, mà muốn chứng minh tính hợp lý của sự khác nhau đó, cần phải vạch ra những việc làm sai lầm không thích hợp của Mao Trạch Đông trước kia. So sánh sự đánh giá đó với việc ca tụng công đức của Mao Trạch Đông trong mấy chục năm qua, có đặc điểm nổi bật là chỉ ra rằng Mao Trạch Đông có khuyết điểm sai lầm, mà có những sai lầm nghiêm trọng. Nhưng mặc dù như vậy, khi khởi thảo nghị quyết đánh giá Mao, Đặng vẫn đề xuất

1, 2. Đặng tuyển. Quyển I, tr. 306, 223.

ba nguyên tắc lớn, trong đó điều "quan trọng nhất, căn bản nhất, then chốt nhất", mà trung tâm nhất lại là "giữ vững và phát triển tư tưởng Mao Trạch Đông"¹. Ông thẳng thắn chỉ ra rằng: "Bộ phận trình bày tư tưởng Mao Trạch Đông trong nghị quyết không thể không có. Đó không chỉ là vấn đề lý luận, mà quan trọng hơn là vấn đề chính trị, là vấn đề chính trị lớn trong nước và trên quốc tế. Nếu không viết hoặc viết không tốt phần đó thì chi bằng không ra nghị quyết"².

Tại sao "không viết hoặc không giữ vững tư tưởng Mao Trạch Đông, chúng ta sẽ phạm sai lầm lớn có tính lịch sử"?³.

Một là, "không đề ra tư tưởng Mao Trạch Đông, đánh giá không thỏa đáng về công lao và sai lầm của đồng chí Mao Trạch Đông thì giai cấp công nhân không chấp nhận, bản nông và trung nông lớp dưới thời cải cách ruộng đất không chấp nhận, đông đảo cán bộ có liên hệ với họ cũng không chấp nhận"⁴. Ba bộ phận đó là quần chúng cơ bản của Mao Trạch Đông. Trong lòng họ, Mao Trạch Đông là đại cứu tinh giúp họ vươn mình giải phóng. Nhất là trong lòng nông dân, hàng triệu, hàng chục triệu nông dân đối với hình ảnh Mao Trạch Đông đã được thần thoại hóa như là đối tượng sùng bái. Những chính khách dù to gan thế nào cũng không thể không suy xét tình hình thực tế đó. Đặng tình táo nhận rõ, nếu hủy hoại hình tượng Mao Trạch Đông trong lòng dân, thì chính quyền mới của ông coi như xây dựng trên bãi cát, những chính sách mang lại

1, 2, 3, 4. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 255, 263, 164, 262.

nhiều lợi ích cho nhân dân của ông sẽ không được nhân dân coi là phúc lành mà sẽ được coi là tà ác.

Hai là, lúc đó có một động thái chính trị rất đáng chú ý. Đặng đã nhắc nhở: "Hiện nay tàn dư của "nhóm bốn tên" và một số người có dụng tâm khác đang giương ngọn cờ của ai?" "đó là ngọn cờ Hoa Quốc Phong, ủng hộ Hoa Quốc Phong"¹. Ngọn cờ Hoa Quốc Phong có gì để giương? Bởi vì Hoa là người thừa kế được đích thân Mao Trạch Đông sắp xếp, trên vai vác lá cờ của Mao Trạch Đông. Đặng không đồng ý việc Hoa bảo vệ cách làm sai lầm cuối đời của Mao, nhưng nếu trong khi phê phán sai lầm của Mao, ông hoàn toàn phủ nhận Mao thì coi như đã trao lá cờ đỏ của Mao Trạch Đông cho đối thủ chính trị của mình. Một số người có dụng tâm khác sẽ dùng khẩu hiệu bảo vệ Mao Chủ tịch, ủng hộ Hoa Chủ tịch để thách thức tính hợp pháp của sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình.

Ba là, đúng như Morixơ Maixơna đã nói, Đặng Tiểu Bình và những người cộng tác của ông tuy có thấy sự cần thiết về chính trị là đưa Mao Trạch Đông làm tượng trưng cho sự hợp pháp cách mạng, "nhưng sự tán dương Mao Trạch Đông của họ quyết không chỉ là sự suy xét về hiện thực chính trị"². Tư tưởng Mao Trạch Đông đã giáo dục cả một thế hệ. Cả một thế hệ người cách mạng có Đặng Tiểu Bình trong đó đều đã bước lên vũ đài lịch sử dưới ngọn cờ tư tưởng của Mao Trạch Đông. Vận mệnh chính trị của họ

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 274.

2. "Trung Quốc thời Mao Trạch Đông và Trung Quốc sau thời Mao Trạch Đông", tr. 571, 573.

có mối liên hệ tự nhiên với tên tuổi Mao Trạch Đông, cho nên dù trong "cách mạng văn hóa" họ có bị phê phán vì sự sai lầm của Mao Trạch Đông, họ cũng không thể không tha thứ cho lãnh tụ vĩ đại. Lại bước lên vũ đài chính trị sau cách mạng văn hóa, dù đường lối mà họ chấp hành có khác với Mao Trạch Đông thế nào, họ cũng đều nhớ tới Mao Trạch Đông trong lịch sử. Nếu hoàn toàn phủ định Mao Trạch Đông thì ắt sẽ làm tổn thương đến cuộc cách mạng đã xây dựng trước đây và từ nay về sau của Trung Quốc, và cuối cùng lại như Khrushchốp, sẽ phủ định luôn cả chính mình nữa. Đặng rất tỉnh táo khi ý thức điều đó, nên ông nói "Bất kỳ lúc nào chúng ta cũng không được làm tổn hại đến hình tượng đồng chí Mao Trạch Đông trong toàn bộ lịch sử cách mạng huy hoàng của Trung Quốc, không được dao động trong nguyên tắc gương cao ngọn cờ tư tưởng Mao Trạch Đông. Chúng ta cần có sự giác ngộ đó, cần có nhận thức đó. Đó không chỉ là vì lợi ích của Đảng Cộng sản Trung Quốc, vì lợi ích của dân tộc Trung Hoa, mà còn vì lợi ích của phong trào cộng sản quốc tế"¹.

Theo nhu cầu của thực tiễn chính trị hiện hành, vừa cần phê phán sai lầm của Mao, vừa không thể vứt bỏ tư tưởng Mao Trạch Đông, công việc đó thật không dễ thực hiện. Nhưng Đặng vẫn thực hiện được và thực hiện thật tốt đẹp. Cách làm của ông là trước hết phân biệt tư tưởng Mao Trạch Đông và tư tưởng của bản thân Mao Trạch Đông. Tư tưởng Mao Trạch Đông là kết tinh trí tuệ tập thể, trong đó có phần cống hiến của Mao Trạch Đông nhưng không ngang bằng với tư tưởng của cá nhân Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông là người chứ không phải

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 243.

thần thánh, tư tưởng của bản thân ông có đúng đắn, nhưng cũng không tránh khỏi sai lầm. Thế là, Đặng tiến lên một bước, phân biệt tư tưởng Mao Trạch Đông với những sai lầm cuối đời Mao, "Tư tưởng Mao Trạch Đông là phần đúng đắn trong cuộc đời Mao Chủ tịch", "Sai lầm của đồng chí Mao Trạch Đông là ở chỗ đã đi ngược lại phần đúng đắn trong tư tưởng của mình"¹. Do đó, tư tưởng sai lầm của đồng chí Mao Trạch Đông không nằm trong tư tưởng Mao Trạch Đông. Nói ngược lại, kiên trì tư tưởng Mao Trạch Đông thì tất phải phê phán, sửa chữa những tư tưởng sai lầm cuối đời Mao. Phê phán những sai lầm cuối đời Mao, không những không phải là chặt gãy cờ mà là thực sự giương cao lá cờ tư tưởng Mao Trạch Đông.

Đặng nói: "Phân biệt tư tưởng Mao Trạch Đông với những tư tưởng sai lầm cuối đời Mao như vậy có thể tránh được rất nhiều hỗn loạn"². Ông dùng phương pháp đó để giải thích việc dẹp bỏ rối loạn, trở lại ổn định lúc đó, "tức là dẹp bỏ rối loạn do Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" gây ra, phê phán sai lầm cuối đời của đồng chí Mao Trạch Đông, trở về quỹ đạo của tư tưởng Mao Trạch Đông"³. Hoa Quốc Phong chủ trương "hai phạm là", "tức kiên trì tư tưởng sai lầm cuối đời của đồng chí Mao Trạch Đông một cách nguyên xi, không thay đổi"⁴. Tóm lại, Đặng nói: "Đường lối mà Trung ương mới kiên trì, là tư tưởng Mao Trạch Đông"⁵. Nếu nói hiện nay và trước kia có gì khác nhau thì đó chỉ là sự phát triển của tư tưởng Mao Trạch Đông.

1, 2, 3, 4, 5. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 306, 262, 325, 264, 264, 262.

1.19. LÊN ÁN "NHÓM BỐN TÊN" KHÔNG THỂ KHÔNG NHẮC TỚI TÊN TUỔI MAO TRẠCH ĐÔNG, NHƯNG "SAI LẦM CỦA MAO CHỦ TỊCH CÓ SỰ KHÁC NHAU VỀ TÍNH CHẤT VỚI VẤN ĐỀ LÂM BƯU VÀ "NHÓM BỐN TÊN"

Trong khi Đặng Tiểu Bình đánh giá về đúng sai, công tội của Mao Trạch Đông, còn kéo theo một quá trình khiến mọi người chú ý, tức là việc xử án công khai những tội lỗi của các thành viên chủ yếu trong hai tập đoàn phản cách mạng Lâm Bưu, Giang Thanh đã phạm phải trong thời kỳ "cách mạng văn hóa".

Trước kia, từ đầu 1979, Đặng Tiểu Bình đã tuyên bố "Phong trào quần chúng đã vạch trần và phê phán Lâm Bưu, "nhóm bốn tên" đã kết thúc thắng lợi trên phạm vi toàn quốc"¹. Sau hơn hai năm rưỡi, lại đưa hai tập đoàn phản cách mạng đó ra tòa án lịch sử, hành động đó rõ ràng có liên quan đến việc đánh giá Mao Trạch Đông đang được tiến hành lúc đó.

Đồng thời, Đặng còn triển khai hành động thứ ba, tức khai trừ đảng tịch của Khang Sinh, Tạ Phú Trị, và xóa bỏ lời điều trước kia đối với họ, công bố cho quần chúng biết những tội trạng nghiêm trọng mà họ đã phạm phải trong thời kỳ cách mạng văn hóa. Hai người đó đã chết như Lâm Bưu là những bị cáo vắng mặt, xuất hiện trong cuộc xử hai vụ án đó vì họ được coi là những thành viên quan trọng của hai tập đoàn phản cách mạng, trực tiếp tham gia những âm mưu hoạt động thoán đảng đoạt quyền của Lâm Bưu, Giang Thanh.

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 144.

Phê phán sai lầm cuối đời của Mao, xử án hai tập đoàn phản cách mạng Lâm Bưu, Giang Thanh, công bố hành vi nghiêm trọng của Khang Sinh, Tạ Phú Trị đều là những việc từ thời cách mạng văn hóa, là việc triệt để thanh toán hậu quả của cách mạng văn hóa, đồng thời cũng là để xác lập quyền uy lãnh đạo của thế hệ mới. Đó là những biện pháp cần thiết không thể không làm. Đặng Tiểu Bình phối hợp ba hành động đó với nhau, rõ ràng là có sức mạnh hơn việc chỉ đơn độc phê phán sai lầm của Mao Trạch Đông, mà làm như thế cũng tránh được sự quá tập trung sức chú ý của mọi người vào bi kịch cuối đời của Mao Trạch Đông.

Từ 26-9-1980, ngày Ban chấp hành trung ương thông tri về việc xử án hai tập đoàn phản cách mạng Lâm Bưu, Giang Thanh, Bộ Chính trị đã chỉ huy sát sao toàn bộ quá trình xét xử từ khi khởi tố đến khi tuyên án. Cục trưởng cục kiểm sát đặc biệt thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao Hoàng Hóa Thanh đã đọc bản khởi tố dài trước tòa án nhân dân tối cao, vạch rõ 4 tội trạng lớn của Lâm, Giang và 48 tội cụ thể, gồm có âm mưu thoán đảng, đoạt quyền mưu toan ám hại Mao Chủ tịch, bắt bớ và tra tấn phi pháp, bức hại hơn 70 vạn người, bức hại đến chết ba, bốn vạn người. Đặng Tiểu Bình cho rằng định tội như thế với Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" cũng không quá đáng, nhưng việc phê phán Mao Trạch Đông thì cần nắm vững mức độ. Công khai tố cáo những tội ác trên, gán tất cả tội lỗi cho hai tập đoàn phản cách mạng, rõ ràng là làm nhẹ đi trách nhiệm của Mao đối với trận hào kiếp của "cách mạng văn hóa", gây cho người ta một ấn tượng: So sánh với tội ác tày trời của Lâm Bưu, Giang Thanh, những sai lầm của Mao chỉ là sai lầm nhỏ của một nhà mácxít vĩ đại. Hai phương

thức "đấu tranh" khác nhau: Phê phán trong đảng và xét xử công khai tự bản thân chúng đã nói rõ: "Sai lầm của Mao Chủ tịch và vấn đề Lâm Bưu, "nhóm bốn tên" là khác nhau về tính chất"¹. Đặng nói với nhà báo Ý Pharaxi: Dù việc xét xử "nhóm bốn tên" không thể không nhắc tới tên tuổi Mao Chủ tịch, "nhưng xét xử "nhóm bốn tên" không thể ảnh hưởng tới Mao Chủ tịch"².

Mặc dù như vậy, muốn "tách rời hoàn toàn Lâm Bưu, đặc biệt là "nhóm bốn tên" ra khỏi Mao Trạch Đông vẫn có khó khăn. Nói tới "nhóm bốn tên", trong nước có người giơ lên 8 ngón tay, ngoài nước có người nói Mao Trạch Đông là bị cáo không được nêu tên; trong quá trình xét xử Giang Thanh càng không ngừng dựa vào quyền uy của ông chồng đã quá cố để biện hộ cho mình. Thậm chí bà ta còn nói: "Tôi chỉ là một con chó của Mao Chủ tịch, Chủ tịch bảo tôi cắn ai thì tôi cắn người đó".

Mọi loại dư luận và bóng gió đã ít nhiều có ảnh hưởng tới danh dự Mao Trạch Đông. Nhưng nếu xét tới việc trong Đảng vẫn còn một số người thấy không nên đánh giá đúng sai, công tội của Mao Trạch Đông một cách thực sự cầu thị, thì những ảnh hưởng ấy lại phục vụ tốt cho mục đích của Đặng Tiểu Bình là phê phán sai lầm cuối đời của Mao Trạch Đông. Làm xấu Lâm Bưu và "nhóm bốn tên", dù rằng có lợi hay không có lợi cho danh dự của Mao Trạch Đông nhưng đều có lợi cho uy tín của Đặng Tiểu Bình.

Dù rằng trên thực tế không dễ phân biệt, Đặng vẫn tuyên bố "cần phân biệt sai lầm của Mao Chủ tịch với tội

1, 2. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 303, 306.

ác của Lâm Bưu và "nhóm bốn tên"¹. Việc phân biệt của Đặng đại thể có mấy mặt sau:

1) Mao đã phạm những sai lầm chính trị không nhỏ, nhưng mặt khác, những sai lầm ấy lại bị Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" lợi dụng.

2) "Nhóm bốn tên" giương cờ Mao để làm việc xấu, nhưng Mao bất lực trong việc can thiệp, điều đó ông cũng có trách nhiệm.

3) Bi kịch của "cách mạng văn hóa" không thể do một mình Mao chịu trách nhiệm, có một số việc do Lâm Bưu, "nhóm bốn tên" tạo nên việc đã rồi, có một số là chúng làm nhân danh Mao, nhưng Mao có trách nhiệm trong việc sử dụng chúng.

Dựa trên sự phân biệt đó, 5 tháng sau khi tuyên án bốn đầu sỏ trong "cách mạng văn hóa" Lâm Bưu, Giang Thanh, Đặng công khai phát biểu kết luận lịch sử về Mao Trạch Đông. Bản án "cách mạng văn hóa" đã được định như vậy.

1.20. ĐÁNH GIÁ MAO TRẠCH ĐÔNG, VỪA THỰC SỰ CẦU THỊ, VỪA CÓ MỨC ĐỘ, PHÊ PHÁN SAI LẦM CUỐI ĐỜI CỦA MAO KHÔNG NÊN QUÁ PHẠM VI

Hai khó khăn mà Đặng Tiểu Bình gặp phải khi đánh giá Mao Trạch Đông là: Vừa phải kiên trì tư tưởng Mao Trạch Đông, lại phải phê bình sai lầm cuối đời của Mao Trạch Đông. Rõ ràng là, muốn cho "hai khó khăn" đạt tới

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 305.

"hai toàn vẹn", thì việc chỉ phân biệt trên nguyên tắc sai lầm nhảy cuối đời của Mao Trạch Đông với tư tưởng Mao Trạch Đông là không đủ, còn cần nắm vững vấn đề mức độ mang tính kỹ thuật nữa.

Khi bắt đầu nghĩ đến việc đánh giá Mao, Đặng chủ trương cần thực sự cầu thị, đánh giá công tội đúng sai của Mao một cách khách quan như thực. Kết quả phát hiện thấy trước năm 1957, sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông là chính xác, từ sau cuộc đấu tranh chống phái hữu năm 1957, sai lầm càng ngày càng lớn: Sai lầm mở rộng cuộc đấu tranh chống phái hữu năm 1957, sai lầm đại nhảy vọt năm 1958, sai lầm trong Hội nghị Lư Sơn năm 1959 và cuộc chống hữu khuynh sau đó, Mao Trạch Đông đều chịu trách nhiệm chính. Sai lầm trong mười năm "cách mạng văn hóa" so sánh với sai lầm trong mười năm trước "cách mạng văn hóa" là sai lầm nghiêm trọng mang tính toàn cục, đương nhiên Mao Trạch Đông cũng phải chịu trách nhiệm chủ yếu. Phân tích như thế, thì thấy trong hơn 40 năm lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc của Mao Trạch Đông, sai lầm đã chiếm 20 năm. Đặng dần dần thấy nói hết ra như thế thì quá nghiêm trọng. Sai lầm của Mao Trạch Đông có thể nói hết ra, nhưng làm sao còn gương cao ngạo cò tư tưởng Mao Trạch Đông được nữa? Vì vậy, cùng với nguyên tắc thực sự cầu thị, Đặng lại bổ sung thêm một nguyên tắc: Có mức độ.

Có mức độ tức là vấn đề độ, triết học gọi là giới hạn quyết định chất của lượng. Giống như nông dân đánh giá mùa màng, nếu năm nào thu hoạch được từ 5/10 trở xuống thì không thể gọi là năm được mùa. Đánh giá một nhân vật, nếu là người tốt, thì người đó có thể có sai lầm, khuyết điểm, nhưng không thể vượt quá 5/10. Thí dụ như

7/3 (7 phần thành tích, 3 phần sai lầm), 8/2, 6/4 thì coi là người tốt, còn như 3/7 chẳng hạn thì cơ bản là sự đánh giá phủ định. Với một người tốt, nếu đánh giá sai lầm vượt quá thành tích thì là sự đánh giá quá mức độ, quá phạm vi.

Đánh giá Mao Trạch Đông, vừa phải thực sự cầu thị, lại vừa phải có mức độ, có nghĩa là: Vừa phải chỉ ra đúng sự thực những sai lầm mà Mao Trạch Đông đã phạm phải, để chứng minh rằng hiện nay không làm theo như thế là đúng; lại phải nắm đúng tỷ lệ giữa đúng đắn và sai lầm, làm cho công lao chiếm hàng đầu, sai lầm chiếm hàng thứ hai. Nếu lại tính sai lầm lớn hơn công lao thì là quá mức độ, "sẽ tạo nên sự hỗn loạn về tư tưởng, dẫn tới sự không ổn định về chính trị" gây hậu quả nghiêm trọng¹.

Đặng hiểu rõ rằng đánh giá Mao Trạch Đông khác với đánh giá những người khác, nếu không nắm vững mức độ, viết quá mức về sai lầm của Mao "bôi nhọ đồng chí Mao Trạch Đông, thì cũng tức là bôi nhọ đảng ta, nhà nước ta"². Làm như vậy "chỉ gây tổn thương đến hình tượng Đảng và Nhà nước ta, chỉ gây tổn thương cho uy tín của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa, chỉ làm tan rã khối đoàn kết của toàn đảng, toàn quân và nhân dân các dân tộc trong toàn quốc"³.

Để nói có mức độ, không quá phạm vi về sai lầm của Mao, bảo đảm công lao chiếm hàng đầu, sai lầm chiếm hàng thứ hai, Đặng Tiểu Bình hầu như đã vận dụng mọi kỹ xảo văn chương.

1) "Nghị quyết" đánh giá Mao vốn dự định chỉ đề cập

1, 2, 3. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 284, 266, 325.

đến đoạn lịch sử 27 năm từ ngày lập nước. 27 năm đó theo sự đánh giá đã được công nhận, thì 7 năm đầu là đúng đắn, 10 năm trước "cách mạng văn hóa" thì đúng đắn và sai lầm ngang nhau, 10 năm "cách mạng văn hóa" là sai lầm mang tính toàn cục. Những sai lầm đó không thể không viết, nhưng viết như thế rất khó thể hiện là công lao của Mao Trạch Đông chiếm hàng đầu, sai lầm chiếm hàng thứ hai. Sau Trần Vân đề nghị thêm vào một chương nói về lịch sử đảng trước giải phóng, viết gộp cả 60 năm. Đặng thấy ý kiến đó rất tốt. Viết gộp cả 60 năm tuy vượt khỏi hạn chế của tiêu đề "từ ngày lập nước đến nay", nhưng "công lao và cống hiến của đồng chí Mao Trạch Đông sẽ được khái quát toàn diện hơn"¹. Làm như vậy có thể làm nhạt bớt sai lầm của 20 năm sau, khiến công lao của Mao Trạch Đông lớn hơn sai lầm rất nhiều.

2) Sai lầm viết một cách khái quát, trọng điểm đặt ở phần công lao. 20 năm sau, đặc biệt là 10 năm "cách mạng văn hóa" sai lầm không phải là nhỏ. Nếu viết ra tất cả, e rằng khó bảo đảm công lao là hàng đầu, nhưng lại không thể không viết. Thế là, Đặng dành tập trung giải quyết phương pháp viết, yêu cầu "viết một cách khái quát" về sai lầm, "nội dung chủ yếu, tập trung dành cho phần công lao". "Trọng điểm đặt trong phần tư tưởng Mao Trạch Đông là thế nào, những điều đúng đắn của đồng chí Mao Trạch Đông là gì"². Đặng phát hiện, cũng là viết về sai lầm, nhưng cách thể hiện thì nhiều. Thí dụ, cách viết miêu tả có lợi về phản ánh sự thực khách quan, nhưng khó bảo đảm có mức độ, nên ông chủ trương tránh lối viết miêu tả, mà tăng cường lối viết nghị luận. Ngay khi miêu tả sự

1, 2. Đặng tuyển. Quyển II, tr.267, 261.

thực, cũng chú ý lựa chọn phương pháp, thứ tự, đặc biệt là lời lẽ khi miêu tả, cách miêu tả thuần khách quan và trung tính rõ ràng là không thỏa đáng.

3) Sai lầm cũng có phần của người khác nữa. "Nói sai lầm, không nên chỉ nói đồng chí Mao Trạch Đông, những đồng chí phụ trách chủ yếu trong Trung ương cũng có sai lầm không nên tạo thành ấn tượng là mọi người đều đúng đắn, chỉ có một người sai lầm¹. Dù Mao phải chịu trách nhiệm chính về sai lầm, nhưng "không nên né tránh phần của chúng ta. Đưa cả "chúng ta" vào, làm cho số người phạm sai lầm nhiều lên, nhưng "chúng ta nhận một phần trách nhiệm, không có gì là xấu, mà lại có điểm tốt"². Một trong những điểm tốt, là để những người khác chia một phần trách nhiệm có thể làm giảm bớt phần sai lầm của Mao Trạch Đông. Hai là, những người lãnh đạo hiện nay chủ động nhận phần trách nhiệm, phê bình những sai lầm trước kia, thì càng đứng vững. Ba là, chúng ta có thể rút ra bài học từ đó, biến việc phê phán sai lầm của Mao thành việc tự phê bình trên một mức độ nhất định, để từ nay vĩnh viễn không tái phạm.

4) "Sai lầm đã bị hai tập đoàn phản cách mạng Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" lợi dụng"³. Để đoạt quyền, Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" đã lợi dụng sai lầm của Mao, đưa nhiều vấn đề đến chỗ cực đoan, hoặc giương lá cờ Mao để làm việc xấu, như vậy đã tạo nên hậu quả nghiêm trọng cho "cách mạng văn hóa". Hậu quả của "cách mạng văn hóa" không thể nói là Mao Trạch Đông không có trách nhiệm, "nhưng không phải chỉ do một mình đồng chí chịu trách nhiệm. Có một số việc do Lâm Bưu và "nhóm bốn

1, 2, 3. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 260, 273, 305.

trách nhiệm. Có một số việc do Lâm Bưu và "nhóm bốn tên" tạo thành chuyện đã rồi, có một số việc chúng làm sau lưng Mao"¹. Vì vậy muốn tính sổ, trước hết phải tính sổ với bọn phá hoại bên trong.

5) "Không nên quy kết mọi vấn đề vào phẩm chất cá nhân", "chế độ là nhân tố quyết định"². Người Trung Quốc khi đánh giá người, thường chú trọng nhân phẩm. Quyền uy của Mao Trạch Đông trong lòng nhân dân Trung Quốc chủ yếu là do cá tính và nghị lực của ông. Nếu quy kết sai lầm của Mao vào phẩm chất kém cỏi của ông thì sẽ rất dễ làm xấu Mao Trạch Đông, đồng thời cũng không có lợi cho việc chỉ ra sai lầm, hấp thu bài học. Đặng nhấn mạnh chế độ có tác dụng quyết định, nhấn mạnh phản tác dụng của hoàn cảnh đối với cá nhân, một mặt có thể làm nhạt bớt phần sai lầm của Mao Trạch Đông, giữ gìn được hình tượng của Mao, mặt khác có thể tổng kết những bài học của cách mạng văn hóa cho những người sau Mao, chuẩn bị cho việc triển khai cải cách thể chế kinh tế chính trị sau này.

6) "Sai lầm của Mao Chủ tịch là sai lầm về chính trị. Sai lầm đó không phải là nhỏ". Nhưng "không nêu sai lầm của đồng chí Mao Trạch Đông là sai lầm về đường lối"³. Đó cũng là vấn đề mức độ.

7) "Sai lầm mà đồng chí Mao Trạch Đông phạm phải, là sai lầm của một nhà cách mạng vĩ đại, sai lầm của một nhà mác xít vĩ đại"⁴ khác về nguyên tắc với tội ác của Lâm Bưu và "nhóm bốn tên".

8) "Sai lầm của đồng chí Mao Trạch Đông là ở chỗ đã

1, 2, 3, 4. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 265, 271, 305, 271.

đi ngược lại tư tưởng đúng đắn của mình"¹. Như vậy, dù Mao có phạm sai lầm nghiêm trọng cũng không phương hại đến tính đúng đắn của tư tưởng Mao Trạch Đông, không ảnh hưởng đến việc những người lãnh đạo hiện nay gương cao ngọn cờ tư tưởng Mao Trạch Đông.

Qua những công việc tỉ mỉ đó, cuối cùng Đặng đã đạt tới mục đích của mình: Vừa phê bình nghiêm túc những sai lầm của Mao Trạch Đông, vừa không vượt quá giới hạn, tức là khẳng định trong cuộc đời Mao Trạch Đông thì công lao lớn hơn sai lầm rất nhiều.

1.21. TẠI SAO TRUNG QUỐC DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG KHÁC VỚI TRUNG QUỐC DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA MAO? ĐẢNG NÓI: "CÓ NHỮNG ĐIỂM KHÁC, NHƯNG CÓ NHỮNG ĐIỂM VỀ NGUYÊN TẮC KHÔNG KHÁC"

Tháng 9-1986, nhà báo Mỹ Maico Oaxiutxo nêu câu hỏi với Đặng Tiểu Bình: Tại sao Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình khác với Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông? Đặng trả lời: "Có một số điểm khác, nhưng có những điểm về nguyên tắc không khác"².

Giải thích mối quan hệ giữa chính sách hiện hành với chính sách trước kia, thường có 3 phương pháp: Một là, khẳng định toàn bộ, tuyên bố mọi cái đều giống như cũ. Hai là, phủ định toàn bộ, tuyên bố mọi cái đều khác. Hai phương pháp trên dễ đưa mình vào chỗ bí. Phái "phàm là" của Hoa Quốc Phong dùng phương pháp mọi cái đều giống

1, 2. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 262, 174.

như cũ, nhưng sự thực họ không thể làm được mọi cái đều giống như Mao Trạch Đông, kết quả là tự mình mâu thuẫn với mình và lâm vào bị động. Trong lịch sử cũng không phải không có người tuyên bố là mọi cái đều khác trước. Cách làm đó ra vẻ rất cách mạng, nhưng không thể theo mãi được. Vì như thế có nghĩa là cách làm cũ từ nay sẽ đều không làm, cách nói cũ từ nay sẽ đều không nói. Mỗi cách làm, cách nói hiện nay đều ngược lại với trước kia. Nếu anh không thực hiện được như vậy thì sẽ tự mâu thuẫn; nếu anh gắng gượng thực hiện như vậy, thì khẳng định là sẽ rất nực cười. Nếu anh cứ lừa dối để làm cho được như thế, thì kết quả sẽ tuyệt đối bất lợi vì anh buộc phải cự tuyệt tiếp thu mọi cái trước kia.

Cách làm thứ ba tương đối thông minh là phủ định biện chứng, thừa nhận có những điểm khác, có những điểm không khác, không đối đãi một cách tuyệt đối, cần làm giống thì làm giống, cần làm khác thì làm khác, tất cả đều xuất phát từ nhu cầu thực tế của mình. Biện pháp này có thể giữ cho mình tính linh hoạt cực đại. Đặng Tiểu Bình dùng phương pháp này. Về mặt thực tiễn, ông nhấn mạnh sự khác nhau, trong công tác chính phủ, ông ra sức giữ sự nhất trí.

Muốn thực hiện được trong sự khác nhau có sự nhất trí cần phải thay đổi linh hoạt những di sản tư tưởng trước kia, có sự giải thích năng động, khiến nhu cầu của hiện thực ăn khớp với chính sách hiện hành.

Cuộc đấu tranh của Đặng Tiểu Bình với phái "phàm là" từ đầu đến cuối đều xoay quanh vấn đề hiểu tư tưởng Mao Trạch Đông như thế nào. Theo ý định của Đặng, phải giữ vững tư tưởng Mao Trạch Đông. Nhưng giữ vững như thế nào, giữ vững cái gì? Đặng nhấn mạnh phải hiểu tư

tướng Mao Trạch Đông một cách hoàn chỉnh đúng đắn, rồi đi sâu giải thích toàn bộ hệ thống tư tưởng Mao Trạch Đông thành 3 điểm cơ bản: Thực sự cầu thị, đường lối quần chúng, độc lập tự chủ. Đặng cho rằng như vậy là "giả thiết đúng đắn về tư tưởng Mao Trạch Đông, khôi phục bộ mặt vốn có của tư tưởng Mao Trạch Đông"¹.

Ba điểm trên đúng là những cái rất cơ bản trong tư tưởng Mao Trạch Đông, Đặng không hề tùy ý khuếch đại hay thu hẹp. Nhưng trong tư tưởng Mao Trạch Đông, những cái cơ bản phải chăng chỉ có ba điểm đó? "Đấu tranh giai cấp", bốn chữ đó là cái căn bản để Mao Trạch Đông bình thiên hạ, so với "đường lối quần chúng", vị tất đã kém căn bản, nhưng Đặng lại chỉ để ở một vị trí rất thứ yếu. Điều này rõ ràng là tính năng động chủ quan của người giải thích. Từ trong tư tưởng Mao Trạch Đông, Đặng tuyển chọn một cách năng động ba điểm căn bản để giữ vững, ba điểm đó là điểm cơ bản trong tư tưởng Mao Trạch Đông, đồng thời lại nhất trí với toàn bộ chính sách của Đặng Tiểu Bình. Điều đó thể hiện trong sự khác nhau có một số nguyên tắc không khác nhau.

Theo sự giải thích của Đặng Tiểu Bình, trong ba điểm cơ bản của tư tưởng Mao Trạch Đông, cái căn bản nhất lại là thực sự cầu thị. Gọi là thực sự cầu thị, tức là tất cả đều xuất phát từ thực tế, lý luận liên hệ với thực tế, kiểm nghiệm chân lý và phát triển chân lý trong thực tiễn. Bốn chữ đó cung cấp tính năng động rất lớn để Đặng Tiểu Bình linh hoạt vận dụng tư tưởng Mao Trạch Đông. Giữ vững nguyên tắc thực sự cầu thị coi như giữ vững sự cần thiết phải giữ vững, lại có sự cần thiết không giữ vững, tức là

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 208.

phát triển tư tưởng Mao Trạch Đông. Như vậy sẽ bảo đảm. Phàm những cái mà Đặng cần giữ vững thì đều là tư tưởng Mao Trạch Đông; phàm những cái Đặng phản đối thì đều không phải là tư tưởng Mao Trạch Đông.

Sau khi giải thích lại nội dung tư tưởng Mao Trạch Đông, Đặng tiến thêm một bước, phân biệt tư tưởng Mao Trạch Đông với tư tưởng của bản thân Mao và với tư tưởng cuối đời Mao. Tư tưởng Mao Trạch Đông với tính cách là tư tưởng chỉ đạo mà đảng cần giữ vững là kết tinh trí tuệ tập thể những nhà cách mạng lớp trước trong đó có Mao. Tư tưởng bản thân Mao Trạch Đông chia làm hai phần đúng đắn và sai lầm, phần đúng đắn nằm trong nội dung tư tưởng Mao Trạch Đông, phần sai lầm không nằm trong tư tưởng Mao Trạch Đông, bởi vì sai lầm của Mao chính là vì ông đã đi ngược lại sự đúng đắn của mình. Như vậy, giữ vững tư tưởng Mao Trạch Đông thì cần phải phê phán một cách hợp lý những sai lầm của Mao. Phê phán sai lầm của Mao, không phải là phủ định tư tưởng Mao Trạch Đông, mà là phát triển tư tưởng Mao Trạch Đông.

Mô thức vừa giữ vững vừa phát triển ưu việt hơn thuyết "phàm là" rất nhiều. Thuyết "phàm là" trong khi cấm người ta động đến tư tưởng Mao Trạch Đông, cũng tự trói buộc chân tay mình. Nó không thể giải thích được tại sao có lúc không làm giống như Mao Trạch Đông, một khi xuất hiện sự khác nhau thì lại tự xung đột với nguyên tắc của mình. Thuyết "phàm là" chỉ nói giữ vững, nên chỉ có một công năng phòng thủ. Vừa giữ vững vừa phát triển, thì có hai công năng vừa công vừa thủ, có thể tiến có thể lui. Nếu cách làm của mình giống với Mao thì có thể nói giữ vững, nếu không giống thì có thể nói phát triển. Đối

phó với sự tiến công từ phía hữu, thì dùng giữ vững đối với sự tiến công từ phía tả, thì dùng phát triển. Tóm lại là thuận cả hai tay, hoàn toàn chủ động theo ý mình.

Theo mô thức vừa giữ vững vừa phát triển thì cái gọi là "giữ vững" của phái "phàm là" chỉ là "giữ nguyên xi những tư tưởng sai lầm cuối đời của đồng chí Mao Trạch Đông"¹. Đó là sự giương cao giả một cách hình thức. "Còn cái mà trung ương chúng ta hiện nay giữ vững là tư tưởng Mao Trạch Đông" (như trên). Đó là sự giương cao thật, thực sự cầu thị. Đặng đã giải thích như sau về mối quan hệ giữa đường lối của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba về sau với tư tưởng Mao Trạch Đông: "Nói về rất nhiều mặt, hiện nay chúng ta vẫn đang làm những việc mà đồng chí Mao Trạch Đông đã nói, nhưng chưa làm, sửa lại những việc mà đồng chí đã phản đối một cách sai lầm, làm tốt những việc mà đồng chí chưa làm. Trong một thời kỳ khá dài từ nay về sau, vẫn còn làm những việc đó. đương nhiên chúng ta cũng có phát triển, và còn tiếp tục phát triển"².

Trong khi khởi thảo nghị quyết đánh giá Mao Trạch Đông, Đặng yêu cầu trong phần kết luận "viết một đoạn về tư tưởng Mao Trạch Đông mà chúng ta còn tiếp tục phát triển"³. Còn phát triển như thế nào, phát triển cái gì, cần dùng những lời lẽ có tính luận đoán để thể hiện trong toàn bộ nghị quyết. Cụ thể là, cần phải "viết vào trong nghị quyết là coi tư tưởng Mao Trạch Đông, tức những cái đã qua thực nghiệm và chứng minh là đúng, là kim chỉ nam

1, 2, 3. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 262, 264, 267.

cho công tác của chúng ta từ nay về sau", "Cần dùng những lời lẽ tương đối khái quát để viết về những nội dung chủ yếu của tư tưởng Mao Trạch Đông, đặc biệt là những nội dung mà từ nay về sau chúng ta còn cần tiếp tục quán triệt chấp hành "để tiện" cho người ta có ấn tượng thật rõ ràng là chúng ta giương cao ngọn cờ tư tưởng Mao Trạch Đông là gồm những nội dung gì"¹.

1.22. TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ XII, HOA BIẾN THÀNH MỘT ỦY VIÊN TRUNG ƯƠNG LẶNG LẼ KHÔNG TÊN TUỔI TRONG SỐ 348 ỦY VIÊN TRUNG ƯƠNG. VÀ ĐÃ HÌNH THÀNH THỂ CHẾ HỒ, TRIỀU, ĐẶNG, BA NGƯỜI CHIA NĂM ĐẠI QUYỀN VỀ ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN, QUÂN ĐỘI

Vừa đập tan xong "nhóm bốn tên", những ngôi vị cao nhất trong ban lãnh đạo tối cao Đảng Cộng sản Trung Quốc lần lượt là Hoa Quốc Phong, Diệp Kiếm Anh, Uông Đông Hưng, Lý Tiên Niệm. Trong bốn người thì Hoa và Uông là kiên trì phê phán Đặng. Diệp và Lý là những người đồng tình với Đặng. Những lực lượng chủ yếu thúc đẩy Đặng trở lại chính trường chủ yếu là những người ngoài Bộ Chính trị như Trần Vân, Vương Chấn. Qua việc đấu tranh của Trần, Vương, cộng thêm sự nỗ lực của bản thân Đặng, 9 tháng sau khi đập tan "nhóm bốn tên", Đặng được khôi phục các chức vụ trong Đảng, chính quyền và quân đội, chỉ có trong chức vụ Phó Chủ tịch Đảng không có

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 264, 256, 261.

hai chữ "thứ nhất". Vì vậy, vào tháng 8-1977, khi triệu tập Đại hội Đảng lần thứ XI, Đặng được xếp ở vị trí thứ ba trong năm ủy viên thường vụ. Hoa, Diệp, Đặng, Lý, Ưng. Kết cấu quyền lực của Đại hội XI, đương nhiên không có cách nào thực hiện được nguyện vọng của Đặng.

Từ khi được phục chức vào tháng 7-1977 đến khi triệu tập Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, trong thời gian hơn một năm đó "Đặng Tiểu Bình hầu như tiến lên rất chậm, nhưng mỗi bước tiến lên là một dấu chân. Đặng đã dần tập hợp được một lực lượng không thể đánh giá thấp"¹. Trong thời gian này, về chức vụ chính thức, phái "phàm là" của Hoa Quốc Phong rõ ràng chiếm ưu thế. Thể chế lãnh đạo truyền thống của Trung Quốc là chủ tịch đảng có quyền uy tuyệt đối, bất kỳ phó chủ tịch nào cũng không thể độ sức được. Những người mà Đặng dựa vào là ảnh hưởng thực tế trong Đảng, chính quyền, quân đội mạnh hơn Hoa rất nhiều, đặc biệt là sự phối hợp mạnh mẽ của Hồ Diệu Bang. Năm 1978, Đặng, Hồ liên kết phát động cuộc đại thảo luận về tiêu chuẩn chân lý. Cuộc thảo luận này và thành quả do nó đưa lại - hàng loạt cán bộ được giải phóng và sửa án oan, án giả, án sai. Những cán bộ bị bức hại trong cách mạng văn hóa và những tinh anh của giới trí thức đã trở thành những người kiên quyết ủng hộ Đặng.

Đến cuối năm 1978, lực lượng đã tập hợp được của Đặng đủ để phát động phản công vào phái "phàm là". Trước Hội nghị toàn thể Trung ương ba, khóa XI có một

1. (Mỹ) Davít Trương "Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình cây cột chống giữa dòng, tiếng tăm muôn đời", NXB Phát Thanh Trung Quốc, 1988, tr.140.

Hội nghị công tác trung ương, coi như hội nghị trừ bị. Trần Văn đã phát ngôn đầu tiên, nhằm vào cách mạng văn hóa, đã giành được sự hưởng ứng mạnh mẽ trong hội nghị. Chương trình làm việc của hội nghị đã phát triển theo phương hướng Đặng đã dự tính sẵn, từ chỗ phê phán sai lầm cuối đời của Mao đến chỗ chỉ trích sai lầm của Hoa Quốc Phong đã nêu ra "hai phạm là". Hoa Quốc Phong buộc phải tự phê bình, bắt đầu chuyển sang thế bị động về chính trị. Đặng đã đoàn kết và phân hóa phái nguyên lão có thực lực bên cạnh Hoa Quốc Phong, thậm chí Diệp Kiếm Anh và Lý Tiên Niệm cũng tham gia vào hàng ngũ Đặng.

Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khoá XI đã tiến lên, quyết định việc Hoa xuống Đặng lên. Một loạt người ủng hộ Đặng được vào Bộ Chính trị và Trung ương. Hội nghị bầu thêm Trần Văn là ủy viên Bộ Chính trị, thường vụ Bộ Chính trị và Phó Chủ tịch Đảng. Đặng có thêm một người bạn đồng minh đặc lực trong tầng lớp ra quyết sách. Hội nghị còn bầu thêm Đặng Đình Siêu, Hồ Diệu Bang, Vương Chấn làm ủy viên Bộ Chính trị, bầu thêm Hoàng Khắc Thành, Tống Nhậm Cùng, Hồ Kiều Mộc, Tập Trọng Huân, Vương Nhâm Trọng làm ủy viên trung ương. Những người ủng hộ Đặng chiếm đại đa số trong ban lãnh đạo Đảng. So sánh lực lượng hai phái Hoa - Đặng đã thay đổi căn bản. Đa số thành viên của phái "phạm là" tuy chưa chính thức bị giải trừ chức vụ trong Đảng, nhưng thực quyền do họ khống chế đã lặng lẽ bị chuyển sang tay người khác. Uông Đông Hưng, người có thực quyền lớn nhất bị miễn các chức vụ kiêm nhiệm, chỉ còn lại chức vị phó chủ tịch. Hoa Quốc Phong vẫn là Chủ tịch Đảng, nhưng phải để cho Hồ Diệu Bang, trợ thủ đặc lực của Đặng Tiểu Bình làm Chánh văn

phòng trung ương, phụ trách giải quyết công việc hàng ngày của Trung ương, khiến chức chủ tịch của Hoa trở thành hữu danh vô thực. Bản thân Đặng không thêm chức vụ nào, vẫn là Phó Chủ tịch, Phó thủ tướng, xếp sau Hoa. Nhưng Đặng đã nắm chắc quyền ra quyết sách về đại đa số vấn đề trong Đảng, đã trở thành người lãnh đạo tối cao trên thực tế của Đảng và Nhà nước.

Thời điểm Hoa Quốc Phong rời khỏi chức Chủ tịch Đảng và Thủ tướng Chính phủ xem ra chỉ còn là chuyện ngày tháng, nhưng Đặng chưa làm vội việc đó. Ông cứ giữ quan hệ với Hoa như Mao Trạch Đông với Trương Văn Thiên sau Hội nghị Tuân Nghĩa. Đó là vì Hoa Quốc Phong vẫn còn hợp tác về mặt chính trị, để ông ta giữ thêm một thời gian nữa chức vụ tối cao do Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai để lại cũng không có hại gì lớn, mà còn có điểm tốt. Trong Đảng Cộng sản Trung Quốc người nào cũng có thể bất thần rời khỏi chức vụ, riêng chỉ có Chủ tịch Đảng là không thể tùy tiện thay đổi. Thay đổi Chủ tịch sẽ rất dễ xuất hiện nguy cơ về tính hợp pháp, dẫn tới hậu quả chính trị khó lường. Vì vậy, Đặng phải áp dụng phương châm quá độ dần dần, để quần chúng trong và ngoài Đảng có một quá trình thích ứng tâm lý dần dần, để điều kiện chín muồi rồi sẽ thay đổi.

Sau Hội nghị toàn thể Trung ương 3, công tác dẹp loạn trở lại ổn định tiếp tục một năm nữa, phái "phàm là" chẳng còn bao nhiêu trận địa. Đến 2-1980, khi triệu tập Hội nghị toàn thể trung ương lần thứ tư, đa số thành viên phái "phàm là" bị triệt chức. Uông Đông Hưng phải buộc rời khỏi ghế phó chủ tịch, tiếp đến thị trưởng Bắc Kinh Ngô Đức, Phó Thủ tướng Trần Vinh Quý, Kỷ Đăng Khuê.

Chức vụ của họ được giao cho những người mà Đặng tín nhiệm. Hoa Quốc Phong vẫn là Chủ tịch Đảng, nhưng Đặng lại áp dụng một loạt biện pháp để tước bỏ thực quyền của Hoa. Đó là việc thành lập Ban Bí thư Trung ương, để Hồ Diệu Bang làm Tổng Bí thư. Tổng Bí thư thay thế chức vụ Chủ tịch Đảng. Chức vị Chủ tịch của Hoa Quốc Phong vốn không có bao nhiêu thực quyền - đến nay chỉ còn lại cái hư danh.

Mục tiêu tiếp sau là chức vụ Thủ tướng của Hoa. Tháng 8-1980, Hội nghị Quốc hội lần thứ 3, khóa V tiến hành điều chỉnh nhân sự, quyết định Hoa Quốc Phong thôi kiêm nhiệm Thủ tướng Chính phủ. Chức vụ Chủ tịch Đảng của Hoa vẫn được giữ nên mới có thể nói "thôi kiêm nhiệm" chức Thủ tướng. Để làm cho công việc hết sức quan trọng này không tỏ ra là việc triệt chức Hoa, mà chỉ là việc Hoa "thôi kiêm nhiệm", bản thân Đặng Tiểu Bình cũng làm một việc tương tự: ông và Trần Vân, Lý Tiên Niệm đồng thời tuyên bố thôi kiêm nhiệm chức vụ phó thủ tướng. Hoa và Đặng đồng thời bỏ chức vụ chính quyền, nhưng chức vụ Thủ tướng được chuyển sang tay Triệu Tử Dương, người thừa kế do Đặng Tiểu Bình tự tay lựa chọn.

Đavít Trương nói: "Đặng giành được thắng lợi về chính trị, nguyên nhân then chốt nhất là vì ông ta đã khuyến khích việc đánh giá lại Mao trong phong trào cách mạng cộng sản. Nếu không có bước quan trọng đó, thì phái ôn hòa thực tế của Đặng Tiểu Bình và đồng bọn sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc thay thế Hoa Quốc Phong"¹. Quá trình phê phán Mao cũng là quá trình phê phán Hoa.

1. "Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình", NXB Pháp Luật, 1991, tr. 33.

vì tính hợp pháp của Hoa phản ánh tính hợp pháp của Mao. Trong quá trình đang khởi thảo nghị quyết phê phán Mao, Đặng đã công khai nói với nhà báo ý Pharaxơ: Là một người lãnh đạo, Mao Trạch Đông "đã tự chọn người kế tục của mình, đó là cách làm theo kiểu phong kiến"¹ Đặng còn yêu cầu chép cả mấy năm sau khi đập tan "nhóm bốn tên" vào trong nghị quyết và phải chỉ tên Hoa Quốc Phong để chứng minh rằng thay đổi chức vụ của Hoa là có lý do.

Từ tháng 11 đến tháng 12-1980, chính đang ở cao trào phê phán Mao, Bộ Chính trị liên tục triệu tập 9 cuộc họp, kịch liệt phê phán những sai lầm có tính nguyên tắc của Hoa sau khi đập tan "nhóm bốn tên" và đề xuất ý kiến là năng lực của Hoa không đảm đương nổi chức vụ Chủ tịch Đảng. Hoa chịu sức ép nặng nề, buộc phải đưa ý kiến xin từ chức. Bộ Chính trị quyết định kiến nghị với Trung ương: đồng ý cho Hoa từ chức Chủ tịch Đảng, Chủ tịch Quân ủy, bầu Hồ Diệu Bang làm Chủ tịch Đảng, Đặng Tiểu Bình làm Chủ tịch Quân ủy. Tháng 6-1981, Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ 6 được triệu tập, điểm đầu tiên trong chương trình là thông qua "nghị quyết lịch sử" phê phán Mao, điểm thứ hai trong chương trình là thông qua đơn xin từ chức của Hoa, Hoa lặng lẽ rời khỏi chức vị Chủ tịch Đảng, nhưng Đặng vẫn giữ ông ta lại ở chức Phó Chủ tịch, để ông ta xuống từng nấc một. Một năm sau, trong Đại hội Đảng lần thứ XII, Hoa lại mất chức ủy viên Bộ Chính trị, trở thành một ủy viên trung ương lặng lẽ vô danh trong số 348 ủy viên trung ương. Cho tới tận bây giờ Hoa vẫn giữ vị trí danh dự đó.

Khi rời khỏi hai ghế Chủ tịch, Hoa đã đề nghị Đặng

2. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 306.

làm Chủ tịch Đảng. Nếu Đặng muốn làm, thì đương nhiên không có ai phản đối. Nhưng Đặng đã chủ động từ chối chức vụ đó, mà đưa trợ thủ đắc lực Hồ Diệu Bang lên đảm nhiệm. Theo nói lại, việc Hồ làm Chủ tịch Đảng, có sự dị nghị của những người lãnh đạo cao cấp trong Đảng và quân đội. Đặng không thể không ra sức thuyết phục các thành viên trong Bộ Chính trị và các cán bộ cao cấp của quân đội tiếp nhận sự sắp xếp đó. Điều này tỏ rõ, việc trúng tuyển của Hồ "phản ánh tính hợp pháp của Đặng chứ không phải tính hợp pháp của Hồ là người nấp sau Đặng"¹. Hồ vừa làm Tổng bí thư vừa kiêm chức Chủ tịch Đảng trong hơn một năm, đến tháng 9-1982, đại hội lần thứ XII quyết định chỉ đặt chức Tổng Bí thư, không đặt chức Chủ tịch Đảng. Hồ Diệu Bang liền lấy danh nghĩa Tổng Bí thư xuất hiện trong vị trí lãnh tụ Đảng.

Bộ Chính trị do Đại hội thứ XII bầu ra, theo thứ tự Hồ Diệu Bang, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Triệu Tử Dương, Lý Tiên Niệm, Trần Vân. Đại hội này còn đồng thời lập ra ba cơ cấu trung ương: ủy Ban Trung ương đảng do Hồ Diệu Bang làm Tổng Bí thư; ủy Ban kiểm tra kỷ luật Trung ương do Trần Vân làm bí thư thứ nhất; ủy Ban cố vấn trung ương do Đặng Tiểu Bình làm chủ nhiệm. Tiếp sau đó, Quốc hội khóa VI nhóm họp, ủy viên trưởng Diệp Kiếm Anh nhường chức cho Bành Chân, Lý Tiên Niệm làm Chủ tịch nước, Đặng Tiểu Bình làm Chủ tịch Hội đồng quân sự nhà nước, Triệu Tử Dương chính thức làm Thủ tướng Chính phủ. Đến đây, đã hình thành thể chế Hồ, Triệu, Đặng lãnh đạo toàn bộ sự nghiệp cải cách mở cửa của Trung Quốc trong những năm 80. Ba người chia nhau

1. Phœridorich C, Tai Phâyxo: "Từ Mao Trạch Đông đến Đặng Tiểu Bình", NXB trường đảng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, 1991, tr. 135.

nắm giữ đại quyền về đảng, chính quyền, quân đội, mà Chủ tịch Quân ủy Đảng Tiểu Bình được công nhận là "hạt nhân lãnh đạo tập thể của thể hệ này"¹.

Đảng Cộng sản Trung Quốc từ ngày do Mao Trạch Đông sáng lập, Chủ tịch đảng bao giờ cũng là Chủ tịch quân ủy. Cách làm một người hai chức đó xưa nay vẫn được coi là sự thể hiện nguyên tắc đảng chỉ huy súng. Đặng Tiểu Bình phân hai chức vụ Chủ tịch do Hoa Quốc Phong đảm nhiệm cho hai người, mà bản thân mình làm Chủ tịch Quân ủy chứ không làm chủ tịch Đảng. Làm như vậy để tỏ rõ, ông lờ Hoa Quốc Phong, người được Mao Trạch Đông chọn làm người thừa kế, xuống đài không phải là nhằm ngồi vào chiếc ghế Chủ tịch đảng cao vót. Đặng để chiếc ghế đó cho Hồ Diệu Bang, đương nhiên là do tin rằng Hồ sẽ trung thành thực hiện đường lối của mình. Nhưng Đặng phải đảm nhiệm chức Chủ tịch Quân ủy, để dễ phát huy tác dụng cầm lái, càng có quyền khống chế toàn cục diện.

Tổng Bí thư Đảng và Thủ tướng Chính phủ là công việc ở tuyến một. Đặng để cho hai người trẻ hơn là Hồ và Triệu đảm nhiệm hai công việc này, còn ông thì ngồi ở tuyến hai với cương vị là Chủ tịch Quân ủy, chỉ huy toàn bộ sự vận hành của Đảng và Chính phủ. Hình thức đó đối với Đặng tuy có chút danh bất chính, ngôn bất thuận, nhưng lại có hai điểm tốt. Trước hết là có lợi cho việc cân nhắc trẻ hóa trong tương lai. Hai là, vì đứng ở phía sau, có thể tránh được mọi nguy hiểm trong cuộc thí nghiệm vĩ đại là cải cách và mở cửa. Mỗi khi xuất hiện sóng to, gió lớn, toàn bộ ban lãnh đạo mới khỏi bị cuốn vào, người ở phía sau có thể phát huy tác dụng ổn định cục diện.

1. Hồ Thành chủ biên "Bảy mươi năm Đảng Cộng sản Trung Quốc", NXB Lịch sử Đảng Cộng sản Trung Quốc, 1991, tr. 510.

Phần thứ hai

MƯU LƯỢC PHÁT TRIỂN

2.1. "BẤT KỲ MÈO TRẮNG MÈO ĐEN, HỀ BẮT ĐƯỢC CHUỘT THÌ ĐỀU LÀ MÈO TỐT". THEO NÓI LẠI, ĐÓ LÀ CÂU MÀ LƯU BÁ THỪA, NGƯỜI CỘNG TÁC CŨ CỦA ĐẢNG THƯỜNG NÓI TRONG CHIẾN TRANH

Dầu thập kỷ 60, đại nhảy vọt, công xã nhân dân, ba phần thiên tai, bảy phần nhân họa, làm cho đời sống nhân dân toàn Trung Quốc điêu linh. Trong hội nghị Lư Sơn, Bành Đức Hoài nói: Nếu nhân dân Trung Quốc không tốt, thì họ đã vùng lên. Chính quyền mới chưa được củng cố, đứng trước một vấn đề vô cùng nghiêm trọng: Làm thế nào để khôi phục và phát triển sản xuất trong một thời gian ngắn?

Lúc đó Mao Trạch Đông đã rút về tuyến hai. Khó khăn đặt ra trước những người lãnh đạo tuyến một. Tổng Bí thư Đặng Tiểu Bình đề xuất: Vấn đề "vẫn là phải giải quyết từ quan hệ sản xuất, đó là phải phát huy tính tích cực của nông dân".

Thế thì "quan hệ sản xuất nên áp dụng hình thức nào là tốt nhất"? Đặng đề ra hai tiêu chuẩn: Một là, "Hình thức nào ở địa phương nào có thể khôi phục và phát triển sản xuất tương đối dễ dàng và nhanh chóng thì dùng hình thức đó". Hai là, "quần chúng muốn dùng hình thức nào thì áp dụng hình thức đó. Nếu không hợp pháp thì làm cho nó hợp pháp".

Để nói rõ ràng, thấu triệt lý lẽ về quan hệ sản xuất phải thích ứng với yêu cầu của lực lượng sản xuất, Đặng dùng một câu ngạn ngữ của nông dân Tứ Xuyên: "Bất kỳ mèo trắng mèo đen, hễ bắt được chuột thì đều là mèo tốt".

Theo nói lại, thì câu nói chân thực đó được Lưu Bá Thừa, người cộng tác cũ của Đặng thường nói trong chiến tranh. Trước kia đại quân Lưu - Đặng đánh đâu thắng đó, không có bí quyết gì "chỉ là không theo khuôn phép cũ, không theo cách thức cũ, mọi việc căn cứ vào tình hình, cốt đánh thắng là được".

Đặng rút ra kết luận hợp logic: "Nay muốn khôi phục sản xuất nông nghiệp, cũng phải xem tình hình, tức là về quan hệ sản xuất không thể chỉ hoàn toàn áp dụng một hình thức cố định, xem hình thức nào phát huy được tính tích cực của quần chúng thì áp dụng hình thức đó"¹.

"Lý luận con mèo" lần đầu tiên thách thức với tư tưởng chính thống: Tại sao cứ nhất định phải giữ hình thức cố định là công xã nhân dân? Khoán sản phẩm đến hộ, quy trách nhiệm đến từng thửa ruộng có thể phát huy tính tích cực của quần chúng, có lợi cho phát triển sản xuất, thì tại sao không áp dụng?

1. Đặng tuyển. Quyển I, tr. 305.

Khi nói câu đó, Đặng cũng cho rằng những ý kiến sơ bộ đó về sau có khả năng không áp dụng nữa. Trên thực tế, về sau không những không áp dụng, mà còn là chứng cứ tội trạng để bị đánh đổ hai lần. Những năm 60, bị quy thành "tên đầu sỏ thứ hai đi theo đường lối tư bản", những năm 70 biến thành "tên đi theo đường lối tư bản không chịu hối cải" đều có quan hệ đến "lý luận con mèo" đó.

Tháng 2-1976, từ miệng Mao Trạch Đông phát ra "chỉ thị tối cao", phê phán làn gió lật án hữu khuynh của Đặng: "Con người đó không nắm đấu tranh giai cấp, xưa nay không đề xuất vấn đề chủ yếu đó, vẫn cứ mèo trắng mèo đen, bất kể chủ nghĩa đế quốc hay chủ nghĩa Mác-Lênin".

Mao Trạch Đông vì "lý luận con mèo" của Đặng mà giam con người có tài trị nước đó vào lãnh cung, cũng không có gì lạ. Thực chất tinh thần của "lý luận con mèo" đã tỏ rõ sự khác biệt lớn về phương thức tư duy giữa Mao và Đặng.

Nhà nông nuôi mèo để bắt chuột. Trong con mắt vụ thực của nông dân Trung Quốc, miễn là bắt được chuột, thì màu lông của mèo dù trắng hay đen không có gì quan trọng. Lý lẽ giản đơn đó có thể gợi ý cho rất nhiều nhà lý luận xuất sắc về mối quan hệ giữa mục đích, thủ đoạn và hiệu quả. Bắt chuột là mục đích, số chuột bắt được là hiệu quả. Giữa mục đích và hiệu quả, có thể lựa chọn rất nhiều thủ đoạn, phương pháp, con đường. Mao Trạch Đông chỉ tin vào con đường cũ, không "nhất đại, nhị công" (lời khai quát của Mao, ý nói: một là quy mô lớn, hai là công hữu hoá - ND) thì không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội. Thay đổi thủ đoạn coi như vứt bỏ mục tiêu xã hội chủ

nghĩa. Đặng thì cho rằng để đạt tới mục tiêu xã hội chủ nghĩa có nhiều thủ đoạn, rút cục thủ đoạn nào là tốt nhất, cần xem hiệu quả thực tế của nó.

Có người chỉ trích "lý luận con mèo" không chọn thủ đoạn. Sao "lý luận con mèo" lại không chọn thủ đoạn? Chọn mèo thì xem nó có bắt được chuột không, đó chẳng phải là chọn thủ đoạn sao? Về mặt bắt chuột, thì màu lông và tiếng kêu của Mèo không cần phải lựa chọn. Có thể là trong những trường hợp khác, màu lông quan trọng hơn là bắt được chuột, thí dụ tầng lớp giàu có nhàn hạ nuôi vật cảnh thì cần chọn màu lông. Nhưng đó lại thuộc hệ thống đánh giá khác. Điều quan trọng là nông dân Trung Quốc hiện thời chưa có cơ sở vật chất để nuôi mèo từ góc độ thẩm mỹ, cái cấp bách trước mắt là giành lại lương thực khỏi miệng chuột, chứ không phải để nuôi mèo nhàn, mèo lười.

"Lý luận con mèo" thể hiện quy luật sinh tồn thiêng liêng: Chú trọng thực tế. Dù người khác hiểu thế nào, tình đời lúc hưởng ứng, lúc dè bủ ra sao, "lý luận con mèo" vẫn giữ nguyên bản sắc: "Chúng ta suốt đời nói chủ nghĩa Mác, kỳ thực chủ nghĩa Mác không có gì huyền bí, chủ nghĩa Mác là cái rất đơn giản, là lý lẽ rất đơn giản"¹.

"Lý luận con mèo" với sức mạnh lô gích đơn giản, sáng rõ không gì chống nổi đã mở rộng cánh cửa giải phóng tư tưởng, cải cách và mở cửa.

"Lý luận con mèo" tuyên bố thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm tra chân lý: Loại mèo nào đó có đáng

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 382.

nuôi không, then chốt không phải là xem nó có màu lông gì, cũng không phải xem nó do ai chọn, mà xem thực tiễn bắt chuột của nó. Thực tiễn chứng minh nó bắt được chuột thì nó là mèo tốt, đáng nuôi; thực tiễn chứng minh nó không bắt được chuột thì cho quỹ tha ma bắt nó đi.

"Lý luận con mèo" tuyên bố: Có lợi hay không có lợi cho phát triển sức sản xuất, là tiêu chuẩn chủ yếu để phán đoán là xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa: "Xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ trung tâm là phát triển sức sản xuất xã hội, mọi phương pháp có lợi cho phát triển sức sản xuất xã hội, bao gồm lợi dụng nguồn vốn và kỹ thuật nước ngoài, chúng ta đều áp dụng¹. "Rất nhiều người trong số họ (chỉ thế giới thứ ba) muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, tôi khuyên họ nên căn cứ vào tình hình của mình mà làm, muốn gọi là gì cũng được, miễn sao phát triển được sức sản xuất là tốt" (Ngày 16-9-1989, Đặng nói chuyện với vợ chồng Lý Chính Đạo).

Phóng viên Thời báo New York Bua Xơphi cho rằng "Lý luận con mèo" rõ ràng có nghĩa là "Để cho Trung Quốc năm 2000 đạt tới kỹ thuật hợp lý hóa, chuẩn bị tiếp thu kỹ thuật biện pháp, phát minh sáng tạo và ý kiến bất kỳ từ đâu tới nếu phương pháp đó yêu cầu vứt bỏ công xã của Mao và thay vào đó là phương pháp cạnh tranh và thu hoạch cá nhân, thì cũng làm như vậy"².

1. Đặng tuyên. Quyển III, tr. 130

2. "Đặng Tiểu Bình, qua con mắt nhân sĩ nước ngoài", NXB Hồng Kỳ, 1993, tr.29.

"Lý luận con mèo" là cơ sở lý luận để Đặng thiết kế chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc, cũng là xuất phát điểm toàn bộ trí tuệ mưu lược của ông.

2.2. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI MANG MÀU SẮC TRUNG QUỐC

Sau khi thời đại Đặng Tiểu Bình được xác định, vẫn tồn tại hai vấn đề: Có cần xây dựng chủ nghĩa xã hội không và xây dựng chủ nghĩa xã hội như thế nào.

Đặng "nhiều lần nhắc lại là phải kiên trì chủ nghĩa Mác, kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, nhưng chủ nghĩa Mác phải là chủ nghĩa Mác được kết hợp với thực tế Trung Quốc, chủ nghĩa xã hội phải là chủ nghĩa thích hợp với thực tế Trung Quốc, mang màu sắc Trung Quốc"¹.

Đặng cho rằng con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung Quốc do ông đề ra và con đường lấy nông thôn bao vây thành thị do Mao Trạch Đông đề ra đều là kết quả việc kết hợp giữa chủ nghĩa Mác với thực tế Trung Quốc đi theo con đường của mình. Để tăng thêm sức nặng cho lý luận mới, Đặng còn so sánh một cách sâu xa Đại hội VII đã xác định địa vị lịch sử của Mao Trạch Đông với Đại hội XII đã xác lập địa vị lịch sử của Đặng Tiểu Bình.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội, cần đi theo con đường của mình, xây dựng một chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 63.

của Trung Quốc, có căn cứ lập luận rằng chủ nghĩa xã hội không có một mô thức cố định. Đặng từng nói với Tổng thống Môđambích Xila Nua: "Mọi vấn đề trên thế giới không thể chỉ dùng một mô thức để giải quyết. Trung Quốc có mô thức của riêng Trung Quốc, Môđambích cũng nên có mô thức của riêng Môđambích. Nói một cách thẳng thắn, trước kia chúng tôi học theo mô thức chủ nghĩa xã hội của Liên Xô, đã gây ra rất nhiều chuyện"¹. Ở một mức độ nhất định, Mao Trạch Đông vì muốn tránh mô thức của Liên Xô nên đã làm cách mạng văn hóa. Đại cách mạng văn hóa cũng là một mô thức xã hội chủ nghĩa, nhưng nó là một mô thức "tả" nhất trong phong trào xã hội chủ nghĩa thế giới. Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khóa XI do Đặng Tiểu Bình lãnh đạo, đã triệt để vứt bỏ mô thức cách mạng văn hóa.

Sau khi phủ định mô hình cách mạng văn hóa, thì hoàn toàn khôi phục mô hình Liên Xô hay sẽ đi tìm con đường mới, cũng vứt bỏ mô hình Liên Xô. Đó là một vấn đề lớn. Hai phái cải cách và thủ cựu trong nội bộ Đảng Cộng sản Trung Quốc trên thực tế đã tranh luận về việc tiếp tục đi theo mô hình Liên Xô hay đi theo con đường của mình. Tư tưởng tả lúc đầu giữ khư khư mô hình cách mạng văn hóa, sau lại cố chấp duy trì mô hình Liên Xô. Đặng Tiểu Bình cho rằng dù mô hình Mao Trạch Đông hay mô hình Xtalin, sự thực chứng minh rằng đều không thành công. Sau khi đã chia tay với mô thức cách mạng văn hóa, lại chia tay với mô hình Liên Xô, cuối cùng đã đưa ra được một loạt chính sách cải cách và mở cửa.

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 261.

Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc đã khái quát toàn bộ hoạt động thực tiễn của người Trung Quốc trong thời đại Đặng Tiểu Bình và đã trở thành tên gọi lý luận của Đặng. Nhưng rút cục thế nào là chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc? Ngoài việc nhấn mạnh việc phát triển sức sản xuất, Đặng không đưa ra nhiều quy định khác. Điều này tỏ rõ bản thân chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc cũng không có mô hình cố định bất biến, nếu cứ muốn gọi là mô hình, thì có thể nói đó là một loại mô hình không cần có mô hình cố định nào. Điều theo đuổi duy nhất của nó là phát triển sức sản xuất hết sức nhanh, còn mọi điều khác đều có thể bàn. Dung lượng của mô hình đó đủ để dung nạp mọi cái có ích cho chúng ta từ trong chủ nghĩa tư bản thậm chí có thể giao thoa với khái niệm "chủ nghĩa tư bản mang màu sắc riêng của Trung Quốc".

Ý nghĩa của chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc không phải ở chỗ nó phát minh một định nghĩa gì mới về chủ nghĩa xã hội, mà ở chỗ nó là một ngọn cờ độc lập tự chủ, không bị bất kỳ sự gò bó nào, tự đi theo con đường phát triển riêng của người Trung Quốc. Giương cao ngọn cờ đó có thể khiến Trung Quốc không bị phụ thuộc vào cực nào trong thế giới hai cực, giữ được cá tính trong hành động của Trung Quốc. Nếu Trung Quốc vứt bỏ chủ nghĩa xã hội mà xây dựng chủ nghĩa tư bản thì như Đặng đã nói, Trung Quốc sẽ trở thành nước phụ thuộc vào các quốc gia phương Tây, vì chủ nghĩa tư bản ở Trung Quốc phát triển sau phương Tây. Mặt khác, nếu chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc không có màu sắc riêng của mình mà sao chép ở Liên Xô, thì Trung Quốc sẽ là vật phụ thuộc của

Liên Xô, vì chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc được xây dựng sau Liên Xô, Vừa kiên trì chủ nghĩa xã hội, lại vừa nhấn mạnh màu sắc riêng của Trung Quốc, có thể khiến Trung Quốc không bị phía nào chi phối, đồng thời lại có thể tiếp xúc với hạn độ lớn nhất với một khía cạnh nào đó; trong khi tiếp xúc có thể từ chối mọi cái bất lợi cho mình và tiếp nhận mọi cái có lợi cho mình.

Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc không những có tính tự chủ cao độ, mà còn có tính linh hoạt cực lớn có thể đối phó với khó khăn từ hai phía tả hữu. Nếu các vị ở phía tả chất vấn: Các anh làm thế này rút cục là chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa tư bản? Đặng có thể trả lời: Là chủ nghĩa xã hội, nhưng mang màu sắc Trung Quốc. Nếu phần tử tự do chủ nghĩa muốn mượn cố màu sắc riêng của Trung Quốc để làm bậy, Đặng có thể nhắc nhở: Chúng tôi là chủ nghĩa xã hội, không cho phép tự do hóa tư sản.

2.3. ĐẶNG KHÁI QUÁT NHIỆM VỤ CỦA TRUNG QUỐC TRONG MỘT THỜI GIAN LỊCH SỬ TƯƠNG ĐỐI DÀI TỪ NAY VỀ SAU BẰNG MỘT CÂU NÓI, ĐÓ LÀ: XÂY DỰNG HIỆN ĐẠI HÓA

Đầu năm 1979, cuộc đấu tranh với phái "phàm là" giành được thắng lợi quyết định, Đặng Tiểu Bình không để lỡ thời cơ, tuyên bố: Phong trào quần chúng vạch trần phê phán Lâm Bưu, "nhóm bốn tên" "đã kết thúc thắng lợi", trọng điểm công tác của toàn đảng và sức chú ý của toàn dân "từ năm nay nên chuyển sang xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa"¹.

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 144.

Việc di chuyển lớn về trọng tâm chiến lược là thành quả to lớn của việc triệu tập Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khoá XI và hội nghị công tác trung ương trước đó. Chương trình làm việc của hội nghị công tác trung ương do Hoa Quốc Phong định ra trước đó là bàn về công tác kinh tế. Đặng đề xuất vấn đề di chuyển trọng điểm được các ủy viên thường vụ nhất trí tán thành. Hoa không thể không đồng ý. Hoa thậm chí cho rằng tập trung tinh lực làm kinh tế càng tiện cho việc nêu chỉ tiêu cao mà ông ta từng ôm ấp, nên đề nghị của Đặng được coi là tư tưởng trung tâm của hội nghị và được thảo luận trước trong ba vấn đề kinh tế. Hoa không hiểu được rằng đề nghị về di chuyển trọng tâm của Đặng chỉ có thể thực hiện được khi phải sửa chữa sai lầm tả khuynh tồn tại từ nhiều năm nay. Kết quả là việc thảo luận về trọng điểm công tác đã dẫn tới những ý kiến gay gắt của các nhân vật cũ như Trần Vân là người kịch liệt phê phán sai lầm của cách mạng văn hóa và sai lầm cuối đời Mao Trạch Đông, do đó mà làm xoay chuyển phương hướng của hội nghị, biến hội nghị từ chỗ chỉ đơn thuần thảo luận vấn đề kinh tế sang chỗ bàn về dẹp loạn, trở lại ổn định và mở ra cục diện mới trên toàn cục. Trong phiên bế mạc, Đặng đã phát biểu bài nói mang tính kết luận là "Giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, đoàn kết nhất trí nhìn về phía trước".

Tiếp ngay sau đó, hội nghị toàn thể Trung ương được triệu tập đã căn cứ tinh thần bài nói của Đặng, nghiêm túc thanh toán sai lầm tả khuynh trong tư tưởng chỉ đạo của Mao Trạch Đông từ 1957 đến nay, đặc biệt là trong cách mạng văn hóa. Sai lầm tả khuynh của Hoa từ sau khi đập

tan "nhóm bốn tên" tự nhiên cũng nằm trong số bị phê phán. Trên cơ sở tổng kết bài học lịch sử, Hội nghị toàn thể đã đề ra phương châm cải cách mở cửa trong thời kỳ mới, xác định địa vị chỉ đạo của tư tưởng Đặng Tiểu Bình. Chính trên cơ sở đó, hội nghị toàn thể đã đưa ra quyết sách chuyển trọng điểm chiến lược từ vạch trần, phê phán "nhóm bốn tên" sang xây dựng hiện đại hóa.

Đặng coi Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba là bước ngoặt lịch sử. Ông nói: "Hội nghị toàn thể trung ương lần thứ ba không những đã giải quyết vấn đề 10 năm cách mạng văn hóa, mà trên một trình độ cao, đã giải quyết vấn đề trong hơn hai mươi năm"¹. Từ Đại hội VIII, đã đề ra mâu thuẫn giữa chế độ xã hội tiên tiến và sức sản xuất lạc hậu là mâu thuẫn chủ yếu, thực chất đó là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển kinh tế văn hóa với tốc độ nhanh với tình trạng kinh tế văn hóa không thỏa mãn được nhu cầu của nhân dân. Xác định mâu thuẫn chủ yếu như vậy, thì nhiệm vụ trung tâm của toàn dân tự nhiên là phát triển sức sản xuất, nâng cao mức sống của nhân dân. Nhưng đường lối của Đại hội VIII không được quán triệt chấp hành. Nguyên nhân là do chủ tịch đảng Mao Trạch Đông từ cuộc chống phái hữu năm 1957 không ngừng nêu bật tầm quan trọng của cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp, hai đường lối. Phong trào công xã nhân dân là cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, đại cách mạng văn hóa là cuộc đại cách mạng trong lĩnh vực thượng tầng kiến trúc, việc phát triển sức sản xuất bị coi nhẹ trong một thời gian dài. Trong cách mạng văn hóa, "phái tả luôn coi việc giải phóng toàn nhân loại là nhiệm vụ trung tâm của cách mạng,

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 206.

nhưng Đặng Tiểu Bình lại nhấn mạnh việc giải phóng sức sản xuất là nhiệm vụ trung tâm của cách mạng"¹. Cuộc đấu tranh giữa hai đường lối mà Mao Trạch Đông đẩy lên rất cao trên thực tế là sự bất đồng giữa chủ trương coi đấu tranh giai cấp là chủ yếu hay lấy việc phát triển sức sản xuất là trung tâm. Vì vậy, bước ngoặt mà Hội nghị toàn thể Trung ương ba hoàn thành, không phải là sự di chuyển trọng điểm công tác nói chung, mà là "sự chuyển đổi từ lấy đấu tranh giai cấp làm chủ yếu chuyển sang lấy phát triển sức sản xuất làm trung tâm, từ đóng cửa chuyển sang mở cửa, từ bảo thủ cứng nhắc chuyển sang cải cách về các mặt"². Nói đó là bước ngoặt có tính chất vạch thời đại cũng không có gì là quá đáng.

Sau Hội nghị toàn thể Trung ương ba, Đặng Tiểu Bình khái quát nhiệm vụ chủ yếu của Trung Quốc trước mắt và trong một thời kỳ lịch sử tương đối dài bằng một câu, đó là: xây dựng hiện đại hóa, là nhiệm vụ chính trị lớn nhất trước mặt của chúng ta³. Đặng áp dụng phương pháp truyền thống để luận chứng về cương lĩnh mới của ông: "Trình độ phát triển sức sản xuất của chúng ta rất thấp, còn xa mới thoả mãn được nhu cầu của nhân dân và nhà nước, đó là mâu thuẫn chủ yếu trước mắt của chúng ta, giải quyết mâu thuẫn chủ yếu này là nhiệm vụ trung tâm của chúng ta"⁴. Do đó, nhân dân Trung Quốc đã kết thúc thờ ơ hàng ngày, hàng tháng, hàng năm đều nói

1. (Anh) Giôncatna " Người thừa kế Mao Trạch Đông" từ "Những ngôi sao của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong con mắt người nước ngoài". NXB Nhân Dân Tứ Xuyên, 1991, tr. 302.

2. Đặng tuyển. Quyển III. tr. 269.

3, 4. Đặng tuyển. Quyển II. tr. 148-149, tr.168.

đấu tranh giai cấp, bắt đầu thời đại di hoà vi quý, di dân vi bản, di thực vi tiên.

2.4. SAU KHI XEM XONG "DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TRƯỚC ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIII", ĐẢNG ĐÃ PHÊ: "BẢN THIẾT KẾ NÀY TỐT"

Nếu nói "chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc" là định vị không gian của Đảng về chủ nghĩa xã hội, thì "giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội" là định vị thời gian của Đảng về chủ nghĩa xã hội.

Ngày 21-3-1987, những người khởi thảo báo cáo Đại hội lần thứ XIII đưa trình Đảng bản "Dự thảo đề cương báo cáo trước Đại hội lần thứ XIII", đã lấy giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội làm căn cứ lập luận cho toàn bộ báo cáo, để thuyết minh chiến lược phát triển kinh tế và cải cách thể chế kinh tế, chính trị. Đảng xem xong liền phê: "Bản thiết kế này tốt".

Bản thiết kế này tốt, giống như "chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc" là vừa có hiệu lực chống tả, vừa có hiệu lực chống hữu. Giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, khái niệm ấy có hai hàm nghĩa:

Một là, Trung Quốc đã là một xã hội xã hội chủ nghĩa, không thể tách rời con đường xã hội chủ nghĩa. Hai là, Trung Quốc vẫn còn trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, không thể vượt khỏi thực tế của giai đoạn đầu.

Đảng từng phát hiện: "Có một số ít đồng chí cho rằng, xã hội của chúng ta có phải là xã hội xã hội chủ nghĩa

không, có nên và có thể thực hiện chủ nghĩa xã hội không. thậm chí đảng chúng ta có phải là đảng vô sản không. Tất cả đều là vấn đề"¹. Trả lời ý đầu tiên trong cách đề xuất trên là không khó. Chủ nghĩa xã hội của Trung Quốc dù thấp như thế nào thì vẫn là chủ nghĩa xã hội, dù nó có thấp hơn chủ nghĩa tư bản một bước, thì Đặng vẫn bảo lưu sự khác nhau đó, nếu không như vậy thì đề xuất giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội sẽ không có ý nghĩa gì.

Các đồng chí đó thấy sự miêu tả về giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội trong báo cáo không khác bao nhiêu với chủ nghĩa dân chủ mới của Mao Trạch Đông thì thất vọng, than thở: "Vất vả mấy chục năm, lại trở về thời kỳ trước cải tạo". Kỳ thực, đó cũng là một sự hiểu sai. Lùi hay không không phải ở tên gọi, mà giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội chỉ là gọi đúng tên chủ nghĩa xã hội hiện thực. Danh không chính thì ngôn không thuận, ngôn không thuận thì việc không thành. Chỉ có dùng giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội để xác định tính chất và trình độ phát triển hiện nay của xã hội Trung Quốc thì mới có thể kiên trì một cách danh chính ngôn thuận việc cải cách và mở cửa trong gần 10 năm nay.

"Bản thân chủ nghĩa xã hội là giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, mà Trung Quốc chúng ta lại ở vào giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội"² Đề xuất vấn đề như vậy, chủ yếu là nhằm vào bệnh nóng vội tả khuynh muốn đốt cháy giai đoạn tồn tại trong một thời gian dài. Đặng phát hiện những người cách mạng rất dễ mắc bệnh nôn nóng, Trung Quốc trước kia đã phạm sai lầm nôn nóng, từ năm

1.2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 42, 252.

1957 đã bắt đầu tả, đại cách mạng văn hoá là cực tả. Một trong những biểu hiện tả là "những chính sách định ra đã vượt khỏi giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội"¹.

Tại sao Trung Quốc xây dựng chủ nghĩa xã hội mấy chục mà vẫn trong giai đoạn đầu? Là bởi vì sức sản xuất không phát triển, một nghèo hai trắng. Nghèo khổ tuyệt đối không phải là chủ nghĩa xã hội. "Tuy nói chúng ta đang xây dựng chủ nghĩa xã hội nhưng thực tế vẫn chưa đúng". "Cho tới tận cuối thế kỷ này, chúng ta vẫn ở trong giai đoạn thoát ra khỏi nghèo nàn"². Chỉ tới giữa thế kỷ sau, đạt tới trình độ một nước phát triển trung bình, mới có thể nói là thực sự có chủ nghĩa xã hội³.

Giai đoạn chưa phát triển là giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, đạt tới trình độ nước phát triển trung bình, đại thể có thể tính là giai đoạn giữa của chủ nghĩa xã hội, muốn đạt tới trình độ nước phát triển, còn cần bao nhiêu năm nữa? Lúc đó sẽ là giai đoạn cao của chủ nghĩa xã hội. Mà đạt tới giai đoạn cao của chủ nghĩa xã hội, cũng vẫn là giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, chứ chưa phải là xã hội cộng sản. Xem ra, lý tưởng cộng sản vẫn ở bờ bên kia, điều đó làm cho người ta thấy quá mệt mỏi. Nhưng cũng có điểm tốt: Không bị những nguyên tắc của xã hội lý tưởng còn lâu mới đạt tới được ấy làm nhiều mà đứng vững chân trên mảnh đất hiện thực. Vì hiện nay vẫn còn ở giai đoạn đầu của giai đoạn thấp, nên mọi nhân tố phi xã hội chủ nghĩa, phi cộng sản chủ nghĩa, nếu có lợi cho việc phát triển sức sản xuất thì đều có lý do tồn tại. Điều này rõ

1, 3. Đặng tuyền. Quyển III, tr.269, 225.

2. Đặng Tiểu Bình "Xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc", Nhân Dân xuất bản xã, 1987, tr. 159.

chân trên mảnh đất hiện thực. Vì hiện nay vẫn còn ở giai đoạn đầu của giai đoạn thấp, nên mọi nhân tố phi xã hội chủ nghĩa, phi cộng sản chủ nghĩa, nếu có lợi cho việc phát triển sức sản xuất thì đều có lý do tồn tại. Điều này rõ ràng là sự phủ định căn bản đối với mô hình thuần túy xã hội chủ nghĩa mà trước kia đã cố tình theo đuổi trong một thời gian dài.

2.5. VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, TRƯỚC KIA CHÚNG TA KHÔNG LÀM RÕ. NAY ĐẶNG ĐÃ LÀM RÕ: "ĐẶC ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG PHẢI LÀ NGHEO, MÀ LÀ GIÀU"

Đặng nói, với chủ nghĩa xã hội, trước kia chúng ta không làm rõ. Nay Đặng đã làm rõ: "Đặc điểm của chủ nghĩa xã hội không phải là nghèo, mà là giàu"¹.

Đặng có thể dùng một chữ "giàu" để định nghĩa chủ nghĩa xã hội, cương lĩnh thực hành chính trị của ông là trị tận gốc bệnh nghèo nàn, làm cho nước giàu, dân giàu. Khi phê phán làn gió lật án hữu khuynh của Đặng, "nhóm bốn tên" vu cáo một cách ghê sợ: "Đặng Tiểu Bình lên đài thì hàng triệu, hàng chục triệu đầu người sẽ rơi xuống đất". Quần chúng hiểu rõ Đặng liên đổi "đầu người" thành "đầu lợn", đổi câu nói thành: "Đặng Tiểu Bình lên đài thì hàng triệu, hàng chục triệu đầu lợn sẽ rơi xuống đất", ý nói Đặng lên đài thì nhân dân sẽ có thịt ăn, đời sống sẽ giàu có lên. Tại sao Đặng bị đánh hai lần mà không đổ? Bởi vì

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 265.

lý luận về làm cho nước giàu, dân giàu đã đi sâu vào lòng người.

Sự phát triển lớn nhất của Đặng đối với tư tưởng Mao Trạch Đông là đã liên hệ chặt chẽ chữ "giàu" với nguyên tắc thiêng liêng của chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội theo mô hình cách mạng văn hóa, nói toạc ra là "muốn mọi người yên tâm với nghèo nàn lạc hậu"¹. Phái tả tạo nên một không khí: Nghèo là vinh dự, giàu là có tội. Họ cho rằng nghèo tốt hơn giàu. Đương nhiên, không phải là chống lại việc đất nước giàu mạnh, nhưng họ cảm thấy nhân dân không nên giàu quá. Lý do là con người, loại quái vật đó càng nghèo thì càng cách mạng, càng giàu thì càng phản động (biến thành xét lại). Để bảo đảm cho tiềm lực cách mạng vĩnh viễn không bị khô kiệt, cần phải thực hiện chính sách làm nghèo dân. Kết quả là càng nghèo càng cách mạng, càng cách mạng càng nghèo, cách mạng khiến dân nghèo, nước cũng nghèo. Đặng tin rằng dân giàu thì nước mới mạnh, vì vậy ông không sợ dân giàu lên mà khuyến khích nhân dân làm giàu, tuyên bố "làm giàu không phải là tội lỗi"². Chính sách làm cho dân giàu đó, chưa nói tới việc làm cho một số người giàu lên trước, mà chỉ "cho nhân dân giàu" cũng đã là một sự đổi mới quan trọng, là sự phủ định căn bản với mô hình chủ nghĩa xã hội nghèo nàn của "cách mạng văn hóa", là sự đoạn tuyệt triệt để với quan điểm giá trị an bản lạc đạo từ mấy ngàn năm nay.

"Từ kinh nghiệm 20 năm 1958-1978, chúng ta được biết: "Nghèo nàn không phải là chủ nghĩa xã hội, chủ

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 228, tr. 172.

nghĩa xã hội cần tiêu diệt nghèo nàn"¹. Những lý lẽ mà ông Đặng nhắc đến, có thể tìm thấy trong giáo trình của học sinh trung học: Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu tiên của chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa cộng sản là xã hội mà sản phẩm vật chất cực kỳ dồi dào. Vì vậy, nhiệm vụ chủ yếu của chủ nghĩa xã hội là phát triển sức sản xuất, làm cho sản phẩm xã hội không ngừng tăng lên, đời sống của nhân dân ngày càng tốt lên, tạo điều kiện để tiến sang xã hội cộng sản. Thời kỳ cách mạng văn hóa, "nhóm bốn tên" đề xuất thà là chủ nghĩa xã hội nghèo nàn, còn hơn chủ nghĩa tư bản giàu có. Đặng giận dữ bài xích: "Thật là cực kỳ nhảm nhí! Sao có thể có thứ chủ nghĩa xã hội nghèo?"

"Nếu chủ nghĩa xã hội cứ nghèo nàn mãi thì nó không thể đứng vững được"² Theo Đặng, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trước hết biểu hiện ở tốc độ và hiệu quả phát triển kinh tế. Không có điều đó, thì khoác lác cũng không có tác dụng gì. "Nếu trong một thời kỳ lịch sử rất dài, tốc độ phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa chậm hơn các nước tư bản chủ nghĩa, thì còn nói gì đến tính ưu việt nữa"³

Đặng cảm thấy đau lòng trước tình trạng Trung Quốc trong một thời gian dài ở trong cảnh nghèo nàn, đình trệ. Một lần, ông nói với Kim Nhật Thành: "Chúng ta đã làm cách mạng mấy chục năm, xây dựng chủ nghĩa xã hội hơn 30 năm, mãi tới năm 1978, lương tháng bình quân của công nhân chỉ có 40,50 đồng, đại đa số nông thôn vẫn trong tình trạng nghèo nàn, thì gọi thế nào là tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội"⁴. Ngược lại với cách làm của Mao Trạch Đông luôn động viên các nước thuộc thế giới thứ ba

1, 4. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 116, tr.10.

2, 3. Đặng tuyển. Quyển II. tr. 176, 123.

xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đặng nhiều lần khuyến cáo người lãnh đạo các nước đó: "Ngày nay, không nên vội xây dựng chủ nghĩa xã hội", sau khi cách mạng thắng lợi, không nên xây dựng ngay chủ nghĩa xã hội¹. Xem ra, Đặng tán thành quan điểm của Lưu Thiếu Kỳ là "củng cố trật tự chủ nghĩa dân chủ mới". Sau khi cách mạng thắng lợi, Trung Quốc không dừng bao lâu ở giai đoạn dân chủ mới mà vội vàng tiến lên chủ nghĩa xã hội, Đặng tỏ ra ít nhiều hối tiếc. Nay Trung Quốc đã xây dựng chủ nghĩa xã hội hai ba mươi năm, dù làm không tốt, cũng không thể lui lại được. Biện pháp duy nhất là trong cái khung xã hội chủ nghĩa, phải phát triển sức sản xuất, nhanh chóng thoát khỏi nghèo nàn, tiến lên giàu sang, làm cho chủ nghĩa xã hội còn chưa hợp cách trở thành hợp cách. Cho nên Đặng nhấn mạnh nhiều lần: Phát triển sức sản xuất là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của chủ nghĩa xã hội, là "nhiệm vụ trung tâm trong toàn bộ giai đoạn lịch sử của chủ nghĩa xã hội"².

Đặng còn vô cùng đau đớn phê bình Mao Trạch Đông là một lãnh tụ vĩ đại "có một khuyết điểm lớn, là coi nhẹ phát triển sức sản xuất"³.

2.6. TRONG MUỐI MẤY NĂM NAY, TỔNG THIẾT KẾ SƯ ĐÃ KHÉO LÉO THIẾT KẾ RA NHIỀU TÁC PHẨM HẤP DẪN TRONG ĐÓ TÁC PHẨM HÙNG VĨ NHẤT LÀ MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC "ĐI LÀM BA BƯỚC"

Từ ngày nắm chính quyền đến nay, ông Đặng không tiếp nhận một danh hiệu nào kiểu như người cầm cờ, người

1, 2, 3. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 290, 255, 225.

cầm lái, thống soái, người thầy, mà chỉ giữ một tên gọi có tính kỹ thuật là tổng thiết kế sư. Nếu nói rằng việc xây dựng hiện đại hóa của Trung Quốc là một công trình về hệ thống xã hội phức tạp cần có một người bố cục tổng thể về chiến lược, thì tác dụng của ông Đặng đúng là tương đương với vị tổng thiết kế sư đó.

Trong mười mấy năm nay, tổng thiết kế sư đã khéo léo thiết kế ra nhiều tác phẩm hấp dẫn trong đó tác phẩm hùng vĩ nhất là mục tiêu chiến lược "đi làm ba bước". Bước thứ nhất, những năm 80 sẽ tăng gấp đôi tổng sản lượng, sản phẩm quốc dân bình quân đầu người đạt tới 500 đôla. Bước thứ hai, đến cuối thế kỷ, lại tăng gấp đôi tổng sản lượng sản phẩm quốc dân bình quân đạt 1000 đôla. Bước thứ ba, đến giữa thế kỷ sau, lại tăng gấp bốn lần, đạt tới 4000 đôla.

Ba bước cần tới 70 năm, tính từ cơ sở ban đầu tăng lên 16 lần, sản phẩm bình quân tăng 16 lần, 16 lần là một con số kinh người. Bấy nhiêu đôla có nghĩa thế nào? Đặng diễn đạt hàm nghĩa của những con số bằng hình thức mà những người dân bình thường thích nghe: Bước thứ nhất giải quyết vấn đề ăn no mặc ấm. Bước thứ hai là xã hội ở mức trung lưu có mức sống thoải mái. Bước thứ ba đạt tới trình độ nước phát triển trung bình, có một vai trò nhất định trên thế giới.

Thiết kế tổng thể về chiến lược có tầm quan trọng lớn lao đối với việc tiếp cận giá trị của hệ thống lớn phức tạp. Nhiều thiết kế khác của ông đều lấy tổng thiết kế này làm căn cứ, thí dụ như Hương Cảng trở về với Trung Quốc trong 50 năm không thay đổi, chống tự do hóa tư sản ít nhất phải tiến hành 50 năm, đường lối cơ bản 100 năm

không thay đổi, giáo dục phải "hướng về ba mặt" (tức: hướng về hiện đại hóa, hướng ra thế giới, hướng về tương lai - ND), khoa học kỹ thuật là sức sản xuất thứ nhất...

Thiết kế của Đặng lấy "giá trị sản lượng quốc dân" tính theo đồng đôla làm chỉ tiêu. Do đó bức vẽ được đưa ra khác với trước nhiều. Chiến lược phát triển trước kia dùng "giá trị tổng sản lượng công nông nghiệp", đơn thuần nhấn mạnh sản lượng của sản phẩm chủ yếu và thứ tự của nó trên thế giới, coi thường hai tham số quan trọng là hiệu quả kinh tế và mức sống nhân dân, có lúc giá trị sản lượng tăng lên nhưng không tiến được bao nhiêu về hiện đại hóa, có lúc còn không phát triển theo hướng hiện đại hóa. "Tổng giá trị sản lượng tính theo đầu người" phản ánh toàn diện tổng thể đời sống nhân dân bao gồm phúc lợi vật chất và phúc lợi phi vật chất như giáo dục văn hóa tinh thần và sử dụng thời gian nhàn rỗi. Quan trọng hơn là phương pháp này "đã liên hệ chặt chẽ giá trị sản lượng bình quân đầu người và hệ số tăng trưởng cao với sự cải biến kết cấu kinh tế"¹. Đặng dùng "tổng giá trị sản lượng bình quân đầu người" làm thước đo đánh giá trình độ phát triển hiện đại hóa của Trung Quốc, coi như đã coi hiệu quả kinh tế và mức sống của nhân dân chiếm địa vị chiến lược. Trung Quốc đáng tự hào vì có sản phẩm phong phú, nhưng vì nhân khẩu đông nên trữ lượng tài nguyên bình quân đầu người kém xa các nước phát triển, do đó biện pháp không tính đến lượng tiêu hao đơn thuần đưa vào sản xuất dù sao cũng không theo kịp các nước phát triển, chỉ có việc

1. (Mỹ) Simon Cudoniep "Tăng trưởng kinh tế của các nước", NXB Thương Vụ, 1985, tr.371.

nâng cao hiệu quả kinh tế trên cơ sở tiến bộ khoa học kỹ thuật và cải cách cơ cấu mới mong đưa thực lực kinh tế của Trung Quốc vào hàng ngũ các nước tiên tiến trên thế giới. Ông đặc biệt chú trọng nhân tố hiệu quả kinh tế, có thể coi là đã tìm thấy phương pháp duy nhất để hiện đại hóa Trung Quốc. Định ra nhân tố mức sống nhân dân, phản ánh mục tiêu cuối cùng của ông Đặng là phú quốc lợi dân trong đồ án hiện đại hóa của mình, để có thể động viên tới hạn độ lớn nhất tính tích cực và tính sáng tạo của nhân dân. Nhấn mạnh "bình quân đầu người" là đã suy nghĩ đầy đủ về đặc điểm đông dân của Trung Quốc; còn tính toán theo đồng đôla để càng tiện cho việc so sánh trên quốc tế. Chiến lược phát triển được thiết kế như thế, lấy việc hiện đại hóa trên thế giới làm hệ tham chiếu, khiến cho Trung Quốc tự định vị được rõ ràng và mục tiêu phấn đấu rõ ràng, đó đúng là một tác phẩm thượng thặng.

Dự thảo chiến lược "hiện đại hóa trong 70 năm" so sánh với khẩu hiệu hùng tâm tráng chí "vượt Anh kịp Mỹ trong 15 năm" đề ra vào thập kỷ 50, không biết là "bảo thủ" hơn bao nhiêu lần. So với mục tiêu hùng vĩ của thập kỷ 60 là hoàn thành hiện đại hóa trong thế kỷ này thì thời gian biểu của Đặng vừa đúng chậm một nửa thế kỷ. Trong quá trình thiết kế, Đặng đã sửa "tiếp cận trình độ các nước phát triển" thành "đạt mức các nước phát triển trung bình, dự tính "từ 30 đến 50 năm" thành "50 năm". "Giọng điệu thấp" đó của Đặng là rút từ bài học kinh tế hiện đại hóa của Trung Quốc, tính toán đầy đủ đến tình hình thực tế Trung Quốc: "Trung Quốc lạc hậu về khoa học kỹ thuật, có nhiều khó khăn, đặc biệt là nhân khẩu quá đông, hiện tại đã là 1.050 triệu, rất khó tăng thu nhập, rất khó thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu trong một thời gian ngắn, tất cả

phải xuất phát từ thực tế, không nên đặt mục tiêu không phù hợp thực tế, cũng không nên định trong một thời gian quá ngắn"¹. Đặng có nguyên tắc làm quy hoạch: Với kế hoạch dài hạn 70 năm cần có khoảng cơ động, với kế hoạch ngắn hạn và trung hạn 10 năm, 20 năm có thể tích cực hơn, nhưng cũng cần có khoảng cơ động. Giữ khoảng cơ động là để giữ "ổn định, vững chắc" là một trận pháp giữ chắc, đánh chắc.

Thiết kế của Đặng vốn dự định "đi làm hai bước", lấy năm 2000 làm điểm khởi đầu, 20 năm trước để đặt cơ sở cho nửa thế kỷ sau. Để cho bước thứ nhất được chặt chẽ, gấp rút, chắc chắn, Đặng chia bước thứ nhất ban đầu thành hai bước nhỏ, để không thể chân chữ "ngày mai rồi lại ngày mai". Bước thứ nhất giải quyết vấn đề cơm no áo ấm, câu nói đó nghe ra như "bội nhọ" chủ nghĩa xã hội, đã xây dựng chủ nghĩa xã hội 30 năm mà đến vấn đề cơm no áo ấm cũng chưa giải quyết xong. Nhưng Đặng dám nhìn thẳng vào sự thật, thừa nhận lạc hậu vì chỉ có như vậy mới có cảm giác cần gấp rút. Giải quyết vấn đề cơm no áo ấm phải mất thời gian 10 năm. 10 năm này là để đặt cơ sở cho 10 năm sau, trước hết phải no bụng đã rồi mới mong phát triển được. Mục tiêu 10 năm sau là sống đời sống no đủ và có chút dư thừa. Hai bước đầu đó đều chỉ để giải quyết nghèo nàn, tiến tới giàu có. Còn căn trên cơ sở đó, phấn đấu thêm 50 năm nữa để đạt tới trình độ của nước phát triển trung bình. Viễn cảnh của ba bước đó thật xa vời và gian khổ, nhưng Đặng đã xác định mục tiêu gắn nó với cuộc sống no ấm, thoải mái. Nhân dân đã nghe chán

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 224.

khẩu hiệu "Giải phóng toàn nhân loại", nay nghe thấy chuyện "no ấm", "thoải mái " thì không thể không cảm thấy gần gũi, hấp dẫn.

Đến nửa thế kỷ sau, nếu Trung Quốc đạt tới trình độ của một nước phát triển trung bình như lời ông Đặng nói, thì sẽ có nghĩa thế nào. ông Đặng đưa ra hai cách tính toán. Một là, sản lượng bình quân đầu người là 4000 đôla, con số này đối với các nước phát triển thì chưa đáng kể gì, nhưng Trung Quốc thực hiện chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa, số 4000 đôla bình quân đầu người sẽ khiến cuộc sống của mỗi người khá hơn ở các nước tư bản nhiều. Hai là, Trung Quốc đông dân, lúc đó có thể có tới 1,5 tỷ người. Bình quân 4000 đôla, tổng số sẽ là 6 nghìn tỷ đô la, chiếm hàng đầu thế giới. Bất kỳ là về bình quân đầu người hay về sức mạnh tổng hợp của quốc gia, đạt tới trình độ phát triển trung bình, dù còn kém các nước phát triển, nhưng công cuộc hiện đại hóa mang màu sắc Trung Quốc vẫn là hợp cách. Đi tới bước đó phải mất 70 năm, nếu tính từ khi Đảng Cộng sản cầm quyền, vừa chẵn 100 năm, nếu tính từ khi bắt đầu thời cận đại của Trung Quốc, thì là 200 năm. Đặng quyết tâm biến mộng tưởng phục hưng Trung Quốc từ 200 năm nay thành hiện thực, ý nghĩa của nó khẳng định không thua kém việc lật đổ ba trái núi lớn (chỉ đế quốc, phong kiến và tư bản quan liêu, ba đối tượng của giai đoạn cách mạng dân chủ Trung Quốc - ND).

2.7. CÔNG VIỆC NÀY PHẢI CỐ BẮM CHẮC KHÔNG BUÔNG, KHÔNG ĐƯỢC ĐỂ LỖ MỘT NGÀY NÀO

Bốn hiện đại hóa, xây dựng kinh tế, sức sản xuất, ba cái đó thường được ông Đặng nhấn mạnh như một. Những từ mà ông Đặng dùng để nhấn mạnh thường là: Trung

tâm, hạt nhân, trọng điểm, đại cục, tổng nhiệm vụ, nhiệm vụ chủ yếu, mâu thuẫn chủ yếu, khâu căn bản v.v...

Còn đối với nhiệm vụ trung tâm như thế nào thì những từ mà Đặng dùng càng phong phú: "Coi xây dựng hiện đại hóa, nỗ lực phát triển sức sản xuất xã hội là nhiệm vụ trung tâm nổi bật tất cả. Đường lối chính trị trong giai đoạn hiện nay của đảng ta, nói khái quát, là một lòng một dạ làm bốn hiện đại hóa".

"Việc đó, không lúc nào được làm nhiều, cần phải kiên định, một lòng một dạ làm cho được.

"Việc đó, nhất định phải bám chắc không buông, không được để lỡ một ngày nào".

"Trước sau phải bám chắc khâu này không buông."

"Bám chắc không buông. Cần ngoan cường, không được dao động".

"Bám chắc", lời đó phản ánh đúng nhất tính cách của ông Đặng: Đã nhìn rõ rồi thì bám chắc không buông.

Tại sao không nói "nắm chắc" mà lại nói "bám chắc"? Có người tra từ điển phát hiện thấy "nắm chắc" chỉ có nghĩa là "cầm chắc", còn "bám chắc" thì ngoài ý nghĩa "cầm chắc", còn có ý nghĩa sâu hơn, là mặc cho người khác phản đối, vẫn cứ "nín lấy" "giữ chặt lấy" không buông.

Xây dựng hiện đại hóa, phát triển kinh tế, xây dựng cuộc sống giàu có, vốn là điều ai cũng muốn, là điều mọi người trên thế giới đều tự giác theo đuổi. Trung Quốc phải mang hết sức ra bám chắc, nếu không việc đó sẽ tuột mất. Điều "mang màu sắc Trung Quốc" đó khiến cho vận mạng nửa cuộc đời sau của ông Đặng liên hệ chặt chẽ với chữ "bám".

Đầu thập kỷ 60, ông đề xuất "lý luận con mèo" nổi tiếng, nhấn mạnh quan hệ sản xuất nào có lợi nhất cho việc phát triển sức sản xuất thì nên áp dụng quan hệ sản xuất đó. Đó có thể là sự đề xướng đầu tiên về "lý luận sức sản xuất là trung tâm", hoàn toàn đối lập với thuyết "đấu tranh giai cấp là chủ yếu" của Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông không thể chấp nhận quan điểm đó nên đã phát động "cách mạng văn hóa", đánh đổ Lưu, Đặng. Lưu, Đặng có tội gì? Tội cố vũ cho thuyết "duy sức sản xuất".

Đặng không tiếp thu bài học "phạm sai lầm". Sau khi suy xét 3 năm ở "chuồng bò" Giang Tây, được phục chức trong cách mạng văn hóa, liền lớn tiếng kêu gọi: "Toàn Đảng cần nắm chắc đại cục, đẩy kinh tế quốc dân lên". Đặng hiểu rất rõ "điều chủ yếu" trong ý Mao rất khác với ông. Nhưng tầm vóc của ông quá nhỏ, không níu được người khổng lồ Mao Trạch Đông, chỉ có thể "đánh tráo", đề ra "ba chỉ thị đều là chủ yếu", lạng lẽ đưa kinh tế quốc dân lên vị trí chủ yếu, nhưng cuối cùng vẫn bị Mao Trạch Đông phá "thiên cơ": "Sao lại ba chỉ thị là chủ yếu? Đấu tranh giai cấp là chủ yếu, còn lại đều là thứ yếu". Mao phê phán Đặng "con người này xưa nay không đề xuất đấu tranh giai cấp". Do đó Đặng trở thành "kẻ đi theo con đường tư bản đến chết không chịu hối cải".

Đặng hai lần bị đánh đổ đều do vấn đề bám chắc trung tâm là phát triển kinh tế. Được khôi phục lần thứ ba, ông lại càng "ngoan cố". Khi vừa đấu tranh thắng lợi với phái "phàm là", Đặng đã vội vã tuyên bố:

Phải di chuyển trọng điểm công tác của Đảng sang xây dựng hiện đại hóa. Đảng Cộng sản Trung Quốc cầm quyền hơn 30 năm, chưa bao giờ di chuyển trọng tâm công

tác sang xây dựng kinh tế, vì vậy bỏ lỡ mất rất nhiều cơ hội, bỏ lỡ mất rất nhiều thời gian. Đặng vì vậy rất đau lòng. "Bây giờ phải quyết tâm", "thủy chung như nhất quán triệt thực hiện công việc này, mọi điều phải xoay quanh việc này, không được để có bất cứ sự nhiễu loạn nào"¹.

Đầu thập kỷ 80, Đặng tuyên bố cần làm tốt 3 việc lớn, trong đó "hạt nhân là xây dựng hiện đại hóa", bởi vì "đó là điều kiện chủ yếu nhất để chúng ta giải quyết vấn đề quốc tế, vấn đề trong nước"². Trong công việc quốc tế, chống chủ nghĩa bá quyền, Đài Loan trở về với Trung Quốc, thực hiện thống nhất Tổ quốc, hai việc đó đều được quyết định bởi thành tựu xây dựng kinh tế của Trung Quốc. Kinh tế không lên được, chế độ xã hội chủ nghĩa sẽ không có cách nào củng cố, an toàn của đất nước sẽ không được bảo đảm. "Cho nên, ngay từ năm đầu của thập kỷ 80, phải không được bỏ lỡ ngày nào, chuyên tâm, tập trung tinh thần xây dựng bốn hiện đại hóa", "quyết không cho phép phân tán tinh lực"³.

Chuyên tâm, không để lỡ một ngày nào, không để cái gì gây nhiễu loạn cũng có một ngoại lệ, là xảy ra chiến tranh ở quy mô toàn thế giới. Điều đó thì Đặng không nín giữ được. Cho nên phải tính toán thế này: đánh trận xong lại xây dựng. Nhưng Đặng rất hy vọng không vì chiến tranh mà để gián đoạn việc xây dựng, bỏ lỡ quá nhiều thời gian. Điều này thúc đẩy ông đặt điểm cơ bản trong chính sách đối ngoại vào việc tranh thủ hoàn cảnh quốc tế thuận lợi để xây dựng hòa bình.

Toàn tâm toàn ý xây dựng kinh tế, thì xây dựng quốc

1. 2, 3. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 213, 203, 205.

phòng thế nào? Đây là một trong bốn điểm xây dựng hiện đại hóa, Đặng không hề coi nhẹ, nhưng ông cho rằng xây dựng quốc phòng cũng phải lấy kinh tế làm cơ sở. Ông khuyên quân đội "Cần nhẫn nại trong mấy năm", "gắng sức đưa kinh tế lên"¹. Trước hết đưa kinh tế lên thì mọi việc sẽ dễ giải quyết. Kinh tế là đại cục, mọi cái đều phải phục tùng đại cục đó.

Trung tâm, đại cục, nếu không "bám" thì không giữ được, điều đó chứng tỏ rằng có rất nhiều trở lực và nhiễu loạn phá hoại công việc đó. Những sự nhiễu loạn mà Đặng gặp phải là từ hai phía: tả và hữu.

Cái "hữu" mà Đặng gặp phải không giống với thời Mao, không phải là phục hồi chủ nghĩa tư bản trong lĩnh vực kinh tế, mà là gây rối về chính trị, là tự do hóa tư sản. Thái độ của Đặng đối với phong trào học sinh sinh viên năm 1986 là "gạt bỏ nhiễu loạn", tiếp tục tiến lên. Với cuộc động loạn năm 1989, Đặng tuyên bố rõ ràng: "Trung Quốc không cho phép làm loạn". Lý do không cho phép làm loạn là: Một khi rối loạn thì mục tiêu bốn hiện đại sẽ bị tiêu tan. Để tránh hậu quả, Đặng thà chịu nguy hiểm mất danh dự trên quốc tế, quả đoán cho dẹp cuộc làm loạn đó.

Sau khi dẹp loạn, Đặng an ủi các chiến sĩ giải phóng quân đã hoàn thành nhiệm vụ và đề xuất một loạt vấn đề: chiến lược phát triển đi làm ba bước của chúng ta có đúng đắn không? Một trung tâm, hai điểm cơ bản có đúng không? Cải cách và mở cửa có cần giữ vững không?... Ông sợ lần động loạn này làm cho đường lối, phương châm chính sách do ông định ra bị dao động, khiến điều mà ông

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 129.

cố giữ trong mười năm bị tuột khỏi tay.

Đúng là suýt nữa thì tuột mất. Những người không hứng thú với cải cách mở cửa, vừa nghe thấy phải chống tự do hóa, chống diễn biến hòa bình, liền lập tức hoạt động. Họ cảm thấy nên trở về với những năm lấy đấu tranh giai cấp làm chủ yếu, tuyên bố là cải cách mở cửa sẽ để chủ nghĩa tư bản tràn vào, căn nguyên chủ yếu của diễn biến hòa bình là ở trong lĩnh vực kinh tế. Những câu chữ như "đấu tranh giai cấp trong lĩnh vực hình thái ý thức", "Đấu tranh giai cấp trong nội bộ nhân dân" của thời cách mạng văn hóa lại xuất hiện. Vấn đề tính chất xã hội chủ nghĩa hay tính chất tư bản chủ nghĩa lại được lặp đi lặp lại.

Hiện nay, đã qua thập kỷ 80 và bước sang thập kỷ 90 được hai năm rồi. Trong giờ phút then chốt này, ông Đặng lại đứng trên con tàu lớn trước tảng đá ngầm lớn tiếng tuyên bố: Đường lối cơ bản phải giữ vững trong 100 năm, không được dao động. Ai muốn thay đổi, người đó sẽ bị đánh đổ. Lòng dũng cảm đối với cải cách, mở cửa cần được tăng cường, bước đi của phát triển kinh tế cần nhanh thêm một chút. Không tranh luận, tranh luận sẽ bỏ lỡ thời gian. Phát triển là lý lẽ vững chắc. Nắm chắc thời cơ, phát triển lên, then chốt là phát triển kinh tế.

"Có thực hiện được bốn hiện đại hóa hay không là vấn đề quyết định số mệnh của nhà nước ta, của dân tộc ta"¹. Vận mạng của 1 tỷ dân Trung Quốc đòi hỏi ông Đặng nắm chặt tay lái của con tàu Trung Quốc. Để có sự nhiễu loạn, ông lập tức đứng ra dẹp ngay, chỉnh tàu đi đúng hướng.

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 149.

Mấy câu thơ nổi tiếng của Trịnh Bản Kiều hầu như viết riêng dành cho ông Đặng:

"Bám chắc chiến trường chẳng chịu buông
Lập trường vững chắc tựa kim cương
Muôn ngàn xô đập không sờn chí
Chẳng quản đông tây trận gió cuồng."

2.8. MỘT TRUNG TÂM, HAI ĐIỂM CƠ BẢN

Một trung tâm là lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm. Hai cơ bản: Một là giữ vững cải cách mở cửa, hai là giữ vững bốn nguyên tắc cơ bản.

Ông Đặng cầm lái con tàu hơn mười năm, đề xuất rất nhiều chính sách hưng bang trị quốc, bí quyết cơ bản đều nằm trong "một trung tâm, hai điểm cơ bản" đó.

Tại Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khóa XI, Đặng thực hiện việc đại di chuyển trung tâm chiến lược và định ra tổng phương châm cải cách mở cửa. Hai điều đó đã dẫn con tàu Trung Quốc đi vào lĩnh vực mới. Nhưng Đặng cảm thấy hình như còn thiếu một cái gì đó. Chỉ dựa vào cải cách mở cửa, không có sự hạn chế nào, thì có nguy cơ lật thuyền. Vì vậy, trong hội nghị công tác lý luận tiếp ngay sau đó, Đặng kịp thời đề ra cần nắm vững bốn nguyên tắc cơ bản.

Đầu thập kỷ 80, Đặng liên tục ba lần nói tới: Thực hiện bốn hiện đại phải giữ vững bốn điều bảo đảm: 1) Cải cách thể chế. 2) Xây dựng nền văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa. 3) Tiến công các hoạt động phạm pháp. 4) Chinh

đốn tổ chức và tác phong của đảng. Bốn điều bảo đảm đó quy nạp lại là hai điểm cơ bản: 1) Là cải cách mở cửa. 2) bao gồm bốn điểm 1,2,3,4 trên. Đặng nói, bốn việc đó cần làm trong suốt quá trình hiện đại hóa.

Về sau, trong khi bám chắc khâu trung tâm là xây dựng kinh tế, lúc thì Đặng nhấn mạnh bốn nguyên tắc cơ bản, lúc thì nhấn mạnh cải cách mở cửa, và nhiều hơn là nhấn mạnh cả hai, dần dần thành nếp. Đến 1987, cách suy nghĩ trên của Đặng được Đại hội lần thứ XIII tiếp nhận, xác nhận là đường lối cơ bản trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, biểu đạt rõ ràng thành "một trung tâm, hai điểm cơ bản".

Sự khác nhau giữa Mao và Đặng chỉ ở chỗ "trung tâm" không giống nhau. Khuôn mẫu chính trị của Mao là do "hai quan hệ" tạo thành, như cách mạng và sản xuất, chính trị và kinh tế. Hai điểm lần lượt là sức sản xuất và quan hệ sản xuất, hai lĩnh vực của thượng tầng kiến trúc. Đặng phân hai điểm của Mao thành ba điểm. Một trung tâm cộng với hai điểm cơ bản. Một trung tâm là sức sản xuất, tức lĩnh vực kinh tế theo nghĩa hẹp; hai điểm cơ bản đồng thời thuộc quan hệ sản xuất và thượng tầng kiến trúc, tức lĩnh vực chính trị theo nghĩa rộng.

Mao và Đặng đều sở trường về "một chia làm hai", nhưng một đằng là "một chia làm hai" không có trung tâm (Mao đặt trọng tâm vào một trong hai điểm), một đằng là "một chia làm hai" có trung tâm. "Một chia làm hai" của Mao là giữa chính trị và kinh tế, "một chia làm hai" của Đặng là trong bản thân chính trị. Kinh tế với tính cách là trung tâm hoặc trọng điểm thì ở một tầng cao hơn. Như vậy, không những trung tâm của Mao bị đảo ngược, mà

"một chia làm hai" của Mao trong tay Đặng cũng phát sinh sự chuyển hóa công năng, biến thành thủ đoạn sách lược phục vụ cho trung tâm chiến lược, nên càng có tính sách lược.

Mao không tách rời vấn đề chiến lược với sách lược, mục đích và thủ đoạn thường lẫn lộn nhau không rõ ràng. Ông coi chính trị là sản phẩm bao gồm yêu cầu kinh tế phục vụ cho chính trị, cách làm nổi bật chính trị đó thế tất làm yếu địa vị của kinh tế, kết quả không phải là chính trị và kinh tế đều được mùa mà là đều bị thiệt. Đặng phân biệt rõ ràng chiến lược và sách lược, mục đích; và thủ đoạn; phát triển kinh tế là mục đích; hai điểm cơ bản là cải cách mở cửa và "bốn kiên trì" trên mặt chính trị đều để phục vụ cho kinh tế. Như vậy, không những bảo đảm cho địa vị chiến lược của "một trung tâm" không bị dao động, mà "hai điểm cơ bản" về mặt chính trị cũng có tính linh hoạt.

Lưỡng điểm luận (tức một chia làm hai - ND) có trung tâm, thực tế là tam điểm luận. Tam điểm luận hơn lưỡng điểm luận ở chỗ nó có tính ổn định hơn. Mao Trạch Đông vẫn muốn thống nhất chính trị với kinh tế, nhưng lại thiếu một yếu tố thứ ba để làm căn cứ thống nhất hai cái đó. Ông cố gắng thống nhất hai cái đó nhưng đều dẫn tới lúc tả lúc hữu, dao động qua lại.

Thí dụ ông vừa muốn tập trung thống nhất lại vừa muốn sinh động hoạt bát. Để đạt tới sinh động hoạt bát, phải phát huy tính tích cực của các bộ phận. Năm 1957, ông dùng phương châm cởi mở, kết quả là xuất hiện rất nhiều đầu trâu mặt ngựa, ông lại vội đóng lại, đóng đến mức không ai dám nói nữa. Đóng hay mở là phương pháp

trị nước. Nhưng cái gì cần đóng, cái gì cần mở, đóng và mở đến trình độ nào là thích hợp, Mao không có một căn cứ nhất quán, chỉ làm việc theo cảm giác chủ quan. Đặc điểm lớn nhất của sự vận hành chính trị của Trung Quốc thời Mao Trạch Đông là dao động qua lại giữa hai chính sách cực đoan, lúc tả lúc hữu, lúc lên lúc xuống, luôn luôn vấp vấp. Nguyên nhân căn bản là giữa sự chuyển động của hai cực thiếu một nhân tố trung tâm để điều tiết.

Đặng vì có "một trung tâm" nên giữ được một sức căng cần thiết giữa "hai điểm cơ bản". Trung tâm là phát triển sức sản xuất, vì nó, quan hệ sản xuất và thượng tầng kiến trúc có lúc bị tổn hại có lúc được lợi, đều lấy yêu cầu khách quan là phát triển sức sản xuất làm chuẩn. "Bốn kiên trì" (tức kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, kiên trì chuyên chính dân chủ nhân dân, kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Mao Trạch Đông - ND) và cải cách mở cửa, hai điểm cơ bản đó không phân biệt nặng nhẹ, chủ thứ, nhưng có thể căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế mà đặc biệt nhấn mạnh một điểm nào đó. Rút cục là hai điểm đều ngang nhau hay nặng về điểm nào, hoặc nặng đến mức độ nào, đều được quyết định bởi nhu cầu của "một trung tâm". Quá tả, quá hữu đương nhiên là khó tránh, nhưng do có một trung tâm giữ tác dụng điều tiết, tả cũng không thể quá tả, hữu cũng không thể quá hữu. Như vậy, "hai điểm cơ bản" giống như hai cánh của một bộ máy, giữ tác dụng thăng bằng cho thân máy ở vị trí trung tâm. Hai cánh giữ thăng bằng cho thân máy, thân máy lại giữ thăng bằng cho hai cánh, khiến cho hai cánh xòe cụp thoải mái nhưng không bị nghiêng lệch.

Phương pháp mà ông Đặng mong muốn là từ tổng thể giữ cho xã hội ổn định, tiếp tục phát triển. Lúc đầu cải cách mở cửa, hiện tượng chao đảo tả hữu có lúc phát sinh, nhưng theo quá trình làm rõ "một trung tâm hai điểm cơ bản", độ chao đảo ngày càng nhỏ. Có thể dự đoán từ nay vẫn khó tránh khỏi rung động, nhưng chỉ cần một trung tâm không thay đổi, thì tuyệt đối không thể xuất hiện hiện tượng trời sập lớn.

Hai điểm cơ bản trong khi chịu sự điều tiết của một trung tâm, tự thân cũng điều tiết lẫn nhau. Đặng từ đó đề ra một loạt "luồng điểm luận", như kiên trì và phát triển tư tưởng Mao Trạch Đông, kiên trì sự lãnh đạo của Đảng, ủng hộ và cải cách chế độ xã hội chủ nghĩa v.v..

Chuyên chính dân chủ nhân dân bản thân cũng có sức căng giữa dân chủ và chuyên chính. Trong thực hiện cũng có một loạt chính sách "nắm cả hai tay".

2.9. KHÔNG CẢI CÁCH THÌ KHÔNG CÓ ĐƯỜNG RA. KHÔNG CẢI CÁCH THÌ CHỈ CÓ ĐƯỜNG CHẾT

Trong văn hóa chính trị Trung Quốc cổ đại đã có một lý luận cải cách "cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu". Có nghĩa là: Những quốc gia lâm vào tuyệt cảnh cần phải cải cách, chỉ có cải cách mới có hy vọng.

Kinh nghiệm hai mươi năm nhất là bài học của cách mạng văn hóa cho Đặng Tiểu Bình thấy rằng: Trung Quốc

"không cải cách thì không có đường ra"¹. "Không cải cách...thì chỉ có con đường chết"².

Xã hội Trung Quốc trong thời gian 20 năm từ 1958 đến 1978, trên thực tế ở vào trạng thái đình trệ và quanh quẩn. Nền kinh tế nhà nước và đời sống nhân dân không phát triển và nâng cao được bao nhiêu, khoảng cách với các nước phát triển trên thế giới ngày càng xa. Đặng nói: "Tình hình này mà không cải cách thì có được không?"³

Nếu không có sự cực đoan của cách mạng văn hóa thì khó nói có sự cải cách của Đặng Tiểu Bình hay không. Dù cho có, thì e rằng cũng không thể có quyết tâm và hành động mạnh như vậy. Tai nạn của "cách mạng văn hóa" đã tạo nên trong ý thức người ta cái cảm giác về nguy cơ "không cải cách không được". Đặng đáp ứng yêu cầu của lịch sử, "lợi dụng những động lực to lớn do phản tác dụng của cách mạng văn hoá đem lại, lựa theo tình thế xoay chuyển toàn bộ tình hình, dứt khoát tiến hành một loạt biện pháp cải cách cực kỳ phong phú trong mấy năm ngắn ngủi đã khai sáng nên một cục diện khởi sắc"⁴.

Cục diện mới đã tạo ra thời cơ chuyển biến mà Hội nghị Trung ương lần thứ 3, khoá XI là cột mốc. Hội nghị này đã hoàn thành cuộc chuyển biến lần thứ ba trong lịch sử đương đại Trung Quốc: "Từ lấy đấu tranh giai cấp là chủ yếu đến lấy phát triển lực lượng sản xuất làm trung tâm, từ đóng cửa chuyển sang mở cửa, từ bảo thủ sang cải cách về các mặt"⁵.

1, 2, 3, 5. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 237, 370, 237, 269.

1. (Singapo) Lâm Chú Quân: "ý nghĩa và ảnh hưởng quốc tế của công cuộc cải cách kinh tế ở Trung Quốc", NXB Đại học Bắc Kinh, 1990, tr. 50.

Đặng đã khái quát chính sách mới từ sau Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba bằng 8 chữ: "Đối nội cải cách, đối ngoại mở cửa", gọi chung là cải cách.

Cuộc cải cách về hai mặt: Đối nội cải cách (làm sống động) và đối ngoại cải cách (mở cửa) là kết quả tất nhiên của việc di chuyển trọng điểm chiến lược, lại là biện pháp tất yếu bảo đảm cho sự di chuyển đó.

Tại sao Trung Quốc phải cải cách và mở cửa? Đó là kết luận tổng kết từ quá khứ của Đặng, cũng là căn cứ để ông thiết kế cho tương lai. Đến cuối thế kỷ này sẽ tăng gấp 4 lần, đạt tới trình độ vừa phải, đến giữa thế kỷ sau lại tăng gấp 4 lần nữa đạt tới trình độ một nước phát triển trung bình, trong 70 năm vượt qua hai bước lớn, giá trị sản lượng bình quân đầu người tăng 16 lần. Mục tiêu hùng vĩ đó, dựa vào cái gì? Dựa vào cải cách mở cửa. Không có sự bảo đảm của cải cách mở cửa, thì hiện đại hóa chỉ là lời nói suông.

Dùng con mắt của thế giới để nhìn khoảng cách và mục tiêu của Trung Quốc, lại càng thấy như vậy. Trung Quốc đạt tới trình độ của nước phát triển trung bình, có nghĩa là đã bước vào hàng ngũ tiên tiến của thế giới, trở thành một vai trò chính trong hoạt động kinh tế thế giới. Nhưng trước mắt, thị trường thế giới đã bị những nước phát triển và tương đối phát triển chiếm lĩnh. Những nước lạc hậu như Trung Quốc, muốn phấn đấu vượt lên thật không dễ dàng. Nếu không có những biện pháp đặc biệt làm sống động kinh tế bên trong và mở cửa ra bên ngoài thì không thể cạnh tranh với người ta được.

Ông Đặng hy vọng cải cách mở cửa có thể đưa tới một nước Trung Quốc mới dân chủ giàu mạnh. Ông gắng sức thực hiện cải cách mở cửa để biến giấc mộng cường quốc

thành hiện thực, gọi cải cách và mở cửa "là cái quyết định vận mệnh của Trung Quốc"¹. Những chữ đó đúng là có một ma lực to lớn.

Đặng dự tính: Thông qua cải cách nội bộ, sẽ quét sạch mọi chướng ngại trên đường phát triển sức sản xuất, phát huy tính tích cực của một tỷ dân, đó là khai thác tiềm lực nội bộ. Thông qua mở cửa ra bên ngoài, tiếp thu khoa học kỹ thuật cũng như kinh nghiệm quản lý tiên tiến của thế giới, tiếp thu thành quả của nhân loại. Ông tin rằng: Nhiệt tình sáng tạo của một tỷ dân Trung Quốc cộng với kinh nghiệm thành công của toàn nhân loại, nhất định sẽ làm cho kinh tế Trung Quốc xuất hiện kỳ tích.

Mấy chục năm trước cải cách đã hình thành thể chế kinh tế, chính trị và quan niệm tư tưởng cứng nhắc, có nghĩa là sự cải cách của Đặng không những phải giải phóng sức sản xuất mà còn động chạm tới quan hệ sản xuất và thượng tầng kiến trúc xã hội chủ nghĩa. Về sứ mạng của cải cách Đa vít Trương nói: "So với các nhà cải cách của các Vương triều thời cổ, chế độ xã hội chủ nghĩa của Đặng Tiểu Bình đã khôi phục sức sống ở Trung Quốc. Muốn cho Đảng Cộng sản và chủ nghĩa xã hội tồn tại ở Trung Quốc, thì không thể thiếu sự cải cách của Đặng"².

Cuộc cải cách và mở cửa trong mười mấy năm đã giành được thành tựu khiến thế giới chăm chú theo dõi. Tổng sản phẩm quốc dân năm 1991 là 1958 tỷ nhân dân tệ tính theo tỷ giá, bằng 2,92 lần năm 1978, bình quân mỗi

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 368.

2. "Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình ", NXB Pháp Luật, 1991, tr. 64.

năm tăng 8,6%. Tốc độ này bằng tốc độ của "bốn con rồng nhỏ" châu Á trong những năm 80, bằng tốc độ của Nhật Bản trong thời kỳ 1956 đến 1977. Như vậy, việc cải cách mở cửa của Đảng đúng là con đường cường quốc hưng bang.

2.10. GIỮ VỮNG BỐN NGUYÊN TẮC CƠ BẢN

Ngày 13-12-1978, tại Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khóa XI, Đặng Tiểu Bình đã phát biểu bài nói quan trọng đánh dấu việc Trung Quốc bước vào thời kỳ mới với nhan đề: "Giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, đoàn kết nhất trí, nhìn về phía trước". Nội dung chính là kêu gọi giải phóng tư tưởng, phát huy dân chủ, cải cách mở cửa. Ba tháng rưỡi sau, ngày 30-3-1979, Đặng lại nói trong hội nghị công tác lý luận một bài nói quan trọng "Giữ vững bốn nguyên tắc cơ bản" dài gấp đôi bài nói lần trước, trung tâm là nhấn mạnh bốn điều:

Một là, phải giữ vững con đường xã hội chủ nghĩa.

Hai là, phải giữ vững chuyên chính vô sản.

Ba là, phải giữ vững sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Bốn là, phải giữ vững chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông.

Đặng nói, bốn nguyên tắc đó "không phải là cái gì mới". Năm 1957, Mao Trạch Đông trong một bài nói nổi tiếng bàn về xử lý đúng đắn mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân đã trình trọng nêu ra phương châm "trăm hoa đua nở". Khoảng 4 tháng sau, tình hình phát sinh biến hóa,

nảy ra rất nhiều cỏ độc. Thế là Mao lại công bố bài nói đã được sửa đổi, đặc biệt nhấn mạnh sáu tiêu chuẩn chính trị để phân biệt hoa thơm và cỏ độc. Bốn nguyên tắc của Đặng có ba nguyên tắc rút từ 6 tiêu chuẩn của Mao Trạch Đông, chỉ có nguyên tắc giữ vững chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông là do Đặng mới thêm vào. Nguyên nhân xuất hiện sự khác biệt đó là do Mao và Đặng đứng trước tình hình khác nhau. Sáu tiêu chuẩn của Mao là nhằm vào phái hữu, và bản thân Mao đã là tư tưởng Mao Trạch Đông, không cần đề giữ vững tư tưởng Mao Trạch Đông. Đặng ngoài việc phải phản kích lại sự thách thức của phái hữu, còn phải đối phó với sự gây khó khăn của phái tả. Phái tả chỉ trích chính sách cải cách của Đặng từ sau Hội nghị toàn thể Trung ương ba là đi ngược lại chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông. Đặng coi chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông là một trong bốn nguyên tắc phải giữ vững, không những là cần thiết để đối phó với phái hữu, mà cũng là để tước vũ khí của phái tả. Nếu không đề ra điều đó, thì phái tả sẽ lấy nguy cơ tấn công của phái hữu trong xã hội ép Đặng: Hãy xem, đây là những việc nảy sinh do việc cải cách mở cửa của anh. Thậm chí họ còn có thể ghép những quan điểm chống Mao Trạch Đông trong xã hội vào với Đặng, khiến Đặng không gỡ ra được.

Dương nhiên, Đặng ra sức nhấn mạnh những điều không có gì là mới đó, chủ yếu là để đối phó với phái hữu đã hoài nghi, thậm chí công khai phản đối bốn nguyên tắc cơ bản từ sau Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba. Về sau, Đặng gọi tư trào đó là tự do hóa tư sản, cho rằng mấy

lần học sinh gây rối và làm rung chuyển chính trị đó là tự do hóa chính trị, nếu không chế áp thì sẽ phát triển rất mạnh, đến lúc đó sẽ khó dẹp được, có khả năng đưa Trung Quốc trở lại thời động loạn của cách mạng văn hóa. Như vậy, thì con tàu hiện đại hóa do Đặng cầm lái không thể cập bến, và e rằng vừa khởi hành đã bị lật. Đặng hy vọng dùng bốn nguyên tắc cơ bản để ngăn cản tự do hóa tư sản và tránh khỏi nguy cơ đó.

Cần giữ vững bốn nguyên tắc cơ bản, điểm này không có gì phải bàn cãi. Nhưng giữ vững như thế nào, lại cần phải nghiên cứu. Đặng chống lại việc giữ vững theo lối tả, vì lối "giữ vững" đó, chủ trương rập khuôn như cũ, bảo thủ mọi cách làm cũ, chỉ là con đường chết. Sự giữ vững của Đặng là giữ vững và phát triển, giữ vững và cải cách, là sự tổng hợp hai mặt giữ vững và sửa đổi nâng cao. Theo phương pháp "giữ vững" đó, Đặng nhấn mạnh giữ vững bốn nguyên tắc cơ bản không phải là muốn thu hẹp cải cách và mở cửa. Mà ngược lại, ông cho rằng làm như vậy là để quán triệt chấp hành chính sách cải cách và mở cửa được thuận lợi, là "chính sách cần thiết phải áp dụng"¹. Đặng nhấn mạnh, nếu không thực hiện những nguyên tắc đó thì cải cách mở cửa, chiến lược đi ba bước, bốn hiện đại hóa, tất cả đều tan thành mây khói. Đặng hiểu rằng nếu cải cách càng mạnh thì chấn động xã hội sẽ càng lớn, do đó càng cần có một nhân tố điều tiết, khống chế. So sánh với cải cách của Górcbachốp ở Liên Xô, những mưu lược đó của Đặng tỏ rõ sự sáng suốt của một chính khách lão luyện.

Cần "giữ vững" là điều không có gì phải nghi ngờ,

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 164.

nhưng giữ vững những nội dung cụ thể gì thì lại cần căn cứ vào tình hình cụ thể. Đặng nói "một loạt các phương châm chính sách từ Hội nghị toàn thể Trung ương ba đến nay là giữ vững bốn nguyên tắc cơ bản" để ngầm nói: Giữ vững chính sách trung tâm mà Đặng đề ra từ Hội nghị toàn thể Trung ương ba là giữ vững cải cách mở cửa. Giữ vững bốn nguyên tắc cơ bản như vậy, không những không hạn chế cải cách mở cửa mà còn có tác dụng tích cực đối với cải cách mở cửa. Phương thức xử lý đó của Đặng so với phương pháp sai của Mao là "thu" sau khi "phóng", có sức thuyết phục lớn hơn nhiều.

Xem ra, mục đích đề ra "bốn giữ vững" của Đặng không phải nhằm quy định có những mặt nào không được thay đổi, mà là để tỏ rõ một thái độ: Cải cách của chúng ta là có nguyên tắc, không được làm lộn xộn. Còn bản thân nguyên tắc là thế nào, có những nội dung cụ thể gì, thì là thứ yếu. Trên thực tế, rất ít có nguyên tắc nào quy định rõ là không được thay đổi.

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông cần phải giữ vững, nhưng cần thực sự cầu thị, theo nguyên tắc thực sự cầu thị thì không có khuôn mẫu cứng nhắc nào không cho phép thay đổi. Chủ nghĩa xã hội, theo Đặng, có hai điều không được dao động, tức chế độ công hữu và cùng giàu có, nhưng giữ vững chế độ công hữu là chủ yếu không bài trừ sự tồn tại của các thành phần phi công hữu như "xí nghiệp tam tư" (tức ba loại xí nghiệp: Trung Quốc và nước ngoài chung vốn đầu tư, Trung Quốc và nước ngoài hợp tác kinh doanh, nước ngoài bỏ vốn toàn bộ - ND) và xí nghiệp tư doanh. Giữ vững cùng làm giàu cần phải cho phép một số người làm giàu trước. Chuyên chính vô sản chỉ hạn chế

đối tượng vào những kẻ phạm pháp theo pháp luật hiện hành, thì rất dễ giữ vững.

Cuối cùng Đặng đã nói ra điều bí mật của mình: "Hạt nhân của bốn giữ vững là giữ vững sự lãnh đạo của Đảng"¹. Điều này được coi là chỉ thị cương quyết. Đặng còn nhớ rất rõ hậu quả nghiêm trọng do cơ quan lãnh đạo đảng các cấp lâm vào tình trạng tê liệt trong cách mạng văn hóa. Ông lo lắng tư trào tự do hoá lại làm cho các cấp đảng và chính quyền rơi vào tình trạng không thể hành động được, kiên quyết phản đối tách rời sự lãnh đạo của đảng mà ca ngợi tính tự phát của quần chúng, công kích mạnh mẽ hành vi đòi dân chủ bỏ qua các đảng ủy. "Nếu lại cho phép một số người bỏ qua các đảng ủy, gây rối khắp nơi thì sẽ làm cho bốn hiện đại tiêu tan"². Đương nhiên, cần cải tiến sự lãnh đạo của đảng, nhưng làm thế nào, làm những cái gì cũng đều phải tiến hành dưới sự lãnh đạo của đảng.

Đặng nêu nổi bật chính sách của Hội nghị toàn thể Trung ương 3 và sự lãnh đạo của đảng, hai điểm đó tỏ rõ mục đích ông nêu bốn giữ vững là để bảo vệ tính quyền uy của chính sách hiện hành và lãnh đạo hiện hành, tỏ rõ việc cải cách của Đặng là cuộc cải cách có lãnh đạo, có trật tự, từ trên xuống dưới, tỏ rõ ông muốn dựa vào quyền uy chính trị mạnh mẽ để thúc đẩy cải cách, đồng thời bảo đảm cho cải cách không bị lực cản của thực tiễn cải cách phá hoại. Theo cách suy nghĩ của Đặng, bản thân cải cách là không hạn chế, cái gì cũng có thể cải cách, nhưng chỉ có một điều: Phải tiến hành có sự lãnh đạo, có kế hoạch, không được làm liều, không được rối loạn. Sự làm liều

1, 2. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 230, 157.

không lãnh đạo là tự do hóa tư sản. Mọi người dần dần hiểu rõ hai điểm chủ yếu của Đặng: "Một là, những vấn đề quan trọng phải nhất trí với Trung ương (cuối cùng là với Đặng). Hai là, nói ít làm nhiều, hoặc chỉ làm mà không nói. Như vậy, sẽ thỏa mãn yêu cầu của Đặng đối với giữ vững 4 nguyên tắc cơ bản.

Tác dụng tương hỗ giữa 4 giữ vững với cải cách mở cửa dần dần hiện ra một xu thế: Về chính trị phải ổn định đoàn kết, về kinh tế tận dụng mở cửa. Đó là nguyên nhân để công cuộc cải cách của Trung Quốc không đi theo con đường của Liên Xô, nhưng cũng tích lũy một vấn đề, khiến cải cách thể chế chính trị đi chậm hơn cải cách kinh tế, thậm chí hạn chế tiến trình cải cách kinh tế. Đặng hy vọng dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng sẽ tiến hành toàn diện việc cải cách xã hội, bao gồm việc cải cách thể chế lãnh đạo của đảng. Thành quả cuối cùng của toàn bộ cuộc cải cách đều quyết định bởi bước đi này sẽ diễn ra như thế nào.

2.11. TẢ VÀ HỮU ĐỀU CÓ THỂ LÀM MẤT CHỦ NGHĨA XÃ HỘI. TRUNG QUỐC CẦN CẢNH GIÁC VỚI HỮU, NHƯNG CHỦ YẾU LÀ PHÒNG TẢ

Trong 14 năm từ 1978 đến 1992, chống tả phòng hữu đã trải qua nhiều cuộc đấu. Trong khi luôn nhắc lại không được nghiêng hoặc bỏ mặt nào trong hai điểm cơ bản, không được thiếu cả chống tả và phòng hữu, ít nhất đã ba lần Đặng nói là tả nguy hiểm hơn hữu.

Lần thứ nhất, ngày 30-4-1987, nói với phó thủ tướng Tây Ban Nha Còla khi ông này thăm Trung Quốc: "Chúng tôi nói có sự quấy rối từ phía tả, cũng có sự quấy rối từ phía hữu, nhưng nguy hiểm lớn nhất vẫn là tả"¹.

Lần thứ hai, ngày 4-7-1987, Đặng nói với Tổng Thống Băngla Đét, Ecsát: "Xây dựng hiện đại hóa, thực hiện cải cách mở cửa, tồn tại vấn đề quấy rối của tả và hữu... Chủ yếu nhất là quấy rối của phía tả"².

Lần thứ 3, năm 1992, nói trong khi đi thăm miền nam: "Ngày nay, có ảnh hưởng của phía hữu đối với chúng ta, cũng có ảnh hưởng của phía tả đối với chúng ta, nhưng thâm căn cố đế nhất vẫn là phía tả... Trong lịch sử đảng ta, tả thật đáng sợ! Một tình hình rất tốt, trong phút chốc bị nó làm biến mất. Hữu có thể làm mất chủ nghĩa xã hội, tả cũng có thể làm mất chủ nghĩa xã hội. Trung Quốc cần cảnh giác với hữu. Nhưng chủ yếu là phải phòng tả"³.

Tả nguy hiểm hơn hữu, không phải là hậu quả của chúng khác nhau (tả và hữu đều có thể làm mất chủ nghĩa xã hội), cũng không phải do hậu quả do tả gây nên trong lịch sử khiến người ta sợ, càng không phải do Đặng ba lần bị oan uổng đều do tả gây nên, mà là do: Tả ngoan cố hơn hữu, khó trị hơn hữu, chống tả gặp khó khăn hơn chống hữu.

Tại sao tả khó trị hơn hữu? Đặng nói là vì tả đã hình thành một thế lực của thói quen, có rễ sâu, sửa chữa rất không dễ.

1, 2, 3. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 229, 249, 375.

Nếu theo chủ trương của Đảng, tiến hành phân tích cụ thể về tả và hữu, thì còn có thể phát hiện việc tả khó trị hơn hữu có một nguyên nhân sâu xa: Hàm nghĩa của tả và hữu, tính chất chống tả và chống hữu có nội dung rất khác nhau trước và sau khi Đảng Cộng sản cầm quyền.

Tả là đứng về lập trường của ta để nói, mục tiêu chống tả nhằm vào nội bộ; hữu là đứng về lập trường đối lập để nói, mục tiêu chống hữu nhằm vào bên ngoài. Cái trước là tự phủ định, cái sau là khẳng định mình.

Trước khi cầm quyền, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng Cộng sản là giành chính quyền, là tiêu diệt địch, bảo tồn mình. Lúc đó quan hệ bên trong bên ngoài, trên trình độ rất lớn là quan hệ địch ta, do đó chống hữu có ý nghĩa cách mạng tự bảo tồn. Sai lầm hữu là vấn đề lập trường, phương hướng, thuộc về mâu thuẫn địch ta. Sai lầm tả là vấn đề phương pháp, sách lược, thuộc về mâu thuẫn nội bộ. Thường chữ "tả" được đặt trong ngoặc kép, có hàm nghĩa là khác với hữu. Tả tỏ ra đáng yêu hơn hữu, phạm sai lầm tả dễ được thông cảm, phạm sai lầm hữu thì khó tha thứ. Dần dần, hình thành một thói quen tư duy: Tả tốt hơn hữu, thà tả chứ đừng hữu.

Sau khi cầm quyền, Đảng Cộng sản trở thành chúa tể trong nước, các lực lượng khác đều ở địa vị bị lãnh đạo. Lúc đó, quan hệ nội ngoại là quan hệ giữa người lãnh đạo và người bị lãnh đạo, thay thế cho quan hệ hoặc đại bộ phận thay thế cho quan hệ địch ta trước kia. Do đó lúc ấy hành động chống hữu trong nội bộ có hai tính chất. Một là, khi sự đả kích thực sự thuộc về hoạt động lật đổ của thế lực đối địch, thì chống hữu là nhu cầu củng cố chính quyền, vẫn có tính cách mạng. Ngoài phạm vi đó, thì thuộc

về tình huống thứ hai, tức bài xích lực lượng khác mình, bảo hộ quyền lợi của mình. Sự chống hữu lúc đó hoàn toàn không mang tính cách mạng, mà là bảo thủ, hẹp hòi, tự ti. Hai tính chất chống hữu đó có thể định theo thời gian như sau: Lúc mới giành được chính quyền, nhiều tính cách mạng; sau khi chính quyền đã được củng cố, nhiều tính bảo thủ. Nhưng muốn phán định được thật chính xác cần nhờ tới pháp luật. Trong tình hình chưa có pháp luật hoặc pháp luật không đầy đủ, thì chống hữu phần nhiều thuộc tính chất thứ hai. Đương nhiên không loại trừ hoạt động chống hữu đồng thời có hai tính chất. Nhưng từ cuộc chống hữu năm 1957 đến cuộc chống hữu trong các giai đoạn cách mạng văn hóa, phái tả cách mạng ra sức chống hữu, người ta càng thấy phần nhiều là bài xích những người khác phái trong đảng để giữ gìn lợi ích của mình.

Ngược lại, sau khi nắm chính quyền, chống tả cần có tinh thần tiến thủ cách mạng dũng cảm. Vì tinh thần cách mạng đó là nhằm vào bản thân. Có thể chống tả không, có dám chống tả không, qua đó có thể phán định một tập đoàn lãnh đạo có năng lực tự đổi mới không. Nhiều năm nay, chống hữu thường bị mở rộng mà chống tả không bao giờ được triệt để, nguyên nhân căn bản là vì chống tả cần có tinh thần tự làm cách mạng. Ai cũng biết rằng cách cái mạng của mình khó hơn cách cái mạng của người khác rất nhiều. Chính sách cải cách mở cửa của Đảng lấy chống tả làm tư tưởng chủ đạo là một cuộc tự cách mạng trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Nó gặp phải sự phản đối kịch liệt của những người ký sinh trong thể chế cũ là điều tất nhiên. Những vị phái tả chống lại việc chống tả hô những khẩu hiệu rất cách

mạng, nhưng trong gan ruột lại chính là bảo thủ, sợ hãi cách mạng cách mất lợi ích và quyền thế mà họ đang có.

Trong chế độ tập quyền, chống hữu dễ hơn chống tả cũng cùng ý nghĩa đó. Mỗi nguy tả chủ yếu đến từ cấp trên, mỗi nguy hữu chủ yếu đến từ cấp dưới. Từ trên xuống dưới chống hữu đương nhiên là rất dễ dàng. Đặng nhấn mạnh chống tả, trọng điểm là sửa khuynh hướng tả trong tư tưởng chỉ đạo, chính là nói tới lãnh đạo cấp trên. Nói về cấp trên, tả dễ hơn hữu. Cấp trên mà tả, thì toàn bộ kế hoạch cải cách của Đặng sẽ hỏng. Cấp trên cũng có mỗi nguy hữu, nhưng chỉ cần người lãnh đạo tối cao không tự vứt bỏ quyền lãnh đạo như Goócbachốp, thì cũng không thể hữu tới mức độ đó được.

2.12. CHỐNG TẢ PHÒNG HỮU, PHẢI NẮM CẢ HAI MẶT

Đặng Tiểu Bình không chỉ nói một lần, là sự nghiệp xây dựng hiện đại hóa mà ông lãnh đạo gặp phải sự quấy nhiễu của cả hai mặt tả và hữu. Sự quấy nhiễu từ phía tả như công kích đường lối của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba là đi ngược lại chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, gọi cải cách mở cửa là du nhập và phát triển chủ nghĩa tư bản v.v.. Sự quấy nhiễu từ phía hữu là chỉ yêu cầu tự do hóa tư sản, muốn tây hóa toàn bộ, gây động loạn, đưa Trung Quốc tiến sang chủ nghĩa tư bản. Đặng cho rằng tả và hữu đều có thể làm mất chủ nghĩa xã hội, làm hỏng công cuộc hiện đại hoá. Muốn làm cho hiện đại hóa thuận lợi, cần phải dẹp bỏ hai loại quấy nhiễu đó, chống lại hai khuynh hướng sai lầm tả và hữu. Tả và hữu

là hai cực. Vừa chống tả vừa chống hữu khó ở chỗ, chống tả không được làm lợi cho hữu, chống hữu không được làm lợi cho tả. Cần có một loại vũ khí đặc biệt, nó phải có hai lưỡi, có thể đồng thời đón đánh sự tiến công của hai bên tả hữu mà không tự mâu thuẫn.

Đặng rất nhanh chóng tìm thấy loại vũ khí đó, đó là "một trung tâm, hai điểm cơ bản". Hai điểm cơ bản cũng dựa vào nhau mà tồn tại: Cải cách mở cửa là để đối phó với tả, bốn kiên trì là để đối phó với hữu. Bản thân hai điểm cũng đều có tính hai mặt: Bốn giữ vững là sự thống nhất giữa giữ vững và phát triển, giữ vững và cải cách. Chỉ giữ vững mà không phát triển, không cải cách, là tả; tách rời giữ vững mà phát triển bừa, cải cách bừa, là hữu; cải cách mở cửa là sự thống nhất giữa mở và quản lý, bảo thủ không mở là tả, vứt bỏ nguyên tắc mà mở bừa là hữu. Mười mấy năm nay, Đặng dựa vào vũ khí hai lưỡi đó, đối phó với cả tả và hữu, xông xáo mở đường, mới có được cục diện ngày hôm nay.

Trước sau Hội nghị Trung ương lần thứ ba, khẩu hiệu chủ yếu của Đặng là dẹp bỏ rối loạn, trở lại ổn định, giải phóng tư tưởng. Cải cách mở cửa, trọng điểm là sửa chữa, thanh trừ tai họa tả khuynh có gốc rễ sâu vững từ 20 năm trước, đưa Trung Quốc trở lại quỹ đạo lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm. Con tàu cải cách khởi hành không lâu, liền xuất hiện tư trào hữu, đưa tới rất nhiều hỗn loạn, quấy nhiễu làm cho các cơ quan đảng, chính quyền không có cách gì làm việc được. Đặng lại nêu ra phải kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản, chống tự do hóa tư sản. Tháng 9-1985, Đặng tổng kết cuộc đấu tranh đó: "Không triệt để sửa chữa sai lầm tả khuynh, kiên quyết chuyển trọng điểm công tác, thì không thể có tình hình tốt hôm nay. Cũng như nếu

không giữ vững bốn nguyên tắc cơ bản, thì không thể giữ được cục diện ổn định đoàn kết, còn có thể biến việc sửa chữa thành sửa chữa chủ nghĩa xã hội và tư tưởng Mác-Lênin, cũng không thể có được tình hình tốt như hôm nay"¹.

Sự quấy nhiễu của hữu có khi cũng tạo điều kiện cho tả. Năm 1989 xảy ra động loạn, sau khi đánh đòn hủy diệt vào tự do hóa tư sản, tiếng kêu gọi bốn giữ vững nhất thời lấn át cả bốn hiện đại. Một số nhà lý luận, nhà chính trị nhân cơ hội đó biến việc chống hữu thành việc sửa chữa đường lối của Hội nghị Trung ương ba, trở lại với những năm tháng tả. Bước đi của cải cách mở cửa không nhích lên được, thậm chí còn bị thụt lùi. Chính trong lúc các vị phái tả đắc ý, ông Đặng lại phát biểu: "Trung Quốc cần cảnh giác với hữu, nhưng chủ yếu là phòng tả". Chủ yếu phòng tả, phát pháo bắn vào phái tả, con tàu cải cách mở cửa phải dừng lại một dạo, nay lại khởi động và càng chạy nhanh hơn.

Đặng từng nói: Với tư cách là tổng thiết kế sư của cải cách mở cửa, công tác chủ yếu của ông là phát hiện thấy sự gậy rối thì gạt bỏ. Đầu những năm 80, chống ô nhiễm tinh thần, giữa những năm 80 chống tự do hóa tư sản, cuối những năm 80 dẹp loạn, đều là dẹp bỏ những quấy nhiễu của hữu. Sau mỗi lần dẹp hữu, lại xuất hiện khuynh hướng tả, Đặng lại phải đứng ra dẹp bỏ những quấy nhiễu của tả, để giữ sự thăng bằng. Như vậy là đã có mấy trận đấu rồi. Người ta phát hiện thấy con tàu Trung Quốc hầu như đi theo sự chỉ huy của người cầm lái. Nó lệch sang tả,

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 141.

được sửa lại, nó lại lệch sang hữu, sửa lệch hữu, nó lại lệch sang tả, làm cho ông Đặng luôn phải sửa chữa không được nghỉ ngơi.

Giả thử một ngày nào đó, không có người cầm lái mạnh mẽ như ông Đặng thì Trung Quốc sẽ ra sao? Lại trở về với những năm tháng dao động lúc tả, lúc hữu luôn luôn va vấp chẳng? Ông già Đặng Tiểu Bình rất lo lắng vì điều đó, nhân lúc mình còn tác dụng ông luôn nhấn mạnh: Một trung tâm hai điểm cơ bản cần giữ vững một trăm năm không dao động, ai dao động người đó sẽ xuống đài. Tiếp đến, thông qua Đại hội XIV, tiến hành sắp xếp nhân sự để bảo đảm cải cách mở cửa cho thế kỷ sau, hy vọng người cầm lái thay ông sẽ học được cách dùng hai điểm cơ bản để không ngừng dẹp bỏ sự quấy nhiễu của hai mặt tả hữu, nắm vững bí quyết giữ thăng bằng. Dù sau khi ông mất đi, sự nghiệp cải cách mở cửa cũng không được bỏ dở, không bị chìm tàu. Giữ vững như vậy một trăm năm, đến khi thực hiện được bốn hiện đại, có thể xuất hiện tình hình mới: Trung Quốc sẽ đi trên con đường phát triển ổn định, qua khỏi mọi thác ghềnh, hai điểm cơ bản quy về một trung tâm, không còn mất sức chống tả phòng hữu, sửa đi sửa lại nữa.

2.13. NẮM HAI TAY. TAY NÀO CŨNG PHẢI CỨNG

Đặng Tiểu Bình có một loại phương châm "nắm hai tay".

- Một tay nắm văn minh vật chất, một tay nắm văn minh tinh thần.

- Một tay nắm công tác kinh tế, một tay nắm công tác tư tưởng, chính trị.

là càng ngày càng dân chủ mà là càng ngày càng tập trung.

Trong giới lý luận có người toàn dùng chữ "chủ nghĩa quyền uy mới" để giải thích mâu thuẫn mà Đặng Tiểu Bình gặp phải, là mâu thuẫn giữa sự phụ thuộc của cải cách chính trị đối với điều kiện kinh tế. Trên cơ sở và tính toán đầy đủ đến tính phức tạp và khó khăn của công cuộc cải cách kinh tế của Trung Quốc, mà chủ trương dùng sức tập trung mạnh của chính trị để thúc đẩy từng bước cải cách kinh tế. Như vậy, dù tạm thời hy sinh dân chủ, nhưng đã chuẩn bị điều kiện để cuối cùng thực hiện chính trị dân chủ.

Những người phản đối lại cho rằng con đường đó là không thông. Bởi vì muốn chính trị tập trung không gây trở ngại cho tự do hóa kinh tế thì cần có một điều kiện tiền đề, là sự tách rời giữa chính trị và kinh tế. Không có tiền đề đó, chính trị tập trung chỉ hạn chế cải cách kinh tế và làm cho cải cách kinh tế ngày càng phụ thuộc sâu sắc vào chính trị tập trung, đẩy mục tiêu dân chủ về chính trị ngày càng xa vời.

Đặng không tham dự tranh luận, nhưng thiết kế tổng thể về cải cách Trung Quốc của ông hầu như đã ủng hộ cho chủ nghĩa quyền uy mới. Đặng coi việc tách riêng đảng và chính quyền, tách riêng chính quyền và xí nghiệp là mục tiêu trong thời kỳ thứ nhất của cải cách thể chế kinh tế, chính trị. Nếu biện pháp phân quyền đó hoàn thành thuận lợi, thì chẳng phải là đã tạo tiền đề cho sự tách riêng chính trị và kinh tế hay sao?

Sự nghiệp cải cách kinh tế mà Đặng quan tâm, đã đề ra cho chính trị hai yêu cầu: Một là, yêu cầu cải cách về

chính trị thích ứng với cải cách kinh tế, nói lỏng từng bước theo sự nói lỏng của kinh tế; nếu không như vậy thì cải cách kinh tế sẽ bị thể chế chính trị gò bó mà không có cách nào đi sâu được. Hai là, yêu cầu thượng tầng kiến trúc chính trị có sự bảo đảm cho cải cách kinh tế, đồng thời với việc làm sống động kinh tế, tăng cường sự khống chế tập trung; nếu không như vậy, thì cải cách kinh tế sẽ bị sự biến động xã hội làm cho khó tiến hành thuận lợi được.

Theo Đặng, biện pháp duy nhất để thoát khỏi mâu thuẫn là tách rời một cách tương đối chính trị với kinh tế. Một mặt, ra sức giảm bớt sự khống chế của chính trị tập trung đối với cải cách kinh tế, để cho con chim kinh tế có thể bay nhảy trong một cái lồng rộng rãi hơn; mặt khác, phải gia cố lồng chim, để bảo đảm cho xã hội, về chính thể, không vì cải cách mạnh mẽ mà dẫn đến hỗn loạn.

Vì vậy, với cải cách kinh tế, Đặng luôn cố võ phải mạnh dạn, nhưng đối với cải cách chính trị Đặng lại có thái độ vô cùng thận trọng.

**2.15. ĐỐI VỚI KẺ THÙ, MAO TRẠCH ĐÔNG CHỦ TRƯỞNG
COI THƯỜNG VỀ CHIẾN LƯỢC, COI TRỌNG VỀ CHIẾN THUẬT;
ĐỐI VỚI CẢI CÁCH, ĐẶNG TIỂU BÌNH CHỦ TRƯỞNG PHẢI
DỪNG CẢM, NẾU BƯỚC ĐI PHẢI CHẮC CHẮN**

Cuộc cải cách mở cửa của Đặng Tiểu Bình, nhìn về tổng thể, là một cuộc thí nghiệm xã hội vĩ đại. Việc cải cách nông thôn là thí nghiệm dần dần. Đặng nói, quyền đề ra chế độ trách nhiệm trong sản xuất nông nghiệp là thuộc về nông dân. Việc mà ông làm chẳng qua là hợp pháp hóa

trước kia, do chính sách được mở rộng mà trở thành hợp pháp, lực lượng hành chính không thể can thiệp. Những hành vi phi pháp mới, lực lượng hành chính cũng không có cách gì can thiệp, chỉ có khởi tố ra pháp luật. Đồng thời với việc thu hẹp phạm vi can thiệp hành chính thì phạm vi tác dụng của pháp chế lại mở rộng ra. Một trong những phương hướng cải cách là giảm dần sự can thiệp của hành chính, đưa đời sống kinh tế của xã hội¹ đi dần vào quỹ đạo pháp luật. Nếu giảm dần sự can thiệp của hành chính mà không có sự kiện toàn tương ứng về pháp chế, thì toàn xã hội sẽ vô trật tự. Do đó, xây dựng kinh tế cần có sự phối hợp với xây dựng pháp chế.

Đặng nhấn mạnh không những phải nắm hai tay, mà cả hai tay đều phải cứng. Hai tay, có lúc có thể căn cứ tình hình mà dùng sức không đều nhau, thậm chí lần lượt sử dụng nhưng không thể một tay cứng một tay mềm. "Tay cứng tay mềm không tương xứng thì phối hợp sẽ không tốt"¹, có thể mất thăng bằng dẫn đến lật xe. Đặng hầu như thấy được kinh tế phát triển nhanh, cải cách mở cửa ngày càng đi sâu có mối liên hệ tất nhiên với không khí xã hội, làm cho trật tự xã hội ngày càng kém. Càng cải cách mở cửa, các nhân tố vi phạm quy tắc ngày càng nhiều. Cải cách mở cửa không thể dùng, không thể chậm, thì chỉ có cách vừa tập trung tinh lực xây dựng kinh tế, vừa dành ra một tay để quét dọn chiến trường, sửa sang đường tiến lên. Hai tay phối hợp với nhau, đồng thời dùng sức, vừa đánh vừa tiến, mở ra một con đường máu đi lên.

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 307.

2.14. VỚI CẢI CÁCH KINH TẾ, ĐẶNG LUÔN CỔ VŨ PHẢI MẠNH DẠN. VỚI CẢI CÁCH CHÍNH TRỊ, ĐẶNG LẠI ÁP DỤNG THÁI ĐỘ VÔ CÙNG THẬN TRỌNG

Một trung tâm, hai điểm cơ bản cùng một loạt phương châm nắm bắt hai tay của Đặng cuối cùng có ý nghĩa thế nào?

Chính trị và kinh tế có sự khác nhau về quản lý. Kinh tế ra sức mở rộng, làm sống động, còn thượng tầng kiến trúc tư tưởng và chính trị thì theo một chính sách khác, nhấn mạnh tập trung, thống nhất và khống chế.

Chính đề (kinh tế tự do) và phản đề (chính trị tập quyền) đều đồng thời được đặt ra: Không cải cách mở cửa, thì sức sản xuất xã hội và tính tích cực của nhân dân đều không thể giải phóng với mức độ lớn nhất; nhưng nếu không có sự lãnh đạo tập quyền mạnh mẽ thì sức sống do cải cách mở cửa đem lại có khả năng làm cho xã hội mất sự điều khiển.

Thế thì, có cần dân chủ về chính trị không? Cần. Đặng công nhận dân chủ là một trong những mục tiêu tổng thể của cải cách. Không có dân chủ về chính trị, thì sẽ không có giải phóng tư tưởng và cải cách mở cửa. Có điều ông nhấn mạnh, trong tình hình hiện nay của Trung Quốc, dân chủ chỉ có thể làm từng bước, trước hết phải có biện pháp đẩy kinh tế tiến nhanh.

Nhưng, để đẩy kinh tế tiến nhanh, lại cần phải đi sâu cải cách và mở cửa rộng rãi, mà cải cách càng đi sâu, kinh tế càng mở rộng, thì càng cần có sự tập trung thống nhất mạnh mẽ để bảo đảm xã hội ổn định. Như vậy, không phải

- Một tay nắm cái cách mở cửa, một tay nắm việc trừng trị tội phạm kinh tế và các tội phạm khác.

- Một tay nắm cái cách mở cửa, một tay nắm việc trừng trị hủ bại, bao gồm sửa chữa tác phong bất chính.

- Một tay nắm xây dựng, một tay nắm pháp chế.

Rất nhiều loại "nắm hai tay đó", đều là sự cụ thể hóa của "một trung tâm, hai điểm cơ bản" trong thực tiễn.

Theo dự tính của Đặng, xây dựng văn minh tinh thần, công tác chính trị tư tưởng, trừng trị hoạt động tội phạm, trừng trị hiện tượng hủ bại, bốn điều đó đều là biện pháp cụ thể để giữ vững bốn nguyên tắc cơ bản, có điều hai điểm trên là mềm, chú ý đến phòng; hai điểm sau là cứng, chú ý đến ngăn chặn.

Xây dựng kinh tế đã trở thành trung tâm, điều này khẳng định không thể bỏ. ý nghĩa của việc nhấn mạnh "nắm hai tay" là ở chỗ tại sao trong khi nắm công tác kinh tế lại phải dành ra một tay nắm công tác chính trị, tư tưởng và văn minh tinh thần? Với tính cách là một nhà chính trị thực tế Đặng tin rằng kinh tế là cơ sở để giải quyết mọi vấn đề bao gồm cả giải quyết vấn đề chính trị, tư tưởng. Nhưng kinh nghiệm công tác đảng trong nhiều năm cho ông biết, công tác chính trị, tư tưởng dù không giải quyết vấn đề căn bản nhưng lại là thủ đoạn tất yếu để bảo đảm cho công tác kinh tế phát triển ổn định. Lại thêm, nó là ưu thế cơ bản của Đảng Cộng sản trong mấy chục năm. Vứt bỏ ưu thế đó không dùng thì chiếc xe kinh tế một bánh rất dễ bị nghiêng đổ, không có cách gì vượt qua được con đường nhỏ bùn lầy của Trung Quốc, dễ trượt vào tà lộ của tự do hóa.

Đặng không tin vào thần thoại "tinh thần vạn năng" chủ trương cho rằng cơ sở vật chất cuối cùng sẽ quyết định tất cả. Ông nhắc lại nhiều lần là nghèo nàn có phải là chủ nghĩa xã hội không, và giàu có đồng nghĩa với chủ nghĩa xã hội không? Đặng không trả lời rõ ràng. Nhưng có thể khẳng định một điểm, ông tin rằng nắm văn minh tinh thần có thể ngăn chặn, thậm chí triệt tiêu tác dụng của những mặt trái xảy ra trong quá trình kinh tế phát triển với tốc độ cao. Như vậy có thể đề ra con đường hiện đại hóa mang màu sắc Trung Quốc, tránh được hiện tượng tương phản giữa vật chất phồn vinh và tinh thần sa đọa trong quá trình hiện đại hóa đất nước.

Phương pháp chủ yếu của Đặng để kích thích kinh tế là cải cách mở cửa. Thúc đẩy toàn diện cải cách mở cửa, đã truyền sức sống cho kinh tế phát triển, đồng thời cũng kéo theo nhiều tội ác. Các hoạt động phạm tội trong xã hội tăng lên, trong đảng nảy nở hiện tượng hủ bại, không thể nói là không có quan hệ với việc nới rộng chính trị. Muốn giảm bớt hoặc tiêu diệt những tội ác đó, theo ý kiến của phái chống cải cách thì rất giản đơn: Chỉ cần ngừng cải cách mở cửa là xong. Phái Đặng cho rằng đó là ý kiến ngu xuẩn "bị ghen thì bỏ cơm". Cải cách mở cửa quan hệ đến tiền đồ vận mạng của Trung Quốc, không thể không làm. Vì vậy chỉ có một biện pháp: Vừa cải cách mở cửa, vừa trừng trị nghiêm khắc các loại tội phạm và hiện tượng hủ bại, dùng biện pháp đó để điều tiết cải cách mở cửa, làm cho cải cách mở cửa không bị rối loạn.

Thế là ranh giới giữa phạm pháp và hợp pháp cũng thay đổi, rất nhiều hành động đi ngược lại chính sách

những việc mà nông dân đã lặn lội làm trong nhiều năm. Đặc khu kinh tế là một thí nghiệm dũng cảm rất giàu sức tưởng tượng. Đặng nghĩ ra điều đó, chỉ có đối tượng so sánh duy nhất là Biên khu Thiểm Cam Ninh trong thập kỷ 30, 40. Thí nghiệm lớn nhất, phải kể đến việc cải cách thể chế kinh tế ở thành thị, nhất là cải cách thể chế chính trị, là những việc hoàn toàn mới mà người trước chưa từng làm bao giờ, chưa có cuốn sách của tác giả nào viết là cải cách thể nào, cải cách những gì, chỉ có một cách là lặn mò vào các tảng đá để lội sông, thử làm trong thực tiễn.

Thí nghiệm, vốn có tính không xác định, có thể thành công, cũng có thể thất bại. Đối với sự việc khó lường được thành bại, trí tuệ Trung Quốc cung cấp một biện pháp: Dũng cảm và thận trọng. Năm xưa Mao Trạch Đông đã dùng cách đó đối với kẻ thù: Coi thường về chiến lược, coi trọng về chiến thuật. Còn nay Đặng Tiểu Bình dùng nó đối với cải cách: Phải dũng cảm, nhưng bước đi cần chắc chắn.

Phải dũng cảm, tức là quyết tâm, xông xuống dòng sông, không sợ sóng gió, kiên định làm tới. Bước đi cần chắc chắn, tức là thận trọng trong những vấn đề cụ thể, đi bước nào, nhìn bước ấy, phát hiện vấn đề để kịp thời sửa, không làm liều. Đặng tổng hợp nguyên tắc dũng cảm với nguyên tắc thận trọng, dám xông vào sóng gió nhưng cố gắng ít phạm sai lầm, không sợ thất bại, nhưng cố gắng giành lấy thành công.

Không cải cách thì không có đường ra, Đặng thấy rất rõ điều đó. Nhưng con đường cải cách cũng không dễ! Trung Quốc lớn thế này, đông người thế này, khởi điểm thấp, lại còn một đống những vấn đề lịch sử, tình hình vô cùng phức tạp. Cải cách thể nào, bắt đầu từ đâu, Trung

Quốc có đặc điểm của mình, không thể học theo kinh nghiệm thành công của các nước tư bản, chủ nghĩa xã hội cũng đã có những mô thức không thực hiện được. Chỉ có một con đường: Xuất phát từ thực tế của mình, dũng cảm làm thử, dũng cảm xông vào cuộc. Đặng tổng kết kinh nghiệm thành công của đặc khu Thẩm Quyến là dũng cảm xông vào cuộc. Ông thể hội sâu sắc: "Không có tinh thần dám xông vào cuộc, không có tinh thần mạo hiểm, không có dũng khí, sức lực, thì không thể tìm ra con đường tốt, con đường mới, thì không thể làm nên sự nghiệp mới"¹.

Đặng gọi cuộc cải cách của mình là cuộc cách mạng lần thứ hai của Trung Quốc. Cuộc cách mạng lần thứ nhất tuy lực lượng địch hơn ta rất nhiều, nhưng lại giản đơn, chỉ cần động viên nhân dân, lật đổ chính quyền cũ, phá hoại mọi trật tự xã hội hiện có là được. Còn cuộc cách mạng lần thứ hai của Đặng, về tính sâu sắc thì không kém cuộc cách mạng lần thứ nhất. Cái khó là ở chỗ trong cuộc cách mạng xã hội sâu sắc này, phải tiến hành dưới tiền đề giữ tính ổn định của kết cấu xã hội hiện có. Cải cách sẽ động chạm tới lợi ích thiết thân của nhân dân, mỗi bước đi đều ảnh hưởng tới hàng trăm triệu người, còn gặp phải những sự quấy nhiễu và trở lực không dự kiến hết, làm không tốt sẽ bị chìm tàu. Khi xác định làm những việc đó, Đặng đã ý thức đến việc phải xông pha sóng gió. Thái độ của ông là không thể hoàn toàn không có sóng gió, có sóng gió cũng không sợ. "Không xông pha sóng gió, làm sao công việc có thể chắc chắn được trăm phần trăm, không có vấp vấp nào, ai mà dám nói điều đó?". Đặng nói: "Mới bắt đầu đã cho mình là đúng, cho rằng trăm phần trăm chính

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 372.

thậm chí dùng biện pháp trưng mua để đưa tài sản các nông hộ vào sở hữu tập thể. Các cơ quan hành chính đưa các xí nghiệp tập thể ở thành phố, thị trấn để sinh lợi thành sở hữu của mình, thậm chí xâm chiếm quỹ tập thể. Xí nghiệp tư doanh và kinh tế cá thể lại trở thành cái gai trong mắt, thành "cái đuôi tư bản" cần phải cắt bỏ, nếu cắt không được thì xếp thành "công dân loại ba", dùng mọi thủ đoạn để hạn chế sự phát triển. Những quyền lực của một số ngành trong xí nghiệp quốc doanh được giao xuống dưới lại lạng lề thu về, nội bộ xí nghiệp lại ăn "nồi cơm to", chế độ biên chế ăn lương lại tăng lên, cơ cấu ngày càng phình ra, việc cơ quan hóa xí nghiệp lại nghiêm trọng. Cứ như vậy, chẳng bao lâu thành quả cải cách mười năm sẽ tan biến hết.

Hậu quả lùi bước là rất nghiêm trọng: Diện thua lỗ mở rộng, xí nghiệp quốc doanh loại lớn và vừa có 1/3 lỗ thực, 1/3 lỗ ngầm, chỉ có 1/3 có lãi. So sánh năm 1990 với 1988, xí nghiệp công nghiệp quốc doanh và xí nghiệp thương nghiệp quốc doanh bị giảm lợi nhuận lần lượt là 56,5% và 94,6%, số thua lỗ tăng lên 4,3 lần và 2,08 lần. Thị trường xuất hiện sự trì trệ, trong khi nhiều sản phẩm thừa ứ trong kho thì lại thiếu nhiều mặt hàng khác, đòn bẩy giá cả mất tác dụng, bán đấu giá hàng loạt cũng không giải quyết được vấn đề, rất nhiều xí nghiệp ở vào tình trạng đình chỉ sản xuất toàn bộ hoặc một nửa, giữa các xí nghiệp hình thành món nợ vòng quanh, mất rất nhiều sức lực vận động thanh toán nợ. Chính phủ can thiệp, đổ vốn ra cho vay, vẫn cứ thiếu đầu thiếu đuôi, càng thiếu nhiều hơn. Năm 1990 là 130 tỷ, đến 1991 tăng lên 300 tỷ. Trong cải cách cơ cấu đảng và chính quyền, chính sách đề ra một thì biện pháp ngầm chống lại lớn tới mười, cơ cấu chính trị đồ sộ cộng thêm hiệu quả kinh tế thấp làm cho nền tài chính quốc gia không kham nổi. Năm 1989 và

1990, chỉ tiêu tài chính vượt hơn năm trước lần lượt là 12,2% và 13,6%, bội chi 5 tỷ 800 triệu, nếu tính cả thu nhập quốc trái thì còn vượt con số trên rất nhiều. Nền kinh tế Trung Quốc một lần nữa lại rơi vào trạng thái dậm chân ở mức thấp.

Trong khi đó, các nước xung quanh lại tiến mạnh, tuy trong những năm 80, Trung Quốc đã giành được thành tựu khiến toàn thế giới chú ý, nhưng khoảng cách với các nước phát triển vẫn lớn và ngày càng mở rộng, thậm chí so sánh với các nước đang phát triển, cũng có xu thế lạc hậu. Mười năm cải cách mới giải quyết về căn bản vấn đề cơm no áo ấm, tổng sản lượng quốc dân tính theo đầu người vẫn quanh quẩn ở vị trí thứ 20 tính từ dưới lên trong số 128 nước trên thế giới, gần sát với Xô-mali, Tán-dania. Cuối những năm 80 khi từ chức chủ tịch quân ủy trung ương, Đặng đã gửi gắm hy vọng vào tập thể thế hệ lãnh đạo thứ ba: "Cuối thế kỷ này có thể tăng gấp 4 lần không? Tôi hy vọng sống đến lúc đó để thấy việc tăng gấp 4 lần được thực hiện. Then chốt của chiến lược đi ba bước là bước thứ hai, bước thứ hai đặt cơ sở cho bước thứ ba"¹. Đặng cảm thấy thời gian rất gấp rút. Sau khi thành lập nước, đã mất 30 năm vào đấu tranh giai cấp, phải rất khó khăn mới dẹp bỏ rối loạn, trở lại ổn định và chuyển hướng lại, hiện nay lại cãi cọ nhau về vấn đề tính chất xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Còn lại chuyển xe của những năm 90, xem ra lại mất một, hai năm. Nếu cứ bỏ lỡ như thế, thì bước hai sẽ hỏng, và bước thứ ba cũng sẽ thành ảo vọng. Đặng thấy rõ tính chất nghiêm trọng của vấn đề, dân tộc Trung Hoa

1. Đặng tuyền. Quyển III, tr. 321.

rộng cải cách để hoàn thành việc chuyển đổi về căn bản giữa thể chế cũ và thể chế mới. Thế là xuất hiện hiện tượng "đổi quĩ đạo" trong thời kỳ chuyển đổi. Việc cải cách thể chế chính trị chậm hơn cải cách kinh tế đã hình thành chế độ hai quĩ đạo giữa chính trị và kinh tế. Trong lĩnh vực kinh tế, kế hoạch và thị trường lại là một chế độ hai quĩ đạo. Người làm quyết sách cảm thấy tiến thoái lưỡng nan. Thoái, thì lo kinh tế xuống dốc; tiến, thì lo xã hội mất điều khiển. Chế độ cũ và mới lung lừng dẫn tới ba vấn đề xã hội lớn: Lạm phát, phân phối không công bằng và quan chức hủ bại, cuối cùng tạo thành nguy cơ vào xuân hè năm 1989.

Nhìn thấy nguy cơ đổ xe, Đặng vội vàng sửa hướng sang tả, chuyển một vòng gấp. "Tính chất của sự kiện lần này là sự đối lập giữa tự do hoá tư sản với bốn giữ vững"¹. Sai lầm lớn nhất của 10 năm cải cách là sự bất lực của việc giáo dục tư tưởng chính trị, như không giáo dục tốt nhân dân, thanh niên và đông đảo cán bộ đảng viên về bốn nguyên tắc cơ bản. "Một trung tâm, hai điểm cơ bản" không sai, sai là ở chỗ một tay tương đối cứng, một tay tương đối mềm. Cứng mềm không tương xứng, không phối hợp tốt với nhau. Lại một vị tổng bí thư trượt ngã trên vấn đề chống tự do hóa.

Dương nhiên Đặng không muốn chuyển sang tả, vì chuyển sang tả là coi như quay trở lại trước năm 1978, coi như đánh dấu hỏi về thời đại Đặng Tiểu Bình. Nhưng, có thể là, lúc khẩn cấp, ông đã chuyển hướng quá mạnh, khi

1. Đặng tuyên. Quyển III, tr. 305.

chuyển gấp đã hình thành một lực quán tính mà ông không cưỡng lại được. Dù rằng Đặng nhấn mạnh điểm cơ bản cải cách mở cửa không vì sự kiện năm 1989 mà lại chứng minh là sai, nhưng trọng tâm dư luận sau năm 1989 vẫn nghiêng rõ về một bên. Những nhân sĩ phái tả từ lâu đã bất mãn với cải cách, nhân thời cơ hành động. Họ quy mọi trách nhiệm về tội ác lan tràn cho chính sách cải cách mở cửa, nói nào là: cải cách mở cửa là du nhập chủ nghĩa tư bản, nào là: mối nguy hiểm chủ yếu về diễn biến hoà bình đến từ lĩnh vực kinh tế. Họ muốn thay thế xây dựng kinh tế là chủ yếu bằng chống diễn biến hoà bình là chủ yếu, coi đường lối chính sách từ sau Hội nghị Trung ương ba là sản phẩm phục hồi chủ nghĩa tư bản để phủ định nó.

Một số nhà lý luận bắt đầu viết những bài mới về "dẹp bỏ rối loạn, trở lại ổn định", về "xây dựng những tường thành bằng thép chống diễn biến hoà bình", về "tiến hành một cuộc chiến đấu lâu dài trên lĩnh vực hình thái ý thức", về "cần nhận định cái nghèo của Trung Quốc thế nào", về "mười biểu hiện lớn của tự do hoá kinh tế", về "cải cách mở cửa phải phân rõ chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản". Có người nói: "Khoán ở nông thôn là thực hiện tư hữu hóa phá vỡ kinh tế tập thể ở nông thôn", "lập đặc khu kinh tế là mời chủ nghĩa đế quốc trở lại, lập thành tô giới". Có người còn cao giọng: "Busơ còn nham hiểm hơn những người phản đối Trung Quốc hưởng chế độ tối huệ quốc. Ông ta cho Trung Quốc hưởng chế độ tối huệ quốc là để thực hiện sách lược diễn biến hoà bình".

Lực lượng tả dần dần trỗi dậy, cải cách mở cửa xuất hiện hiện tượng lùi bước. Cán bộ nông thôn bắt đầu lấy lý do tăng cường kinh tế tập thể, thu lại đất đai đã khoán,

xác. Không có điều đó được. Xưa nay, tôi chưa từng nghĩ như vậy"¹. Đặng từng thẳng thắn nói với những người coi là dễ dàng: "Việc cải cách mà chúng ta đang tiến hành là rất dũng cảm". Dũng cảm chỉ là một mặt của vấn đề. "Không có lòng dũng cảm thì không thể thực hiện được hiện đại hóa, nhưng giải quyết công việc cụ thể cần thận trọng, kịp thời tổng kết kinh nghiệm"².

Tổng kết kinh nghiệm giúp giải quyết hai vấn đề. Một là, xác định về chất xác việc nào làm được, việc nào không làm được. Làm được thì làm tiếp, mở rộng ra, phát hiện bước nào không thích đáng, không đi được, thì lập tức sửa. Phương pháp thí nghiệm đó của ông Đặng đã giải quyết được nhiều vấn đề. Bước thứ nhất của cải cách kinh tế là bắt đầu từ nông thôn. Bước thứ hai là cải cách ở thành thị. Cải cách ở thành thị thực tế là toàn bộ việc cải cách thể chế kinh tế, phức tạp hơn cải cách ở nông thôn rất nhiều, phải gặp nhiều sóng gió hơn. Đến khi cải cách nông thôn sau ba năm có hiệu quả, có được kinh nghiệm thành công, Đặng mới bắt tay vào cải cách ở thành thị. Việc "bắt tay vào" cũng rất thận trọng. Tháng 10-1984, trước khi ra quyết định về cải cách toàn diện thể chế kinh tế, Đặng cho mấy trăm xí nghiệp thí nghiệm cải cách trước, sau khi có kinh nghiệm, mới mở rộng từng bước. Việc cải cách ở thành thị từ mấy đặc khu kinh tế đến một loạt thành phố mở cửa ven biển, cũng là một quá trình mở rộng từng bước.

Vấn đề thứ hai cần giải quyết khi tổng kết kinh nghiệm là xác định về lượng xem việc nào cần làm nhanh hơn, việc nào cần làm chậm hơn một chút, việc nào cần

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr.372, 229.

thu hẹp lại. Ngay từ đầu những năm 80, Đặng đã đề xuất nên cải cách thể chế chính trị, dự kiến việc cải cách thể chế kinh tế cần phối hợp đồng bộ với cải cách thể chế chính trị. Nhưng mãi đến giữa những năm 80, khi người trong nước thấy rằng nếu không cải cách thể chế chính trị thì cải cách kinh tế sẽ khó tiến hành triệt để, Đặng vẫn giữ thái độ rất thận trọng, và nhấn mạnh: "Quyết sách nhất định cần thận trọng, sau khi thấy có khả năng thành công tương đối lớn mới hạ quyết tâm"¹. Nói tới thể chế kinh tế, Đặng bao giờ cũng nói cải cách phải có dũng khí lớn, bước đi nhanh, nhưng khi nói tới thể chế chính trị, chủ trương của ông là: "Trước hết hãy bắt tay vào một vài việc, không thể làm ào ạt ngay, như thế sẽ loạn"². Cách làm: Cải cách kinh tế trước, cải cách chính trị sau, cải cách thể chế kinh tế tận khả năng mở rộng, cải cách thể chế chính trị thì thận trọng, hình thái ý thức lúc mở, lúc thu, rõ ràng là tỷ lệ nghịch với cách làm của Góócbachốp ngay từ đầu đã chủ trương "dân chủ hóa" về chính trị và "công khai hóa" về hình thái ý thức. Sự thực chứng minh, cách làm nào lão luyện hơn.

2.6. "QUYẾT SÁCH CỦA TÔI VẪN CÓ TÁC DỤNG. TÁC DỤNG CHỦ YẾU LÀ KHÔNG DAO ĐỘNG". ĐẶNG THỰC HIỆN VIỆC SỬA SAI LỊCH SỬ LẦN THỨ HAI Ở TRUNG QUỐC

Năm 1988, tình hình cải cách ở Trung Quốc đầy rẫy nguy hiểm. Tiềm lực khai thác quyền lợi trong thể chế cũ đã tới cùng tận. Nay cần phải bỏ công sức, đi sâu và mở

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 177.

lại đứng trước thời khắc rất nguy hiểm. Ông cần phải đứng ra, lại dẹp bỏ rối loạn, đưa lại ổn định, một lần nữa chỉnh lại hướng đi của con tàu. Ông có trách nhiệm đó và cũng chỉ có ông mới có năng lực đó.

Nhưng hai năm trước ông đã tuyên bố nghỉ hưu. Khi rút khỏi chức vụ cuối cùng là chủ tịch quân ủy trung ương, ông đã nói "Sau này tôi sẽ không hỏi han đến công việc của trung ương nữa", may mà ông có nói thêm "trừ phi có vấn đề đặc biệt lớn"¹. Vấn đề hiện nay đã khá lớn, ông không thể không hỏi han tới. Nhưng, ông đã không còn ở chức vụ, không điều khiển công việc, thì lời nói còn có tác dụng không?

Đặng biết rõ trở ngại nằm ở đâu. Ông áp dụng cách làm tương tự như khi Mao Trạch Đông phát động cách mạng văn hóa, bỏ qua Bắc Kinh, đi tới tuyến đầu của cải cách mở cửa, nơi nhân dân cần tới ông nhất, để giành ưu thế về dư luận, từ ngoại vi đột phá vào trung tâm. Thế là một cơn gió lốc lặng lẽ cuốn theo tuyến đường sắt Kinh - Quảng, từ Vũ Hán đến Thẩm Quyến, Chu Hải là hai đặc khu kinh tế. Ông đi thăm nơi đây hai vòng, rồi theo bờ biển Đông Nam đi vào Thượng Hải, đem tới cho nhân dân Thượng Hải không khí xuân năm 1992. Đặng đã ăn Tết âm lịch bốn năm liền ở Thượng Hải, lần này, người Bắc Kinh cũng cho là ông xuống Thượng Hải ăn Tết, nhưng trong dân gian và từ nước ngoài đã lan truyền tin tức và lời lẽ của ông trong cuộc tuần du phương Nam.

Ở ga Thẩm Quyến, người ta phát hiện ở trung tâm

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr.371.

của cơn lốc, ngoài Đặng Tiểu Bình, còn có một nhân vật nữa là Dương Thượng Côn. Lúc đó Dương còn là Chủ tịch nước kiêm phó chủ tịch quân ủy, là thủ lĩnh của "Dương gia tướng" chứ không phải chỉ là đảng viên thường như Đặng. Tại Đại hội lần thứ XIII, Đặng rút khỏi các chức vụ khác, chỉ còn giữ chức chủ tịch quân ủy để tiếp tục yểm trợ tay lái cho con tàu cải cách. Nay ông không còn là chủ tịch quân ủy nữa thì nhân danh gì để nói chuyện đây? Ngoài việc ủng hộ của nhân dân về tình cảm, còn cần có một chỗ dựa vững vàng nữa. Có "Dương gia tướng" ở bên cạnh, lời của Đặng càng thêm sức thuyết phục.

Một tuần sau, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra thông tri số 2, phổ biến những điểm chủ yếu trong bài nói của Đặng tại cuộc tuần du phương Nam.

Cải cách là giải phóng sức sản xuất, không cải cách là đi vào đường chết; đường lối cơ bản cần giữ 100 năm, ai thay đổi người đó sẽ bị đánh đổ; cải cách mở cửa không tiến lên được, chủ yếu là vương cãi cọ về tính chất xã hội chủ nghĩa hay tính chất tư bản chủ nghĩa; kế hoạch và thị trường đều là những thủ đoạn để phát triển kinh tế; Trung Quốc cần cảnh giác hữu, nhưng chủ yếu là phòng chống tả; cần nắm vững thời cơ, ra sức trong mấy năm tiến lên một bước nữa.

Về tin tức liên quan đến việc tuần du phương Nam của ông Đặng, còn có một câu nói: "Quyết sách của tôi còn có một tác dụng. Tác dụng chủ yếu là không dao động". Câu nói này không phải không có mục đích, vì mấy năm gần đây đúng là có một số người dao động. Vì vậy có người nói, trong giờ phút then chốt, Đặng lại một lần nữa có một câu nói cần thiết nhất.

Có người còn xuất phát từ độ cao lịch sử, gọi cuộc nói chuyện trong chuyến tuần du phương Nam của Đặng là lần sửa chữa có tính lịch sử lần thứ hai. Lần thứ nhất, vào cuối năm 1978, đã sửa chữa đường lối lấy đấu tranh giai cấp làm then chốt, đưa Trung Quốc vào quỹ đạo lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm. Lần thứ hai là vào đầu năm 1992, sửa chữa đường lối lấy chống diễn biến hòa bình làm trung tâm, làm cho Trung Quốc lại trở lại quỹ đạo chuyển tàu nhanh cải cách và mở cửa.

Những người đã một thời than vãn về mười năm cải cách, lo lắng cho tiền đồ của Trung Quốc, thì nay lại thấy trước mắt chẳng đầy biểu ngữ về đi sâu cải cách, mở cửa mạnh mẽ. Ngành thương nghiệp vừa nghiêm cấm của hàng nhà nước cho thuê quây, nay lại thông tri cho phép các cửa hàng nhỏ có thể dùng hình thức hộ cá thể để mở rộng kinh doanh. Ở một số nơi, quy định hạn chế kinh doanh cá thể còn chưa ráo mực, đã lập tức công bố các điều khoản ủng hộ và nâng đỡ kinh doanh cá thể. Cách đó không lâu, còn có lời chỉ trích xí nghiệp hương trấn làm loạn trật tự kinh tế, kiến nghị đưa xí nghiệp hương trấn vào quỹ đạo kế hoạch nhà nước, thì nay lại tán dương tác dụng của xí nghiệp hương trấn "chiếm 1/3 sản lượng xã hội", yêu cầu tạo cho nó tính linh hoạt cao hơn. Cách đề xuất "nền kinh tế hàng hoá có kế hoạch của chủ nghĩa xã hội" nay đã đổi thành "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa". Hôm qua còn xảy ra tranh chấp giữa bí thư và giám đốc về địa vị trong xí nghiệp, không biết phối hợp thế nào giữa "hạt nhân" và "trung tâm", thì hôm nay đã đề xướng "một vai gánh hai trung tâm" (một người kiêm hai chức), giải quyết được

mâu thuẫn. Một xí nghiệp xin phép cổ phần hoá, chạy chọt hơn một năm không ai dám tỏ thái độ, nay thì được lãnh đạo các cấp đua nhau ký tên tán thành. Đoàn công tác "giáo dục xã hội chủ nghĩa" ở một địa phương chưa hoàn thành nhiệm vụ, nay đã đổi thành tổ công tác "phá bỏ chướng ngại". Có đơn vị, ban lãnh đạo vừa biên soạn xong mấy chục điều quy định chống biểu hiện hữu khuynh, chưa kịp trình lên cấp trên, lại đã bắt đầu thanh toán nguy cơ tả khuynh. Còn rất nhiều đơn vị đề xuất cách làm khác hẳn hôm qua. Giá cả từ chế độ hai giá tiến tới thống nhất với giá thị trường, triệt để phá chế độ bám giữ chức vụ, tiền lương, bao cấp, đưa các xí nghiệp quốc doanh lớn và vừa tiến ra thị trường, cho thương gia nước ngoài thuê đất. Chu Hải khen thưởng cho cán bộ khoa học kỹ thuật hàng triệu đồng. Vũ Hán bán đấu giá xí nghiệp quốc doanh nhỏ. Huyện Trác Tư đổi cơ cấu hành chính thành thực thể kinh tế. Bộ tư pháp cho phép luật sư nước ngoài hành nghề tại đại lục. Hải Nam lại mở Dương Phố, Thượng Hải thăng cấp cho Phố Đông, Thiên Tân nói họ mở cửa còn hơn các đặc khu, Sơn Đông vội tăng quyền lực cho Thanh Đảo, Nội Mông Cổ tuyên bố chính sách của họ còn ưu đãi hơn các vùng duyên hải. Từ duyên hải đến vùng sâu, hầu như tỉnh nào cũng có vùng mang tính đặc khu, hình thành cục diện mở cửa toàn bộ khắp duyên hải, dọc biên giới, dọc triền sông. Có người tổng kết năm 1992 có rất nhiều "cơn sốt": Sốt nhân tài, sốt đầu tư, nổi lên hết cơn này đến cơn khác. Nhiều biện pháp cải cách ngày hôm qua còn chưa dám nghĩ tới, hôm nay đã được thực hiện. Người ta nhận xét một cách trực quan: Làn sóng cải cách lần thứ hai của

Trung Quốc đã tới! Mặc dù mỗi đợt sóng chưa hẳn đã chịu được thử thách của thời gian, nhưng người ta thấy hứng thú là ông Đặng nói vẫn có tác dụng. Nếu Đặng Tiểu Bình không tiến hành cuộc tuần du phương Nam vào dịp Tết âm lịch năm 1992, thì quyết không thể ra đời nhiều biện pháp cải cách rộng lớn, dũng cảm như vậy.

**2.17. SAU NGÀY 4-6, ĐẶNG NÓI VỚI NHÂN DÂN HAI CÂU:
Dẹp động loạn là hoàn toàn cần thiết; Chính sách
cải cách mở cửa giữ vững không thay đổi**

Ngày 4-6-1989, Đặng Tiểu Bình dùng biện pháp đặc biệt dẹp bỏ cuộc động loạn kéo dài 50 ngày. Biện pháp này xét về ổn định việc cải cách, đúng là đã dẹp bỏ được sự quấy nhiễu cải cách, nhưng đồng thời cũng đặt Đặng trước sự chỉ trích về đạo đức. Trước hết là nói với nhân dân thế nào đây.

Đặng đã nói hai câu: 1) Dẹp tan động loạn là hoàn toàn cần thiết. 2) Chính sách cải cách mở cửa giữ vững không thay đổi. Hai câu nói trên là nhân quả của nhau. Dẹp động loạn để giữ sự ổn định, vì Trung Quốc không cho phép làm loạn, làm loạn thì không thể làm được việc gì nữa, cải cách mở cửa có thể tiêu tan. Như vậy cần đẩy mạnh cải cách mở cửa để chứng minh dẹp động loạn là cần thiết. Vì vậy, Đặng phải gấp rút dựng nên hình tượng cải cách mở cửa, làm mấy việc cải cách mở cửa để nhân dân thấy, khiến nhân dân yên tâm. Đặng hy vọng dùng biện pháp đó để vượt qua chướng ngại, vì ông phát hiện thấy trong động loạn có đủ thứ khẩu hiệu, nhưng không có khẩu hiệu chống cải cách mở cửa. "Học sinh chẳng qua chỉ

đề ra yêu cầu tiếp tục cải cách, mà chúng ta thì cải cách thực sự. Như vậy là hợp, mọi vướng mắc sẽ tự nhiên tiêu tan"¹.

Có những người nghĩ khác. Họ cho rằng động loạn là do cải cách mở cửa tạo nên, nên chủ trương áp dụng phương châm thu hẹp cải cách. Sau ngày 4-6, bận vào việc thanh trừ, vận chuyển, xử lý, tăng cường khống chế, không đi sâu tìm căn nguyên của diễn biến hòa bình và tự do hoá từ trong lĩnh vực kinh tế. Theo nếp nghĩ đó, chỉ có đình chỉ cải cách mở cửa, quay về những năm tháng đấu tranh giai cấp, mới tiêu trừ được động loạn về căn bản. Rõ ràng, đó không phải là cách dẹp bỏ chướng ngại, mà là càng đào sâu hố ngăn cách.

Đặng không phủ nhận quan hệ nhất định giữa cải cách và động loạn, nhưng ông không quy động loạn cho cải cách, mà chỉ tìm nguyên nhân ở những sai lầm trong cải cách. Sai lầm lớn nhất của mười năm cải cách là ở giáo dục: Không giáo dục tốt bốn nguyên tắc cơ bản cho nhân dân, cho thanh niên và đảng viên. Như vậy, hiện nay bên tay đó cần phải cứng lên. Nhưng không thể vì bài học động loạn mà rút ra kết luận phủ nhận cải cách.

Cái thông minh của Đặng là chú ý tìm nguyên nhân từ trong đảng. Một trong những nguyên nhân phát sinh động loạn là hiện tượng hủ bại nảy sinh. "Những kẻ có dụng tâm riêng, đã đề ra khẩu hiệu chống hủ bại, chúng ta cũng cần tiếp thu những lời đó như những ý tốt"². Đặng đốc thúc ban lãnh đạo mới cần nhanh chóng làm một số việc chống hủ bại, làm cho rõ ràng để tâm lý nhân dân

1, 2. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 300, 303.

thăng bằng lại. Với những quần chúng tham gia gây rối, Đặng chủ trương thông cảm, chỉ truy cứu những kẻ cầm đầu vi phạm pháp luật.

Sự kiện ngày 4-6 đã ghi một dấu ấn sâu sắc trong tâm lý hai bên tham gia. Hai việc nắm vững cải cách mở cửa và trừng trị hủ bại mà Đặng tiến hành xuất phát từ chỗ thuận và mở chứ không phải là ép và đóng. Lúc mới dẹp loạn xong, để ổn định cục thế, có tăng cường khống chế và đàn áp cũng là cần thiết. Nhưng đó chỉ giải quyết vấn đề tạm thời, chỉ giành được sự yên ổn bên ngoài. Đặng hiểu rõ vấn đề ở chiều sâu, muốn yên ổn lâu dài thì phải thông qua mở rộng cải cách mở cửa mới giải quyết được. Nếu chỉ có ép, một mực ép, mà không mở, không cải cách mở cửa, thì cái nút ngày 4-6 càng ngày sẽ càng chặt, càng không thể gỡ ra được.

Những nhà phân tích cho rằng, "cái nút ngày 4-6" là một hố sâu lớn, xem ra không phải là nói quá. Tại sao Đặng nói là nếu không cải cách thì chỉ có đường chết? Một là, vứt bỏ cải cách coi như tuyên bố Đảng Cộng sản đã mất năng lực tự đổi mới. Như vậy sẽ khiến cho sự thất vọng làm nảy sinh tâm lý bất mãn phổ biến. Hai là, không cải cách thì không thể giải quyết nổi vấn đề kinh tế, và theo đó là các vấn đề xã hội khác. Hai hậu quả đó sẽ tác động lẫn nhau. Sự bất mãn ngấm ngấm sẽ do sự nổi bật của vấn đề kinh tế mà nổi lên. Như vậy, "cái nút ngày 4-6" sẽ biến thành một thùng thuốc súng cho lần động loạn sau: Nếu xung đột lại phát sinh, thì do không có cơ sở vật chất, sẽ không dễ dàng dẹp yên được.

Đặng thấy rõ mối nguy hiểm đó, nên biện pháp giải quyết sự kiện ngày 4-6 không phải là cứ nhấn mạnh mãi,

mà làm cho nó nhạt dần đi, tới chỗ hoàn toàn bỏ qua nó mà chuyển qua ra sức cải cách mở cửa. Bởi vì ông biết rằng chỉ có cải cách mở cửa mới xóa bỏ được mâu thuẫn, vượt qua được hố ngăn cách. Biện pháp đó của Đặng đã phát huy tới điểm cao nhất vào dịp tuần du phương Nam năm 1992.

Người ta chỉ chú ý tới cao trào cải cách mở cửa mới do cuộc tuần du phương Nam đem lại, nhưng không biết rằng dưới làn sóng đó còn có bao nhiêu biến đổi. Những người trước kia lo lắng cải cách thất bại nên sản sinh nhiều nghi hoặc, thậm chí thất vọng, nay thấy đất nước lại đi vào quỹ đạo phát triển nhanh về kinh tế thì yên tâm trở lại. Những người bất mãn, thậm chí chống đối việc đàn áp động loạn, thấy dừng khí cải cách của Đảng Cộng sản không giảm, thì cũng dẹp dần nỗi giận dữ. Ngay những người chưa nguôi giận, cũng có sự lựa chọn mới: Xuống đường biểu tình chẳng bằng xông pha kiếm tiền. Làn sóng cải cách mới đưa người ta vào cuộc cạnh tranh sôi động trên thị trường. Điểm chú ý của mọi người đã thay đổi và phân tán không còn thời gian nhớ lại những việc đã qua, dần dần phai nhạt ký ức về ngày 4-6. Cải cách càng đi sâu, sự kiện ngày 4-6 càng không có gì để nói nữa. Như vậy, những "chiến sĩ dân chủ" ở phái đối lập lưu vong ở nước ngoài dần dần mất sức hấp dẫn, ở vào tình thế lúng túng. Điều đó, chẳng phải là tốt hơn việc lăm lăm vũ khí trấn áp động loạn hay sao?

Bài học động loạn là sâu sắc, nhưng việc đàn áp, truy tố mãi cũng chẳng có gì tốt. Vì vậy, những biện pháp sau đã được ban bố: Tính chất động loạn không thay đổi, nhưng những người bị bắt dần được thả ra. Những người bị xử lý không được sửa sai, nhưng không phân biệt trong

sử dụng. Những người chạy ra ngoài, dù thái độ chính trị trước kia ra sao, đều cho phép được trở về, không truy tố chuyện cũ.

Khi cần cứng rắn thì kiên quyết, khi cần nới lỏng thì tận lượng cởi mở. Thái độ kiên quyết khi dẹp loạn ngày 4-6 khiến những người không chịu an phận cảm thấy: Đảng Cộng sản làm như vậy là thỏa đáng. Hai điểm trên khiến người ta thấy có thể đòi cái gì và không thể đòi cái gì. Từ đó, nhận thức về chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung Quốc càng rõ hơn. Đối đầu với nó không bằng thuận theo nó. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, tình hình dần dần biến đổi từng bước có trật tự vẫn là hiện thực hơn.

Năm 1957, Mao Trạch Đông kêu gọi "trăm hoa đua nở" vốn nhằm sáng tạo cục diện chính trị sinh động sôi nổi. Nhưng không lâu sau liền xuất hiện rất nhiều "đầu trâu mặt ngựa". Theo cách nhìn của Đặng, lúc đó tiến hành phản kích là hoàn toàn cần thiết. Nhưng sau khi chống hữu, Mao không kịp thời ngừng lại, kịp thời chuyển biến, mà cứ đi theo con đường đấu tranh giai cấp, đi tới chỗ ngược lại với đường lối do Đại hội VIII định ra, cũng là ngược lại với mục đích của chính mình. Sợi dây đấu tranh càng giương càng căng, không những tạo nên tai họa cho đất nước mà biến mình thành cô gia, quả phụ. Đặng lúc căng, lúc cứng, có thể nói cũng không kém Mao Trạch Đông, nhưng ông khéo kịp thời chuyển biến, căng nói đúng lúc, căng đến một lúc nhất định thì nới ra và mở rộng, giữa mở và thu có một khoảng cơ động rất rộng. Mưu lược vừa cứng rắn vừa mềm dẻo đó của Đặng khiến cho không vì cái cách có sai lầm mà dẫn tới động loạn, vứt bỏ cái cách mở cửa.

Dù có vấp vấp, nhưng con tàu vẫn tiến lên như trước kia.

2.18. TÍNH CHẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA HAY TÍNH CHẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA, VẤN ĐỀ NÀY LUÔN QUẤY RỐI PHÁI CẢI CÁCH. QUA ĐIỂM HUYỆT CỦA ÔNG ĐẶNG, TẤT CẢ ĐỀU THÔNG SUỐT

Bước đi của cải cách mở cửa vừa tới thập kỷ 90, thì xuất hiện phái "phàm là" mới, chủ trương mọi việc đều cần hỏi xem là tính chất xã hội chủ nghĩa hay tính chất tư bản chủ nghĩa. Câu hỏi đó làm bối rối biết bao người, họ sợ mắc phải bệnh "phục hồi chủ nghĩa tư bản", và phổ biến mắc chứng "sợ chủ nghĩa tư bản". Bước đi cải cách mở cửa bỗng chốc bị chùn lại.

Ông Đặng thân đến hiện trường xem mạch chữa bệnh: "Cải cách mở cửa không tiến lên được, không dám xông xáo, nói đi nói lại là sợ chủ nghĩa tư bản, sợ đi theo con đường tư bản. Cái chủ yếu là vấn đề tính chất xã hội chủ nghĩa hay tính chất tư bản chủ nghĩa"¹.

Gặp việc gì cũng hỏi tính chất xã hội chủ nghĩa hay tính chất tư bản chủ nghĩa, có hai tiền đề: Một là, có một tiêu chuẩn kiểm nghiệm để vạch rõ tính chất xã hội chủ nghĩa hay tính chất tư bản chủ nghĩa, nó vô cùng hoàn chỉnh, đủ để bao trùm mọi mặt trong đời sống xã hội, dùng để đo lường mọi sự vật. Hai là, đời sống hiện thực, dù phong phú phức tạp thế nào, đều có thể cắt như bánh ga tô thành hai màu đen trắng, không là mè trắng, thì là mè

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 372.

đen, không tồn tại loại xen kẽ như mèo hoa, mèo vàng, mèo xám. Hai tiền đề đó đều không thể có được.

Nó bao hàm một lôgích hoang đường: Việc gì cũng có tính chất xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, từ kiểu quần áo, kiểu tóc đều không có ngoại lệ. Theo lôgích đó, những gì các vị phái tả nhìn không thuận mắt, đều bị gọi là tư bản chủ nghĩa. Kết quả tất yếu của lôgích đó là, thành quả mười năm cải cách mở cửa đều đáng coi là cái đuôi tư bản và nên cắt bỏ. Ai còn dám mạnh dạn xông xáo để thí nghiệm nữa?

Biện pháp trị bệnh tả khuynh đó của ông Đặng thật là tuyệt đỉnh cao minh. Ông giống như một đại sư khí công, không dùng thuốc, không dùng châm, chỉ dùng ý niệm, điểm đúng huyết vị quan trọng của những cái trói buộc chân tay người ta: "Tiêu chuẩn để phán đoán tính chất xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa, cần chủ yếu xem nó có lợi cho phát triển sức sản xuất trong xã hội xã hội chủ nghĩa không; có lợi cho tăng cường sức mạnh tổng hợp của nhà nước xã hội chủ nghĩa không; có lợi cho việc nâng cao mức sống nhân dân không"¹.

Vấn đề tính chất xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa là có thật, nhưng phương pháp phán đoán thay đổi: Từ chỗ phân biệt màu sắc trước - là mèo trắng hay mèo đen, đổi thành đánh giá kết quả sau công việc - có bắt được chuột hay không?

Điểm quan trọng không sao giải quyết được ấy, qua sự điểm huyết của ông Đặng, trở thành thông suốt dễ dàng.

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 372.

Có một số việc, như thị trường, cổ phần, xưa nay một mực quy là tư bản chủ nghĩa, nay xem ra chỉ là thủ đoạn để phát triển kinh tế, chứ không phải là của riêng của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội hoàn toàn có thể dùng nó phục vụ cho mình, cho nó mang tính chất xã hội chủ nghĩa.

Có một số việc, như chứng khoán, thị trường cổ phiếu rất khó nói là mang tính chất gì, trước hết không vội nói, hãy làm thử xem đã. Làm được, thấy có lợi, nó sẽ mang tính chất xã hội chủ nghĩa; làm không thấy có lợi, hãy gọi nó là tính chất tư bản chủ nghĩa cũng không muộn.

Có một số việc, như đặc khu kinh tế, xí nghiệp tam tư (đã chú - ND), có cả tính chất xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, nhưng thành phần xã hội chủ nghĩa là chủ thể, lại thêm chính quyền trong tay Đảng Cộng sản - chủ thể mang tính chất xã hội chủ nghĩa, một bộ phận nhỏ chủ nghĩa tư bản bổ sung cần thiết cho chủ nghĩa xã hội, thì có gì đáng sợ?

Còn một số nữa, như thương gia nước ngoài hoàn toàn kinh doanh, kinh tế tư doanh nói về chế độ sở hữu thì đúng là mang tính chất tư bản chủ nghĩa, nhưng lại ở vào địa vị phụ thuộc trong toàn bộ hệ thống chính trị kinh tế xã hội chủ nghĩa, dù rằng mang tính chất tư bản chủ nghĩa, nhưng không có hại gì, mà chỉ có lợi cho chủ nghĩa xã hội, thì tại sao lại phải cấm?

"Ba điều có lợi hay không có lợi" khác với cách phân biệt hoa thơm cỏ độc của Mao Trạch Đông, nó không dán nhãn hiệu mà xem kết quả. Một sự vật, chưa biết tính chất gì thì phân định thế nào? Đặng nói, nếu có lợi cho sự nghiệp xã hội chủ nghĩa (sức sản xuất, sức mạnh tổng hợp

của quốc gia, mức sống nhân dân) thì nó mang tính chất xã hội chủ nghĩa. Nếu không, thì là tính chất tư bản chủ nghĩa.

Nói ngược lại, bất kể là tính chất xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa, chỉ cần có lợi cho sự phát triển sức sản xuất xã hội chủ nghĩa, thì đều nên mạnh dạn sử dụng để phục vụ cho mình.

"Ba điều có lợi" đối với tất cả những người cải cách là dựa vào thực tiễn mà không dựa vào khẩu hiệu, đó là lời giải đáp: Đó là tính chất xã hội chủ nghĩa.

Những chiếc mũ trên tay các vị phái tả chuẩn bị chụp xuống đầu phái cải cách đã giống như những quả bóng xì hơi.

Còn sợ gì nữa. Anh em hãy mạnh dạn tiến lên.

2.19. TRÍ TUỆ KHÔNG TRANH LUẬN

Nhà văn Vương Mông, trong tác phẩm "Trí tuệ không tranh luận" (xem "Độc thư" năm 1994 số 6), giới thiệu một chuyện hài hước: Hai người tranh luận một vấn đề số học: Một người nói bốn lần bảy là hai mươi tám, người kia nói bốn lần bảy là hai mươi bảy. Tranh luận không ngã ngũ, phải kéo nhau lên quan, xin quan huyện xét xử. Kết quả huyện lệnh đánh đòn người nói bốn lần bảy là hai mươi tám và phán xử người nói bốn lần bảy là hai mươi bảy vô tội.

Viên huyện lệnh kia đúng là xử án hồ đồ. Người giữ vững chân lý thì bị đánh, kẻ sai lầm lại không bị phạt.

Nhưng xét kỹ thì thấy trong cái hồ đồ đó lại có phần trí tuệ. Một người cứ tranh luận sống chết với một kẻ cho bốn lần bảy là hai mươi bảy lại không đáng đánh sao? Dù anh có đúng, thì cứ giữ ý kiến của mình, việc gì phải đi tranh luận với một kẻ không hiểu biết về một vấn đề đã rõ ràng rành. Vương Mông cho rằng, đó là trí tuệ về cái "vô" của triết học mang màu sắc phương Đông.

Hơn hai ngàn năm trước, một bậc đại trí giả Trung Quốc là Lão Tử đã nói: "Cái đạo của thánh nhân, làm mà không tranh. Anh đã không tranh, thì thiên hạ không có thể tranh với anh". Đạo lý hết sức tuyệt diệu đó, nay được Đặng Tiểu Bình phát huy thành một mưu lược trị quốc an bang, thúc đẩy chính sách cải cách. Ông nói: "Không tranh luận là một phát minh của tôi. Không tranh luận là để tranh thủ thời gian làm. Hễ tranh luận là sẽ phức tạp, dùng hết thời gian vào tranh luận, không làm được việc gì nữa. Không tranh luận, đừng cảm làm thử, đừng cảm xông xáo. Cải cách nông thôn là như vậy, cải cách ở thành thị cũng nên như vậy"¹.

Ông Đặng hiểu sâu sắc cái trí tuệ không tranh luận.

Một là, tranh luận sẽ làm hỏng đại sự. Hai mươi năm qua là 20 năm lấy đấu tranh giai cấp làm chủ yếu, cũng là 20 năm dồn dập tranh luận. Bắt đầu từ cuộc đại biện luận về đường lối chung trong thời kỳ quá độ ở thập kỷ 50, dần dần hình thành một tác phong, việc lớn cũng vậy, việc nhỏ cũng vậy đều tổ chức đại tranh luận trong toàn dân. Trong cách mạng văn hoá, cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp, giữa hai con đường, giữa hai đường lối, về mặt "văn đấu" cũng

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 374.

là tranh luận: Nhất cử nhất động, mỗi ý nghĩ, mỗi câu nói của một tỷ người đều là cái cớ để tranh luận về chủ nghĩa, cả nước mê muội sa vào vũng xoáy tranh luận không gỡ ra được. Người mở đầu tranh luận tin rằng chân lý càng tranh luận càng sáng rõ. Nhưng sự thực hoàn toàn ngược lại, càng tranh luận, ranh giới giữa chân lý và sai lầm càng mờ mịt, càng điên đảo. Những kẻ kiên trì bốn lần bảy là hai mươi bảy được vào đảng, được thăng quan, những người cho rằng bốn lần bảy là hai mươi tám thì chịu oan khuất. Kết quả ra sao? Lý không còn nữa. Sách cũng phế bỏ. Nói dối, nói khoác, nói suông đã chiếm kỷ lục thế giới, còn sản xuất, sức mạnh quốc gia, đời sống nhân dân thì tụt xa sau người khác. Cuộc tranh luận hai mươi năm để lại một bài học: Nói suông làm hại nước, tranh luận làm hỏng việc. Đặng đã từng thử xoay lại cục diện đó, dùng trí thức chân thực, lời lẽ xác đáng để chống lại những lời lêu bịp và khoác lác, kết quả lại bị những kẻ nói dối, nói suông đánh đổ. Lần được phục hồi thứ ba, Đặng dùng cách rút củi khỏi đống nôi: Đóng cửa thị trường tranh luận, toàn tâm toàn ý xây dựng kinh tế, cấm chỉ mọi văn chương hời hợt, hình thức, tuyên bố: "Các thói xấu nói suông, nói khoác, nói dối cần phải chấm dứt"¹.

Hai là, có một số việc không nên tranh luận "nói nhiều nói lảm, không bằng im lặng" (Lão Tử). Thí dụ, sau đẹp loạn năm 1989, không ít người nảy sinh nghi vấn đối với các phương châm chính sách từ sau Hội nghị Trung ương ba, một số nhà lý luận, nhà chính trị chuẩn bị một cuộc đại biện luận về tính chất xã hội chủ nghĩa hay tính chất tư bản chủ nghĩa. Đặng giữ riêng con mắt sáng suốt.

1. Đặng tuyển. Quyển II, tr. 97.

Ông nói: "Nếu trong lúc này mà tiến hành cuộc thảo luận có tính chất lý luận như thị trường, kế hoạch v.v.. thì chẳng những không có lợi cho ổn định, mà còn có thể lỡ việc"¹.

Ba là, có một số vấn đề không cần thiết phải tranh luận, thí dụ, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản cái nào ưu việt hơn không thể giải quyết bằng tranh luận, mà để sự thực nói lên, thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý. Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội phải thể hiện ở sự phát triển sức sản xuất nhanh và cao. Không làm được điều đó, khoác lác bao nhiêu cũng là vô ích. Vấn đề chọn người, dùng người cũng vậy, con mèo dễ sai bảo không nhất định sẽ bắt được chuột, mèo tốt hay mèo xấu, phải nhìn ở chỗ nó có bắt được chuột không, bắt được nhiều hay ít.

Bốn là, thời gian không cho phép tranh luận. Đã có 20 năm quý giá bị mất đi do tranh luận về chủ nghĩa, còn lại 20 năm của thế kỷ này dùng để vượt lên 4 lần, thời gian gấp rút không thể để lỡ một ngày nào. Có rất nhiều vấn đề, không tranh luận thì thôi, hễ tranh luận là sinh phức tạp, không đưa tới một kết quả gì, mà mất toi thời gian và tinh lực, còn làm cho người ta nảy sinh lo lắng, không làm nổi việc gì nữa. Không tranh luận thì có thể mạnh dạn làm thử, mạnh dạn xông xáo, dành ra nhiều thời gian làm việc có ích, nghiên cứu nhiều vấn đề cụ thể.

Năm là, với một số người, không đáng phải tranh luận. Nếu có một nhà lý luận nào đó tìm đến đòi tranh luận rằng bốn lần bảy là 29 thì làm thế nào? Biện pháp tốt

1. Đặng tuyền. Quyển III, tr. 312.

nhất là không thêm đếm xỉa đến, cứ vùi đầu làm việc, mặc kệ hấn ta khua chiêng đánh trống. Nếu hấn ta mang chiếc mũ ra dọa, muốn quét sạch những người cho rằng bốn lần bảy là 28, thì cần trả lời qua quýt rằng là hấn ta nói bốn lần bảy bằng 29 là đúng, để hấn ta đắc ý mà rút đi. Như thế tức là làm nhiều nói ít, hoặc chỉ làm mà không nói. Không thêm tranh luận, để cho những kẻ chuyên sống bằng tranh luận mất thị trường, đó là thượng thượng sách.

Bản thân "Đức tính không tranh luận" cũng là một loại tranh luận, tranh vĩnh viễn chứ không tranh nhất thời. ít nói suông, làm nhiều việc thực tế, tự phát triển một cách chắc chắn, tự tăng cường mình, dấu bớt ánh sáng, không để lộ ra, còn việc ai phải ai trái, ai được ai thua, thì lịch sử sẽ kết luận, hoàn toàn không cần thiết tranh hơn thua trong một lúc.

2.20. ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO DO ĐẠI HỘI XIV XÁC ĐỊNH RẤT TẾ CHỈNH, TOÀN LÀ PHÁI CẢI CÁCH. ĐẶNG YÊU CẦU ĐƯỜNG LỐI CƠ BẢN PHẢI GIỮ MỘT TRĂM NĂM

Lời Đặng nói trong cuộc tuần du phương Nam năm 1992:

"Cần giữ vững đường lối phương châm, chính sách của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba, khoá XI, then chốt là giữ vững "một trung tâm, hai điểm cơ bản". Không giữ vững chủ nghĩa xã hội, không cải cách mở cửa, không phát triển kinh tế, không cải thiện đời sống nhân dân, thì chỉ có con đường chết. Đường lối cơ bản cần giữ một trăm năm, không được dao động. Chỉ có giữ vững đường lối đó

thì nhân dân mới tin anh, ủng hộ anh. Ai muốn thay đổi đường lối, phương châm, chính sách từ Hội nghị Trung ương ba đến nay thì nhân dân sẽ không cho phép, người đó sẽ bị đánh đổ. Về điểm này tôi đã nói mấy lần rồi"¹.

Câu đó, đúng là ông Đặng đã nói nhiều lần. Từ khi xác lập đường lối cải cách mở cửa vào năm 1978, đã mấy lần gặp trắc trở, luôn xuất hiện "tự do hóa tư sản". Mỗi lần đó, Đặng đều đứng ra dẹp bỏ mọi quấy nhiễu, nhấn mạnh bốn nguyên tắc cơ bản. Nhưng nhấn mạnh bốn giữ vững, lại lo làm yếu cải cách mở cửa, lại phải nhắc lại là cải cách mở cửa không thể dừng lại, không thể thu hẹp, lòng dũng cảm phải lớn, bước đi phải nhanh. Năm 1989, sau khi dẹp loạn, điều làm Đặng lo lắng nhất là sự dao động đối với cải cách, mở cửa. Qủa nhiên là có sự dao động, chao đảo trong hai năm. Đặng không thể không tiến hành việc sửa chữa mang tính lịch sử lần thứ hai. Những tin tức về cuộc tuần du phương Nam còn ghi chép một câu nói của Đặng: "Quyết sách của tôi còn có một tác dụng. Tác dụng chủ yếu là không dao động".

Nhưng câu nói đó, Đặng hầu như không muốn nhắc lại nữa. Trên thực tế cũng không có sự cần thiết phải nhắc lại. Vì ông đã đến tuổi 90, không thể sống được 90 hoặc 100 năm nữa. Lúc sống, còn có ông bám chắc không buông, nên mới không dao động, sau này làm thế nào? Ai sẽ thay thế giữ vững đây?

"Nhân dân không cho phép" cũng không giải quyết được vấn đề. Trong nhân dân liệu có bao nhiêu phần trăm

1. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 370.

có thể chấp nhận để tổng hợp hai mặt đối lập mâu thuẫn với nhau. Ban lãnh đạo do Đại hội XIV xác định rất tề chỉnh, toàn thuộc phái cải cách, không có người nào không thuộc phái cải cách. Những người nào dao động về đường lối cơ bản, có lòng dạ phân vân với cải cách mở cửa, đúng như Đặng nói, đều bị nhân dân "đánh đổ". Những người từng coi là tả bảo đảm hơn hữu, lần này đều tính sai, có người không còn giữ được địa vị, có người tạm thời còn giữ được.

Điều thông minh khác của Đặng là không gửi gắm việc lâu dài vào cho một người. Một cá nhân không thể dựa được, mà phải dựa vào một tập thể lãnh đạo, từ trên xuống dưới, từ hạt nhân đến xung quanh, đều là người cải cách. Nhân lúc mình còn phát huy được tác dụng, tổ chức một ban lãnh đạo gồm những người chân tâm thành ý ủng hộ cải cách nắm các mạch máu của đất nước. Như vậy, khả năng xuất hiện hiện tượng quay ngược trở lại sẽ rất ít. Vấn đề mà Mao Trạch Đông hao tổn tâm trí lúc cuối đời không giải quyết được, thì Đặng có cơ giải quyết được.

Ban lãnh đạo thuộc thế hệ thứ ba đã chọn xong, có thể bảo đảm chính sách của thế hệ này không thay đổi. Thế hệ thứ tư, thứ năm thì sao? Lúc đó thì quản không nổi, Đặng cũng không có ý định dùng tư tưởng của mình để quy định việc tuyển lựa người cho mấy thế hệ sau. Nhưng Đặng có một suy nghĩ sâu sắc: sau khi giữ vững mấy chục năm tới một trăm năm, sẽ dần dần hình thành một chế độ điển hình. Lúc đó, chế độ sẽ có tác dụng quyết định, nhân tố con người không còn quá quan trọng nữa, một thiểu số muốn thay đổi cũng không thay đổi được, muốn lay chuyển cũng không có khả năng.

2.21. CÁCH MẤY NĂM LẠI TIẾN LÊN MỘT BẬC

Đặng Tiểu Bình lấy thí dụ chiến lược phát triển kinh tế của Trung Quốc như đi lên bậc thêm, cứ lên từng bậc, từng bậc. Đến một giai đoạn nào đó, nắm vững thời cơ, tăng tốc trong mấy năm để nhảy lên một bậc mới. Sau khi lên, phát hiện có vấn đề thì kịp thời giải quyết, rồi tiếp tục tiến lên, ra sức phấn đấu; cứ cách mấy năm lại lên một bậc.

Nắm thời cơ tiến lên bậc trên là nhấn mạnh vấn đề tốc độ. Tại sao tốc độ cao lại theo hình thức nhảy? Giáo sư khoa kinh tế chính trị trường đại học Havót Doaitơ.H. Phadimxơ cung cấp luận chứng cho Đặng: "Trong thời kỳ kinh tế phát triển với tốc độ cao, biên độ dao động của tốc độ tăng trưởng công nghiệp, là rất bình thường. Những năm 70, hệ số tăng trưởng công nghiệp của Đài Loan thấp nhất là 6,3% (1974), cao nhất là 25,6% (1976). Cùng thời kỳ đó hệ số tăng trưởng công nghiệp của Hàn Quốc là 11,6% (1970) và 35,7% (1973). Nhật Bản trong những năm 50,60, trước khi giành được số xuất siêu liên tiếp trong nhiều năm, việc tăng trưởng công nghiệp xen kẽ với những kỳ tăng trưởng thấp do nhập siêu thường xuất hiện. Do đó, tốc độ phát triển công nghiệp Trung Quốc lúc lên lúc xuống cần được coi là sản phẩm tất nhiên của sự phát triển tốc độ cao về kinh tế"¹.

Nhưng sự phát triển theo bước nhảy như vậy rất dễ khiến người ta nghĩ tới cuộc đại nhảy vọt trong thập kỷ 50.

1. "Lịch sử Trung Quốc" Cambridge, Quyển 15, tr. 508.

Trong hai năm 1958 và 1959, sản xuất công nghiệp của Trung Quốc tăng 110%. Kết quả là gân xương đau mỗi, phải mất ba năm điều chỉnh mới phục hồi được sức lực ban đầu. Trong thập kỷ 80, kinh tế Trung Quốc cũng phát triển theo bước nhảy như vậy, trong 5 năm từ 1984-1988, tổng giá trị sản lượng công nghiệp tăng hàng năm 21,7%. Kết quả, nền kinh tế "quá nóng", phải mất ba năm chỉnh đốn. Hai lần "nhảy vọt" đó phải chăng có chỗ giống nhau? Đặng đã trả lời phủ định: Việc gia tốc phát triển trong năm năm sau tuy có đưa tới một số vấn đề, nhưng khác về tính chất với thời đại nhảy vọt, không làm hại đến toàn bộ, cơ thể, cơ chế, đúng là giấy bạc có phát hành nhiều hơn, giá cả có thay đổi một chút nhưng thành tựu giành được là toàn bộ nền kinh tế lên một bậc thêm mới.

Kinh tế tiến lên một bậc mới, rất tốt. Nhưng những vấn đề đó có thể tránh được không? Cách nhìn của Đặng là, đối với một nước lớn đang phát triển như Trung Quốc, muốn phát triển kinh tế nhanh một chút, thì không thể cứ bình ổn, không xảy ra bất cứ vấn đề gì. Muốn thật bình ổn, không xảy ra vấn đề gì thì chỉ có cách không nghĩ tới việc phát triển nhanh. Nhưng tốc độ không tăng, thì lại cũng xuất hiện nhiều vấn đề hơn.

Theo Đặng, có thể phát triển thì cố phát triển nhanh một chút, nảy sinh vấn đề thì chỉnh đốn. Như vậy, so với phát triển, tốc độ thấp để giữ bình ổn, không xảy ra vấn đề thì vẫn tốt hơn. Căn cứ của sự suy nghĩ đó có 3 điểm:

Một là, nảy sinh vấn đề thì chỉnh đốn, chỉ cần vấn đề đó không làm thương tổn gân cốt, thì sẽ không thể rơi trở

lại khởi điểm, mà là giành được một khởi điểm mới, tiến lên một bậc thêm mới, việc lên xuống không làm tổn thương đến chính thể.

Hai là, kinh tế lên một bậc mới, trong tay có nhiều lực lượng, nảy sinh vấn đề cũng dễ giải quyết. Đặng nói quả quyết, nếu 5 năm trước không nhảy vượt lên, đưa toàn bộ nền kinh tế quốc dân lên một bậc mới, thì việc chinh đồn ba năm sau không thể tiến hành thuận lợi.

Ba là, tốc độ thấp không làm nảy sinh vấn đề trong nước nhưng lại nảy sinh một vấn đề lớn: "Các nước và khu vực xung quanh phát triển nhanh hơn chúng ta, nếu chúng ta không phát triển hoặc phát triển chậm, nhân dân sẽ so sánh và vấn đề lớn sẽ nảy ra"¹. Mà vấn đề đó, không chỉ là vấn đề kinh tế, mà sẽ là vấn đề chính trị.

Tốc độ cao làm nảy sinh vấn đề vẫn tốt hơn tốc độ thấp mà không có vấn đề. Điều đó phản ánh đầy đủ tinh thần "mở ra con đường máu" để hiện đại hóa của ông Đặng.

2.22. KHI GẶP VẤN ĐỀ KINH TẾ NGHIÊM TRỌNG THÌ LƯỖI LÊ SẼ TRỞ NÊN MỀM NHƯN NHƯ BẮC ĐÈN. PHÁT TRIỂN MỚI LÀ "LÝ LẼ CỨNG"

Trên thế giới có rất nhiều lý lẽ. Đặng Tiểu Bình phát hiện ra một lý lẽ không phải bằng cách "nói" ra, cũng không phải là hùng biện có thể đánh đổ được, có thể gọi đó là "lý lẽ cứng".

1. Đặng tuyển. Quyển III. Tr. 375.

Trong thế giới ngày nay, đối với một nước, cái có sức thuyết phục và sức chinh phục nhất, không phải là khẩu hiệu chính trị hoặc uy hiếp vũ trang, mà là tốc độ và trình độ phát triển kinh tế.

Ổn định áp đảo tất cả, theo Đặng, đó là một lý lẽ lớn của Trung Quốc. Nào là những dân chủ, tự do, nhân quyền, đều không chi phối được lý lẽ lớn đó. Những lý lẽ lớn đó lại chịu sự chi phối của "lý lẽ cứng".

Năm 1991, Đặng tổng kết kinh nghiệm cải cách mở cửa nhiều năm, phát hiện "ổn định là cần thiết, nhưng không thể giải quyết được mọi vấn đề"¹. Việc trị an trường cửu thực sự, vẫn phải dựa vào phát triển kinh tế. "Xét về căn bản, lực lượng trong tay có nhiều, chúng ta sẽ ở địa vị chủ động khi giải quyết các loại mâu thuẫn và vấn đề"².

Nói tới việc chỉnh đốn, Đặng thừa nhận: "Có thành tích, nhưng đánh giá công lao, chỉ tính là công lao ổn định". "Cần chú ý ổn định kinh tế, phát triển nhịp nhàng, nhưng ổn định và nhịp nhàng cũng là tương đối, không phải là tuyệt đối. Phát triển mới là "lý lẽ cứng"³.

Sau sự kiện ngày 4-6, vấn đề Đặng lo lắng nhất không phải là phương Tây trừng phạt kinh tế, mà là kinh tế xuống dốc, gọi đó là "vấn đề mà ông ngủ không yên giấc". "Vì đó không phải là vấn đề kinh tế, mà là vấn đề chính trị"⁴.

Những lời nói vào năm 1990 đó là có căn cứ. Đảng Cộng sản ở Liên Xô và các nước Đông Âu tại sao lại sụp đổ dễ dàng như vậy? "Xét từ căn bản, đều là do kinh tế không

1, 2, 3, 4. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 368, 377, 377, 354.

lên được, không có cơm ăn, không có áo mặc, lương tăng lại bị lạm phát triệt tiêu, mức sống xuống thấp, khó khăn trong thời gian dài"¹.

Ngược lại, "tại sao sau ngày 4-6, đất nước chúng ta lại có thể ổn định? Vì chúng ta tiến hành cải cách mở cửa, đẩy mạnh kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện"².

Đối với sự trừng phạt kinh tế của 7 nước phương Tây, Đặng nói một câu rất "cứng": "Chúng tôi không giỏi giang gì, nhưng đủ sức chống-lại sự trừng phạt"³. Nhưng khi nói chuyện trong nội bộ, Đặng nhấn mạnh "Trung Quốc có thể chống lại áp lực của chủ nghĩa bá quyền, của chính trị cường quyền hay không, then chốt là ở chỗ chúng ta có giành được tốc độ tăng trưởng nhanh, thực hiện được chiến lược phát triển của chúng ta hay không"⁴.

"Cứng", vẫn cần có một nhân tố cứng.

Đối với lý lẽ "Phát triển mới là một lý lẽ cứng", Đặng nói rất nhiều, rất thấu triệt, nên ghi lại từng câu để chứng minh mưu lược căn bản để trị quốc an bang của ông:

"Chủ nghĩa xã hội ưu việt hơn chủ nghĩa tư bản, trước hết cần biểu hiện ở tốc độ phát triển kinh tế và mặt trình độ. Không có điều đó, thì có khoác lác thế nào cũng không có tác dụng gì".

"Chống lại tự do hóa tư sản vừa là quá trình đấu tranh, vừa là quá trình thuyết phục giáo dục, nhưng cái cuối cùng thuyết phục những người không tin tưởng chủ

1, 2, 3, 4. Đặng tuyển. Quyển III, tr. 354, 371, 359, 356.

nghĩa xã hội vẫn phải dựa vào sự phát triển của chúng ta"¹.

"Tăng cường công tác chính trị tư tưởng, nói gian khổ phấn đấu đều là cần thiết, nhưng chỉ dựa vào những cái đó vẫn chưa đủ. Nhân tố căn bản nhất vẫn là tốc độ tăng trưởng kinh tế, mà cần thể hiện ở mức sống nhân dân dần dần khá lên"².

"Khi thực sự đã tới mức tiểu khang, bộ mặt tinh thần của con người sẽ khác đi. Vật chất là cơ sở, đời sống vật chất của nhân dân khá lên, trình độ văn hóa nâng cao, bộ mặt tinh thần sẽ thay đổi lớn"³.

Chúng ta chống lại hoạt động tội phạm hình sự là cần thiết, từ nay về sau còn cần tiếp tục chống. Nhưng chỉ dựa vào chống sẽ không giải quyết được vấn đề căn bản. Phải tăng gấp 4 lần, đưa kinh tế phát triển lên mới là con đường giải quyết tận gốc"⁴.

Chủ nghĩa Mác có một danh ngôn: Lưỡi lê khi gặp phải vấn đề kinh tế nghiêm trọng sẽ có thể trở nên mềm nhũn như bấc đèn. "Quyết định luận kinh tế" đối với nhà sử học, nhà xã hội học thì chưa hẳn đã là chân lý, nhưng đối với nhà chính trị thì là danh ngôn chí lý.

1, 2, 3, 4. Đặng tuyền. Quyển III, tr. 204, 355, 89.